

A serene landscape with a full moon over a body of water, reeds, and a boat. The scene is captured in a monochromatic blue and white tone. In the foreground, a small boat is partially visible on the right. The middle ground is filled with reeds and water. The background shows a distant shoreline under a dark sky with a large, bright full moon. The text 'Tiếng đàn xưa' is written in a large, elegant font across the upper part of the image.

Tiếng đàn xưa

Tuyển tập truyện ngắn nhiều
tác giả

TIẾNG ĐÀN XƯA

Tuyển Tập Truyện Ngắn Nhiều Tác Giả

*Tập hợp, làm ebook: **Cuibap***

*Cover: **silence00***

*Text: **chimviet.free***

Thương Nữ

Trần Văn Khang

*N*gười ta thường nói văn là diễn dịch, thơ là cô đọng mới đúng nghệ thuật của thơ văn. Như vậy, ngoại trừ dạng thơ kể chuyện, Đường thi là một trong những dạng thơ đã đi tới tột đỉnh của nghệ thuật. Nhiều khi chỉ cần 4 câu thơ, từ ngữ vô cùng cô đọng, với 28 chữ đơn âm, nhiều nhà thơ đời Đường đã diễn tả tài tình và gợi cảm cảnh trí của một địa danh, đồng thời nói lên được trọn vẹn suy tư, tâm sự hay tình cảm của thi nhân ở một bối cảnh. Thơ Đường có sức truyền đạt mạnh và trung thực những rung cảm tới người đọc, người nghe, người thưởng thức thơ.

Một trong những bài thơ Đường tứ tuyệt vẫn còn được ưa đọc, ngâm nga, nhắc nhở cả trên ngàn năm sau là bài Bạc Tân Hoài hay Tân Hoài Dạ Bạc của thi hào Đỗ Mục (803-852) thời kỳ Văn Đường:

*Yên lung hàn thủy nguyệt lung sa
Dạ bạc Tân Hoài cận tửu gia
Thương nữ bất tri vong quốc hận
Cách giang do xứng Hậu Đình Hoa
Tạm dịch : Đêm bên bến Tân Hoài
Khói lồng sông lạnh trăng lồng cát
Đêm đến Tân Hoài cạnh tửu gia
Thương nữ biết chi sâu mất nước
Cách sông hát khúc Hậu Đình Hoa
Học giả Trần Trọng Kim dịch bài này như sau:
Khói lồng nước, bóng trăng lồng cát
Bến Tân Hoài, thuyền sát tửu gia
Gái ca đâu nghĩ nước nhà
Cách sông vẫn hát khúc ca Hậu Đình*

Thương nữ trong bài thơ có nghĩa là con hát, là người kỹ nữ ca hát để giúp vui thiên hạ, không phải là nữ thương nhân đi buôn bán.

Bài thơ "hay thì thật là hay", nhưng có người lại nghĩ rằng thi hào Đỗ Mục đã không rộng lượng. Sao nữ trách cứ một người con gái làm nghề ca kỹ không biết

cái sầu vong quốc, cứ bình nhiên ca hát bên sông. Thật ra, nghĩ cho cùng, người kỹ nữ chỉ ca hát để mưu sinh, đồng thời phục vụ nghệ thuật cầm ca. Không thể đòi hỏi người thương nữ nào cũng phải có chí khí như một đấng tu mi nam tử anh hùng, tối ngày suy tư mưu kế cứu nước, phò nguy khi nước mất. Sao không trách mấy công tử, mấy văn nhân, nước mất mà còn đi mua vui, nghe các cô kỹ nữ ca hát. Cũng như bây giờ, đất nước chúng ta có cơ nguy. Hết Ải Nam Quan rồi đến thác Bản Giốc bị mất, hết biển Đông rồi đến Trường Sa Hoàng Sa bị lấn chiếm. Nếu ta lại đi trách các nữ ca sĩ chỉ lo ca nhạc, hát hồng, hết đi show này đến show khác, trách như vậy có lẽ quá đáng và không công bằng.

Bài thơ nói về thương nữ của Đỗ Mục, tự hơn ngàn năm xưa, làm người viết bài này nhớ tới chuyện người thương nữ thời cận đại. Nếu hoàn cảnh và danh tánh của những nhân vật trong truyện ngắn dưới đây có sự trùng hợp ngoài đời, cũng chỉ là do ngẫu nhiên, ngoài ý muốn của người viết. Truyện được viết theo lời kể của D.

Phiên Trục Đầu Năm

Ngày mùng một Tết năm ấy, Dũng là Nội Trú trực tại Khu cấp cứu Bệnh Viện Chợ Rẫy. Mới 10 giờ sáng, tiếng còi xe cứu thương vang ngoài cửa. Người Y Tá trực vội vàng mời anh xuống để cứu chữa khẩn cấp cho một bệnh nhân. Dũng từ phòng Nội Trú trên lầu đi như lao xuống phòng cấp cứu, ngay ở tầng dưới của khu nhà gần cổng vào của bệnh viện. Anh sững sờ. Người bệnh nhân nữ trên giường bệnh lại chính là Hồng Vân, người tình của anh. Nàng nhắm mắt, đang nằm mê man, da xanh tái, nhịp thở yếu nhẹ. Mái tóc đen huyền, dài và rất đẹp mọi ngày, xõa trải trên nền gối trắng. Mẹ nàng vẻ lo lắng tột cùng, đứng bên. Thấy anh bà mừng lắm. Bà nắm lấy tay anh:

- Cậu ơi, em Vân nó đại đột uống gần nửa ống thuốc ngủ. Sợ nó chết mất. Cậu ráng lo cứu em.

Anh trấn an bà:

- Dạ, bác để cháu cố lo.

Dũng khẩn cấp chữa trị.... Tiếp dưỡng khí, truyền huyết thanh, lo rửa bao tử, thử máu kiểm chứng các yếu tố quan trọng, rồi xét nghiệm tìm xem có sự mất quân bình của acid và base trong máu hay không ...

Tình Yêu Thương Nữ, Từ Nơi Phòng Trà

Ngày ấy đang mùa chinh chiến, nhưng Sài Gòn người lo buôn bán, kẻ lo kinh doanh vẫn tiếp tục làm ăn. Sinh viên học sinh vẫn lo học hành. Nơi tiền tuyến, chiến sĩ cả hai bên vẫn đổ máu từng ngày. Tại hậu phương Sài Gòn, mọi người vẫn sinh hoạt, coi chiến tranh như là chuyện tất yếu phải có giữa hai bên Quốc Cộng.

Về đêm nhiều người trong giới nghệ sĩ, giới ăn chơi, những nhà kinh doanh giàu có, những ông lớn nhiều quyền thế ... vẫn lui tới những phòng trà khiêu vũ, quán ăn, quán nhạc ...

Tại đường Cao Thắng, có một phòng trà nhỏ, với gần 20 chiếc bàn thấp. Ánh sáng để vừa đủ, rất ấm cúng về đêm. Phòng trà chỉ có khoảng trên dưới 80 ghế ngồi. Đây là một thính phòng âm nhạc thanh lịch, không ồn ào, không có khiêu vũ. Ban nhạc khi đông nhất chỉ gồm dăm người nhạc công: dương cầm, vĩ cầm, Tây Ban cầm, saxo, hắc tiêu. Đôi khi có vài ca sĩ đã thành danh đến hát rồi lại nhanh chóng đi phòng trà, nhà khiêu vũ khác. Chủ nhân ở đây là một nhạc sĩ lúc đó tuổi trung niên, đáng dấp rất nghệ sĩ. Ông là tác giả vài bài nhạc được nhiều người ưa chuộng. Ông tuyển chọn những cô gái trẻ đẹp, ăn nói dễ thương, thường là từ những miền quê đang loạn lạc, tìm đến Thành Đô. Họ tránh cảnh binh đao khói lửa, nên phải tìm cách mưu sinh nơi đô hội. Ai có năng khiếu, được chủ nhân phòng trà luyện thành những ca sĩ tài tử, chỉ hát riêng cho quán nhạc này. Các cô gái hàng đêm, ngồi uống trà với khách, tiếp chuyện ngọt ngào, trong khi chờ đợi được mời lên ca hát. Đôi khi họ trình bày những bài ca do khách yêu cầu. Phong cách ở đây có vẻ như một nhà hát ả đào, hát cô đầu kiểu mới. Không khí có tính cách nghệ thuật, ấm cúng, khác xa với cảnh "bia ôm", "Karaoke ôm" sau này ...

Dũng năm ấy 25 tuổi, đang học năm thứ 5 trường Y Khoa. Anh yêu nhạc, sáng tác một vài bài nhạc chưa được ai biết đến. Gia đình làm nghề kinh doanh và khá giả. Anh sống phong lưu và chỉ còn hơn một năm nữa là ra trường. Bạn bè vẫn chọc đùa nói anh là "Dũng đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu". Anh và một vài bạn thân hay lui tới phòng trà kể trên vào những cuối tuần rảnh rỗi, không phải trực gác tại bệnh viện. Tại đây, anh gặp Hồng Vân, cô gái 18 tuổi, lưu lạc từ một miền quê vùng Cao Lãnh Tiền Giang đến Thành Đô. Dũng cảm mến nàng ngay từ lần đầu mới gặp. Giọng nàng dễ thương. Mái tóc nhung đen, buông dài, không uốn. Nước da trắng hồng, mịn màng. Cổ cao, dáng cao. Cặp mắt to, hiền ngơ ngác như nai. Vài khách của phòng trà hay dùng chữ "Vân Mắt Nai" khi nói về nàng, khi muốn mời nàng ngồi chung bàn, uống trà, uống rượu. Hồng Vân đã tập hát và một lần nàng trình bày một bài nhạc của Dũng. Bài nhạc, gửi gắm tình cảm của anh với nàng, chẳng được mấy ai chú ý nghe. Nhưng nàng lại nói cùng anh là nàng rất yêu mến nhạc bản này. Dũng cảm động về tình tri âm, tri ngộ ấy. Rồi anh đã yêu nàng.

Ông chủ phòng trà, quen thân, coi Dũng như một người em văn nghệ. Một lần ông thân mật nói với anh:

- Chú coi chừng nghe. Chú có nhiều đối thủ lắm đó. Chưa ai chinh phục được Hồng Vân. Anh biết "em này" còn "gin". Chú biết không, có nhiều ông tướng ông tá, mấy ông thầu khoán, mấy ông xuất nhập cảng mua chuộc đủ thứ, muốn "đưa nàng về dinh" làm phòng nhì mà chưa được đó. Chú em còn là sinh viên, kiểu "hàn nho phong vị phú", khó lắm à.

Dũng tin ông chủ phòng trà. Anh có khó khăn thật, đang sống nhờ sự đùm bọc của gia đình, đâu phải tiền rừng bạc biển của mình. Mặc dù ăn ở đã có bệnh viện lo, ăn chơi nếu biết tính toán tiền lương nội trú cũng tạm dùng. Thiếu thốn đã có gia đình giúp. Tự nhiên anh cũng chú ý về một điểm khác do "ông anh văn nghệ" chủ phòng trà đề cập. Anh học nghề thuốc, cứ nghĩ là phải khám cơ thể hay gần gũi mới biết một người con gái còn trinh trắng hay đã thất thân. Nhưng những người kinh nghiệm, những "võ lâm cao thủ" trong làng ăn chơi, có người nói với anh rằng họ có thể đoán khó sai bằng cách chỉ nhìn dáng đi một người con gái để biết sự còn hay mất trinh trắng của mấy cô gái trẻ.

Hồng Vân đáp lại tình yêu nồng nàn của anh. Họ hẹn hò, dạo mát, đi ăn uống, coi phim ảnh ... Trên đường phố Sài Gòn, ai nhìn hai người sánh vai, cũng thấy đây là hai người tình trẻ tuổi, đẹp đôi.

Trở Ngại

Cuộc tình đẹp của những người yêu nhau thường gặp khó khăn, trắc trở. Trở ngại nhỏ là ông chủ phòng trà e ngại Dũng độc quyền với cô "ca sĩ tài tử" Hồng Vân này. Ông sẽ mất một số khách sang, khách sộp, chỉ lui tới phòng trà vì cảm mến nàng. Dũng phải tìm cách mua chuộc ông chủ quán nhạc. Trở ngại thứ hai là Mẹ của Dũng. Bà thấy anh đã lớn khôn, sắp ra trường, đang muốn tìm chỗ xứng đáng để anh sớm thành gia thất. Bà kinh doanh nên quen biết khá nhiều. Mấy người bạn của mẹ anh có vài bà cũng đánh tiếng, muốn kết thân với gia đình. Dũng nhớ một hôm có phu nhân một ông khá lớn trong chính phủ đến thăm mẹ anh. Mẹ vắng nhà, Dũng đang ngồi đọc sách, học bài hôm ấy. Bà bạn mẹ ân cần hỏi anh:

- Cậu còn bao lâu nữa ra trường nhỉ.

Anh lễ phép trả lời:

- Thưa bác, cháu còn phải học hơn một năm nữa ạ.

- Học xong mà ra tiền tuyến cũng nguy hiểm đó cậu ạ. Đã có mấy bác sĩ ra trường tử trận rồi đó cậu. Bác trai quen biết nhiều, có gì để bác trai lo cho. Chúng tôi mến gia đình cậu lắm.

Rồi bà thân mật nói thẳng:

- Nhà tôi có gì quý nhất chúng tôi muốn để dành cho cậu.

Dũng chỉ ừ ào lễ độ chuyện trò cùng bà bạn của mẹ. Anh nghe nói bà này có một cô gái cưng, đang học văn khoa, và là một người đẹp, anh chưa một lần gặp.

Dũng tìm và biết Hồng Vân cư ngụ ở khu Bàn Cờ, cùng mẹ nàng và hai người em. Lần đầu tiên anh đến tìm thăm nàng vào một sáng Chủ Nhật. Anh biết cha nàng đã mất vài năm trước vì bom rơi, đạn lạc ở miền quê. Nàng một lần thủ thi tâm sự với anh. Một quả trái phá rơi nổ gần nhà, do quân đội Quốc Gia trả đũa một tràng bích kích pháo từ du kích Mặt Trận Giải Phóng tấn công một đồn bót của quận lỵ. Dũng đến thăm. Căn nhà nhỏ nghèo nàn, mái lợp tôn. Cô em gái của Vân nói nàng và bà mẹ đang bán hàng ở Chợ Vườn Chuối, khu hàng rau cỏ. Dũng tìm đến chợ. Gặp anh bất ngờ, nàng nhìn anh thẹn thùng như muốn lánh mặt. Anh cũng không ngờ. Một cô "ca sĩ", phấn hương quyến rũ nhiều người buổi tối nơi phòng trà, bây giờ lại có dáng một cô thôn nữ cũng rất dễ thương, không phấn son, áo bà ba màu tím sẫm, làm nổi bật làn da trắng, đang phụ giúp mẹ bán rau...

Mấy hôm sau gặp lại nhau. Nàng ngược mắt nhìn Dũng. Mắt long lanh:

- Anh có quan tâm nhà em nghèo không?

Anh ôm nàng vào lòng :

- Yêu nhau không phải vì giàu nghèo. Yêu nhau là do tình cảm, do lòng thương mến nhau, không giải nghĩa được Vân ạ. Anh may mắn sanh ra trong gia đình sung túc, được đi học. Gia đình em vì chiến tranh, gặp hoàn cảnh không may. Cha em đã mất vì bom đạn, má em phải đưa gia đình về Sài Gòn lánh nạn. Em tiếp tay giúp mẹ và lo cho các em là việc tốt. Anh cảm thông hoàn cảnh em. Nghèo không có gì là xấu. Em hãy tin anh.

Vân cảm động, trao anh một nụ hôn dài ...

Một người bạn của Dũng là Lãm, rất quý mến mẹ anh. Mẹ anh cũng coi Lãm như con cháu trong gia đình. Lãm thấy Dũng có tình cảm sâu đậm với người "thương nữ" Hồng Vân, cô gái để mua vui cho thiên hạ. Lãm lo ngại. Lãm biết gia đình Dũng theo lẽ lối xưa, không bao giờ tán thành cuộc tình này. Lãm một hôm tiết lộ với mẹ của Dũng :

- Bác ơi, con thấy Dũng của bác đang mê một cô tiếp viên phòng trà, con sợ bác một ngày có cháu nội không chính thức đó bác.

Vì anh bạn " quý " này, Dũng phải mất mấy ngày chống chế, né tránh những vặn hỏi của gia đình.

Một Lần Ân Cần ...

Từ hai ngày trước, tin tức đài truyền thanh loan báo Sài Gòn và nhiều tỉnh miền Nam sẽ gặp trận bão lớn, kéo dài vài hôm. Trời đầy đặc mây xám. Gió thổi ào ào

từng đợt, rung chuyển cả những hàng cây lớn. Rồi mưa trút xuống. Con đường Thuận Kiều ngay trước Bệnh Viện Chợ Rẫy cũng ngập nước vài tấc. Hôm ấy, Dũng không phải trực gác gì, nhưng anh ở lại bệnh viện không về nhà, vì di chuyển quá nguy hiểm. Là Nội Trú, anh thường ở trong bệnh viện nhiều hơn ở nhà. Quy chế nội trú, cho anh có một phòng nhỏ tại nhà thương.

Gió mạnh. Cành lá, cây cối đổ ngổn ngang trên nhiều đường phố. . Hồng Vân dùng Taxi đến thăm anh, bất ngờ. Nàng đã đến đây vài lần. Nghe tiếng gõ cửa phòng, Dũng mở cửa. Hồng Vân xuất hiện, thật đẹp, đáng vui hồn nhiên. Đôi mắt nai mở to. Tóc và áo ướt vì mưa lớn khi nàng ra khỏi xe. Nàng hơi run vì lạnh. Anh kéo nàng vào phòng, hôn trên đôi môi rồi ôm nàng thật lâu, như muốn trút nỗi nhớ nhung sau mấy ngày bão tố không gặp nhau, như để truyền hơi ấm ... Lúc buông nàng ra, áo anh cũng bị ẩm chút nước mưa. Dũng ân cần:

- Em bị mưa ướt hết, sợ bị cảm mất. Em thay đồ đi, dùng tạm bộ đồ ngủ này của anh vậy. Áo quần của em để anh hong cho khô.

Hồng Vân rút dè cầm bộ đồ ngủ anh vừa trao, nàng giao hẹn:

- Nhưng anh phải quay mặt đi cho em thay đồ nha.

- Anh bằng lòng.

Dũng nói rồi làm một cử chỉ mạnh, xoay người về hướng khác. Nhưng chỉ 10 giây sau, anh hơi nghiêng đầu, nhìn về phía nàng. Hồng Vân la khế trách anh, với nụ cười xinh:

- Anh ăn gian quá à!

Căn phòng hẹp nhưng ấm cúng. Chỉ có một giường nhỏ, kiểu giường bệnh viện. Một chiếc bàn con, một chiếc ghế. Dũng đành kéo Vân cùng ngồi trên giường, Anh ôm nàng trong vòng tay. Thăm hỏi và trao nhau những nụ hôn. Nàng cho biết vì trời mưa bão, chợ không họp, phòng trà buổi tối cũng đóng cửa. Anh nói:

- Cám ơn em. Em không "đến thăm anh một chiều mưa", mà "em đến thăm anh một ngày giông bão", quý hơn thăm khi chỉ có mưa rơi.

Bên ngoài trời vẫn còn giông gió mạnh. Nhưng khung cảnh bão tố ngoài trời lại như thêm kích thích để hai người tình trẻ tuổi, cảm thấy ấm cúng hơn khi có bên nhau, trong một căn phòng nhỏ, thấy gần gũi với nhau hơn, cần sự che chở yêu thương của nhau lúc sấm chớp liên hồi ... Dũng và Hồng Vân như vẫn còn chưa đủ ấm vì thời tiết lạnh và vì áo mỏng. Anh ôm nàng, cùng nằm xuống chiếc giường nhỏ, dùng mền che đắp cho cả hai . Anh úp mặt trên mái tóc đen huyền, nhẹ vuốt ve trên tóc, rồi phía sau cổ, rồi trên lưng người tình. Anh từ tốn đưa tay dọc theo đường rãnh lưng, qua từng đoạn của lưng người yêu. Rồi anh chuyển

hướng, nhẹ mở từng nút phía trước áo nàng. Bàn tay đưa trên từng vùng nhỏ nơi phẫn ngực. Ngực người thanh nữ căng cứng, như thêm sức sống. Nàng run rẩy trong tay anh, không phản đối một cử động nào của anh. Nàng thì thầm, giọng như van nài:

- Đừng phá em nghe anh !

Anh không nói gì, chỉ tiếp tục hôn nàng. Mặc dù có lời yêu cầu yếu ớt của nàng ngày mưa bão ấy, nàng đã "một lần ân cần trao thân" cho anh, như lời hát trong một bài ca... Giã từ thơ ngây, giã từ một thời con gái.

Đoạn Kết

Rồi gia đình Dũng cũng biết chuyện. Cả nhà, nhất là mẹ anh, lúc cảnh cáo mạnh mẽ, khi khuyên can nhẹ nhàng, bảo anh nên dứt khoát không tiếp tục liên lạc với Hồng Vân nữa. Anh ở trong một tình trạng khó khăn, tiến thoái lưỡng nan. Vừa không muốn làm buồn lòng gia đình. Vừa không muốn hy sinh tình yêu của mình với Hồng Vân. Nàng đã yêu thương anh thật tình. Cho anh cả cuộc đời con gái. Không bắt anh một hứa hẹn, không đòi hỏi anh một ràng buộc nào. Anh có nữ phụ tình nàng không. Dũng vì lo suy nghĩ, anh ít đến phòng trà hay lui tới nàng thường xuyên như trước. Hồng Vân tủi hờn, có cảm tưởng của người bị tình phụ. Nàng lại bị một bà Trung Tá cho đàn em đến đánh ghen rất dữ dội, dọa sẽ tạt át xít vì bà nghe nói ông chồng bà đang say mê nàng, như trường hợp cô vũ nữ Cẩm Vân. Đồng thời, nàng lại thấy trẻ nguyệt kỳ hơn nửa tháng. Lo nghĩ, buồn phiền, không ngủ được. Hồng Vân mua thuốc an thần. Mới đầu để uống cho dễ ngủ, cho quên niềm muộn phiền. Rồi đêm qua, trong một phút thiếu tự chủ, nàng uống luôn 10 viên thuốc, mong lìa đời. May mắn nàng qua khỏi, vì được cấp cứu sớm, với sự tận tình của chính người yêu. Nàng cũng không có thai. Chỉ vì bị nhiều áp lực, dồn ép, lo lắng nên rối loạn kinh kỳ.

Dũng suy nghĩ thêm nhiều đêm, sau khi nàng qua khỏi tình trạng hiểm nghèo. Cuối cùng anh quyết định theo tiếng gọi của tình yêu, của trái tim. Anh không theo sự đòi hỏi hay áp lực của gia đình. Anh nói mạnh với Lãm, bạn anh:

- Hạnh phúc của cuộc đời phải do chính mỗi người quyết định. Yêu thương một người con gái nghèo, ở giai cấp khác, có hoàn cảnh khổ không phải là điều xấu xa, sai trái.

Anh hết sức săn sóc Hồng Vân. Khi nàng hồi phục, anh thân ái nói:

- Anh sẽ sống bên em trọn đời. Em đừng đi làm ở phòng trà nữa. Hãy tiếp tục giúp Má, bán hàng ngoài chợ. Anh tìm cách đi làm thêm, phụ giúp cho em.

Dũng cũng không lui tới các nơi ăn chơi nữa. Anh đi trực gác thêm tại các bệnh viện tư của người Hoa bên Chợ Lớn. Bệnh viện Sùng Chính, bệnh viện

Quảng Đông, bệnh viện Tiều Châu. Đi làm thêm, nhiều đêm không ngủ nhưng anh rất vui vì tự lập, và lại giúp được gia đình người yêu, không phải nhờ tới gia đình của anh. Thù lao do anh đi trực gác cũng khá, đủ tiếp đỡ cho gia đình nàng.

Sau khi tốt nghiệp cuối năm học chót, Dũng nhận lệnh trưng tập, ra một đơn vị tác chiến. Những lần nghỉ phép về Sài Gòn, mỗi giây phút bên nhau là mỗi giây phút hạnh phúc cho hai người tình.

Cuối tháng tư năm 75, vào những ngày hỗn loạn tại miền Nam, do một may mắn tình cờ, Dũng có cơ hội đem được Hồng Vân, cùng mẹ và hai em nàng di tản sang Hoa Kỳ. Cha mẹ anh làm nghề kinh doanh, tiếc gia sản to tát đang có do nhiều năm vất vả tạo dựng nên, không muốn rời bỏ Việt Nam vào những ngày đầu sôi lửa bỏng lúc tàn cuộc chiến.

Dũng và Hồng Vân chính thức thành vợ chồng sau ngày xa đất nước. Trong lúc anh học tu nghiệp để trở lại nghề cũ, nàng đi làm nhân công cho một hãng xưởng, giúp anh lo gia đình. Anh đã mau chóng hành nghề trở lại. Họ có 3 người con, hai đã trưởng thành, học hành theo bước chân và nghề nghiệp của anh.

Hồi đầu thập niên 90, lúc các con chưa xong bậc trung học, lần đầu tiên Dũng đem gia đình về thăm nhà. Cha mẹ anh đã già đi nhiều, nhưng rung rung nước mắt, vui mừng đón người con trai ngày xưa không vâng lời, thân mật ân cần với người con dâu một thời là "thương nữ", và trù mến nhìn những đứa cháu nội dễ thương.

TRẦN VĂN KHANG

Phần phụ lục:

Không phải truyện tình thương nữ nào cũng có kết thúc đẹp như truyện tình của Hồng Vân và Dũng. Một bài thơ, cũng có câu "bất tri vong quốc hận", hình như tựa đề là THUONG NỮ, kể chuyện một thi nhân ngày trước đi hát ả đào, gặp một thương nữ đàn hay hát ngọt. Vì cảnh loạn ly, cô cũng lưu lạc từ miền quê ra đô thị, làm nghề hát xướng cho đời mua vui. Rồi một hôm túi hờn cho son phấn, buồn với kiếp cầm ca, cô tìm cách xa cõi đời. Bài thơ như sau:

*Tôi quen cô gái miền quê loạn
Lạc nẻo Thành Đô dạo tiếng đàn
Trắng gió lạnh lòng tơ phím oán
Đêm về băng giá nhịp lời than
Tôi biết tâm tư sầu trĩu nặng
Giận buồn thân thế, thẹn long đong
Hôm nao vắng khách hờn ca vắng
Gọi nổi niềm riêng phận má hồng
Chiều nọ cô tìm tôi thủ thi*

Em từ quê cũ hận tha hương
Người ơi, son phấn đầy vơi nhĩ
Một kiếp chua, cay, mặn, chán chường
Hôm qua hoa héo miên hương phấn
Lại một ca nhi trút nợ đời
Ai trách "bất tri vong quốc hận"
Tôi nhìn lệ nóng ngập ngừng rơi
(Thơ Song Nhất Nữ)

Tiếng Đàn Xưa

Trần Văn Khang

Vào tháng 11 năm 2002, lần đầu tiên Hoa Hậu Việt Nam, cô Mai Phương, tham dự cuộc thi Hoa Hậu Thế Giới, tổ chức tại Nigeria. Tin tức được đăng tải trên nhiều báo chí trong nước và hải ngoại cũng như trên những màn ảnh nhỏ. Vì những chống đối, biểu tình bạo động tại Nigeria, cuộc thi Hoa Hậu hoàn vũ sau đó phải chuyển về Anh Quốc. Tôi cũng không có dịp theo dõi. Đối với nhiều người Việt, tin về Hoa Hậu Việt Nam tham dự Hoa Hậu Hoàn Vũ là một niềm vui, một hy vọng về đẹp của người phụ nữ Việt Nam được thế giới biết đến. Nhưng riêng với Tâm, bạn tôi, tin này làm anh thích thú và hãnh diện hơn nhiều người khác. Lý do là Hoa Hậu Mai Phương và Tâm cùng sinh quán tại thành phố Hải Phòng, miền Bắc Việt Nam, nơi Tâm đã ra đời và trải qua thời niên thiếu. Tâm thường hay nhắc tới thành phố hải cảng này. Anh nói Hải Phòng, thành phố lớn thứ nhì miền Bắc, là nơi có những nhân vật nổi tiếng về văn nghệ, về âm nhạc hay những nhân sĩ đã từng sanh sống... Tâm yêu mến âm nhạc, nhất là nhạc Việt. Anh thường nói các nhạc sĩ mà anh ngưỡng mộ như Phạm Duy, Đoàn Chuẩn, Từ Linh, Ngô Thụy Miên... đều đã từng sống tại Hải Phòng. Hôm ấy, anh có dịp lại nói về Hải Phòng, Tâm kể cho chúng tôi nghe mối tình thầm lặng, đầu đời, của anh. Tâm hiện hành nghề luật sư tại Hoa Kỳ. Truyện ngắn sau đây viết theo lời kể của Tâm:

Trời đã vào cuối mùa Thu, những ngày nghỉ Hè đã hết. Một số bạn tôi lên Hà Nội học vì trường Trung học công lập duy nhất tại Hải Phòng thời bấy giờ là trường Ngô Quyền chỉ có tới lớp đệ tứ. Gia đình tôi đông anh em, cha tôi là một tiểu công chức, cuộc sống chỉ đủ chi dùng. Để đỡ tốn kém, tôi ở lại Hải Phòng, học lớp đệ tam trường trung học tư thực Phùng Hưng do giáo sư Chu Văn Bình, sau này là nhà văn Chu Tử, làm hiệu trưởng. Hải Phòng là thành phố nơi tôi ra chào đời và có thật nhiều kỷ niệm thời niên thiếu. Năm ấy, tôi mới 16 tuổi cùng đám bạn bè sinh hoạt học đường rất hứng thú vì năm đệ tam không phải lo thi cử và ban giảng huấn trường tôi học có những nhà văn được nhiều người biết đến như giáo sư Trần Tiêu tác giả truyện Con Trâu và là anh em của Khải Hưng, nhà

văn Sao Mai, Giáo Sư Chu Văn Bình, Giáo Sư Nguyễn Mạnh Côn... Các thầy dạy chúng tôi Việt văn, Pháp văn và thường nói chuyện về văn chương ngoài đời. Đám học trò chúng tôi ngồi nghe vừa thích thú, vừa mẩn mộ.

Gần đến Tết, tôi được cha mẹ cho lên Hà Nội lo việc biếu quà Tết một số các bác, các cô tôi và những người ân nghĩa, quen thân của gia đình. Một ngày tại Hà Nội, tôi ở nhà người em họ là Mỹ Linh, con của Cô tôi, đường Gambetta. Mỹ Linh cùng tuổi với tôi, cũng đang học Đệ Tam, nhưng học ban sinh ngữ và văn chương tại Hà Nội, còn tôi thì học ban toán ở Hải Phòng. Mỹ Linh khá đẹp, tươi vui và hồn nhiên, thân mến với tôi như anh em ruột.

Vừa gặp lại nhau, Mỹ Linh nói như reo lên:

- Anh Tâm, em phải giới thiệu một cô bạn của em cho anh. Bạn em sắp xuống Hải Phòng học.

Tôi lấy lòng cô em:

- Cô bạn có xinh bằng Mỹ Linh không?

Con gái, và cả con trai nữa, có lẽ ai cũng thích được khen. Mỹ Linh cười:

- Anh Tâm còn nhỏ mà đã mê các cô đẹp, hết học cho mà xem. Phượng, bạn của em đẹp nhất lớp, hiền và ngoan lắm, sợ xuống Hải Phòng các anh bắt nạt nó.

Ngày hôm sau, dùng cơm tối xong, tôi đang giúp Mỹ Linh giải thích một bài học về toán đại số, thì Phượng tới. Tôi nghĩ cô em Mỹ Linh có sắp đặt nhưng không cho tôi và Phượng biết. Mỹ Linh giới thiệu tôi cho bạn rất tự nhiên:

- Anh Tâm, anh của Linh ở Hải Phòng mới lên chơi, đang giảng bài học về toán của thầy Bích cho mình. Đây là Phượng, bạn cùng lớp với em.

Phượng nhẹ cúi đầu, mái tóc dài đen huyền, buông sau đôi vai thon nhỏ, khẽ lay động. Phượng có giọng nói Hà Nội:

- Chào anh.

Tôi cũng đáp lại:

- Chào chị Phượng.

Mỹ Linh nói thêm vào:

- Anh Tâm gọi bạn em là Phượng được rồi. Phượng là bạn của em thì cũng là em của anh luôn.

Tôi thầm cảm ơn cô em, đã tạo thân mật trong buổi đầu gặp gỡ. Trái tim tuổi con trai mới lớn của tôi rộn rã. Phượng quả là một thiếu nữ đẹp, duyên dáng và tôi thấy người con gái mới gặp này khá ái lạ thường. Thấy tôi chú ý nhìn, Phượng hơi mất tự nhiên, và tôi cũng chợt nhận ra cái "ngố" của mình, vội tránh không nhìn nàng một cách "ngây ngô" nữa. Mỹ Linh mời chúng tôi vào phòng khách. Gần dịp Tết, nhà sẵn trái cây, Linh cho chúng tôi dùng trái hồng mềm, ăn với cốm

Vòng. Những trái hồng chín đỏ, da mỏng và hương vị ngọt, thơm ngon vô cùng. Chưa từng yêu thương người thiếu nữ nào, nhưng ngồi ăn hồng trước mặt Phụng và cô em, tôi đã tưởng tượng má người thiếu nữ đẹp có lẽ cũng căng và ngọt thơm như những trái hồng này. Cốm xanh của làng Vòng là một thổ sản nổi tiếng miền Bắc nhiều người biết, tôi nghĩ có lẽ còn danh tiếng hơn cả thuốc ông Lang Vòng thời bấy giờ.

Chúng tôi nói chuyện rất vui, có lẽ vì cùng lứa tuổi và cùng học năm đầu của chương trình Tú tài, chỉ khác ban. Qua câu chuyện, tôi được biết Ba của Phụng làm ngành công chánh. Vì tình hình chiến sự lúc bấy giờ, ông sắp phải xuống Hải Phòng vài năm lo chương trình tu bổ và xây cất, nói rộng phi trường Cát Bi Hải Phòng cho nhu cầu phi đạo và chỗ đậu của những chiến đấu cơ Pháp.

Phụng nói với tôi, giọng hơi lo lắng:

- Phụng học ban C. Anh Tâm nói Hải Phòng chỉ có một trường của anh là dạy tới lớp đệ Tam, chỉ có ban toán. Không biết làm sao Phụng theo kịp.

Tôi nói cho Phụng an tâm:

- Phụng đừng lo, toán lớp đệ Tam không đến nỗi khó lắm. Phụng sẽ vui vì trường Tâm đang học bây giờ, có nhiều thầy dạy Việt văn hay lắm, chắc Phụng sẽ thích.

Tôi đã tự động xưng hô với tên của mình cho thân mật. Mỹ Linh nói quảng cáo cho bạn:

- Phụng giỏi Việt văn lắm anh Tâm ạ, làm luận văn hay nhất lớp em. Phụng thích thơ và biết làm thơ nữa.

Phụng hơi cúi đầu và má ửng đỏ vì lời khen của bạn. Tôi kể tên các nhà văn đang dạy tại trường Phùng Hưng. Phụng nghe nói, mắt nàng sáng long lanh:

- Phụng chỉ xuống Hải Phòng có một hai lần, lúc bé. Rồi năm ngoái chỉ ngang qua Hải Phòng lúc đi biển Đồ Sơn. Bây giờ còn chưa quen với thành phố của anh. Anh Tâm thấy Hải Phòng có những gì đặc biệt?

Tôi nói với nàng:

- Mỹ Linh có thể cho Phụng biết thêm, Linh có xuống thăm Hải Cảng nhiều lần. Hải Phòng là một thành phố nhiều lao động, với bến tàu, với công nhân, không thơ mộng và "văn hiến" như Hà Nội. Hải Phòng có sắc thái đặc biệt của một thành phố hải cảng. Có một giáo sư trẻ dạy trường Trí Tri Hải Phòng, bút hiệu Song Nhất Nữ, mới lập gia đình với một cô gái tại thành phố này, đã làm một bài thơ nói về Hải Phòng, để đọc cho Phụng và Linh nghe. Tôi thông thả đọc bài thơ Hải Phòng, đã được ngâm trên Đài phát thanh Pháp Á nhiều tháng trước:

Oi Hải Phòng xa xôi
Có ngàn dân lành cặm cùi
Giữa phố phường đô hội
Sống ngặt nghèo nơi ngỗ tối âm u
Oi Hải Phòng bụi mù
Oi Hải Phòng chen chúc
Bến Tàu đông đúc
Và đây, Cầu Hạ Lý vẫn tro tro
Bên kia Sáu Kho
Bên đây Cửa Cấm
Gió Tam Bạc chiều nay sao lờng lộng
Nước xuôi nguồn theo lớp sóng ra khơi
Chị bán rau trong Chợ Sắt ngụt người
Anh phu gạo ngoài Ba Ty ngợp bụi
Mười phương loạn quay về đây tụ hội
Mồ hôi nghèo mong đổi chút cơm khô
Hải Phòng ơi,
Này bến ô-tô
Nọ ga xe lửa
Bể mặn chát đã dạt về bao cửa
Những hương ngàn gió nội của năm châu
Hải Phòng ơi,
Đây đất để làm giàu
Đất để sống, để kiếm tiền kiếm gạo
Đất vật lộn để tìm cơm, tìm áo
Đất kiêu hùng của hòng của non sông
Hải Phòng ơi,
Ta nhớ mãi Hải Phòng
(Thơ Song Nhất Nữ)

Những ngày kế tiếp, Mỹ Linh và Phượng cùng tôi dùng xe đạp dạo các phố phường và thắng cảnh tại Hà Nội. Linh giới thiệu cho tôi món bánh tôm Cổ Ngư, mướn thuyền đi trên Hồ Tây, đi dạo và ăn kem mấy lần bên bờ Hồ Gươm. Trước hôm tôi trở về Hải Phòng, người chị cả của Phượng là Chị Huyền cho chúng tôi dùng món bún chả Hà Nội, ngay tại cửa hàng tơ lụa của Chị ở Phố Hàng Gai. Cửa hàng của chị có tên là Đan Phượng, lấy tên của một huyện của tỉnh Hà Đông. Chị Huyền cho tôi biết là gia đình quê quán ở Hà Đông, chuyên sản xuất tơ lụa. Phượng được sanh ra tại quê của nàng, nên được cha mẹ chọn tên như vậy.

* * *

Sau Tết năm đó, gia đình Phượng di chuyển xuống Hải Phòng sinh sống, cư

ngụ tại một căn nhà khang trang ở Phố Ga, cách nhà của Hoài, một người bạn thân cùng lớp với tôi chừng mười căn phố. Nhà tôi ở phố Đường Cát Dài, chỉ cách nhà nàng khoảng trên một cây số. Phượng mau chóng hội nhập với lớp học mới, với trường mới, và vì có quen tôi rồi quen Hoài nên nàng không mấy ngỡ ngàng. Phượng với vẻ đẹp nữ sinh thơ mộng, mái tóc mây dài buông tới ngang lưng, nàng hay mặc áo dài lụa có lẽ do cửa hàng Chị Huyền may cho, rất tha thướt, duyên dáng làm cho nhiều đám học trò con trai trong trường tôi chú ý và uơng mộng. Thế nhưng cũng như các cô con gái thời bấy giờ, gia đình kỷ lưỡng và nghiêm túc, Phượng rất ít giao thiệp với các bạn trai khác cùng lớp, ngoại trừ Hoài và tôi. Hai chúng vài lần hướng dẫn Phượng và đôi khi có cả hai em trai của nàng đi thăm, giới thiệu những phố xá Hải Phòng. Chỉ vài tháng sau "tình bạn tay ba" giữa chúng tôi trở nên thân thiết và rồi tôi có thêm những nhớ mong, mơ mộng của một "tình yêu âm thầm" nào mới chớm lúc tuổi thanh xuân.

Phượng đàn dương cầm rất hay, còn Hoài bạn tôi vừa biết đàn Guitar, vừa hát giỏi. Trong những sinh hoạt văn nghệ trong lớp hoặc của toàn trường, Hoài luôn luôn là một ngôi sao sáng. Tôi không biết đàn và hát cũng chẳng ra gì. Đôi lần tại nhà của Phượng, tôi ngồi nghe Hoài vừa đàn ghi-ta vừa hát, Phượng đệm thêm dương cầm. Tôi nghe tiếng đàn, giọng hát một cách thú vị, nhưng lại thấy lẩn lộn với một chút mặc cảm về khả năng văn nghệ của mình!

Hoài và tôi thường hay lại nhà Phượng giúp nàng giải những bài toán hình học phẳng. Hoài học giỏi và đẹp trai. Anh tự động đặt cho Phượng một tên mới là Phoenix. Một hôm cuối tuần, chúng tôi rủ nhau đến nhà Phượng. Nói là đến thăm để ôn bài, nhưng thực ra cả hai chúng tôi đều nhớ nàng, dù vẫn gặp nhau mỗi ngày trong tuần tại nhà trường. Hôm ấy chỉ có Phượng ở nhà, còn cả gia đình đã dùng chiếc xe Peugeot của gia đình về thăm lại Hà Nội để giúp một vài việc cho công chuyện buôn bán của chị Huyền. Chúng tôi yêu cầu Phượng đàn dương cầm cho nghe. Phượng mặc một bộ đồ trong nhà, màu ngà bằng lụa, tóc buông thả sau lưng, dáng đẹp nghiêng nghiêng nổi bật trước cây dương cầm màu đen, hai bàn tay thon trắng lướt trên những phím đàn. Hoài giỏi âm nhạc, nên có lẽ bạn tôi chú ý nhiều đến âm thanh, đến giai điệu các tấu khúc, đến các hợp âm qua tiếng dương cầm. Trong khi tôi thì lại chú ý hơn về dáng đẹp của người con gái mà có lẽ tôi đã thầm yêu. Phượng đàn những bản Việt Nam như Suối Mơ, Bến Xuân, Thiên Thai của Văn Cao. Rồi Con Thuyền Không Bến và vài bản khác của Đặng Thế Phong. Sau đó nàng dạo những tấu khúc nhạc cổ điển của Mozart, Chopin, Schubert và Liszt... Tiếng đàn thánh thót điêu luyện của nàng cũng như dáng đẹp thanh cao đưa tôi vào một thế giới tình cảm và âm thanh mơ ảo. Nàng

ngưng sau bản nhạc quen thuộc *Lettre à Elise*, ai học dương cầm cũng biết, rồi kể chuyện giai thoại về tác giả khi sáng tác ông bản nhạc này..

Hai tháng sau khi gia đình Phụng xuống Hải Phòng, Hoài tâm sự với tôi là anh đã thầm yêu Phụng. Người bạn thân của tôi yêu mà chưa thổ lộ với nàng. Có lẽ anh có cái e dè, nhút nhát của tuổi học trò thời bấy giờ, hay cũng sợ ngổ lòi, tình yêu sẽ bay xa thành mây khói. Việc thổ lộ tâm tình của người bạn thân làm tôi thấy xốn xang vì như đã nói ở phần trên, trong lòng tôi cũng thầm thương mến cô bạn gái này, có lẽ từ "thuở ban đầu mới gặp" tại Hà Nội. Nhưng nghĩ mình còn đang là học sinh trung học, mơ mộng thì có, đâu dám tính chuyện yêu đương. Tôi giữ trong lòng những tình cảm của mình. Vì vậy mỗi khi Hoài nhắc tới Phoenix, trong lòng tôi có những giao động khó tả. Tôi chỉ nói theo, đôi khi còn trái với lòng mình, tán thưởng miễn cưỡng những ý nghĩ của Hoài nữa. Tình bạn, và niềm yêu thầm kín trong trường hợp này khó cho tôi bày tỏ những ý nghĩ của mình.

Người ta vẫn cho rằng, vào lúc niên thiếu với cùng một tuổi đời, đa số các cô gái khôn ngoan, dè dặt và "hiểu biết" hơn các cậu con trai. Tôi nghĩ rằng với cảm tính bén nhạy của phụ nữ, thêm với sự sẵn đón thân tình và ân cần của hai đứa bạn chúng tôi, Phụng có thể đoán hiểu những cảm tình dù rất kín đáo của chúng tôi đối với nàng. Phụng cũng giữ "im lặng tình cảm" trong cách giao thiệp, và cư xử thân mến, hòa nhã đồng đều với cả tôi và Hoài.

* * *

Chiến cuộc tại miền Bắc giữa quân kháng chiến Việt Minh và quân đội viễn chinh Pháp cùng với quân đội quốc gia ngày càng mạnh mẽ và lan rộng. Nhiều đồn bót bị mất. Rồi quân Pháp rút bỏ khỏi thành phố Nam Định. Những tin chiến sự cực kỳ sôi động về mặt trận Điện Biên Phủ. Hội nghị Genève về Việt Nam đã nhóm họp nhiều tháng. Rồi Điện Biên thất thủ và bản văn của Hội Nghị Hòa Bình được ký kết ngày 20 tháng 7 năm 1954, nước Việt Nam chia đôi ở vĩ tuyến 17, bởi giòng sông Bến Hải. Miền Bắc thuộc về Việt Minh Cộng Sản được hậu thuẫn yểm trợ bởi Nga, Tàu. Miền Nam thuộc về thế giới Tự Do, và Hoa Kỳ thực sự nhúng tay vào việc củng cố cho miền Nam thành một tiền đồn chống lại sự bành trướng của khối Cộng tại Đông Nam Á. Quân đội viễn chinh Pháp từ từ rút khỏi Việt Nam, nhường chỗ cho những phái đoàn cố vấn dân và quân sự Hoa Kỳ. Một cuộc di cư cả triệu người miền Bắc vào Nam được tổ chức do Mỹ yểm trợ. Dân chúng thành phố Hải Phòng nơi tôi cư trú cũng rất giao động, mọi người xao xuyến, phải chọn một quyết định di cư vào Nam hay ở lại miền Bắc.

Cha tôi mau chóng quyết định cả nhà sẽ vào Nam. Gia đình Hoài có một người

anh, một người chị còn ở vùng kháng chiến. Hoài nói nay "kháng chiến đã thắng lợi", "nước nhà đã độc lập", nên ở lại miền Bắc. Chúng tôi lại thăm hỏi Phượng. Nàng có người anh cả theo Việt Minh từ ngày còn hoạt động bí mật ở chiến khu, anh cho người vào Hải Phòng nhắn nhủ gia đình ở lại, anh "bảo đảm" an toàn. Ông bà nội, ngoại của Phượng lại rất lưu luyến với quê hương miền Bắc, có cả một cơ sở sản xuất tơ lụa tại Hà Đông, không chịu đi đâu cả. Vì vậy gia đình Phượng cũng không di cư vào Nam.

Tôi chuẩn bị rời xa miền Bắc và thành phố Hải Phòng thân thuộc với nỗi buồn trong lòng. Trước ngày di cư xuống tàu vào Nam một tuần, tôi có gặp và chuyện trò riêng cùng Phượng khá lâu. Phượng tâm sự:

- Phượng có Chú Hải, em của Ba, làm sở Liêm Phóng Hà Nội. Chú không thể nào ở lại. Gia đình Chú Hải sẽ xuống Hải Phòng, rồi vào Nam vì Hà Nội sẽ được tiếp thu trước. Chú nói với Ba là, nếu Ba muốn, sẽ cho Phượng và một hai đứa em đi theo Chú vào Nam. Hai năm nữa, tổng tuyển cử, hai miền Nam Bắc thống nhất, mọi người lại gặp lại nhau, mọi gia đình sẽ đoàn tụ.

Tôi hỏi nàng, với một chút hy vọng:

- Thế Ba và Phượng tính sao?

Nàng nói với giọng buồn:

- Ba mẹ Phượng không muốn Phượng xa cha mẹ, xa anh em, gia đình phải ở cùng một nơi.

Tôi im lặng, tâm hồn như trống vắng, nghĩ một ngày mai, ngày mai rất gần, sẽ ở xa, rất xa những người bạn thân thiết của tôi. Cả tuần đó, ngày nào tôi cũng tìm cách gặp Hoài và gặp Phượng.

Gia đình tôi xuống tàu Ville de Saigon tại bến tàu Hải Phòng vào một buổi sáng trời mưa nhưng không lạnh, mặc dù đã cuối thu. Anh em trong gia đình tôi, áo ướt nước mưa, khuôn vác những vali, những thùng vật dụng và sách vở gia sản học trò xuống tàu. Tôi thấy cha mẹ tôi trầm ngâm, có lẽ vì phải rời bỏ thành phố thân thuộc, sau bao nhiêu năm cặm cụi làm việc, bây giờ ra đi với một mớ tài sản nhỏ bé là mấy thùng đồ, để sẽ đến một nơi xa lạ, tương lai chưa biết sẽ ra sao. Còn tôi không có thời giờ suy tư nhiều. Tôi cố dành những giây phút còn lại tại Hải Phòng để nấn ná ở bên hai người bạn thân ra tiễn tôi là Phượng và Hoài. Tôi ở trên bờ cho tới lúc tàu hú còi hiệu lần chót trước khi rời bến. Tôi bắt tay Hoài thật chặt, và không hiểu tại sao, có lẽ đã nghe qua nhiều người tiên đoán, tôi nói với Hoài:

- Từ biệt Hoài và Phượng ở đây. Sẽ nhớ mãi hôm nay. Chúng mình khó gặp lại nhau, người ta nói có thể không có tổng tuyển cử.

Lần đầu tiên tôi nắm tay Phụng, và có lẽ đây là lần đầu tiên trong đời tôi nắm tay rất thân mật, rất luyến lưu với một người con gái không phải là họ hàng. Bàn tay người con gái thật mềm mại. Ước gì tôi được nắm mãi tay nàng. Trong lòng rất muốn nhưng tôi e dè không dám đặt môi hôn lên bàn tay ấy. Tôi muốn ôm tấm thân nhỏ bé dễ thương của Phụng vào trong vòng tay của mình, một lần thôi, nhưng tôi không có can đảm thực hiện ý muốn. Tôi nhìn vào mắt Phụng, và giọng tôi như chùng xuống:

- Mong Phụng và Hoài ở lại, có nhau, giúp đỡ nhau, sẽ... bên nhau mãi.

Tôi nói tiếp, có lẽ chỉ đủ cho Phụng nghe:

- Hoài rất quý mến Phụng, Phụng biết không?

Phụng nhẹ nhàng trong lời nói, và ánh mắt thân mến nhìn tôi:

- Phụng biết, có lẽ biết nhiều điều khác nữa, anh Tâm ạ.

Tôi kịp lên tàu, chỉ năm phút trước khi tàu nhổ neo rời bến, và tôi xa cách người bạn học thân nhất và người con gái tôi có thật nhiều cảm tình từ ngày hôm ấy.

* * *

Mãi đến nhiều năm, sau khi cuộc chiến tại Việt Nam chấm dứt, tôi có dịp về Việt Nam vào đầu thập niên 90, thăm lại Hải Phòng. Phố Đường Cát Dài của tôi đã thay tên. Phố Ga của Hoài, của Phụng ngày xưa xa lạ và đổi khác. Tôi đọc một mình một câu thơ trong truyện Kiều "Trải qua một cuộc bể dâu". Tôi không muốn đọc tới những câu Kiều kể tiếp, dù thuộc từ hồi trung học. Tôi tìm lại những mái nhà xưa. Nhà cũ của tôi, nhà cũ của bạn. Những người ở các căn nhà của hai bạn tôi ngày xưa, hoàn toàn xa lạ, giọng nói cũng xa lạ. Họ nhìn tôi xa lạ nhưng không lạnh lùng. Nhắc đến tên, không ai biết Hoài và Phụng của tôi là ai. Tôi xa Hải Phòng trên 30 năm rồi. Cảm giác tôi có lẽ không phải cảm giác Từ Thức trở về chốn cũ, vì tôi chưa thấy nơi nào trên trái đất này có thể được coi là Thiên Thai. Nhưng quả thật tôi có cảm giác trống vắng khó tả trong tâm trạng.

Rồi tôi thăm Hà Nội và một mình lang thang những phố phường. Dù tôi không quen thuộc Hà Nội ngày xưa như nhiều người bạn của tôi, nhưng tôi thấy Thăng Long ngày trước cũng đổi khác, nhiều, rất nhiều. Sau cùng, chân đưa tôi trở lại phố cũ, phố Hàng Gai. Một điều làm tôi vừa ngạc nhiên vừa vui mừng, tìm tôi hộp, là bảng hiệu của một cửa hàng bán áo len, áo dài, tơ lụa mang tên Đan Phụng vẫn còn. Những đường phố buôn bán tại Thủ Đô Hà Nội thường là ngắn, nhất là so sánh với những con phố ở nước ngoài. Tôi mang máng nhớ cửa hàng Đan Phụng ngày xưa cũng ở khoảng này trên đường phố. Chiếc bảng hiệu hôm nay lớn hơn bảng ngày xưa, nét chữ kẻ trên bảng hoa mỹ và nghệ thuật hơn ngày

trước. Tôi tần ngần đứng trước cửa tiệm một hồi lâu, không vào, để cho lòng mình lắng xuống. Hay để tránh gặp lại một thực tế có thể sẽ làm tôi thất vọng khi người trong tiệm chẳng ai quen mình, và mình cũng chẳng biết ai! Qua tấm kính lớn của tủ hàng, tôi thấy những áo đan bằng len, bằng sợi, những áo dài màu sắc đẹp cắt khéo, và những tấm lụa chưa may được treo từ trên cao thả dài tha thướt và mỹ thuật. Một hồi sau, tôi hướng tầm quan sát vào phía trong tiệm... Một cô gái trẻ đẹp, ngoài hai mươi, đang tiếp vại ba người khách hàng, có lẽ Việt Kiều về mua hay đặt may áo lụa. Cô gái bán hàng tôi chưa hề gặp mà sao có bóng dáng như đã quen. Đây là lần đầu tiên tôi trở lại Hà Nội sau gần bốn thập niên xa cách. Cô gái cúi chào, vui vẻ với giọng nói Hà Nội ngày xưa chứ không phải giọng của nhiều người tại Hà Nội ngày nay mà tôi có dịp tiếp xúc:

- Ông muốn mua áo may sẵn hay mua lụa?

- Cô cứ tự nhiên tiếp mấy bà khách đang thử áo, tôi coi các hàng trưng bày, nếu cần mua gì tôi sẽ nhờ Cô.

Thong thả quan sát các mặt hàng, và đồng thời cố tìm lại hình bóng một cảnh vật nào ngày xưa, nhưng tôi không thấy. Mà làm sao thấy được sau bao nhiêu năm đã qua rồi. Tôi dừng lại một quây phía bên trong. Nơi sau quây một phụ nữ ngoài năm mươi tuổi đang ngồi đan áo. Mái tóc điểm vài sợi bạc, uốn nhẹ và để dài một chút ở phía dưới sau cổ. Dáng sang và thanh tú. Người phụ nữ ngược mắt nhìn tôi, ánh mắt dịu dàng và tôi thấy thật là quen thuộc. Tôi nhẹ chào hỏi một câu cho chắc chắn, mà bây giờ tôi nghĩ hơi ngớ ngẩn vì "nửa bà nửa cô":

- Xin lỗi, có phải bà là cô Phượng ngày trước từng ở phố Ga, Hải Phòng?

Người phụ nữ buông kim và sợi đan trên mặt quây hàng, đứng dậy chăm chú nhìn tôi, một giọng quen từ nhiều năm ngày trước như reo lên:

- Có phải anh Tâm không?

Tôi quên cả lịch sự tối thiểu. Đáng lẽ phải để người phụ nữ đưa tay ra trước, nhưng vì vội vã mừng gặp lại người xưa, tôi quên cả xã giao nắm lấy bàn tay mặt của nàng, bàn tay tôi đã nắm một lần, lần đầu và tưởng như đã là lần là lần cuối, từ nhiều năm trước tại bến tàu Hải Phòng, ngày tôi rời xa đất Bắc:

- Phượng còn nhận ra tôi sao?

- Em nhận ra anh ngay. Anh vẫn có nụ cười ngày xưa, khó có thể quên được.

Chưa bao giờ Phượng xưng em với tôi, vào những ngày học trò. Bây giờ có lẽ vì thói quen nghề nghiệp, giao thiệp với những bà khách hàng người Việt từ Sài Gòn hay từ hải ngoại về đây, nàng dùng lối xưng hô này. Nhưng tôi lại chủ quan, thấy tiếng xưng hô thân mật như gửi gắm một chút gì ấm cúng của một tình cảm đã xa, đã có từ những ngày tuổi xanh. Tôi nóng lòng vội hỏi:

- Hoài bây giờ ở đâu? Phượng có tin tức gì về Hoài không. Tâm muốn gặp lại Hoài.

Tôi vẫn dùng cách xưng hô thân mật tuổi học trò. Nàng chớp mắt. Đã có những vết nhăn nhẹ, dấu tích của thời gian sau đuôi mắt. Giọng nàng hơi trầm xuống:

- Chuyện dài và buồn anh ạ. Anh Hoài mất từ nhiều năm trước. Sẽ kể anh nghe. Mà anh chắc từ ngoại quốc về thăm? Sẽ ở lại Hà Nội bao lâu? Có chị và các con anh cùng về với anh không?

Nhiều câu hỏi dồn dập cùng một lúc, tôi không biết trả lời câu nào trước, nhưng cũng nói với nàng với lối xưng hô ngày trước:

- Chuyện của Tâm cũng dài và cũng buồn. Về đây, vừa thăm Việt Nam vừa có công việc do nghề nghiệp. Sẽ ở lại đây một tuần nữa. Hiện tại Tâm ở Hoa Kỳ.

Phượng vội gọi cô gái bán hàng lại và giới thiệu với một giọng thật vui:

- Cháu Đan Tâm, con gái của em và Hoài.

Nàng nói với Đan Tâm:

- Bác Tâm là bạn học của ba mẹ cả mấy chục năm trước. Bác ngày xưa thân với Ba con lắm.

Đan Tâm chào tôi, đáng đẹp và hiền như mẹ ngày nào:

- Mẹ cháu nhắc tới bác nhiều lần. Mẹ nói đã mượn tên bác đặt tên cho cháu khi cháu mới sinh.

Phượng nhìn tôi, nàng nói giọng rất chân thành:

- Gặp lại anh, em mừng lắm. Bây giờ đã gần sáu giờ chiều. Em sẽ đóng cửa hàng sớm hôm nay. Bây giờ anh dạo phố Hà Nội đi, mời anh tám giờ tối trở lại đây ăn cơm tối với mẹ con em.

- Cho phép Tâm mời Phượng và cháu đi ăn tại một nhà hàng gần đây, bên hồ Hoàn Kiếm được không?

- Không có không khí gia đình và ồn ào anh ạ, mình không chuyện trò tự nhiên và được nhiều. Anh cứ nhận lời dùng cơm tại nhà cho em vui.

Tôi không thể nói khác hơn, và cũng không muốn nói khác hơn. Tôi tạm biệt Phượng và Đan Tâm, rồi tiếp tục đi dạo quanh những phố cũ Hàng Đào, hàng Ngang, Hàng Trống, Hàng Mành... của Hà Nội. Nhưng sự quan sát phố phường của tôi giờ đây không chú ý nhiều tới ngoại cảnh như một tiếng đồng hồ trước nữa. Tôi nghĩ nhiều về những ngày xưa cũ, về Hoài, về Phượng, về thời gian cùng sống tại thành phố Hải Phòng, về lần đầu tiên tôi gặp Phượng tại nhà cô em họ Mỹ Linh của tôi...

Đúng giờ hẹn, tôi trở lại. Cửa hàng Đan Phượng đã khép, Phượng mở cửa mời tôi lên căn gác. Căn gác chị Huyền của nàng đã mời tôi, Mỹ Linh và nàng dùng

món bún chả lần tôi lên Hà Nội dịp gần gần Tết một năm nào xa xưa. Căn gác, mà nhiều năm tôi đã chịu ảnh hưởng ngôn ngữ tại miền Nam nước Việt, bây giờ muốn kêu là từng lầu, được trang trí gọn ghẽ và ấm cúng, làm tôi tin rằng Phượng đang có một cuộc sống khá sung túc so với nhiều người tại nước nhà hiện nay. Nàng cho tôi dùng bánh cuốn Thanh Trì, rồi dùng com trắng với thịt kho tàu kiểu miền Bắc ngày xưa nước thịt có vị khá ngọt và không có nước dừa như thịt kho miền Nam. Rau muống Sơn Tây loại đọt non nhỏ và xanh như ngọc thạch được luộc vừa đủ chín dùng với tương Bần Yên Nhân. Nhưng món ăn tôi thích nhất hôm ấy là món canh riêu cá chép, những khúc cá đã được chiên vàng cho rần thịt và thơm ngon, nấu với cà chua và khế, nổi vị với một chút thì là. Đã thật lâu, tôi chưa được dùng lại món cá chép của miền Bắc, nó thơm ngon hơn cá Carpe cùng loại tại Hoa Kỳ, dân ở Mỹ cũng ít ai dùng.

Phượng kể chuyện nàng cho tôi nghe:

- Sau khi tiếp thu Hà Nội, anh cả của em từ vùng kháng chiến về, và gia đình em trả lại căn nhà thuê ở Hải Phòng, và trở về Hà Nội sinh sống, cả nhà đoàn tụ một thời gian. Nhưng cuộc sống ngày càng chật vật vào những năm sau vì kinh tế yếu kém, việc quản chế của nhà nước chặt chẽ, không được "cởi mở" như anh thấy bây giờ. Anh Hoài ngày đó vẫn ở Hải Phòng nhưng vẫn liên lạc thường với gia đình em. Ba mẹ em rất có cảm tình với anh Hoài. Trong khi đó anh cả của em từ vùng kháng chiến về, có giới thiệu một cán bộ cấp cao là bạn của anh ấy cho em, nhưng em không thấy một chút rung động nào cho tình yêu với một người mới quen, do anh của em giới thiệu. Ba em, như anh biết trước kia làm ngành công chánh, khuyên anh Hoài theo học ngành xây dựng. Anh Hoài giỏi toán, vừa làm vừa học, tốt nghiệp kỹ sư xây dựng và đường xá vào năm 1962, và chúng em sau đó thành hôn. Ba năm sau, em sanh một cháu trai, cháu Hùng, hiện cháu làm kỹ sư cho chính phủ tại mỏ than Hòn Gay. Vì chiến tranh để giải phóng miền Nam, nhà nước khuyến dân hạn chế sinh đẻ, mãi đến năm 1972 chúng em mới sinh cháu Đan Tâm, kém cháu trai đầu lòng bảy tuổi. Vừa sinh cháu gái được hai tháng, anh Hoài được gọi đi nghĩa vụ lên đường vào Nam, làm công tác mở đường cho việc chuyển vận trên đường Hồ Chí Minh. Sáu tháng sau ngày anh Hoài đi nghĩa vụ, em được hung tin anh ấy tử nạn, đã được chôn vùi vàng bên sườn núi Trường Sơn trung bộ. Anh Hoài không chết vì súng đạn, không tử thương vì bom B 52. Xe vận tải làm đường của anh rủi ro bị lật xuống một triền núi, nghe nói anh bị chấn thương nặng nơi đầu và mất ngay. Vì gia đình có người theo kháng chiến từ sớm, anh Hoài tử nạn vì đi nghĩa vụ vào Nam, em và các con thuộc thành phần gia đình liệt sĩ nên cũng có một số lợi quyền và nhiều sự dễ dãi.

Từ khi chính phủ cho tự do kinh doanh, việc buôn bán và lợi nhuận của gia đình khá hơn. Ba mẹ em đã về hưu, hiện tiếp tay giúp gia đình chị Huyền sản xuất to lụa tại Hà Đông, bây giờ là một phần của Hà Nam Ninh. Cửa hàng này giao cho mẹ con em.

Tôi bùi ngùi trong lòng, nhớ tới Hoài, người bạn thân ngày xưa. Đúng như lời tôi chúc hai bạn tôi khi rời xa Hải Phòng, hai người đã lập gia đình cùng nhau, đã sống bên nhau. Một điều không trọn vẹn cho lời chúc là họ không ở bên nhau mãi! Một người đã mất. Một người còn đây.

Được hỏi chuyện đời tôi, tôi cũng rất thành thật kể cho Phượng:

- Sau ngày xa miền Bắc vô Nam, gia đình Tâm sanh sống tại Sài Gòn, cha tiếp tục làm tiểu công chức như cũ. Tâm theo học ngành Luật, rồi động viên vào quân đội quốc gia, chuyển sang làm thẩm phán cho tòa án quân sự tại một tỉnh miền Hậu Giang, lập gia đình với một cô dược sĩ và có hai cháu gái. Sau ngày 30 tháng tư, Tâm trong khi phải học cải tạo suốt bảy năm và đã khuyến khích vợ và các con vượt biên, thành công sang Mỹ. Khi ra cải tạo, Tâm sang được Hoa Kỳ thì người vợ đã có gia đình mới. Tâm cũng không trách gì, vì người phụ nữ còn trẻ, vượt biên với hai con lúc đó còn nhỏ dại, khó có đủ nghị lực để một mình nuôi con tại một nơi xa lạ, cần một điểm tựa cũng là chuyện mình phải thông cảm mà thôi.

Một cây đàn dương cầm loại đứng, màu nâu sậm và đẹp dựng bên tường. Cây đàn ngày xưa tại Hải Phòng chắc giờ này đã lưu lạc nơi đâu. Phượng ngồi đàn, chỉ dạo lại cho tôi nghe một bản Suối Mơ. Tôi ngồi thưởng thức và thấy cuộc sống của mình như trẻ lại, tiếng đàn và âm điệu gọi cho tôi những cảm xúc và kỷ niệm của những năm tháng ngày xưa, thời thanh xuân, tuổi học trò. Đan Tâm tốt nghiệp trường âm nhạc Hà Nội, đàn cho tôi nghe những nhạc bản mẹ cháu thường trình bày hồi trước. Ngón đàn của Đan Tâm điêu luyện, và điều làm tôi ngạc nhiên là cháu đàn cả nhạc cổ điển cũng như những nhạc bản sau này của những nhạc sĩ tên tuổi rất quen thuộc của miền Nam trước 75.

Trong lúc Phượng lo dọn dẹp, tôi ngồi trò chuyện cùng Đan Tâm. Cô con gái đẹp như mẹ ngày trước, 22 tuổi, nói chuyện rất dễ thương. Đan Tâm cho tôi xem những tập Albums của gia đình. Ngạc nhiên là Phượng còn giữ được một bức hình chụp ba chúng tôi trong một buổi sinh hoạt văn nghệ tại lớp học ngày xưa. Trong hình chụp, Phượng đứng giữa, mái tóc che mất nửa một bên má, Hoài đứng một bên và tôi một bên. Tôi đang thầm nghĩ nhiều người dị đoan, cho rằng chụp hình ba người, rồi sẽ xa cách. Một người là Hoài giờ này đã ra đi, vĩnh viễn ra đi. Đan Tâm thân mật, nói khẽ bên tôi, làm ngưng điều tôi đang suy nghĩ:

- Mẹ con có lần nói, nếu đất nước ngày ấy không chia đôi, có khi chúng con đã

là con của Bác.

Câu nói của Đan Tâm làm tôi thật ngạc nhiên. Những năm sau khi chồng mất, nàng có tâm sự với con vậy sao ? Vừa lúc đó, Phượng đem trà sen và bánh đậu xanh Hải Dương ra đãi bạn. Đan Tâm tiếp chuyện một lúc rồi xin phép đi nghỉ sớm, có lẽ chủ tâm cô bé muốn mẹ và tôi được tự nhiên ôn lại những kỷ niệm của một thời đã xa.

Phượng giọng rất chân thành:

- Bất ngờ gặp lại anh, em mừng lắm. Sau chiến tranh, em cố gắng tìm hỏi thăm về anh, nhưng bạn bè mới cũ không ai biết.

Tôi trầm ngâm. Nghĩ về Hoài. Nghĩ về Phượng giờ đây đơn côi goá bụa. Nghĩ về tôi, xa rời xứ sở, vợ đã có chồng khác. Cuộc sống vật chất của tôi nay đầy đủ mà tình cảm thật cô đơn. Từ khi mở văn phòng luật sư, tôi có quen năm bảy người phụ nữ nhưng không thấy hợp với ai để tiến thêm bước nữa. Vì câu nói của Đan Tâm hồi nãy, có lẽ Phượng không nghe, tôi nói và cũng như tự hỏi mình:

- Không rõ nếu ngày ấy, gia đình Tâm ở lại Hải Phòng không di cư vào Nam, giờ này hoàn cảnh sẽ ra sao.

Phượng như muốn tâm sự:

- Phượng có đọc trong một tiểu thuyết của Lâm Ngữ Đường, một điều Phượng thấy đúng vô cùng: "đôi khi một sự việc nhỏ, một quyết định nhất thời có thể lại mang một ảnh hưởng to lớn đến cả một đời người..." Phượng biết rằng ngày ấy lúc học ở Hải Phòng, cả anh Hoài và anh đều mến Phượng. Nếu Phượng theo chú vào Sài Gòn thì rất có thể đời mình đã khác bây giờ.

Tôi chợt nhớ lại câu nói của Phượng ngày chia tay tại Hải Phòng "Phượng đoán biết chứ, có lẽ biết nhiều hơn nữa, anh Tâm ạ". Và hai chữ đời mình Phượng vừa mới dùng, tôi chủ quan muốn hiểu là đời chúng mình.

* * *

Do gặp lại Phượng, tôi ở lại Việt Nam thêm hơn một tuần nữa. Ngày nào tôi cũng lại thăm nàng. Tôi đi thăm lại những nơi có kỷ niệm ngày xưa. Chúng tôi đi ăn uống ại nhiều nhà hàng lớn nhỏ, đôi khi có cả Đan Tâm đi cùng. Cô bé thấy Mẹ có bạn cũ cũng vui lây và tỏ ra có nhiều thiện cảm với tôi.

Một buổi tối, sau khi nghe ca nhạc tại phòng trà khách sạn tôi đang cư ngụ, tôi cùng nàng ra uống rượu, nghe nhạc tại câu lạc bộ nhỏ của khách sạn. Quá nửa khuya, khách đã vắng. Trước đàn dương cầm, người nhạc sĩ dạo những nhạc bản cổ điển. Tôi yêu cầu Phượng đàn lại cho tôi những bản nhạc ngày xưa. Nàng ngập ngừng một chút, vì căn phòng lúc đó còn năm bảy người khách ngoại quốc. Tôi xin phép họ, cho người bạn cũ đàn một số nhạc phẩm. Tôi tin tưởng ngón đàn

của nàng, đã một thời làm tôi khi đêm về còn nhớ những âm ba. Không vị khách nào phản đối mà còn thích thú, họ cũng muốn nghe những tiếng đàn tài tử. Phượng khoan thai dạo những nốt đàn mở đầu, rồi trình bày những nhạc phẩm cổ điển, xong lại qua một số nhạc bản Việt Nam tôi rất quen thuộc, từ nhạc tiền chiến đến nhạc gần đây. Tiếng đàn của nàng tha thiết, kỹ thuật còn điêu luyện hơn ngày xưa. Tôi và số thính giả nhỏ bé ngồi thưởng thức và tán thưởng cho đến quá hai giờ đêm, phòng rượu ngưng sinh hoạt. Cùng với những ly rượu, những tiếng đàn xưa đã mang cho tôi và có lẽ cho cả nàng những rung động, xao xuyến của ngày thanh xuân. Tối hôm đó, Phượng đã ở lại phòng tôi trong khách sạn và cả hai chúng tôi như có lại mơ ước ngày xanh. Nàng thủ thỉ: "Thực ra em đã thấy mến anh từ lần đầu mới gặp anh tại nhà Mỹ Linh..."

Cuộc tình của tôi với Phượng từ hôm đó trở đi thật là nồng ấm. Tôi "khám phá" thêm nhiều điều chưa biết về Phượng. Chẳng hạn nàng có một nốt ruồi mà tôi thấy rất xinh nơi phần trên của ngực trái, nàng không thích đồ trang sức như nhiều phụ nữ khác, khi đi dạo hay trên giường nằm, nàng thích ở bên phải của tôi, sau khi thân mật chăn gối nàng thích nằm ôm nhau nói chuyện không cho tôi... đi ngủ, và bây giờ nàng thích đàn một số bài tân nhạc của Đài Loan...

Tôi thuyết phục Phượng lập gia đình cùng tôi và sẽ cùng sống tại Hoa Kỳ. Chúng tôi cùng đã quá tuổi trung niên, có người bạn đường hiểu biết, quen nhau từ nhiều năm, cuộc sống sẽ thêm phong vị. Tôi nghĩ chúng tôi sẽ sống hạnh phúc, tôi sẽ được nghe đàn dương cầm ấm áp của nàng mỗi ngày. Phượng đồng ý nghe theo đề nghị của tôi.

Tôi trở về Hoa Kỳ, mau chóng làm thủ tục cho nàng sang thăm nước Mỹ hai tháng với tư cách vị hôn thê của tôi. Sau đó, vài tháng tôi lại về thăm nàng một hai tuần lễ, và gần một năm sau, tôi chuẩn bị về Hà Nội làm lễ cưới. Mọi chuyện có bạn tôi và bên gia đình nàng sắp xếp. Chỉ còn hai ngày nữa là tôi lên máy bay về Việt Nam thì nàng điện thoại:

- Anh Tâm, em mong anh không giận em. Em không đủ thanh thản nói ý kiến em qua điện thoại, em sợ nghe giọng nói của anh khi anh buồn. Anh mở máy tính, coi điện thư của em mới viết cho anh.

- Có chuyện gì trở ngại vậy em?

Tiếng Phượng vẫn tươi vui ở đầu giây bên kia:

- Không có gì trở ngại đâu. Em vẫn mãi yêu anh. Anh vẫn có em. Anh coi điện thư đi rồi khi thuận tiện anh điện thoại lại cho em. Em hôn anh.

Phượng gác máy. Tôi bỏ hết việc đang làm dở, mở máy điện toán, đọc bức điện thư của nàng:

"Anh Tâm yêu mến,

Em sợ nói qua điện thoại sẽ không hết ý của em. Anh hãy tạm hoãn chuyến bay này, và về thăm em và các con em một hai tháng sau anh nhé. Ý em muốn thế, để lúc mình gặp nhau lần tới, em hy vọng anh không giận em nữa.

Em đã suy nghĩ thật kỹ. Em và anh nên sống với nhau như hai người yêu thân thiết, như đôi tình nhân "tân tiến" thời bây giờ. Mình lập gia đình cùng nhau, mới nghe thì thật là lý tưởng, rất là thuận lý. Anh đã ly dị, chồng em không còn, mình lại "quen nhau từ những ngày xưa", lòng thương yêu và tình thân thiết chúng mình đã có từ lâu. Thế nhưng lập gia đình ở tuổi nào cũng vậy, là có ràng buộc, là có bốn phận, là có những kỳ vọng nơi nhau. Em đã sang Mỹ thăm anh, sống cùng anh nhiều tuần lễ. Có những điều vui và mới lạ, có những tiện nghi mà em không thể tìm được ở nơi đây. Nhưng có lẽ vì em đã đóng cũi rể ở miền đất thân thuộc tại Việt Nam này, xa nó em thấy như một cây bị rời bỏ cái gốc đang có. Sống với anh ở ngoại quốc chỉ hai tháng, em nhiều khi cảm nhận thấy những hụt hẫng, những hoang mang, những xa lạ, em không diễn tả nổi. Dù có anh ở bên, em chưa thấy cái hạnh phúc hoàn toàn, và em e ngại vì thế sẽ không mang tới niềm vui và hạnh phúc trọn vẹn cho anh. Sống cùng anh tại Mỹ, em lại xa cha mẹ già, xa hai đứa con của em. Em cũng không muốn yêu cầu anh về luôn Việt Nam để sống cùng em. Mà dù có muốn cũng không được vì em hiểu rõ tư tưởng, ý nghĩ của anh về cuộc sống và xã hội bên này.

Em xin anh theo ý em, mình sẽ là "đôi tình nhân yêu nhau mãi", "sẽ mãi là tình nhân" như nhan đề một bản nhạc, những lúc ở xa nhau mà luôn nghĩ tới nhau, lúc gần nhau thì thật hạnh phúc... Đôi khi em sẽ sang Mỹ thăm anh, và vài tháng anh lại về thăm em một hai tuần. Em vẫn là của anh. Mãi là của anh.

Yêu và nhớ anh,"

Phượng

Tôi bị ngạc nhiên và ngỡ ngàng lúc đầu vì quyết định rất bất ngờ của Phượng. Tôi đã sẵn sàng đủ mọi thứ, cả vé máy bay, vài bộ đồ mới, cả nhẫn cưới cho nàng. Nhưng có người nói phụ nữ muốn là trời muốn. Và riêng tôi thấy nhiều khi phụ nữ muốn đúng, họ muốn có lý. Họ không bông bột như một số nam giới trong đó có tôi. Suy nghĩ này của tôi thành thực chứ không phải nói ra để đề cao, để lấy lòng phụ nữ. Tôi cũng cẩn thận dùng chữ đôi khi để vừa lòng một số phái nam không đồng ý với tôi. Và lại Phượng vẫn là của tôi, tôi vẫn là của nàng. Vì vậy, chỉ ngày hôm sau, tôi điện thoại cho biết tôi đồng ý theo đề nghị của nàng, không giận hay phiền trách gì nàng.

Lần thăm Phượng gần đây tại Hà Nội, trong một quán ăn bên Hồ Tây, nàng còn sợ tôi buồn. Ngồi cạnh bên tôi, Phượng nói nhỏ:

- Anh có phiền lòng về quyết định của em không?

Tôi nhìn Phượng, cầm tay nàng, đeo cho nàng chiếc nhẫn cưới. Chúng tôi coi

như cưới nhau, không hôn lễ, không tiệc tùng, không hôn thú. Trao nàng chiến nhân cưới rồi, mà Phượng vẫn sợ tôi còn buồn. Tôi nói vừa thành thực vừa như một lời khen tặng:

- Anh chỉ tiếc là không được nghe tiếng đàn dương cầm của em mỗi ngày.

Phượng có dáng vui vì lời tôi nói, nàng nhẹ nhàng trả lời:

- Anh không nên tiếc điều đó. Có một nhạc sĩ, bạn của Đan Tâm, cho em một đĩa nhạc do anh ấy sáng tác và thực hiện. Em thích đĩa nhạc này, hòa âm và dòng nhạc khá lạ. Em cứ nghe hoài mỗi ngày, sau hai tuần thì bắt đầu thấy chán, không nghe nữa. Thế nhưng lâu lâu mới đem ra thưởng thức, thì lại thấy hay. Tiếng đàn em cũng vậy, để lâu lâu em sẽ đàn cho anh nghe.

Phượng làm đúng như điều nàng nói. Tôi biết Phượng vẫn luyện ngón đàn rất thường, có lẽ mỗi ngày. Có lần Phượng nói khi đàn dương cầm là lúc tâm hồn nàng đi theo dòng nhạc và được thanh thoi nhất. Nhưng những ngày chúng tôi ở bên nhau như một đôi tình nhân vô cùng thân thiết, chỉ lâu lâu nàng mới đàn cho tôi nghe những nhạc bản tràn đầy những kỷ niệm ngày xưa.

Người Chài Lưới

Trần Văn Khang

Truyện ngắn dưới đây có nhiều chi tiết giả tưởng. Tên gọi của một số địa danh cũng được thay đổi. Nếu danh tánh và hoàn cảnh của các nhân vật trong truyện có sự trùng hợp ngoài đời thì chỉ là do ngẫu nhiên, ngoài ý muốn của người viết.

Tả ngạn sông Ngang Dừa là một xã ấp lớn, rất trù phú. Lại có cả một khu chợ, đông người mua bán từ sáng sớm cho tới quá trưa. Thêm hai tiệm cà-phê hủ tiếu và vài tiệm tạp hóa của người Hoa, càng làm cho khu chợ đông người lui tới.

Hữu ngạn có nhiều đồng ruộng, thôn xóm thưa và rải rác. Xa hơn chút nữa, độ ba bốn cây số đường thủy, gần bên Sông Lớn, là một khu làng của những người đánh cá, dân ở đây gọi là Xóm Chài. Nói là xóm, nhưng chính ra phải gọi là làng mới đúng. Dân số của Xóm Chài chừng trên một ngàn năm trăm người, với khoảng trên ba trăm gia đình. Nhiều nhà sàn, dựng ven bờ sông nước. Vài ngôi nhà gạch, lợp ngói đỏ. Những gia đình chài lưới, hàng ngày đem cá tôm đánh được sang bán bên khu chợ Ngang Dừa. Khi được mùa lưới, dân chài bán thủy sản không hết, họ đem phơi khô. Những tàu đò đem tôm khô, cá khô lên tỉnh bán. Trên đường về, họ lại chở những nhu yếu phẩm như đường, sữa hộp, dầu hôi, xăng nhớt để chạy máy tàu, máy xay lúa...về cho các tiệm buôn trong vùng.

Nhưng câu chuyện không phải là nói về địa dư và sinh hoạt của cư dân tại một vùng nhỏ thuộc đồng bằng Hậu Giang. Câu chuyện kể sau đây là sự tương quan rất ngẫu nhiên giữa một y-sĩ mới ra trường, còn phong cách thư sinh, và một người dân chài, chuyên đi câu cua. Mọi người trong vùng vẫn quen gọi anh ta là Hai Cua.

Vào thời gian ấy, giữa thập niên sáu mươi, An theo đơn vị đến đóng quân tại Ngang Dừa được chừng vài tháng. Nếu không đi hành quân, thì công việc của An rất nhẹ nhàng. Mỗi sáng anh đến trạm y tế, sát bên bờ sông, khám bệnh cho thuốc những quân nhân trong đơn vị. Thỉnh thoảng săn sóc giúp cho những nhân viên hành chánh bên quận. Gần như ngày nào cũng có một số cư dân trong vùng đi ghe thuyền, đem thân nhân đến xin khám bệnh, chữa thuốc. Chương trình dân

sự vụ, cốt tranh thủ lòng dân và cũng thêm cơ hội lấy tin tức tình báo của bên kia, cho phép An làm công tác y tế miễn phí cho dân chúng trong vùng. An đã hai lần đi dân sự vụ tại Xóm Chài. Cùng đi với anh, mỗi lần đều có toán y tá quân y, Trung Úy Hậu ban tình báo cùng một số nhân viên, và một toán nghĩa quân bên quận. Mỗi khi thi hành công tác y tế như vậy, An cũng như nhiều đồng đội khác, hay mặc đồ bà ba vải sẫm màu cho hòa mình với dân chúng.

Nhiều buổi trưa, An nằm nghỉ trên võng, trong lều vải dựng ở ven sông. Anh thường thấy Hai Cua, ngồi trên chiếc ghe nhỏ đơn độc, kiên nhẫn thả những bẫy cua dọc theo giong sông. Sông ở đây, gần biển, nửa năm nước mặn, và cua cá rất nhiều. Những cái bẫy cua hình dáng như những chiếc vó nhỏ, bên dưới có mảnh lưới thưa và một cục đá to bằng nắm tay. Người chài cột mồi bằng cá ươn hay một con nhái nhỏ vào bẫy. Cua có nhiều càng, bò vào lưới kiếm ăn. Một vài càng vướng mắc vào mạng lưới, cua không thoát đi đâu được. Thế là một lát sau, Hai Cua chèo ghe lại, dùng một cán cây dài có móc, kéo bẫy lên, ngon lành bắt một hoặc hai con cua mắc lưới. An quan sát, thấy việc chài lưới này cũng nhẹ nhàng. Nhưng An phục tài Hai Cua ở chỗ anh ta có cả mấy chục cái lưới, không phao đánh dấu, thế mà lại nhớ từng "tọa độ", từng địa điểm của mỗi chỗ đặt bẫy. Anh ta dùng móc, kéo bẫy lên, lần nào cũng trúng.

Hai Cua khoảng hai mươi lăm tuổi, dáng dấp mạnh khỏe, nước da nâu sậm vì nắng miền tây và vì nghề chài lưới trên sông nước. Vài lần An ra bờ sông, vây Hai Cua vào bến để mua hàng. An chưa thấy cua ở đâu to, ngon, chắc thịt như ở đây. Kể cả cua biển An được ăn khi còn nhỏ ở Hải Phòng, vùng cảng miền Bắc, hay cua ở Vũng Tàu, hoặc cua tại nhà hàng Diamond Chợ Lớn An hay dùng cùng bạn bè cũng không ngon bằng. Có khi An mua cả hai chục con cua, rồi thưởng thức những món cua hấp, cua xào me cùng với toán y tá của anh.

Một buổi sáng, An đang làm việc tại trạm y tế thì Hai Cua cùng người em gái độ mười lăm tuổi, đem bà mẹ lại nhờ chữa bệnh. Bà mẹ khoảng gần sáu mươi, nằm yếu mệt trên chiếc cáng. Bà còn tỉnh nhưng có vẻ đau nặng, bệnh đã ba ngày, ới mưa, nóng sốt và than đau nơi bụng. An chẩn bệnh. Lưỡi bệnh nhân đóng trắng và khô. Mạch nhanh, tim phổi bình thường. Bụng mềm, nhưng đau đều khi ấn chẩn. Một vài nốt lốm đốm đỏ trên da ngực và da bụng. Vì ở xa các trung tâm y tế, An không có phương tiện thử nghiệm để định bệnh qua huyết thanh. Anh tạm đoán là bệnh nhân bị thương hàn. "Trung-sĩ y tá trưởng" của An đồng ý ngay, anh ta nói, mẹ một người bán cua bị bệnh "ban cua" chắc là phải ... đúng! Người bệnh có vẻ bị thiếu nước vì nóng và ới, không ăn uống đã hai ngày. An cho y tá chuyển hai chai nước biển, có pha thuốc, qua tỉnh mạch, cho bệnh nhân. Sau đó

cho thêm một loại thuốc trụ sinh và thuốc trị nóng để uống trong một tuần. Hai Cua chăm chú nghe lời dặn dò, cảm ơn An rồi dùng ghe đem mẹ về nhà.

Hơn một tuần sau, An thấy Hai Cua đi chài lại. Anh ta đến tìm An ở trạm cứu thương, biểu An một buồng chuối cau và cả chục con cua lớn. Anh ta nói bà mẹ đã thuyên giảm nhiều, đang hồi phục. An vui vẻ nhận quà và cũng cảm thấy vui.

* *

Trong số những sĩ quan tại Trung đoàn, An quen nhiều với Trung úy Hậu. An hay chơi Domino hoặc cờ tướng với người sĩ quan trẻ này. Trung úy Hậu trước kia là sinh viên luật khoa năm thứ hai ở Sài Gòn. Hậu không may mắn, thi rớt và bị gọi nhập ngũ Thủ Đức khoảng mấy năm trước. Có sẵn quá khứ học Luật, anh được cho đi học khóa tình báo, rồi về làm Ban Hai của Trung Đoàn bộ binh tác chiến mà An đang phục vụ. Cùng một cỡ tuổi, lại cùng có quá khứ sống đời sinh viên Sài Gòn, An và Hậu dễ thông cảm nên chuyện trò rất hợp.

Vào một xế trưa, Trung úy Hậu và vài nhân viên đem anh chàng Hai Cua vào lều thẩm vấn của đơn vị. An tình cờ cũng có mặt. An được biết một nhân viên quân báo thấy Hai Cua vừa đi chài, vừa ghi chép và vẽ những gì trên một mảnh giấy, nên tạm giữ anh ta và đem trình Trung úy Hậu. Khai thác sơ khởi cho biết Hai Cua ở Xóm Chài với mẹ và một đứa em. Anh ta có giấy hoãn dịch vì lý do gia cảnh. Ai cũng biết rõ là ở miền quê, nếu biết lo lót, nhiều người có giấy này! An được xem tờ giấy "tang vật" mà Hai Cua đã vẽ. An thấy hình vẽ sơ sài con sông, dãy nhà bên phía bờ bên kia, địa điểm trạm cứu thương, và một hàng những chấm chấm nhỏ trên giòng nước. Không thấy vẽ doanh trại bộ chỉ huy, không ghi vị trí hai khẩu đại bác. Bị thẩm vấn, Hai Cua nói là vẽ những chấm trên sông để nhớ những địa điểm hay đặt bẫy cua.

Trung úy Hậu hỏi An:

- Bác sĩ nghĩ sao?

An không muốn lãnh trách nhiệm về việc tha hay bắt giữ anh câu cua này. An cũng chẳng có kinh nghiệm gì về khai thác các nghi can hay về tình báo. Việc bắt giữ, khai thác những người phía bên kia cũng không phải là nhiệm vụ của An An. Anh đáp lời:

- Trung úy cứ tính sao cho đúng. Riêng tôi thấy chưa có gì để xác thực tội trạng anh này. Nhưng nếu Trung úy nghi ngờ thì kế tiếp mình sẽ làm gì?

Trung úy Hậu hơi ngần ngừ:

- Nếu nghi ngờ hay có nhiều bằng chứng, mình cho giải về Sư đoàn, để khai thác thêm. Khai thác không có gì thì lại thả ra, thường là vài tháng. Bắt đi khai thác thì cũng tội cho người ta, chỉ vì mảnh giấy sơ sài này. Hay là thôi, mình thả

tên này.

An cũng nghĩ thêm về người mẹ và người em của Hai Cua. Người đàn bà miền quê mộc mạc, đứng tuổi, đơn chiếc, mới lành bệnh. Nếu anh chàng này bị bắt mang đi, hai người thân của anh ta chắc sẽ không có ai giúp đỡ. Vì thế An cũng nói theo người Trung úy phòng nhì:

- Tôi cũng nghĩ vậy, thôi cho người ta về.

Hai Cua được cho đi, nhìn An, không nói, nhưng có vẻ như ngầm cảm ơn.

* *

Tin điện báo từ Vị Thanh, bằng siêu tần số, cho biết cha của An trở bệnh nặng, nằm bệnh viện Đồn Đất Sài Gòn, chắc khó qua khỏi, cả nhà cần An về gấp. An được vị chỉ huy cấp giấy cho phép về ngay, nhưng anh chờ trực thăng hai ngày rồi, không có. Chiều hôm trước, có một chuyến trực thăng, nhưng điểm về lại là Cà Mau, còn xa Sài Gòn hơn. Không có đường bộ cho xe chạy, vì cả một vùng xung quanh nơi đồn trú toàn là xã ấp, đồng ruộng và kinh rạch. Nếu không dùng trực thăng, chỉ còn đường thủy. An chưa bao giờ dám đi ghe tàu từ đây về Cần Thơ vì vài sĩ quan và binh sĩ gấp đi về nghỉ phép bằng tàu đò đã bị du kích bắt giữ đem đi mật khu, mất tích. Nhưng An không thể chờ lâu hơn được. Những tháng trước, An đã biết về bệnh nặng của cha anh, chắc cha An khó qua khỏi lần trở bệnh này. An đành liều, tính toán rời Ngang Dừa về Cần Thơ bằng đường thủy. An có quen thân ông Phó hành chánh Hưng, bên quận. Ông ta làm gấp ngay cho An một căn cước dân sự, một giấy chứng nhận là giáo viên trường tiểu học Ngang Dừa, và một sự vụ lệnh nói An về họp với Khu học chánh tỉnh Phong Dinh. An nhờ cô giáo Hương cho mượn chiếc cặp da của Cô và vài cuốn sách giáo khoa bậc tiểu học. An mặc đồ dân sự, như một thầy giáo làng và ngay buổi sáng sớm, đáp tàu đò để đi Cần Thơ. Anh dự tính sẽ kịp chuyến chót của xe đò Đức Hiệp từ Cần Thơ về Sài Gòn cùng ngày.

Chiếc tàu đò rời bến từ khu chợ Ngang Dừa. Khói của động cơ dầu cặn bay tỏa mùi hắc. An muốn kín đáo nên ngồi trong khoang tàu. Nhưng hơi khói làm ngột ngạt, anh phải ra phía đầu tàu, hứng gió mát và tìm không khí trong lành. Hành khách trên tàu chỉ có sáu người đàn bà, buôn bán, nói chuyện ồn ào, tuổi của họ khoảng chừng từ hai mươi đến bốn mươi. Có hai người trông khá đẹp, trẻ trung, nước da mận mà. An thầm nghĩ, một cách thơ thẩn và khô hời, như muốn quên đi nỗi lo âu trong lòng cho một chuyến đi có thể coi là nguy hiểm cho anh: không ngờ tại Bến Ngang Dừa mình lại có dịp đi chung thuyền với các thương nữ như chàng Tư Mã Áo Xanh ngày xưa ở Bến Tâm Dương. Khác biệt rất xa là An vô danh tiểu tốt về thơ văn, mà người xưa thì thi tài lừng lẫy một thời. Thi sĩ họ Bạch tới

bến vào lúc canh khuya. An rời bến vào buổi sớm mai. Tư Mã Áo Xanh đất Giang Châu ngày trước gặp có một thương nữ đàn hát tài hoa. An gặp tới sáu bà buôn bán ồn ào. Cô nào, bà nấy cũng lo chuyện làm ăn, chẳng ai đàn hay, hát ngọt!

Ông chủ tàu, cũng là tài công, độ ngoài năm mươi, còn tráng kiện. Đã có người gửi gắm An cho ông nên ông tiếp An rất thân tình, cởi mở. An thấy mấy hành khách trên tàu, quen thuộc kêu ông ta là Chú Tư. Phụ với ông là đứa con trai, độ mười bốn, mười lăm tuổi. Cậu giúp cha bằng cách dùng sào chống đỡ hai bên lúc tàu rời bến. Khi tàu di chuyển, An thấy cậu bé thỉnh thoảng lấy bình nước, tưới nước nơi động cơ, có lẽ để làm cho máy bớt nóng. Như vậy, kể cả An, trên tàu chỉ có ba người là đàn ông, còn sáu hành khách kia là phụ nữ. An nghĩ thầm là tàu có chín người, con số này hên.

Chiếc tàu đi qua Cồn Dừa, rồi qua Xóm Chài, sắp sửa vào Sông Lớn. Tên gọi là Sông Lớn, nhưng đây cũng chỉ là một nhánh của giòng Hậu Giang. Lần đầu tiên, An rời xa vị trí của đơn vị bằng đường sông nước.

Mấy người hành khách phụ nữ bắt đầu nói chuyện lời lơ, buôn bán. Các "thương nữ" này lo việc hàng họ, không để ý gì tới An. Có lẽ họ cũng quen với cảnh có người quá giang kiêu này. Chú Tư chủ tàu mời An một ly trà nóng. Có gió mát, hơi lạnh trên sông vào buổi sáng, được ly trà ấm, An thấy dễ chịu. An hỏi chuyện vài câu với chú Tư và cậu bé, nhưng anh hạn chế đối thoại, sợ nói nhiều lộ tung tích của mình. Có lẽ trên chiếc tàu nhỏ này, chỉ mình Chú Tư biết An là ai. Nhưng chú cũng gọi lại An là chú, có nghĩa là chú em. An thầm cảm ơn vì Chú Tư đã muốn giữ kín tông tích cho mình.

Tàu ra tới sông lớn, tăng thêm tốc độ, gió như mát hơn. Hai bên bờ là những lùm cây xanh tươi, phần nhiều là cây cần đước và dừa nước. Lâu lâu, tàu lại qua những xóm làng nhỏ nhỏ, xanh những bóng dừa. Nhiều hàng dừa, quả trái trĩu trĩu dưới những tàu lá xanh phía gần ngọn cây. Cảnh trí sông nước miền Hậu Giang thật là đẹp, và có dáng an bình quá. Lác đác vài ghe tàu xuôi ngược trên giòng sông. An mở chiếc cạc-táp Cô Hương cho mượn, lấy mấy cuốn sách giáo khoa tiểu học ra coi cho qua thời giờ. Những sách tập đọc, sách dạy làm toán sơ đẳng cộng trừ nhân chia, vài trang lại có những dòng chữ viết tay ghi chú của Hương. Nét chữ đẹp và mềm mại, hiền như người con gái chủ nhân những dòng chữ. An cũng mới quen Cô Giáo Hương được một hai tháng nay.

Tàu đã chạy được độ trên hai mươi cây số đường sông, chợt có ba tiếng keng từ ven bờ vọng ra. Một bà hành khách nói:

- Lại "mấy ông" đòi kiểm soát, thu thuế rồi!

An nhìn ra phía trước. Bờ phía bên phải có một chiếc cò xanh đỏ, cột vào một

cây sào dài, đang đưa qua đưa lại bên sông. Cờ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam! An biết ngay là tàu của anh bị phía bên kia chặn lại. An thực sự lo sợ, phen này bị bắt ra bùng thì hết hy vọng gặp lại Cha đang đau nặng. Có khi vĩnh viễn xa mẹ và các người thân. Sẽ gian khổ và nhọc nhằn. An nghĩ thầm nếu bị cầm tù trong một chế độ không có tự do cho ngay cả những người chưa bị bắt giữ, quả sẽ là một tai họa nặng nề cho anh, có khi còn mất mạng. Tim An đập mạnh, nhưng ngoài mặt anh cố giữ bình tĩnh. Chú Tư chủ tàu và mấy bà buôn bán thì rất thản nhiên. Họ đã quá quen với cảnh "kiểm soát" này.

Tàu cập vào bến, sát bên một chiếc cầu nhỏ đưa ra mặt sông. Cầu làm bằng thân hai cây dừa, không có tay vịn. Bốn năm người du kích đứng ở trên bờ, chờ đợi, mặt mày họ cũng như thường, không có gì là dữ dằn như An thầm nghĩ từ trước. Có người mới độ mười sáu, mười bảy tuổi, có người trạc gần ba mươi. Trong đám chỉ có hai người võ trang bằng súng carbine, những người khác mang lựu đạn nội hóa, và tất cả đều mặc đồ bà ba. An đoán là xung quanh đây, phải có những toán yểm trợ của họ, đang nằm trong những lùm cây đây đó, với súng đạn đã lên nòng, sẵn sàng hành động ứng phó với mọi biến cố.

Hai người du kích lên tàu kiểm soát, một người hỏi chủ tàu:

- Có gì lạ không Chú Tư?
- Cũng thường thôi. Tàu chở mấy bà con đem hàng lên Cần Thơ.
- Chú và bà con có gì yểm trợ Mặt Trận không?

Đây là một cách đòi nộp thuế. Một bà nói:

- Tôi đem tôm khô đi bán trên tỉnh. Để tôi tặng mấy chú ít kí.

Bà này lấy một bịch lớn tôm khô, bọc kỹ càng trong bịch giấy dầu, đưa cho người du kích trẻ. Anh ta nói ngắn: "Cám ơn cô bác".

Chưa ai để ý gì đến An và anh đang tạm mừng thầm.

Một bà khác tặng cá khô. Một bà cho một thùng giấy đựng đầy rau cải ... Những người du kích nhận hết, không từ chối một món gì. Việc "thu thuế" có lẽ là công tác chính, kiểm soát chỉ là việc phụ. Thấy "thuế" nộp đã đầy đủ, họ không hỏi gì thêm mấy người kia. Một người du kích bây giờ mới quay lại nhìn An:

- Chú Tư, còn anh này là ai dzậy?

Chú Tư thản nhiên đáp lại:

- "Ông thầy giáo" quá giang đi Cần Thơ, lo việc trường học cho mấy trẻ.

Người du kích nhìn An, quan sát, giọng nghiêm nghị:

- Anh cho coi giấy tờ, chứng minh thư.

Bao nhiêu giấy tờ quan hệ, căn cước quân đội, An đã dấu kỹ giữa hai lớp da của chiếc cạc-táp, dán keo kỹ chỗ cất dấu. An đưa tấm căn cước mà ông Phó quận

Hưng mới làm dùm, và tờ sự vụ lệnh về hợp với Ty Học Chánh Phong Dinh.

Người du kích coi giấy tờ, rồi nói nhỏ gì với người kia, An không rõ. Rồi anh ta nói:

- Trường hợp này phải hỏi Anh Hai.

Họ giữ tàu lại, ra lệnh cho An lên bờ, đứng bên một gốc dừa. Một người lục những túi áo và chiếc bóp của An. Một người khác nấn người anh xem có mang vũ khí gì không. Không có gì để họ nghi ngờ, một du kích nói với người khác:

- Mày vô trông, mời anh Hai.

An hồi hộp thêm, nhưng ráng làm vẻ bình tĩnh. Chỉ ba phút, nhưng An thấy rất lâu, "Anh Hai" từ mấy lùm cây phía xa bước tới. An bàng hoàng cả người vì nhận ra Anh Hai chỉ huy toán du kích là Hai Cua. An đã có dịp chữa bệnh cho mẹ anh ta và đã nhiều lần mua cua của anh. Hai Cua chỉ hơi sưng người vài giây, nhưng rồi anh ta làm như không có chuyện gì quan trọng, như chẳng hề quen biết gì với An. Anh ta nói với mấy đàn em:

- Có chuyện gì dzậy, tụi bây?

Một người du kích nói:

- Anh Hai, anh này khai là thầy giáo. Tụi em thấy anh ta còn trẻ, tóc lại cắt ngắn, dám là sĩ quan Ngụy lắm. Mà thầy giáo thì cũng là công chức Ngụy rồi, tụi em phải hỏi anh tính sao.

An lo lắng nhưng cố giữ bình tĩnh. Anh không thể ngờ rằng cả vận mạng và tương lai của anh bây giờ lại éo le nằm trong tay người chài lưới Hai Cua này.

Hai Cua quay sang An:

- Anh đưa lại giấy tờ coi.

An hồi hộp nhìn Hai Cua, đang coi chứng minh thư "thầy giáo giả" của mình. Tuy mặt Hai Cua lúc này lạnh lùng, An phải tinh ý lắm mới thấy một khóe cười rất là thâm kín trên miệng hắn.

Cùng lúc, mấy người phụ nữ buôn bán chờ lâu trên tàu, coi bộ nóng ruột. Bà đã "yếm trợ Mặt Trận" bọc tôm khô lúc nãy, đứng ở mũi tàu nói vọng lên:

- Chú Hai mạnh giỏi, hôm nào có cua lớn, dành bán cho tôi vài con nghe.

Hai Cua quay lại:

- Dì Năm. Tui hồi này mắc bận ở đây, ít đi lưới lắm. Nhưng nếu có cua ngon, tui cho con Lài đem sang dì.

Một người phụ nữ trẻ trên tàu nói với lên phía bờ:

- Thôi cho đi đi Chú. Lỡ phiên chợ chiều của tui tui mất. Ông này là Thầy giáo. Để cho người ta đi. Không có ông, con em tui lấy ai dạy học.

Hai Cua xem qua giấy tờ của An, thoáng một chút suy nghĩ, trao trả lại cho An,

rồi nói với đàn em:

- Thày Giáo, chỉ biết dạy học, để cho đi.

Hai Cua nhìn An, không chào từ giã, không nói gì thêm. Dù đã quen trước, chắc chắn là An không tính chuyện bắt tay cảm ơn, hay chào từ biệt, hoặc hẹn "tái ngộ". Không hợp lúc, và An cũng chẳng bao giờ muốn phải tái ngộ với anh chàng du kích Hai Cua này nữa, nguy hiểm quá.

Được tự do, An trở xuống tàu, khẽ thở ra nhẹ nhõm. Khi nhìn lên, An thấy Hai Cua thông thả đi vào phía sâu trong bờ, rồi bóng dáng khuất sau những lùm cây xanh. Con tàu nhỏ rời bến, một người du kích nói với xuống:

- Chú Tư ơi, bạn về nhớ nói bà con đem đường và sữa hộp cho anh em.

Một anh du kích khác nói thêm:

- Có la-de Con Cọp nữa càng tốt.

An nghĩ thầm: Hóa ra tất cả họ đã biết nhau, và tâm lý chung, dù ở bên chiến tuyến nào, con người bình thường có lẽ ai cũng mong bình an, có nhu cầu vật chất, những ham muốn thông thường như nhau.

Trên đường sông về Cần Thơ, An thầm cầu nguyện. Cầu cho cha anh có một phép lạ nào để sống thêm. Nhưng sự cầu nguyện khẩn thiết nhất mà An mong được ban cho lúc này là không gặp thêm toán du kích nào chặn đường nữa.

An an toàn tới Cần Thơ bằng đường sông và kịp về Sài Gòn cùng ngày bằng chuyến xe đò chót. Cha An còn nhận được anh, nhưng bệnh đã tới giai đoạn cuối. Hai ngày sau, cha An qua đời.

* *

Cùng gia đình lo xong tang lễ của cha, An ở lại Sài Gòn ít ngày với mẹ và anh em. Hai tuần sau, anh trở lại Ngang Dừa, tiếp tục nhiệm vụ của người y sĩ trong quân ngũ. An tự hứa là sẽ không bao giờ dùng đường thủy để từ đơn vị đi Cần Thơ hay để trở về đơn vị nữa.

Trong ba ngày đầu, sau khi về lại nhiệm sở, An suy tư thật nhiều. Thấy An ít nói, không linh hoạt như trước kia, mọi người trong đơn vị tỏ ra thông cảm, như hiểu cho sự mất mát lớn lao trong đời anh. Thực ra, An suy tư nhiều vì nhớ tiếc cha cũng có, nhưng chuyện làm An bận tâm chính là người chài lưới Hai Cua.

Hai Cua biết rõ An là Trung Úy quân đội quốc gia. Trong ngày An bị chặn giữ bên sông, nếu Hai Cua bắt anh đem ra bung biển, không biết số phận An bây giờ ra sao. Giờ đây, rất rõ ràng là An và Hai Cua, mỗi người ở mỗi bên chiến tuyến. Hai Cua lại hiểu rõ địa hình, vị trí đơn vị của An. Anh ta có thể chỉ điểm hoặc phụ giúp các lực lượng bên kia pháo kích chính xác hay tấn công doanh trại của An khi có dịp thuận lợi. An và bao nhiêu đồng ngũ có thể tử thương, đơn vị An sẽ

tồn thất nặng nề. Còn nếu An tố cáo Hai Cua với ban tình báo, họ sẽ sang Xóm Chài tìm cách bắt anh ta. Sẽ khai thác, sẽ tra tấn để tìm thêm những đường dây "phiến Cộng" trong vùng. Làm vậy chắc là sẽ đưa Hai Cua đến chỗ cùng khổ, luôn cả mẹ và người em của anh ta sẽ không có ai săn sóc, trợ giúp, che chở. An có nỗi hại một người đã có hành động tốt với anh không.

Trong đời An, anh đã nhiều lần phải cân nhắc, chọn lựa, nhưng chưa bao giờ mất công tính toán, suy nghĩ nhiều như lần này. Khi còn nhỏ dại, An thường phải chọn một trong hai món đồ chơi cha mẹ đồng ý mua cho, như lựa khẩu súng giả hay chiếc xe chạy bằng giấy thiều. Khi lên trung học, anh phải suy nghĩ mất vài ngày để chọn học ban văn chương hay ban toán.. Xong trung học, anh lại phải chọn học trường kỹ sư Phú Thọ hay trường Y khoa đường Trần Quý Cáp. Đâu xong Nội trú tại Sài Gòn, anh phải chọn ngành nội thương hay là giải phẫu. Bây giờ An cần quyết định tố cáo hành tung của Hai Cua hay là dấu nhẹm mọi chuyện, coi như không có gì xảy ra.

Sau cùng, An có một lựa chọn. Anh nói cho Trung úy Hậu ban tình báo biết là chuyển về Cần Thơ của anh mấy tuần trước, anh đã bị du kích chặn xét và trưởng nhóm du kích chính là Hai Cua. Hắn biết An là Trung úy y-sĩ nhưng không bắt giữ. Trung úy Hậu quyết định rất nhanh chóng:

- Tôi sẽ không nói chuyện này cho ai, sợ họ lại thẩm vấn bác-sĩ, có khi phải lên trình diện phòng nhì Sư Đoàn, rất phiền phức lồi thối. Nhưng bác-sĩ đã cho tin tức tình báo chính xác, bốn phận tôi phải bắt hẩn. Tôi xin phép Chỉ Huy Trưởng, ngày mai xin thanh sát tuần phòng Xóm Chài, có bác-sĩ đi khám bệnh dân sự vụ cùng với chúng tôi. Mình phải tìm bắt Hai Cua để khai thác. Cả một mạng lưới do thám của tụi nó quanh đây!

An đã có những giao hảo khá thân với Trung úy Hậu, anh nói:

- Vì an ninh chung cho cả đơn vị, tôi nghĩ trung úy làm vậy là đúng. Nhưng tôi sẽ cho ông sĩ quan trợ y và toán y tá của tôi đi lo dân sự vụ và phát thuốc cho dân lần này. Toán thám báo và Trung úy sẽ lo việc kia. Tôi muốn tránh, vì trong lòng thấy không thoải mái nếu tôi hiện diện và chính thức tham dự việc dẫn giải Hai Cua.

Trung úy Hậu đồng ý.

Sáng hôm sau, cả một lực lượng đến Xóm Chài. Vừa công tác dân vận, vừa truy lùng người du kích cộng sản Hai Cua. Nhưng không tìm ra hẩn, nghe nói Hai Cua đã cùng mẹ và em dọn nhà đến một thôn ấp, một làng xóm nào xa xăm, không ai rõ. Hay là có rõ, họ cũng không dám nói. Hẩn đã rời Xóm Chài hơn hai tuần trước, chỉ ít ngày sau khi hẩn cùng với toán du kích gặp An lần chót bên ven bờ

Sông Lớn.

* *

Trong một dịp hàn huyên với bạn bè tại Sài Gòn, An đem chuyện Hai Cua kể cho các bạn nghe. Một anh bạn đặt câu hỏi:

- Hai Cua không bắt giữ bạn, mặc dù biết rõ bạn là sĩ quan bên mình. Bạn lại tố cáo, để lòng bắt hẩn. Có lúc nào bạn nghĩ là mình hành xử thiếu nhân hậu, kém tình nghĩa, chưa bằng một người du kích Cộng sản không?

An đã có sẵn câu trả lời:

- Không! bạn ơi. Việc liên hệ, mua bán, trị bệnh lúc đầu giữa tôi và Hai Cua là theo tình cảm riêng, giao thiệp hàng ngày rất thông thường, rất tự nhiên của con người. Chuyện sau này phải báo cáo Hai Cua là du kích bên đối phương khi đã biết chắc chắn tông tích của hẩn, chỉ là bốn phần của tôi với đơn vị, là việc phải làm của một quân nhân cho sự an toàn của đồng ngũ và của chính mình nữa. Mặc dù khi làm ơn, trả nghĩa ta không nên kể, cũng chẳng nên tính sổ, chẳng nên "cộng trừ". Nhưng trong trường hợp đặc biệt này, lại càng dễ để tôi quyết định. Tôi lo chữa trị, cứu chữa Mẹ của Hai Cua một lần. Góp phần thả hẩn khi còn nghi ngờ một lần. Hẩn cho lại tôi một buồng chuối cau cùng một chục cua. Rồi "tha tào" tôi một lần. Nếu "kết toán" ân nghĩa, "sổ sách" coi như quân bình rồi. Việc thông báo về tông tích Hai Cua là chuyện tôi phải làm. Quyết định lòng bắt Hai Cua là trách nhiệm của ông Trung Úy an ninh và của vị chỉ huy. Hơn nữa Hai Cua có để tôi đi, cũng chẳng hại gì đến cái tổ du kích của hẩn. Trái lại, nếu không báo cáo hành tung của hẩn, tôi thấy có lỗi với Trung Đoàn tôi đang phục vụ và tôi không thể nào ... ngủ yên được.

Tại đơn vị, cũng như với bạn bè, sau này không ai nhắc tới chuyện Hai Cua nữa. Nhưng An lại gặp một trở ngại nhỏ. Cho đến bây giờ, mỗi khi dùng món cua, cua hấp, cua xào me, cua rang muối, cua gừng hành, cua farci ..., dù đặc sắc đến đâu, An không bao giờ thưởng thức món hải sản ngon miệng này một cách hồn nhiên, "tận tình" như ngày trước nữa. Mỗi khi dùng cua, anh luôn luôn nhớ tới người du kích cộng sản, nhiều lần gặp gỡ, khi buồn khi vui, một thời đã xa ...

Trần Văn Khang

(Trích trong tập Hai Bên Chiến Tuyến)

Hạnh Phúc Vẫn Bình Yên

Trần Văn Khang

Tên họ và hoàn cảnh của những nhân vật trong truyện ngắn dưới đây nếu có sự trùng hợp ngoài đời thì chỉ là do ngẫu nhiên, ngoài ý muốn của người viết. Một số địa danh và thời gian cũng được thay đổi.

Xe ra khỏi ngoại ô, xa dần phố xá đô thị. Nam thấy thoải mái. Cả một vùng trời bao la trên cao, và những cánh đồng rộng trải dài xung quanh. Phía xa là những rặng đồi núi xanh đen in đậm nét cuối bầu trời, quang đãng vào buổi sáng có thời tiết tốt.

Một mình lái xe trên quãng đường hơn ba trăm dặm, lần này Nam không có cảm giác cô đơn mà còn thấy một chút thư thái, có một không gian và thời gian riêng tư cho mình. Anh cũng hơi ân hận đã không chiều ý Hằng. Ngày hôm qua Hằng, vợ anh, còn nói: "Em muốn đi Orange County cùng với anh". Nam đã trả lời nàng: "Anh họp chuyên nghiệp có hai hôm, cả ngày ở phòng hội, em đừng đi cho mệt. Sáng Chủ nhật này lại có thợ làm vườn đến, em nhớ chỉ họ những chỗ cần làm cho quang đãng khu vườn sau nhà mình, chắc là quá trưa Chủ nhật anh mới về tới". Hằng đồng ý, thoáng có nét buồn, nàng nói: "Nhưng anh lái xe một mình làm em lo, hay anh lấy máy bay đi cho khỏe". Nam nói để vợ an tâm: "Anh sẽ lái cẩn thận. Anh muốn dùng xe, làm chủ lấy mình. Chờ đợi ở phi trường rồi mượn xe hay dùng Taxi cũng mất nhiều thời giờ, làm anh nóng ruột hơn".

Thật ra việc đi họp chuyên nghiệp lần này với Nam chưa hẳn là lý do chính. Những buổi thuyết trình, hội thảo về bệnh tim mạch thì thành phố lớn nào như San Jose của anh cũng thường có. Ngành tim mạch cũng không phải là chuyên môn của một y sĩ nội khoa tổng quát như anh. Nhưng anh nói với Hằng: "Thuyết trình viên kỳ này là một chuyên gia nổi tiếng, đã có những công trình khảo cứu giá trị, anh muốn đi nghe". Nam quả thật mong được nghe bài nói chuyện, có ghi trong chương trình, của vị giáo sư danh tiếng về bệnh tim, nhưng phần lớn quyết định của anh là nhân dịp này tham dự buổi ra mắt tác phẩm thứ tư của nhà văn nữ Quỳnh Dung sẽ tổ chức vào chiều thứ Bảy. Anh muốn bất ngờ gặp lại người

xưa. Vì bận rộn, anh chỉ mới đọc được hai cuốn tiểu thuyết đầu tay của nàng. Hai tập truyện, mới phát hành ba năm trước, đã mau chóng gây được tiếng vang và được tái bản chưa đầy một năm sau mỗi lần ra mắt.

Vừa lái xe, anh vừa nhớ tới Quỳnh Dung, bây giờ là một cây viết được nhiều người biết tới. Điều này Nam không ngờ mặc dù thời gian quen nàng bao nhiêu năm trước anh đã biết nàng yêu mến thơ văn. Nghĩ tới việc sẽ gặp lại Quỳnh Dung cuối tuần, anh thấy bồi hồi vọng nhớ về những kỷ niệm với nàng. Anh còn ghi trong lòng lời nàng nói khi hai người chia tay: "Em biết anh yêu em, em cũng yêu anh vô cùng. Em đã không tiếc gì với anh ... Nhưng em không thể nhận lời lấy anh vì ..." Ngày ấy, lúc gặp nàng lần đầu vào một cuối hè đầu thập niên 70, anh đã phải chú ý ngay đến vẻ đẹp vừa hồn nhiên, vừa quyến rũ của nàng. Năm đó nàng mới 18 tuổi, tuổi thanh xuân hoa mộng như một cánh hoa mới vừa nở. Anh đã 26, mới thực sự vào đời. Thời gian qua thật mau. Nam thầm tính, bây giờ nàng đã 40, anh 48 tuổi đời. Chuyện cũ cả hai chục năm qua, bây giờ đã đầu thập niên 90, nhưng Nam khó quên. Anh nhớ những lời nói và cả nhiều chi tiết giữa anh và Quỳnh Dung. Nhớ những tình cảm ân cần nàng dành cho anh, những ngày tháng yêu thương bên nhau, những diễn tiến sôi động của thời cuộc và chiến tranh vào vài năm chót trước khi Sài Gòn đổi chủ, cả một dĩ vãng chợt về, qua cuốn phim ký ức ...

Ngang Dừa, và những ngày tháng ấy

Tuy mới đến vùng đất thuộc miền Hậu Giang này, Nam thấy mến cái tên cũ Ngang Dừa hơn tên mới được đặt sau này là Quận Kiến Thiện. Có lẽ vì tên gọi Ngang Dừa đối với Nam nghe thơ mộng hơn.

Ngang Dừa thực ra chỉ là tập hợp của một số xã ấp nằm hai bên một nhánh sông. Chung quanh là những chòm xóm rải rác và rạch ngòi. Không xa biển, sông rạch ở đây nửa năm nước ngọt, nửa năm nước mặn. Dân cư hiền hòa nhưng bị nhiều áp lực, nhiều tai họa của chiến tranh. Từ ngày xã ấp trở thành quận ly, kinh tế có vẻ gia tăng vì có thêm những viên chức hành chánh và quân đội, đồn bót của chánh quyền quốc gia trú đóng. Tại đây mọi di chuyển đều là đi bộ hoặc dùng ghe, tàu. Quân nhân, công chức bên quốc gia khi di chuyển lẻ tẻ thường dùng trực thăng.

Thời gian đầu thập niên 70, cuộc chiến tại miền Nam Việt Nam gia tăng đến cao độ và lan rộng khắp nơi. Nam vừa học xong y khoa năm chót, chưa kịp trình luận án, anh được bổ nhiệm làm Y sĩ cho một đơn vị tác chiến bộ binh, hậu cứ đóng tại Vị Thanh. Mới đáo nhậm được vài tuần, Nam theo Bộ Chỉ huy đến đồn trú tại Ngang Dừa. Những trận đánh lớn nhỏ giữa hai bên quốc gia và cộng sản

xảy ra thường xuyên.

Bên ngoài vòng đai của đơn vị là một khu nhà máy xay lúa, gồm nhiều dãy nhà tôn dựng ven bờ sông, bên những hàng dừa xanh mát. Nam tạm thời lập một trạm y tế trong một căn nhà tôn mái cao, làm việc chung với văn phòng hành chánh của quận. Mỗi sáng, nếu không đi hành quân, anh đến khám bệnh cho quân nhân và cho dân chúng trong vùng qua công tác dân sự vụ. Tòa nhà tôn rộng lớn, không có vách ngăn bên trong. Giữa nhà là một dãy ghế dài cho mọi người ngồi chờ khám bệnh hoặc chờ làm giấy tờ. Một bên là các văn phòng của quận, một bên là nơi làm việc của anh.

Mỗi đầu ngày, Nam thấy ông phó Quận trưởng đến làm việc cùng với các nhân viên, các thư ký. Ông Phó Hưng, trạc tuổi Nam, dáng dấp trẻ trung, dễ gây cảm tình. Ông tốt nghiệp về Hành Chánh và cũng mới được bổ nhiệm tới đây chỉ trước Nam vài tháng. Ở nơi xa xôi, cùng là thư sinh mới ra trường từ Sài Gòn, Nam và ông Phó Quận chỉ ít ngày trở nên quen thân. Trước mặt mọi người, Nam vẫn gọi Hưng là Ông Phó, Hưng cũng kêu anh là bác sĩ. Khi chỉ có hai người, xưng hô thân mật, Nam và Hưng thường gọi nhau bằng cậu. Những buổi chiều rảnh rang, hai người bạn mới thường ngồi uống trà, đôi khi uống bia bên bờ sông. Hưng hiểu biết, thích thơ nhạc, hay bàn luận về các vấn đề thời cuộc, Hưng thuộc nhiều thơ văn Việt và Pháp. Đôi khi Hưng đọc cho bạn nghe vài bài thơ do chính Hưng làm.

Hai người bạn cùng trẻ tuổi, chưa lập gia đình, câu chuyện dần dà dẫn đến việc tâm sự về tình cảm, và tất nhiên là chuyện về "các cô Sài Gòn". Hưng bản tính cởi mở, kể lại những chuyện tình của anh, đôi khi với những chi tiết nóng bỏng. Nam sẵn dịp hỏi bạn:

- Cậu là người đào hoa, bây giờ bồ ruột của cậu là ai?

Hưng nói với bạn:

- Tôi đang quen thân một cô học Văn khoa ở Sài Gòn, tên là Quỳnh Dung. Khá đẹp.

Hưng cũng hỏi lại Nam về cuộc sống tình cảm. Nam kể qua mình có quen vài người thiếu nữ, nhưng chưa có ai thực sự là người yêu.

Từ đó rất đều đặn, mỗi tuần Hưng nhờ Nam chuyển gửi giùm một hoặc hai lá thư cho người yêu Quỳnh Dung qua bưu chính quân đội, có trực thăng đi về tỉnh thường xuyên nên thư từ nhanh chóng hơn bên dân sự.

Một hôm, Hưng trở lại Ngang Dừa sau khi đã về thăm Sài Gòn mấy tuần lễ. Hưng tâm sự cho bạn nghe tiến bộ mới về chuyện tình nồng nàn, đã đến thời kỳ thật là thắm thiết, giữa Hưng và Quỳnh Dung. Nam hỏi bạn về dự tính tương lai.

Hưng nói giọng chân thành: "Quỳnh Dung và tôi yêu nhau, đã cho nhau trọn vẹn, và tội này sắp đính hôn".

ooOoo

Nam đứng chờ trực thăng tại sân bay Vị Thanh để trở về Ngang Dừa. Lần này anh được về phép và ở lại Sài Gòn trên nửa tháng để sửa soạn và trình luận án. Anh đã hưởng gần ba tuần lễ rất thanh bình tại thủ đô. Trở về đây, không khí chiến tranh lại hiện rõ.

Đã cuối hè mà thời tiết còn nóng. Sân bay nhỏ, bằng đất nện, khô cằn, cỏ cháy. Nhiều khoảng đất rộng bao quanh sân bay bị những ngày nắng nhiều trở nên trụi, chỉ còn vài cụm cây khô. Thỉnh thoảng một cơn gió thổi qua, bụi cát bay mù. Nam bỏ chỗ đứng, thông thả lại ngồi trên ghế chiếc xe Jeep của anh cho đỡ nắng.

Một công xa bên tỉnh tiến chậm đến rồi dừng lại gần anh. Nam nhận thấy ông Trưởng Ty Tài Chánh ngồi trên xe cùng với một người con gái đẹp, tuổi chừng mười tám, đôi mươi. Đã biết Nam từ trước, ông Trưởng Ty chào anh và nói:

- Hôm nay có trực thăng đem lương tháng tới các đơn vị ở Ngang Dừa. Đây là "em gái" ông phó quận Hưng, cô muốn đi thăm. Tôi nhờ bác sĩ hướng dẫn để gặp ông Phó hành chánh.

Nam vui vẻ nhận lời. Anh chào người thiếu nữ. Nàng cũng nhẹ ngả đầu chào lại. Ở đây, những cô gái còn trẻ đến thăm thân nhân hoặc quân nhân nơi tiền đồn đều được phong là em gái. Em gái hậu phương. Nam đã quen thuộc với danh xưng này, nghe hơi cải lương, nhưng thân mật, trù mến và tình cảm.

Ông Trưởng Ty đi rồi, Nam mời cô gái lên ngồi ghế băng phía trước của xe anh. Tắm mũ vải che nắng cho người thiếu nữ. Nàng hướng cặp mắt to đen tự giới thiệu:

- Em là Dung, bạn của anh Hưng. Anh Hưng kể chuyện có quen với bác sĩ. Hôm nay em có dịp được gặp.

Nam chưa trực tiếp giới thiệu ngay tên mình. Anh thầm nghĩ có lẽ Hưng đã nói tên anh, và trên chiếc áo trận của anh đã có bảng tên. Anh đáp lại:

- Tôi mới biết anh Hưng được vài tháng nhưng gặp nhau gần như mỗi ngày nên coi như đã quen thân. Tôi là bạn của anh Hưng, cô Dung cứ gọi tôi bằng anh.

Rồi anh tiếp:

- Tôi tên Nam.

Nàng có giọng nói êm và dễ thương:

- Dạ, nhưng xin anh cũng kêu Dung bằng tên, như anh Hưng vậy.

Nam kín đáo nhận xét người thiếu nữ. Đúng như lời Hưng tâm sự, Quỳnh Dung có dáng đẹp quyến rũ ngay cho người mới gặp. Khuôn mặt cân đối và tươi

sáng, nước da trắng hồng, khỏe mạnh. Cặp mắt sáng, sống mũi thẳng và cao, miệng cười xinh với đôi làn môi mời gọi. Người con gái không trang điểm nhiều. Chỉ một lớp kem mỏng trên da mặt, phớt một chút son nhẹ trên đôi môi. Tóc nàng uốn nhẹ, ngắn trung bình, đoạn dưới của làn tóc úp vào khoảng da trắng nơi cổ phía sau. Quỳnh Dung mang một sơ mi lụa màu mỡ gà và quần tây nâu đậm. Nàng đem theo một túi sách tay nhỏ, gọn gàng. Một niềm vui nhẹ nhàng đến với Nam. Đang chờ đợi trực thăng, anh lại có dịp nói chuyện với một cô gái xinh đẹp và duyên dáng, bạn gái của người bạn anh mới quen vài tháng.

Người hạ sĩ lái xe cho An tự động ra đứng dưới lầu tôn nơi chờ đợi, nói chuyện cùng mấy đồng ngũ quen thuộc. Cạnh đó, vị Trung úy tài chánh cùng mấy nhân viên đang canh giữ những bao bố màu xanh quân đội đựng tiền, chuẩn bị đem đi phát lương cho những tiền đồn. Quỳnh Dung hỏi Nam đã đựng trộm bao giờ chưa. Anh cho biết mới đến đơn vị ít tháng, anh chưa có mặt ngay nơi chiến trường bao giờ. Chỉ có một lần, cùng đoàn xe di chuyển, có xe bị mìn thảm khốc, xe anh may mắn an toàn. Nam cũng hỏi Quỳnh Dung về việc học của nàng. Nàng trả lời khiêm tốn:

- Dung kém về toán lại biếng học vụn vặt. Xong Tú Tài ban C, Dung học Văn khoa.

Đã cuối mùa Hè tại miền Nam thời tiết thay đổi thật mau lẹ. Trời đang nắng và nóng bức, tự dưng nhiều làn gió mát thổi tới. Những đám mây xám đen kéo lại báo hiệu một cơn mưa. Cũng vừa lúc đó hai trực thăng do phi công Mỹ lái, từ từ xuống bãi đáp. Tiếng ồn ào của động cơ làm Nam phải nghiêng một chút về phía Dung và nói:

- Cô Dung, mình chuẩn bị lên máy bay.

Tuy đã được nàng mở lời lúc trước, Nam vẫn chưa thấy tự nhiên để gọi người thiếu nữ vừa quen bằng tên trong lúc mới sơ giao. Anh hướng dẫn nàng lên máy bay và giúp nàng cài dây an toàn. Những giọt mưa đầu mùa đã bắt đầu đổ xuống khi trực thăng bốc lên độ cao. Vô số hạt mưa tạt vào kiếng trước của phi cơ, gặp nhau tụ hội tạo thành những vệt nước dài, theo nhau chạy xuống phần thấp của kiếng rồi tan biến. Hai người xạ thủ Mỹ, với đại liên mỗi bên máy bay và những băng đạn dài, sẵn sàng bắn trả nếu bị tấn công từ dưới đất. Quỳnh Dung hỏi Nam:

- Đoạn đường bay có xa không anh?

- Trực thăng bay chừng ba mươi phút. Đi xuống nghe nói phải gần nửa ngày. Dùng ghe máy chắc là cũng mất độ ba bốn giờ.

Một lát sau, mưa vẫn còn nhưng đã nhẹ hạt. Trực thăng giảm độ cao. Từ máy

bay, Nam chỉ cho Quỳnh Dung căn cứ đơn vị anh, vòng đai an ninh của quận, dãy nhà tôn nơi anh và Hưng làm việc. Con sông Ngang Dừa được viền xanh ngoạn mục bởi những hàng dừa bên ven sông. Qua làn mưa nhẹ, nhìn từ cao, cảnh vật bên dưới có nhiều chỗ thật đẹp, như một tranh Tàu với cây xanh, che phủ bởi làn mưa mỏng như khói sương.

Hai chiếc trực thăng lượn một vòng rồi hạ xuống bãi đáp gần bộ chỉ huy của Nam. Anh giúp Quỳnh Dung xuống máy bay. Mưa rơi nhẹ. Vừa đặt chân xuống đất đi được mấy bước, gió mạnh do cánh quạt trực thăng làm nòng mạt thăng bằng. Nam kịp thời đưa tay ôm giữ người thiếu nữ mới quen, khỏi té xuống lớp đất trơn trượt vì trận mưa cuối hạ. Tự dưng anh có một rung động khó tả khi có người con gái đẹp trong vòng tay. Thân thể người con gái trẻ thật dịu êm gây cho Nam một cảm giác vừa ấm áp, vừa hạnh phúc. Một chút ý tưởng tội lỗi nhẹ nhàng lẫn vào cái cảm nhận ấy khi anh nhớ rằng đây là người yêu của bạn mình.

Hưng đã đứng chờ sẵn bên bãi đáp. Nam cùng Quỳnh Dung đến gặp bạn, anh nói vài câu với Hưng, rồi về trạm y tế lo giải quyết công việc đang chờ đợi sau những ngày vắng mặt .

ooOoo

Cách doanh trại khoảng hai cây số đường thủy, gần ngã ba sông lớn, có một cồn cát với nhiều cây dừa bao quanh, gọi là Cồn Dừa. Đây là một yếu điểm quân sự, nên mỗi tối có một tiểu đội ra trú đóng, làm một chốt tiền thám, kiểm soát ngã ba sông và giữ an ninh thủy lộ cho quận và cho đơn vị của Nam. Những cây dừa lúc nào cũng xanh tươi nhờ được nước phù sa nuôi dưỡng. Giữa cồn có một chòi lá do những toán binh sĩ dựng lên. Bên trong chòi có võng, lò bếp than và vài bàn ghế sơ sài làm bằng những thân cây bần hay cây cần đước. Nơi đây, khi rảnh việc, Nam và một số sĩ quan trẻ ban ngày hay ra bãi cát tắm sông, khi lên bờ dùng món cá nướng chuôi, hay món trứng "cá cháy" Rạch Giá lúc gặp mùa, nướng khô mực, uống bia hoặc uống nước dừa. Nam mến thích cảnh thơ mộng này. Khi tình hình an tĩnh, ở đây mà anh tưởng như đang du lịch nghỉ mát trên một ốc đảo nhỏ. Có khi anh mắc võng giữa hai cây dừa để nghỉ trưa, nghe nhạc qua chiếc máy thu thanh nhỏ sách tay, hưởng những giờ phút ngắn, yên lặng và tạm an bình, vọng nhớ về Sài Gòn và cuộc sống sinh viên, những ngày đại học...

Ba ngày liền, Nam không thấy bóng Hưng và cô bạn gái. Hôm đó trong bữa ăn trưa cùng các sĩ quan bộ chỉ huy, Trung úy Vương thuộc ban an ninh cho biết: "Mấy hôm nay ông Phó quận ngày nào cũng dùng xuồng máy ra thăm Cồn Dừa với người đẹp. Tối đến, khi toán thám báo đi kích đêm mới về, chắc là Ông Phó mệt nghỉ". Nam muốn bênh vực cho hai người bạn mới quen: "Ông Phó quận có

người yêu đến thăm. Trong tương lai, cô sinh viên Văn Khoa này có thể là bà Phó quận đó". Mọi người thấy giọng nói thành thật của Nam, không nói bông đùa gì thêm.

Ít ngày sau, vào một chiều tối, cơm nước xong, Hưng đưa Quỳnh Dung đến thăm Nam để giã từ. Dung sẽ về Cần Thơ và dự định ở một hai ngày nữa tại nhà một người bạn gái cùng học Văn khoa. Có lẽ nàng đã nói cùng gia đình là xuống thăm bạn tại miền Hậu Giang nhân dịp hè. Hai người cho Nam một hộp trà nhỏ và một hộp bánh do Quỳnh Dung mang tới từ Sài Gòn. Nam nhờ người hạ sĩ tùy viên của anh nấu nước pha trà, cùng hai bạn truyện trò. Hưng lộ vẻ hạnh phúc, một chút hãnh diện, vì có người bạn gái đến thăm tại nơi xa xôi, vùng xôi đậu nguy hiểm này. Quỳnh Dung nói chuyện dễ mến, vui vẻ và tự nhiên. Nàng có đem một vài sách báo mới cho Hưng và Nam. Nàng nói về những bài văn, truyện và thơ nàng ưa thích.

Nam hỏi Quỳnh Dung sẽ về bằng phương tiện gì vào ngày mai. Hưng cho biết anh đã thu xếp với một tàu đồ chở hàng sẽ đưa nàng tới Cần Thơ, có lẽ mất cả bốn tiếng đồng hồ mới tới. Phụ nữ và những người đi buôn lớn tuổi, di chuyển bằng ghe tàu cũng tạm an ninh. Ghe tàu đôi khi phải đóng thuế cho cả hai bên. Thanh niên, quân đội đi phép lẻ tẻ có thể bị những nhóm du kích phía bên kia chặn ghe, kiểm soát đem vô bụng biên.

Đêm đó không trăng nhưng có thật nhiều sao. Bầu trời đã trong sáng trở lại sau cơn mưa đầu mùa mấy ngày hôm trước. Một chiếc thuyền máy kiểu quân đội cặp bến sông. Tiếng nói lao xao của mấy quân nhân cột thuyền vào bờ, rồi họ đi bộ về phía doanh trại. Nam cho hai bạn biết đó là thuyền chở những toán thám báo đi phục kích ở nhiều địa điểm khác nhau mỗi đêm, xung quanh khu trú đóng. Mấy tiếng chuông ngân nga từ một ngôi chùa ở xa xa phía bên kia sông vọng về, vang nhẹ thình không. Hưng nói cho Quỳnh Dung nghe về ngôi chùa cổ này của người Miên, đã được gần hai trăm năm, chùa có từ hồi Chúa Nguyễn Ánh. Dân ở đây vẫn gọi là Chùa Miên. Quỳnh Dung đọc nhẹ, vừa đủ nghe:

Thuyền ai đậu bến Ngang Dừa

Nửa đêm vắng tiếng chuông chùa Cổ Miên (1)

Nam nói như một lời khen tặng:

- Dung đúng là sinh viên Văn khoa, gặp cảnh là nhớ tới thơ của người xưa. Nhờ Quỳnh Dung, chúng tôi sẽ gọi chùa với cái tên đẹp, chùa Cổ Miên. Không biết có khi nào sẽ được thăm chùa Hàn Sơn bên Tàu, chắc là thơ mộng hơn đây nhiều mới đem cảm hứng cho người xưa tạo nên những vần thơ, còn đến bây giờ, cả ngàn năm sau:

Nàng nhẹ đáp:

- Dung thấy nước mình cũng có nhiều chỗ đẹp. Nhưng đôi khi cảm nhận với ngoại cảnh còn tùy theo tâm sự, hoàn cảnh của mỗi người. Nếu thi vị hóa, vùng đất này cũng rất nên thơ, nhất là Cồn Dừa.

Gần khuya, Hưng và người yêu sửa soạn từ giã Nam thì một loạt tiếng nổ thật lớn, thật gần, vang động làm cả ba người hoảng hốt. Phía bên kia mở cuộc pháo kích. Nam vội kéo hai người bạn cùng anh xuống hầm trú ẩn, gần ngay căn lều vải của anh. Những tiếng nổ vẫn liên tục và chát chúa. Trong hầm tối chật chội, Nam nghe rõ tiếng thở nhanh và như cả tiếng tim đập dồn dập của Quỳnh Dung, bên anh. Nàng lo lắng hỏi Nam:

- Liệu có bị tấn công không anh?

Với "kinh nghiệm mới có vài tháng" nơi tiền đồn, Nam trấn an cô bạn mới:

- Bị pháo kích thế này, ít khi có tấn công trực diện.

Trong cảnh hiểm nguy và quả thật chưa kinh nghiệm, Nam quên đi chiến thuật tiền pháo hậu xung của những người bên kia chiến tuyến.

Chợt một tiếng nổ lớn, kèm theo tiếng miêng kim khí va chạm ngay cửa hầm nơi ba người đang ẩn trú. An đang ngồi thu mình, nhưng do phản ứng anh đưa tay khua nhẹ mặt đất. Tay anh chạm phải một mảnh bích kích pháo nhỏ và sắc, còn nóng bỏng. Anh bất giác kêu nhẹ.

Giọng Quỳnh Dung hốt hoảng:

- Anh Nam có sao không?

Một tay nàng đưa tới, nắm chặt lấy vai Nam. Anh nói cho bạn yên tâm:

- Tôi chạm phải một mảnh đạn còn nóng, vừa rơi vào hầm của mình.

Mảnh đạn đã va chạm mạnh vào những hộp sắt rỗng, trước kia đựng đạn đại liên. Binh sĩ đã dùng những hộp không này như những viên gạch, làm vách nơi cửa hầm cho đất khỏi lở xuống bên trong nơi ẩn trú.

Gần nửa giờ sau, hỏa châu được thả sáng quanh khu vực đồn trú. Rồi đại pháo của những đơn vị bạn rót những trái phá bao xa vài cây số phía tây nam bộ chỉ huy. Tiếng bích kích pháo của phe tấn công thưa dần rồi êm lặng. Mọi người thận trọng ra khỏi các hầm trú. Doanh trại một phần bị hư hại, vài lều lá bị cháy nhỏ, không một ai tử thương nhờ có chuẩn bị những hầm trú kiên cố. Chỉ có bốn người vừa binh sĩ vừa hạ sĩ quan tại những chòi canh bị thương vì không kịp trú ẩn. Nam cho nhân viên đem thêm hai ghế bố quân đội và mền mùng để hai bạn ở lại đêm trong trạm quân y của anh. Không an ninh chút nào nếu để họ về quận, nơi cư trú của Hưng dù ở gần bên chưa đầy một cây số, vào tình trạng lúc này. Nam và các y tá đi săn sóc những người bị thương. Sau đó anh vào hộp khấn với

bộ chỉ huy.

Sáng hôm sau, nhiều trực thăng từ Bạc Liêu và Cần Thơ tới, đem theo một số sĩ quan đến lượng định tình hình tại chỗ, và để chở các thương binh. Nhân dịp này, Nam kiếm cho Quỳnh Dung một bộ đồ trần mới và một nón vải đi rừng để nàng mặc, như một nữ trợ tá quân đội, rồi tháp tùng trực thăng tản thương về Cần Thơ.

Suốt một tuần sau đó, tình hình yên tĩnh. Bên này lo chỉnh trang tu bổ căn cứ. Các đơn vị cơ hữu tuần thám, lưu động ngày đêm. Bên kia chắc cũng lo thu dọn, phân tán mỏng để tránh bị truy kích hay bị tiêu diệt. Nam lại có những dịp nói chuyện lâu với bạn. Như một thói quen, Hưng tâm sự về ba ngày thân ái tuyệt vời cùng Quỳnh Dung, nhất là khi chỉ có hai người ở Cồn Dừa. Nam không ngờ Quỳnh Dung là cô sinh viên trẻ tuổi đã sống mới và phóng khoáng đến thế. Khi yêu thương, người con gái đã không ngần ngại sống hồn nhiên, thân thiết và trọn vẹn bên người tình.

Hưng đưa một bài thơ mới viết cho Nam coi:

- Tôi mới làm bài này, muốn khoe với cậu.

Nam cầm tờ giấy, đọc bài thơ Người Yêu Đến của Hưng. Anh còn nhớ có hai câu thơ lãng mạn:

*"Em đến trao anh cảnh địa đàng
Đôi ta sống lại thuở hồng hoang ..."*

Nam thân mật nói với Hưng:

- Mừng hai bạn đã tìm thấy địa đàng ở Cồn Dừa.

ooOoo

Hôm ấy Nam về thăm Sài Gòn. Hưng nhờ anh đem thư cho Quỳnh Dung và một giỏ trái cây miền Hậu Giang, có mấy quả xoài tượng thật lớn.

Quỳnh Dung mừng rỡ gặp lại anh. Mắt nàng sáng như một đứa trẻ được kẹo khi nàng cầm một trái xoài:

- Cám ơn anh đem lại món quà mà Dung thích. Nhưng phải mang ơn anh nhiều đã săn sóc Dung trong chuyến đi thăm Ngang Dừa mấy tháng trước. Dung tưởng tượng có thể chết tại Ngang Dừa. Anh giúp Dung về Cần thơ bằng trực thăng nên khỏe lắm. Bộ đồ trần anh cho, Dung còn giữ làm kỷ niệm, nhưng chưa hôm nào dám mặc để khoe với bạn.

Quỳnh Dung mời anh ngồi nơi phòng khách, uống nước cam. Có lẽ cả nhà nàng đi vắng, trừ một cô em gái nàng, tuổi độ mười sáu, đôi lần thấp thoáng qua phía cửa căn phòng bên trong. Quỳnh Dung hỏi:

- Anh Hưng có nói với anh về dự tính đi Hoa Kỳ học cao học không?

Nam chưa lần nào nghe bạn nói đến việc du học, anh đáp:

- Anh Hưng chưa cho tôi biết về dự định này. Tôi nghĩ bây giờ tình hình chiến sự nặng nề, cũng khó xin đi du học.

Quỳnh Dung giọng thân mật:

- Anh Nam, anh đừng xưng tôi nghe xa lạ quá, anh cứ xưng anh với Dung nha. Cũng như anh Hưng, anh hơn tuổi Dung mà.

Từ đó Nam đổi cách xưng hô theo ý nàng. Quỳnh Dung cho biết có em gái là Quỳnh Hương, đang học đệ tứ trường Trung Vương, và một em trai đang học đệ lục. Câu chuyện tiếp tục. Chuyện học Văn Khoa và các giáo sư của Dung. Cuộc sống tại Ngang Dừa của Hưng và An. Các tác phẩm và các tác giả mới nổi tiếng. Các ca sĩ đang được mến chuộng ...

Rồi Quỳnh Dung hỏi anh:

- Anh Nam, chiều mai thứ bảy, có phim Summer Place, trước bị kiểm duyệt nay cho chiếu lại. Dung thích tài tử SandraDee. Anh có rảnh dẫn Dung và Hương đi coi được không? Em muốn Hương quen với anh.

Nam hơi bối rối. Một chút ngạc nhiên về sự bạo dạn cũng như lòng quý mến của Quỳnh Dung. Nhưng Nam đã có những nhận lời khác, trước khi đến thăm nàng. Thấy vẻ ngập ngừng của Nam, Quỳnh Dung thông minh giúp anh:

- Hay là anh mắc bận, đã có hẹn với cô nào rồi?

Nam cho biết:

- Anh đã hứa đưa mấy cô em đi Thủ Đức. Lần nào về, mấy cô bé cũng đòi khao.

Quỳnh Dung làm cho cuộc nói chuyện vui và tự nhiên:

- Em anh thật không? Nếu là bạn gái thì sao anh đi một lúc với mấy cô?

Nam trả lời:

- Có một cô là em họ thôi. Cô ấy có vài người bạn.

Quỳnh Dung nhìn anh:

- Mong anh Nam chọn được một cô. Nhưng Dung cũng muốn anh quen em của Dung nữa.

Rồi nàng mời Quỳnh Hương ra giới thiệu với Nam. Anh cùng dùng xoài tượng với chị em nàng. Món xoài tượng dùng với đường và muối ớt nhiều cô gái ưa chuộng. Nam không mặn mà lắm với món này, nhưng vui vì có hai người con gái đẹp cùng trò chuyện. Quỳnh Hương có vẻ đẹp kín đáo, hiền hậu, không có nhiều nét năng động như người chị.

Một người ra đi

Gần ngày Tết Nguyên Đán, tình hình chiến sự vẫn gia tăng, quân nhân và công chức ít người được về dịp Tết cùng gia đình, qua kinh nghiệm Tết Mậu Thân.

Nam và Hưng đều ở lại Ngang Dừa, ăn Tết tại nơi tiền đồn. Lần này đúng như giao ước giữa hai bên của cuộc chiến, không thấy có giao tranh tại nơi đây vào đêm giao thừa và suốt ngày Nguyên Đán.

Khoảng một giờ sáng ngày mừng bốn Tết, Nam đang ngủ ngon thì nghe nhiều tiếng súng đạn nổ rền. Nam khoác vội áo giáp rồi vào ngay vị trí đã được đặt trước trong kế hoạch phòng thủ. Phía bên kia mở cuộc tấn công bất ngờ vào công sự của quận, nơi có khoảng gần hai trăm nghĩa quân và địa phương quân phòng trú và cũng có nhà của vị quận trưởng và nhà của Hưng. Doanh trại của Nam không bị một trái đạn nào. Có lẽ phía bên kia biết khó thắng và sẽ tổn thất nặng nếu trực diện tấn công vào căn cứ một trung đoàn chủ lực, có hỏa lực mạnh, quân số đông và hàng trăm trái mìn Claymore chung quanh. Vị trí phòng thủ của quận chỉ cách doanh trại Nam trên một cây số. Tiếng súng lớn nhỏ nghe thật rõ. Tiếng đại liên nổ dòn và cả tiếng súng 57 ly không giạt. Nam lo ngại cho số phận của Quận và của người bạn mình. Hai tiểu đoàn chủ lực của đơn vị anh, cũng đang đóng quân ở gần, không được lệnh đi tiếp cứu. Không ai lạ gì chiến thuật công đồn đá viện, tiếp cứu lúc này chỉ chuốc lấy tổn thất nặng nề. Các nẻo đường tiếp viện chắc chắn đây mìn bẫy và các ổ phục kích.

Giao tranh giữa bên trong và bên ngoài vòng đai của quận tiếp tục kéo dài trên hai tiếng đồng hồ. Cuộc tấn công chỉ ngưng khi máy bay loại nhẹ đến thả hỏa châu liên tiếp, soi sáng cả một vùng, trên trời và dưới đất.

Hôm sau, Nam bàng hoàng được biết Hưng đã tử nạn ngay trong giây phút đầu của cuộc tấn công. Một mảnh đạn M 79 đã trúng người bạn anh, như một định mệnh. Cuộc tình của hai bạn anh có kết luận buồn. Không như trong cuốn phim *Elle n'a dansé qu'un seul été*, lần này không phải người con gái, mà là người thanh niên đã vĩnh viễn ra đi, để lại người yêu.

Nam suy nghĩ và buồn cho cuộc chiến đang xảy ra tại miền Nam. Cuộc chiến mà anh dù không muốn cũng bị lôi cuốn vào, đứng ở bên này chiến tuyến, và giờ đây trực diện với bên kia tại một đơn vị tiền phương. Nam còn nhớ, năm 1954, anh theo gia đình di cư vô miền Nam khi đất nước chia đôi. Một số họ hàng, thân nhân, bạn bè của anh còn ở lại bên kia vĩ tuyến 17. Anh biết chắc chắn nhiều người quyết định ở lại miền Bắc không phải vì họ say mê chế độ đại đồng. Nhiều người chỉ vì hoàn cảnh, hoặc không muốn xa rời làng mạc thân yêu. Chắc hẳn phải có những người bạn và họ hàng của Nam, cũng bị lôi cuốn vào cuộc chiến như anh, và bây giờ đang cầm súng bên kia chiến tuyến. Họ đã cho nổ những trái bích kích pháo vào đơn vị anh. Lực lượng bên anh đã rút hàng chục hay có khi hàng trăm quả đại bác 105 ly lên đầu họ. Những bom đạn của bên anh hay bên

kia cũng đang vô tình làm tổn hại, gây tang tóc cho nhiều dân lành. Những người phía bên kia, họ ở xa và họ ở gần. Họ có thể là bà con bạn bè của anh. Họ còn ở Hà Nội, Hải Phòng hay Thanh Hóa ... Hay họ ở ngay ngoài vòng đai đơn vị anh, hoặc ở một thôn xóm gần bên hay xa xa phía chân trời ...

Cuộc tình đến sau

Quỳnh Dung đã mang thai trước ngày Hưng tử nạn chừng hai tháng. Nam một phần thương nhớ người bạn xấu số, một phần vì cảm mến và muốn chia nỗi đau buồn của Quỳnh Dung, và vì một tình cảm tự nhiên có, mỗi khi có dịp thuận tiện anh thường đến thăm hoặc liên lạc để an ủi Quỳnh Dung kể từ khi Hưng mất. Quỳnh Dung lên Đà Lạt, sanh hạ một bé trai, ít lâu sau trở về Sài Gòn sống cùng gia đình, tiếp tục học Văn Khoa. Đứa bé được bên gia đình của Hưng đón về nuôi dưỡng. Quỳnh Dung thăm con nàng hằng tuần. Nàng cũng được gia đình Hưng quý mến. Có lần nàng nói cùng Nam: "Con em là một kỷ niệm sống động đáng ghi nhớ nhất anh Hưng đã để lại cho em và những những người thân bên gia đình của anh ấy. Khi anh Hưng mới bị nạn, có nhiều người gợi ý khuyên em phá thai nhưng em không đồng ý, và cha mẹ em cũng không muốn em làm như vậy".

Mấy tháng sau, Nam được đổi về làm việc tại Mỹ Tho, sau khi hết nhiệm kỳ phục vụ nơi tiền tuyến. Anh có dịp về Sài Gòn, thăm Quỳnh Dung thường hơn và tình cảm ngày thêm nảy nở nơi anh và nàng. Anh chưa ngỏ lời yêu nàng nhưng cảm nhận được Quỳnh Dung có nhiều cảm tình với anh. Tuy vậy đôi lần nàng có nhắc lại ý muốn anh quen thân với em nàng. Nhưng tình yêu thường tự nhiên mà có. Tình cảm do dần dặt, do sắp đặt nhiều khi khó thành. Nam quý mến Quỳnh Dung như quý mến em của một người bạn.

Một sáng Chủ Nhật, Nam đến thăm Quỳnh Dung. Anh dùng chiếc Vespa chở nàng dạo trên những đường phố quen thuộc Sài Gòn. Từ ngày Hưng mất, Quỳnh Dung để tóc dài. Xe chạy êm và gió mát. Một vài sợi tóc nàng, mon man nơi bên cổ Nam, cho anh một cảm giác dễ chịu. Anh muốn những con đường dài hơn để tiếp tục đón nhận những cảm giác êm đềm ấy.

Đôi bạn sau đó dùng bữa cơm trưa tại một quán ăn bên bờ sông Sài Gòn. Quỳnh Dung đặt tay trên bàn. Cầm bàn tay nhỏ nhắn của nàng, Nam ân cần:

- Nơi cõi xa, Dung thử đoán xem anh Hưng nghĩ sao về chúng mình bây giờ?

Quỳnh Dung nhìn anh:

- Anh Hưng sẽ phù hộ cho chúng mình.

Nam vẫn giữ tay nàng trong tay mình:

- Nếu anh nói anh đã yêu Dung, Dung nghĩ sao, anh Hưng có buồn không?

- Anh Hưng mất rồi. Anh ấy hiểu biết và rộng lượng, chắc không buồn về

chuyện đó. Nhưng riêng Dung nghĩ, Dung không xứng đáng với tình yêu của anh. Anh có cả một tương lai, Dung lại có cuộc đời lỡ dở ...

Nam nói với giọng chân thành:

- Anh đã cảm thấy mến Dung ngay từ lần đầu mới gặp. Nếu anh Hưng không phải là bạn, anh đã cố chinh phục Dung từ hôm mới gặp em.

Quỳnh Dung hồng nét mặt. Nàng không nói gì. Hai người rời nhà hàng, thong thả dạo dọc bên sông. Đã quá trưa, cũng vắng người tản bộ. Nam ôm nàng và hôn làn tóc, rồi trên má và nhẹ nhàng hôn trên môi nàng.

Nam cùng nàng vào một rạp chiếu bóng thường trực tại thương xá Eden, đang trình chiếu một phim cũ nhưng nổi tiếng. Anh chọn một góc vắng. Đôi bạn đã quen thân thì thầm nói chuyện và rồi trao nhau những nụ hôn đam mê, mặn nồng ...

Tình yêu của anh và nàng ngày thêm đắm thắm. Quỳnh Dung là cô gái trẻ, càng đây nét đẹp nảy nở toàn vẹn, mãn khai. Nam say sưa trong yêu đương. Đôi khi như vì một phản ứng tâm lý, có lẽ vì đã quá yêu nàng, Nam thoáng có một chút ghen với quá khứ của người tình. Có lần anh hỏi Quỳnh Dung: "Ngày xưa em có yêu anh Hưng như anh không?" Nàng im lặng một lát. Nam thầm trách mình đã thiếu tế nhị. Một lần khác, anh vô tình thấy trong một cuốn sách của Quỳnh Dung, bài thơ Người Yêu Đến, ngày trước Hưng viết tặng nàng, nàng còn cất giữ như một kỷ niệm. Bây giờ anh mới có dịp đọc trọn vẹn bài thơ tình của người bạn cũ ... Anh có nét suy tư và Quỳnh Dung cảm thấy điều này.

ooOoo

Hôm ấy Nam về thăm nhà ở Đà Lạt. Anh chỉ còn mẹ đang ở tại thành phố nghỉ mát thơ mộng này. Cha anh đã mất từ nhiều năm xưa. Mẹ anh giọng nghiêm trang:

- Cậu ngồi đây cho tôi nói chuyện.

Nam ngồi xuống, cùng dùng trà với mẹ. Mẹ anh nói:

- Cậu đã lớn, học hành xong rồi, phải lo việc lập gia đình, tìm người xứng đáng tử tế, ý hiệp tâm đầu mà đi tới hôn nhân. Đừng để lớn tuổi quá mới lập gia đình, cha già con cộc. Mấy người bạn của mẹ cũng có con gái hiền ngoan, học giỏi, đảm đang, nếu muốn mẹ tìm cách cho cậu gặp gỡ một vài cô, tùy cậu hợp tính hợp tình với ai thì tiến tới hôn nhân.

Nam thưa với mẹ:

- Con mới ra trường được hơn một năm, chưa vội vàng gì mẹ ạ. Con muốn tự ý chọn người bạn đời cho con để sống chung sau này.

Mẹ anh vừa hỏi thăm dò, vừa nói với vẻ khuyên răn:

- Tôi nghe nói cậu giao du tăng tịu với một góa phụ một con, tôi không bằng lòng. Nghe nói cô này cũng chưa hẳn là goá phụ, chỉ là vợ chưa cưới của người bạn cậu, đã chết vì chiến tranh. Giao du như vậy, nhờ người ta có bầu, cuộc đời cậu sẽ dễ dàng, nhiều phiền phức lắm. Tôi cũng không công nhận nếu cậu lấy vợ đã có một con như vậy.

Nam biết là một bạn thân của anh, được mẹ anh coi như con nuôi trong nhà, đã cho mẹ biết quan hệ của anh với Quỳnh Dung. Trong lòng anh không trách gì người bạn này, chỉ quý mến mẹ anh và tiết lộ cho mẹ anh biết. Người bạn quen đã lâu năm, làm giáo sư trung học, gia đình nho giáo, có lẽ anh bạn cũng không tán thành khi thấy cuộc tình của anh với Quỳnh Dung đậm thắm, có hướng đi tới hôn nhân.

Nam cảm thấy thương mẹ. Người mẹ nào chẳng muốn mọi sự thật tốt đẹp cho con mình, cho hạnh phúc của con mình và có lẽ còn cho cả niềm hãnh diện của mình nữa. Nhưng tình cảm của Nam với Quỳnh Dung đã thật đậm đà. Anh muốn bất chấp dư luận và nghĩ rằng sẽ vượt qua sự buồn phiền sẽ có của mẹ anh.

Hai tuần sau đó, anh gặp Quỳnh Dung. Sau những phút thân ái bên nhau, anh nói với nàng:

- Anh muốn cưới em. Mình sẽ tổ chức lễ cưới gần dịp Tết này, em đồng ý không?

Quỳnh Dung cảm động. Nàng úp đầu vào ngực anh. Anh thấy nàng thực sự rung động, rồi nước mắt ướt áo anh. Nam thầm nghĩ nàng sung sướng tìm thấy lại hạnh phúc. Nhưng Nam ngạc nhiên khi nghe nàng nói:

- Anh cho Dung một thời gian rồi trả lời anh nhé.

Nam cho rằng nàng muốn hỏi ý kiến cha mẹ hay có một vài ý tưởng riêng tư.

Những tuần sau đó, mỗi lần gặp gỡ, Quỳnh Dung vẫn tỏ ra yêu anh nồng nàn. Nhưng khi hỏi về quyết định lập gia đình thì nàng trì hoãn, không cho anh một ý kiến rõ rệt. Nam thấy tự ái. Anh nghĩ hai người đã yêu nhau sâu đậm như vậy, Quỳnh Dung còn cần suy nghĩ gì thêm nữa. Lần đó anh có ý giận nàng và băng đi ba tuần lễ, không về Sài Gòn thăm nàng nữa.

Nhưng Quỳnh Dung tự đến thị xã Mỹ Tho tìm anh. Trong căn nhà nhỏ nơi anh ở, nàng biểu lộ tình yêu cho anh hơn mọi lần, ân cần và đầy thương mến, đam mê. Một đêm dài bên nhau. Trời gần sáng, anh nhắc lại ý định muốn cưới nàng. Quỳnh Dung ướm mắt, tâm tình:

- Em biết anh yêu em, em cũng yêu anh vô cùng. Em đã không tiếc gì với anh. Nhưng em không thể nhận lời lấy anh vì thế nào người ngoài và dư luận sẽ làm anh khó chịu. Hôn nhân này sẽ gây buồn phiền cho mẹ anh rất nhiều. Anh sẽ

không hoàn toàn hạnh phúc với em đâu. Em biết mẹ anh không tán thành chuyện chúng mình. Nhận lời lấy anh là em tham lam. Em ghi nhận và cảm ơn tình yêu của anh dành cho em. Mình đã yêu nhau đầy đủ và đẹp. Em không quá lãng mạn đâu anh, nhưng em nghĩ kỹ rồi, cuộc tình của mình sẽ giữ mãi nét đẹp khi mình không lập gia đình cùng nhau. Em gặp anh, gần bên anh lần này có lẽ là lần cuối. Em cần chọn một lối thoát cho anh, cho em, cho hai chúng mình ...

Quỳnh Dung nước mắt tràn trên đôi má. Nam ôm nàng trong lòng. Vòng tay anh muốn bao kín lấy người con gái, anh muốn giữ nàng mãi mãi trong tay. Anh nói ân cần với đầy thương mến:

- Em nghĩ sai rồi. Anh không cần dư luận. Anh không cần quá khứ. Anh muốn sống cho hiện tại và tương lai. Anh muốn sống cho chúng mình. Tại sao phải nghĩ tới người khác, không nghĩ đến hạnh phúc của chính mình. Mình yêu nhau và có làm gì sai trái đâu. Chỉ khi làm gì sai trái mình mới ân hận.

Quỳnh Dung nói:

- Em tin lời anh nói. Nhưng trong thâm kín, con người khó tránh khỏi ám ảnh của quá khứ. Em nhớ một lần mình yêu nhau, anh có hỏi "Ngày xưa em có yêu anh Hưng như anh không ...", và lần anh thấy bài thơ anh Hưng làm tặng em vào dịp em và anh ấy đến Côn Dừa, em thoáng thấy vẻ buồn nơi anh. Xã hội mình thiện cảm với những hôn nhân xứng đôi vừa lứa. Em không chồng, lại có một con. Anh chưa từng lập gia đình, có nghề nghiệp, có nhiều tương lai. Mẹ anh và bà con trong gia đình anh, bạn bè anh sẽ nghĩ sao. Yêu nhau, bây giờ anh cho là chuyện gì cũng nhỏ. Sau này sống chung lâu dài, có lúc anh sẽ thấy những khó chịu trong nội tâm và do ngoại cảnh đưa tới. Em nghĩ em chỉ xứng đáng và đem hạnh phúc với một người cũng hoàn cảnh dang dở như em. Quá khứ dù hạnh phúc hay đau khổ cũng khó xóa mờ. Hơn nữa, có một vài điều thâm kín em không thể nói với anh được ❖

Nam nhớ mãi sáng ngày kế tiếp. Quỳnh Dung hôn anh từ biệt, rồi từ đó nàng tránh né tiếp xúc với anh.

Gần Tết năm ấy, Nam được tin nàng thành hôn với một sĩ quan không Quân. Ông này có một con với một cô vũ nữ, ông cũng định cưới người vũ nữ nhưng không được gia đình ông chấp nhận. Người vũ nữ sau đó làm "vợ bé" của một "ông lớn" trong chính phủ.

Nam lập gia đình. Từ đó anh không liên lạc với Quỳnh Dung. Anh chẳng hề muốn khuấy động cuộc sống của người tình cũ và cũng không muốn làm buồn phiền vợ mình. Tuy không liên lạc, nhưng anh vẫn thường theo dõi cuộc sống của người cũ qua bạn bè. Đầu năm 75, vài tháng trước khi Sài Gòn đổi chủ, anh được

biết chồng của Quỳnh Dung đã hy sinh trong một phi vụ. Nam có viết một thiệp chia buồn với nàng và đó là lần chót anh liên lạc với người con gái đẹp nhưng gặp nhiều nghịch cảnh, nhiều đau thương trong cuộc đời.

Gặp lại người xưa

Nam lái xe tới nơi sớm hơn dự liệu. Anh lấy phòng ngay tại khách sạn, nơi tổ chức cuộc hội thảo ngày mai. Khách sạn Hyatt Regency tại Quận Cam khá tiện nghi, đẹp, có những hàng cây palms cao phía trước và dọc theo một đoạn dài bên đường phố. Anh về phòng nghỉ ngơi sau khi lái xe một lộ trình dài. Anh có địa chỉ và số điện thoại một số bạn quen gần đây nhưng không gọi và cũng không tính đi thăm như những lần cùng đi với Hằng, vợ anh. Nhớ tới Hằng, anh điện thoại báo cho nàng anh đã tới nơi an toàn, thứ bảy sẽ kết thúc cuộc hội thảo chuyên nghiệp, sáng chủ nhật anh sẽ lái xe về và dự định tới nhà khoảng sau buổi trưa.

Tắm mát xong, Nam thấy khỏe và thoải mái. Anh định mặc đồ nhẹ đi tản bộ rồi vào phòng ăn tại khách sạn dùng cơm tối. Nhưng anh bỏ ý định. Đi dạo một mình không mục đích, dùng cơm đơn độc cũng chẳng thú vị gì. Anh ở lại phòng, gọi một phần ăn nhẹ do khách sạn đem tới tận nơi, rồi nằm coi trên màn ảnh nhỏ một phim tình cảm cho tới khuya. Truyện phim buồn. Người con gái đẹp, chồng đi chinh chiến và mất tích. Nàng cô đơn rồi lấy một người bạn thân củachồng. Chinh chiến hết, người chồng mất tích tưởng đã qua đời, bỗng trở về. Người bạn bèn trao trả vợ mình cho người chồng cũ, anh ra đi đến một thành phố nhỏ xa xăm, để tránh cảnh éo le mỗi khi gặp gỡ người cũ và mong an bình hoàn toàn cho bạn và cũng cho người mình đã một thời yêu thương. Truyện phim bình thường, cổ điển, không mới lạ gì, nhưng vai nữ diễn xuất linh động và đối thoại hay, đôi chỗ làm Nam liên tưởng tới chuyện mình.

Hai ngày họp chuyên nghiệp qua chậm. Có lẽ vì Nam nóng lòng chờ ngày ra mắt tập tiểu thuyết mới của Quỳnh Dung. Trong những giờ họp chuyên nghiệp, anh chỉ dành một chút chú ý đến bài thuyết trình của diễn giả quan trọng nhất, còn lại hình như anh lơ là với các bài khác ngay cả với phần hỏi đáp, bàn luận đôi khi sôi nổi. Anh bỏ luôn bữa cơm trưa bế mạc vào ngày thứ bảy. Dùng thức ăn Âu Mỹ cả hai ngày qua đã chán quen, anh lấy xe đến khu phố đông người Việt tại Quận Cam và dùng bữa trưa một mình với vài món ăn hương vị quê nhà.

Nam đến một thư viện, nơi tổ chức buổi ra mắt sách của Quỳnh Dung vài phút trước giờ ghi trong chương trình. Khách tham dự đã khá nhiều, khác với những cuộc hội họp hoặc tiệc cưới mà Nam thường đến, đa số khai mạc trễ. Anh chọn một chỗ ngồi nơi hàng ghế gần cuối phòng. Năm ba người đang sắp xếp những

những tập tiểu thuyết trên một bàn dài, vài người đang chuẩn bị hệ thống âm thanh và ghế cho thính giả.

Quỳnh Dung đến cùng vài người bạn. Ở tuổi bốn mươi, nàng còn nét đẹp và thanh lịch, duyên dáng trong chiếc áo dài Việt Nam màu cánh sen tươi sáng, với những nét thêu mỹ thuật vài hoa và lá sen nhỏ nhỏ bằng chỉ kim tuyến nơi phía trước. Một nữ xướng ngôn viên của một đài truyền hình địa phương làm điều hợp chương trình, chào mừng và cảm ơn thân hữu cùng quan khách. Một nhà văn nữ trẻ tuổi nói về tác giả Quỳnh Dung, rồi một nhà văn nam lão thành trình bày những nhận xét cá nhân về những tác phẩm của nàng và thêm những lời đặc biệt giới thiệu về tập truyện mới. Kế tiếp, Quỳnh Dung nói chuyện với quan khách và thân hữu tham dự. Giọng nói, dáng điệu của nàng cho Nam nhiều ấn tượng, nhiều gợi nhớ về ngày xưa. Không khác thời nào đã xa, nàng vẫn thật duyên dáng trong cách nói chuyện, có nét chững trạc tự tin hơn ngày nàng ở tuổi đôi mươi. Sau những phỏng vấn ngắn của vài nhà báo, nàng về bàn để ghi chữ và ký kỷ niệm cho khách tham dự muốn có tác phẩm của nàng. Nam vì ngồi ở những hàng ghế sau, anh đứng vào gần chót cùng vài người khách khác. Anh chủ tâm như vậy để có thêm thời giờ ngắm nhìn nàng và nghe những đối thoại ngắn nàng trao đổi cùng thân hữu và những người mến mộ.

Đến khi anh tiến tới trước bàn của người yêu xưa, phía sau anh chỉ còn ba bốn người khách cũng đang chờ nàng ký tên vào tập sách. Như một phản ứng đã quen thuộc, nàng chưa nhìn anh khi cầm cuốn sách từ tay anh, biên nhanh hai chữ "Bản của ..." rồi nàng mới ngược lên với nụ cười thân hữu. Nam đọc chậm để nàng viết tên mình trên một trang trong của đầu tập sách "tôi tên Lê Văn Nam". Quỳnh Dung mở sáng đôi mắt còn nét đẹp:

- Trời ơi anh Nam! Sao anh đến mà không cho em biết, bất ngờ quá!

Nàng im lặng ngẩn người nhìn anh, rồi như cố lấy lại tự nhiên, nàng nói:

- Để em đề tặng anh một ấn bản đặc biệt.

Nàng đặt cuốn truyện đã biên dở dang hai chữ, lấy một ấn bản quý bìa đẹp từ phía dưới bàn, chuẩn bị viết, xong lại thôi:

- Em muốn gặp anh nói chuyện lâu, lúc đó đưa sách tặng anh sau. Anh chờ em một chút nhé. Em cũng sắp xong rồi.

Nam thấy nếu truyện trò lâu khi còn vài người phía sau anh chờ đợi không tiện, anh nói với nàng:

- Dung cứ tiện nhiên thông thả, tiếp bạn bè và đọc giả ái mộ. Anh có nhiều thời giờ. Anh chờ Dung ở phía cuối phòng. Khi Dung xong mọi việc, mình sẽ hàn huyên.

Một vài đôi mắt tò mò nhìn anh. Khách tham dự còn lưu luyến ở lại nói chuyện với Quỳnh Dung khi nàng đã ký tên kỷ niệm một ấn bản chót. Nam thấy rõ nàng nóng lòng chờ đợi để từ biệt những người bạn lưu lại sau cùng, rồi nàng đến bên anh rất ân cần:

- Gặp anh em mừng quá. Qua bạn bè nói anh chị ở San Jose. Mà chị Hằng đâu, em muốn gặp chị nữa.

Một ngạc nhiên đến với Nam. Anh không ngờ nàng biết anh ở thành phố ấy. Biết anh, biết cả tên vợ anh. Biết mà không hề liên lạc. Cũng như anh. "Vẫn hằng theo dõi bước nhau đi". Anh chỉ biết nàng còn độc thân. Nhìn nàng với ánh mắt thân tình, anh nói:

- Anh hợp nghề nghiệp có hai ngày, nên Hằng không đi cùng với anh. Anh muốn đi kỳ này để xem Dung ra mắt sách, gặp lại Dung và mừng Dung đã mau chóng thành công. Anh và nhiều độc giả thích đọc truyện của em.

Quỳnh Dung lộ nét vui. Nam thấy nàng vẫn đẹp, vẫn nồng hậu, vẫn quyến rũ. Nhìn nàng, anh nói:

- Anh thích màu áo dài của em. Thấy áo dài là thấy nhớ Việt Nam, nhớ Sài Gòn của mình. Anh muốn hàn huyên lâu cùng Dung. Anh ở xa lại, không biết nhiều chỗ tại Orange County này. Anh đang ngụ tại Hyatt Regency cũng gần đây. Mời Dung chiều nay dùng cơm tối tại nhà hàng của khách sạn nơi anh đang ở, mình nói chuyện, có thuận tiện cho Dung không?

Quỳnh Dung nắm tay anh, nhìn anh nàng nói thân mật:

- Anh vẫn còn hay khen phụ nữ. Nhưng bây giờ em không để anh dụ ngọt như hồi mình đi Vũng Tàu hay Đà Lạt đâu.

Nàng cười nói tiếp:

- Từ thành phố xa tới, anh là khách. Em mời anh, chừng bảy giờ tối nay lại nhà em ở Irvine, mình dùng cơm tối, cho thân tình và nói chuyện lâu được.

Nam nhận lời. Quỳnh Dung cho anh địa chỉ và điện thoại nhà. Anh không biết là Quỳnh Dung vì thân anh hay vì Mỹ hóa, nàng ôm anh khi tạm biệt. Cái "hug" rất Tây phương. Mọi khi Nam vì không quen, anh hay ngại ngừng khi ôm người đồng hương khác phái tại đất Mỹ này. Nhưng với nàng thì rất khác. Hương tóc người xưa, thân thể của nàng, một thời vọng nhớ, một thời yêu đương cho anh dạt dào những tình cảm khó diễn tả trong lòng.

Biên giới cuộc tình đã xa

Nam tìm nhà không khó. Căn nhà của Quỳnh Dung còn mới, mái ngói đỏ, một tầng, trong khu yên tĩnh. Đón anh nơi cửa, nàng tươi mát với y phục gọn và trang nhã. Chiếc áo lụa màu gạch tươi, tôn bộ ngực còn đầy nét kiêu hãnh dù nàng ở

tuổi 40. Chiếc váy đen ngắn ngang gối. Đôi sandales kiểu đẹp, cao vừa phải cho nàng dáng gọn gàng, tự nhiên không kiểu cách. Trang trí trong nhà khéo, cho Nam biết nàng có cuộc sống đầy đủ.

Vào cuối thu, giờ này buổi tối Cali mới hơi lạnh, nhưng nàng đã để lò sưởi trong căn phòng gia đình. Ngọn lửa reo nhẹ, gây không khí ấm cúng. Nàng mời anh dùng cơm tối tại phòng ăn. Ánh đèn để dịu, hai ngọn nến trên bàn. Nàng nói:

- Hôm nay em làm mấy món ngày xưa anh vẫn ưa.

Nàng cho dùng món ốc đặt trong hai đĩa sứ đặc biệt, làm theo kiểu Escagot bỏ lò tại mấy nhà hàng Pháp. Rồi món soupe fromage. Món thịt bò nướng lò và rau salade cresson. Tráng miệng có trái dâu như dâu Đà Lạt, dùng với cà rem.

Vừa thưởng thức món tráng miệng, Quỳnh Dung vừa nói:

- Ít thời giờ, em không làm được món Ommelette Norvegiene ngày trước anh và em hay dùng tại một nhà hàng ở Sài Gòn.

Anh khen nàng:

- Dung của anh vẫn giỏi như ngày xưa. Chỉ vài ba giờ đã làm xong một bữa ăn đặc sắc.

Nàng khiêm tốn:

- Cả ba món đều bỏ lò nên dễ làm anh ạ. Em chuẩn bị trước khi anh tới cho vừa đủ chín, khi dùng tới món nào em chỉ cho để thật nóng trong Oven ít phút là xong. Món salade thì em làm trước.

Khi chai rượu đỏ Cabernet đã voi gần một nửa, Quỳnh Dung tâm sự chuyện mình:

- Lúc Sài Gòn đổi chủ, chồng em lại mới qua đời, em cũng vất vả, đi dạy học cho qua ngày để sinh sống. Cháu Thịnh, con em và anh Hưng, vượt biên qua Mỹ cùng gia đình chú bác và ông bà Nội vài năm sau. Năm 86, gia đình bên nội cháu bảo lãnh em qua bên này. Em vừa làm việc, vừa học. Học xong, em nhận việc làm phụ tá quản thủ một thư viện tại đây. Em yêu thích công việc đang làm, có dịp đọc sách báo và nhiều tác phẩm mới cũ, khi rảnh thì viết lách, tài liệu thật là nhiều và tiện lợi tra cứu. Không như khi xưa, lúc học Văn Khoa tìm một quyển sách quý để đọc đôi khi rất khó. Cháu Thịnh cũng sắp học xong Đại học tại Boston, cháu có ý muốn theo cùng nghề của anh. Lúc còn học trung học, cháu khi ở với Nội, khi thì đến em. Bây giờ học ở xa, mùa Hè nào cháu cũng về đây với em. Cháu mới về lại Boston, chuẩn bị cho niên học mới.

Dung rót thêm rượu vào ly của Nam. Anh hỏi nàng:

- Còn chuyện tình cảm em ra sao?

- Em vẫn ở độc thân. Có vài người có cảm tình, cả Việt cả Mỹ, ngó ý muốn cùng

em lập cuộc đời, nơi xa quê hương này. Nhưng em quen sống độc thân rồi anh Nam ạ. Lúc nhỏ một nhà tướng số nói em cao số. Anh thấy không, chỉ là người yêu chưa cưới của anh Hưng thôi, anh Hưng đã mất. Lấy chồng phi công, chồng tử nạn. Nếu anh ngày trước lập gia đình với em, chưa biết ra sao đó. Anh có tin tướng số không, em không muốn tin mà vẫn phải tin.

Nam đáp lời nàng:

- Anh không tin tướng số qua những ông thầy nói. Nhưng anh tin rằng mỗi người có một số mệnh, một định mệnh an bài.

Anh kể qua chuyện mình, chuyện gia đình, những may mắn khi có dịp di tản sớm cuối tháng tư năm 75.

Sau bữa ăn ngon miệng và vui, cùng ôn những kỷ niệm cũ, nàng mời anh ra ngồi trên chiếc ghế sofa nơi phòng gia đình, vừa chuyện trò, vừa uống tiếp chai rượu chát. Không khí thân mật bên chiếc lò sưởi, ánh lửa bập bùng. Nàng cho thêm củi đốt. Mùi gỗ thơm, thỉnh thoảng có những tiếng lách tách của những thớ gỗ mới khi bén lửa. Nam ngồi gần bên, choàng tay qua vai nàng, cử chỉ thân mật như những ngày đã xa. Ôn lại chuyện yêu thương ngày trước, anh nhìn nàng:

- Anh nghĩ hạnh phúc nhất ở đời là tình yêu. Có tình yêu, được sống bên người mình yêu thương là một điểm phúc. Chắc em có đọc, văn hào Leon Tolstoi lúc cuối cuộc đời, còn đi tìm ý nghĩa của cuộc sống, ông viết một truyện ngụ ý nói tình yêu là quan trọng hơn cả, ý nghĩa hơn cả (2). Anh không biết rõ ông muốn nói tình yêu nào, tình yêu đồng loại, tình yêu thiên nhiên, tình yêu gia đình, tình bạn ... Nhưng anh nghĩ hẳn là phải có tình yêu nam nữ.

Ngừng một chút, anh hỏi nàng:

- Ngày ấy sao em không nhận lời lập gia đình cùng anh, bất chấp mọi dư luận, để mình mãi bên nhau?

Quỳnh Dung chớp mắt:

- Lúc xưa khi mình chia tay, em đã nói nhiều cùng anh rồi, anh nhớ không. Đời em dang dở, đã một con, không xứng đáng với anh và với gia đình anh. Có thể thời gian đó em còn mang nặng quan niệm của xã hội Việt Nam mình. Còn một điều nữa bây giờ em mới nói với anh. Ngày ấy, em không hiểu sao mẹ anh biết rất rõ quan hệ tình cảm của chúng mình. Mẹ anh viết cho em hai lá thư, thư chót có một câu em còn nhớ " ... tôi xin cô, cô hãy buông tha con tôi, tôi chỉ còn có Nam là con trai, anh nó đã sống như vợ chồng với một cô gái bán Bar không ra gì, có ba con rồi, coi như bỏ đi ...". Em dấu anh, không cho anh biết chuyện này, sợ anh oán trách mẹ. Rồi một lần Cụ tìm gặp em, Cụ khóc. Em thấy nếu em về cùng anh, không chắc có đem hạnh phúc trọn vẹn cho anh. Em mong anh hiểu và không

buồn nhiều.

Nam nhớ tới chuyện người anh, đã làm mẹ anh buồn phiền không ít. Anh ôm nàng:

- Nhưng bây giờ, kiểm xét lại em nghĩ gì về quyết định ngày xưa của mình?

- Em có chút tiếc nuối, đáng lẽ em có thể nghe theo lời anh, đáp ứng tình anh. Em nghĩ ngày ấy anh nói đúng, lẽ ra mình phải sống cho mình. Dư luận không đáng kể. Không nên sống vì người khác, không nên sống vì dư luận.

Nàng nép vào anh:

- Chỉ có một điều làm em thấy an ủi. Em cao số, lấy anh có thể bây giờ anh đã chết rồi.

Nam ôm nàng nhiều hơn, nói một cách trào phúng như phỏng theo lời ca một nhạc bản:

- "Anh không chết đâu em".

Rồi anh hôn nàng. Quỳnh Dung đáp ứng. Những nụ hôn say sưa, kéo dài và ngọt như của những ngày đã xa bùng sống lại. Anh luồn tay vào trong làn áo lụa của nàng. Anh không rõ Quỳnh Dung vì ở nhà muốn thoải mái, hay hôm nay do chủ tâm, nàng không mang dây nịt nơi ngực. Làn da người yêu cũ vẫn còn mời gọi, mịn màng, cho anh nhiều rung động. Anh nhận được những chuyển động nơi cơ thể nàng. Rồi Nam đổi hướng, đưa tay di chuyển trên đôi chân thon dài trước kia đã khiêu vũ nhiều lần cùng anh trong những phòng trà. Tự Do, Queen Bee, Maxime, Baccara, Mỹ Phụng... Khung trời Sài Gòn. Một thời hoa niên. Một trời kỷ niệm... Bàn tay anh thoa nhẹ trên da nàng, rồi từ tốn hướng về phía trên đầu gối, mặt trong một bên đùi Quỳnh Dung. Anh thì thầm:

- Mình vào phòng của em nhé.

Nhưng anh thật ngạc nhiên và hụt hẫng. Quỳnh Dung dùng tay nàng cản ngăn sự chinh phục của anh. Nàng chặn giữ bàn tay anh lại, ngưng hôn anh, vẫn thân ái nhìn anh vài giây rồi mới nói nhẹ nhàng:

- Anh Nam, hôm nay như vậy mình đủ trả nỗi nhớ cho nhau rồi. Yêu nhau, mình giữ nhau đừng đi quá xa, đừng làm điều đáng trách, anh và em sẽ phải ân hận về sau.

Ngưng một chút nàng mới tiếp:

- Em có lòng mến chị Hằng. Tuy không tiếp xúc với chị lần nào, nhưng lúc ở Sài Gòn do bạn bè chỉ, em có thấy chị vài lần trên đường phố. Em thấy chị hiền và dễ thương. Em không muốn làm chị ấy đau khổ. Khi trước em đã không muốn làm mẹ anh buồn phiền. Bây giờ, nếu anh ngoại tình, nỗi đau của chị Hằng còn lớn hơn nhiều so với nỗi buồn của mẹ anh. Em nhớ mãi một câu anh nói khi

mình chia tay "Chỉ khi mình làm gì sai trái mới ân hận". Luân lý nơi nào, hay tôn giáo nào thì ngoại tình cũng là một sai trái, cho anh và cho em, là làm khổ vợ anh và không biết chuyện gia đình anh sẽ ra thế nào sau này. Em không muốn làm tổn hại hạnh phúc gia đình anh. Mình nên ngưng ở đây anh Nam.

Nam không biết nói sao. Nàng đã biết kiềm giữ và nàng có lý. Giọng nàng thân mật mà lại như dẫn dụ, như khuyên răn, nhẹ nhàng nhưng không kém phần quyết định. Lời Quỳnh Dung nói bỗng nhiên làm những hứng khởi đang bùng bột của anh ngừng lại. Anh nghĩ, có thể biện bạch bằng lý lẽ thiên vị cho mình, cộng thêm những cảm tình yêu thương sẵn có giữa anh và nàng, con đường dẫn anh vào chuyện ngoại tình có thể vẫn còn lối mở, vẫn còn hướng đi. Nhưng chính Nam cũng không hiểu tại sao, anh ngồi ngay ngắn lại. Rồi anh chỉ đôi lúc cầm tay nàng, và thân mật nói chuyện thêm cho đến nửa khuya.

Khi từ biệt, Quỳnh Dung tiễn anh tới cửa, nàng chột dừng lại, nắm lấy tay anh. Anh nghĩ nàng còn lưu luyến hay đổi ý. Nhưng nàng nói:

- Em quên chưa tặng anh cuốn truyện mới in.

Nàng vào lấy một ấn bản đặc biệt, ghi tặng Nam, đề ngày và ký tên bên dưới những dòng chữ: Thân tặng anh Nam, "kỷ niệm" ngày ra mắt tập truyện này. Anh thấy nàng ghi hai chữ kỷ niệm trong ngoặc kép.

Tới cửa, anh ôm Quỳnh Dung, hôn nàng một lần nữa. Nam không dám chắc với lòng mình, đây có phải là chiếc hôn cuối cùng giữa anh và nàng không. Lần từ giã nhau ở Mỹ Tho khi trước, đã tưởng là nụ hôn chót. Lần này cũng làm anh nôn nao, xao xuyến như năm xưa. Anh nói với nàng như một hứa hẹn thật lòng:

- Khi nào Dung phát hành tập truyện thứ năm, anh sẽ lại đến tham dự ngày ra mắt sách.

Nàng nói với anh:

- Và anh nhớ mời chị cùng đi.

Nam ra xe, mở động cơ, rồi hạ thấp một bên kính. Anh khoa nhẹ tay chào Quỳnh Dung. Đêm Cali lúc đó đã hơi lạnh. Nàng trong chiếc áo mỏng vẫn đứng trước cổng nhà nhìn theo. Anh tự hỏi, tưởng tượng, nếu mình tắt máy xe, rồi quay trở lại vào nhà nàng, câu chuyện có thể đổi khác hay không, như một cảnh cuối của một phim tình cảm trên màn ảnh mà một số khán giả thường hồi hộp vào đoạn kết. Nhưng anh không làm như vậy.

Hạnh phúc vẫn bình yên

Xe lăn bánh. Nam về thẳng khách sạn dự định đọc ít trang cuốn tiểu thuyết nàng mới cho. Nhưng rồi không biết nghĩ sao, anh thu xếp nhanh hành trang của mình rồi xuống lầu dưới, trả phòng khách sạn. Anh lên xe lái đoạn đường xa, giữa

đêm khuya về nhà. Đường trường, có lúc anh hướng giòng tư tưởng về người tình cũ. Dù đã một thời quen thân với Quỳnh Dung, giờ đây anh vẫn còn chưa rõ, chưa hoàn toàn hiểu nàng. Mỗi con người là một đơn vị rất đặc biệt, có ai hiểu ai trọn vẹn đâu. Ai có thể đi sâu vào cõi tâm linh của người khác, dù là người thân. Nhưng Nam vẫn suy nghĩ, vẫn phân tích. Quỳnh Dung là một cô gái mới, rất mới đối với thế hệ nàng. Tâm hồn lãng mạn phóng khoáng nhưng không sống quá buông thả. Anh gần như biết chắc chỉ có Hưng và anh là hai người tình thực sự của nàng trước khi nàng lấy chồng. Khi yêu thương, nàng thật là đắm thắm, hiến dâng trọn vẹn cho người mình yêu. Nam đoán nghĩ là nàng đã từng rất thân mật nơi bờ cát Cồn Dừa khi tắm sông cùng người yêu, bạn anh. Rồi nàng cũng đã yêu Nam rất đam mê. Nhưng sau nàng đã quyết định lập gia đình trước khi Nam lấy vợ để cho anh quên nàng đi, để tính chuyện đời mình, và để không làm buồn phiền cho mẹ anh. Chỉ mới vài giờ trước đây, nàng đã có đủ lý trí để tránh không đem buồn khổ cho vợ anh, ngăn giữ anh khi hai người đã đi sát tới biên giới của ngoại tình. Phân tích, Nam nghĩ rằng tuy nàng lãng mạn, phóng khoáng, đam mê, nhưng cũng nhiều lòng nhân ái và nhiều lý trí, nhiều nghị lực hơn anh, để tránh được cám dỗ. Anh thầm nghĩ về những hành động của con người. Nhiều khi giữa đúng và sai, tốt và xấu ... chỉ có một gạch nối rất nhỏ, rất mỏng manh. Trong cuộc sống với nhiều nhận định, nhiều xét đoán theo lý nhị nguyên của thế gian này, giữa thành thật và giả dối, trung hậu hay phản bội, ngay thẳng hay gian trá, thiện tâm hay ác độc... nhiều khi chỉ có những bước chuyển tiếp rất ngắn, chịu nhiều ảnh hưởng của thời gian, không gian, hoàn cảnh, những cám dỗ và tâm lý cá nhân khi hành xử ... Lắm khi hành động của con người ở một khoảng nào lung chùng giữa hai đối cực của lưỡng nguyên (3).

Xe đã đổ đầy nhiên liệu từ ngày hôm qua. Ban đêm đường vắng, Nam lái với tốc độ khá nhanh. Hơn sáu giờ sáng Chủ nhật anh đã về tới nhà. Trời vào cuối mùa Thu nên còn chưa sáng rõ. Hằng mở cửa đón anh, giọng ngái ngủ nhưng vui mừng:

- Anh ! Anh về sớm vậy?

- Tại anh muốn về ngay. Anh nhớ em.

Hằng ôm cổ anh, hôn nhẹ lên má:

- Xạo, anh nói xạo.

Nam nói với vợ:

- Em tiếp tục ngủ đi. Còn sớm, Chủ nhật mà. Anh thay đồ rồi cũng cần đi nghỉ, anh lái xe suốt cả nửa đêm.

Hằng ngoan ngoãn nghe lời chồng trở vào phòng tiếp tục giấc ngủ. Nam tắm

xong, anh đến nằm bên vợ. Anh thấy một niềm vui, thoải mái được trở về với nơi chốn quen thuộc của mình, ấm cúng hơn chiếc giường nơi khách sạn. Hằng đang khép mắt ngủ tiếp, mặt nàng hướng về phía anh. Chiếc áo ngủ bằng satin màu hồng của Hằng hơi lệch sang một bên, lộ chiếc vai trắng và một phần phía trên ngực bên phải. Anh vẫn yêu dáng nằm này của Hằng từ ngày mới cưới nàng vào đầu mùa Xuân năm ấy. Anh quen Hằng trong dịp họp mặt sinh nhật của cô em họ. Lúc ấy Hằng đang học năm chót tại một trường nữ trung học tại Thủ Đức. Tình yêu nhanh chóng đến với anh và Hằng rồi hai người thành hôn chỉ một thời gian ngắn sau lần đầu gặp gỡ. Nam ngấm nhìn vợ ngủ. Anh thấy Hằng hiền và vẫn đẹp. Nàng nhỏ hơn Quỳnh Dung hai tuổi. Anh muốn ôm vợ vào lòng nhưng rồi lại thôi, để cho nàng ngủ tiếp. Nhưng anh nghĩ sai, Hằng chỉ khép mi, chưa ngủ lại. Nàng nhẹ mở mắt hỏi Nam, giọng yêu thương:

- Anh đi họp kỳ này có vui không?

- Không vui vì không có em. "Ba ngày ... không có em".

Anh trả lời nàng như vậy bằng cách nói khế mà như hát theo câu "Những chiều ... không có em" của một nhạc bản mà Hằng ngày xưa thích nghe anh hát lúc hai người mới thân nhau. Hằng đưa tay nhéo nhẹ vào một bên má anh:

- Anh lại xạo nữa. Đàn ông các anh hay xạo lắm.

Nói xong nàng rúc đầu vào ngực chồng.

Nam thân ái ôm vợ, anh thì thầm:

- Anh hơi xạo một chút thật. Gặp bạn bè phải có những chuyện vui, nhưng không có em cùng đi anh thấy không an toàn, lái xe dễ lạc đường.

Có lẽ Hằng còn ngái ngủ hay đang muốn đón nhận và tận hưởng cái hạnh phúc trong vòng tay chồng, nàng không để ý gì đến những chữ bạn bè, an toàn, lạc đường của anh. Nam ôm Hằng vào gần mình hơn ...

Hai vợ chồng anh chỉ tỉnh giấc khi tiếng động cơ xe của mấy người thợ làm khu vườn nhà anh rồ máy để ra về vào lúc gần trưa. Cả anh và Hằng có lẽ vì mệt, đã ngủ quên nên không có dịp chỉ cho mấy người chuyên săn sóc vườn tược những chỗ muốn làm cho bớt rậm rạp như đã dự định. Nhưng Nam thấy một niềm vui. Hôm nay khu vườn nhà anh chưa quang đãng như ý muốn, nhưng tâm hồn anh không bị vương bận nhiều, không ân hận nhiều. Tiếng cười đùa của đứa con trai anh, mười lăm tuổi, đang chơi cùng mấy đứa bạn tại cái sân bóng rổ trong khu vườn rộng phía sau nhà vang vọng về, nghe hồn nhiên, vui nhộn. Rồi tiếng xe hơi con gái lớn của anh đang học mới năm đầu đại học tại San Francisco vừa về tới, thăm nhà để ăn cơm cùng với cha mẹ ngày chủ nhật như thường lệ. Anh thầm cảm ơn ... một người đã giúp anh dừng lại bên bờ cám dỗ để còn giữ được cái

hạnh phúc vẫn bình yên của gia đình mặc dù mới ngày hôm qua anh đã trải qua những rạo rực, những lôi cuốn, những cảm xúc đam mê như của một thời nào đã xa, hơn hai mươi năm về trước.

Trần Văn Khang

(Trích trong tập **Hai Bên Chiến Tuyến**)

(1) Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm vắng tiếng chuông chùa Hàn Sơn
(Dịch Thơ Đường, Khuyết Danh)
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự
Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền
(Đường Thi, Trương Kế)

(2) "Đại văn hào Leon Tolstoi đã sống suốt cuộc đời với nội tâm khắc khoải, dằn vặt, ân hận, băn khoăn, chỉ vì không rõ ý nghĩa cuộc sống của con người. Dầu đã 82 tuổi, văn hào cảm thấy vẫn còn những ngày còn lại rất quý giá nên đã quyết định bỏ nhà ra đi để tìm cho được ý nghĩa đích thực của đời người. Văn hào đã "tìm được" nó trong những ngày cuối của cuộc đời trước khi chết thầm lặng tại một thị trấn nhỏ.

Điều văn hào tìm được ký thác trong một truyện ngắn với tựa đề: "Người Ta Sống Bằng Gì" Cốt truyện có ba nhân vật chính là bác thợ giày Simon với vợ là Matriona và một đứa trẻ tên là Michel. Theo câu chuyện, Michel là một thiên thần bị Trời đày xuống trần gian mà Simon đã nhặt được ở bên ngoài ngôi nhà nguyện. Trước khi Michel bị đày, Trời đã bảo chàng: Người sẽ hiểu trong con người có gì, con người không được hưởng gì và cái gì làm sống con người.

Trong sáu năm sống trong nhà bác thợ giày, Michel chỉ cười có ba lần. Mỗi lần chàng cười, vì chàng đã tìm ra một ý nghĩa cho cuộc sống.

Nụ cười thứ nhất của Michel, khi chàng hiểu trong con người có tình yêu.

Nụ cười thứ hai của Michel, khi chàng thấy con người không tri thức được những nhu cầu thiết yếu của thân xác mình.

Nụ cười thứ ba của Michel, khi chàng nhận thức được người ta không sống vì những nhu cầu thể xác, mà sống vì tình yêu.

Những ngày cuối đời còn lại, Tolstoi tìm được ý nghĩa đời người là tình yêu, nhưng không biết Tolstoi có được "sống vì tình yêu" trong những ngày còn lại của đời mình?

(Trích từ Ánh Sáng, the Light, số 483 ngày 6 tháng 1 năm 2002. Tác giả: Mục sư Phan Thanh Bình)

(3) Dualism (Dualité)

Một Lần Tiên Biệt

Trần Văn Khang

Thời gian vào những năm tháng trong cuộc chiến Việt Nam. Không gian thuộc Miền Hậu Giang. Danh tánh và hoàn cảnh của các nhân vật trong truyện ngắn dưới đây, nếu có sự trùng hợp ngoài đời chỉ là do ngẫu nhiên, ngoài ý muốn của người viết.

Gần bảy giờ rưỡi sáng, Huân đến phòng mạch. Đại lộ Hòa Bình tại Cần Thơ nhộn nhịp. Trẻ em đi học, công nhân đi làm. Quân nhân, tư chức, công chức trên đường đến nhiệm sở. Mấy bà bán hàng rong quây gánh trên đường. Những quán cà phê, hủ tiếu nhỏ đông khách ngồi, ồn ào tiếng người cười nói.

Phòng mạch Huân đã khá đông bệnh nhân. Anh khoác áo choàng, bắt tay vào việc để còn kịp trở về Quân y viện làm việc lại vào lúc chín giờ. Đêm qua là phiên trực của anh. Huân thức gần như suốt đêm để mổ xẻ và săn sóc thương binh quá đông sau vụ tấn công một đồn bót tại Ô Môn và một vụ pháo kích tại Phụng Hiệp.

Huân khám xong người bệnh thứ tư thì cô y tá vào trình anh:

- Có cô Hương muốn xin vào gặp bác sĩ.

Từ ngày Huân đổi về đây, Hương đã đến thăm anh vài lần tại phòng mạch. Nàng hay mang cho anh hột gà và trái cây từ quê của nàng ở Ngang Dừa, nơi hai năm trước Huân đóng quân cùng đơn vị cũ. Anh nói mời vào. Hương xuất hiện nơi cửa phòng khám bệnh, giản dị, tươi trẻ và xinh xắn. Tay nàng mang một túi sách nhỏ. Huân chào:

- Cô Hương đến Cần Thơ hồi nào? Mời cô ngồi đây.

Anh chỉ chiếc ghế bệnh nhân vẫn ngồi chờ khám bệnh cho Hương. Nàng dịu dàng ngồi xuống, khá tự nhiên vì đã quen lâu với anh:

- Em mới tới chiều qua, ở nhà người cô của em. Bác sĩ có rảnh, em có chuyện muốn thưa với bác sĩ.

Huân nhìn ra phía cửa, trên mười bệnh nhân người lớn và trẻ em ngồi chờ. Đã lâu anh chưa có dịp gặp lại Hương. Anh cũng chưa bao giờ thấy Hương có vẻ thành khẩn và có một chút gì nghiêm trang như lần này. Anh nói:

- Cô Hương, chắc bây giờ còn nhiều bệnh nhân. Tôi mời cô dùng cơm trưa, mình nói chuyện được nhiều, có tiện cho cô không?

Hương không đắn đo:

- Dạ. Em định trở về sáng nay nhưng không sao, em có thể ở thêm một ngày.

Huân suy nghĩ nhanh. Chiều nay, sau phiên trực hôm qua, anh được nghỉ bù trừ, rảnh rang. Mời Hương dùng cơm trưa tại câu lạc bộ bệnh viện, tại nhà hàng Phong Dinh, hay tại nhà hàng Ngọc Lợi đều không tiện. Thành phố nhiều người biết anh, họ hay để ý và bàn tán. Anh nói với Hương:

- Chiều nay tôi được nghỉ, vậy mời cô Hương gặp tôi lúc một giờ trưa tại quán ăn Hậu Giang, ngang Bến Xe Mới. Tôi cũng ở gần đó.

Hương nhận lời:

- Em xin gặp lại bác sĩ trưa nay. Bây giờ để bác sĩ làm việc, em cần đi mua sắm chút ít đồ đem về dưới quê.

Huân tiễn người quen cũ nơi cửa, vài bệnh nhân phụ nữ chăm chú nhìn nàng và nhìn anh, quan sát xem có cử chỉ thân mật nào.

* *

Buổi trưa, Huân trở lại phòng mạch sớm hơn thường lệ. Anh khám xong vài người bệnh, không chờ có thêm bệnh nhân, anh ra nơi hẹn sớm. Anh không muốn để Hương đến quán ăn trước. Con gái, một mình, nếu ngồi tại hàng quán chờ đợi, tội nghiệp cho nàng và kém xã giao phần anh.

Thành phố ngoài đường nóng, nhưng trong tiệm ăn khá mát mẻ. Huân chọn một bàn nhỏ, ẩm cúng và kín đáo nơi một góc phía trong và gọi trước một ly chanh đường. Anh hồi tưởng lại những ngày tháng tại Ngang Dừa, gần hai năm trước. Có mười mấy tháng ở nơi tiền đồn mà anh có được nhiều kỷ niệm, và chút kinh nghiệm đôi khi trực diện với chiến tranh.

Anh gặp Hương lần đầu lúc anh mới ra trường được ba tháng. Huân đão nhậm đơn vị, theo bộ chỉ huy nhẹ của Trung Đoàn đến đồn trú tại Ngang Dừa, một vùng gồm nhiều xã ấp trù phú thuộc đồng bằng sông Hậu. Một buổi sáng, anh đang khám bệnh cho quân nhân và dân chúng tại trạm cứu thương bên bờ sông, phía ngoài vòng đai của doanh trại. Hương đến cùng với Tân, người anh của nàng. Tân là một trung đội trưởng nghĩa quân bên quận. Hai anh em Hương khẩn khoản xin Huân đến thăm bệnh và chữa trị cho ông nội là Cụ Đồ Lãm, lâm bệnh nặng thành linh sau trận mưa lớn mấy ngày hôm trước. Anh thấy Hương đẹp. Huân không ngờ ở nơi xa xôi này lại có một cô gái xinh xắn như nàng. Cái đẹp hồn nhiên, không son phấn, rất dễ thương của người con gái Hậu Giang. Hương tuổi khoảng mười tám, đang độ thanh xuân. Mâu da hồng, mạnh khỏe. Có lẽ nhà

khá đầy đủ, nàng ít phải làm ruộng vườn như phần đông các cô gái ở đây. Còn Tân, anh của nàng, anh đã biết từ trước. Tân đã thỉnh thoảng giúp an ninh cho anh trong những lần anh đi khám bệnh dân sự vụ cho dân chúng ở các thôn xóm lân cận. Nhà Cụ Đồ Lãm nghe nói cũng không xa, tại một ấp nhỏ độ hơn một cây số, bên kia bờ sông. Huân hỏi qua Trung úy Hậu ban an ninh, được biết là tạm an toàn. Anh kéo thêm hai nhân viên quân y dưới quyền, rồi cùng Hương và anh nàng, dùng đò qua sông. Tiếp đó đi bộ dọc theo bờ ruộng, đến làng ấp của Cụ Lãm.

Căn nhà ngói đỏ, cũ nhưng xinh xắn. Chung quanh là ruộng vườn, trồng nhiều cây trái xanh tươi. Có thật nhiều cây dừa, ngả bóng ven theo những rạch ngòi bao quanh. Trong nhà, Cụ Đồ Lãm nằm trên chiếc giường nhỏ, đắp mền màu xanh đậm. Râu tóc bạc. Tuy bệnh, nhưng Cụ còn lộ dáng nét trưởng thượng, tráng kiện và đẹp lão. Cụ bảy mươi sáu tuổi. Huân chào hỏi với thái độ kính trọng người già. Cụ gượng chào lại, định ngồi lên nhưng Huân vội cản. Anh lấy thủy thủy Cụ nóng gần 40 độ. Người nhà cho hay, Cụ Lãm ho nhiều đã ba ngày, có đàm màu gạch đỏ. Lúc khởi bệnh, Cụ run như bị làm cử, nay còn nóng hoài. Huân dùng ống nghe, thính chẩn ngực người bệnh, tiếng lạo xạo nghe rõ ở vùng giữa phổi bên phải. Chắc là Cụ bị sưng phổi cấp tính, thường xảy ra cho người lớn tuổi khi trời lạnh. Hỏi bệnh sử, Cụ chưa hề bị mắc cảm với thuốc nào. Anh nói về bệnh của Cụ cho người nhà, Hương đứng gần nghe. Anh lấy Penicilline chích cho Cụ và cho thêm vài thứ thuốc để uống kèm mỗi ngày. Huân dặn dò Hương cách thức săn sóc cho ông Nội, rồi cùng hai nhân viên trở về.

Liên tục hai ngày sau, anh cho nhân viên y tá mỗi ngày đến chích thuốc và theo dõi bệnh của Cụ Lãm. Anh mừng được tường trình là Cụ Lãm đã nhanh chóng hồi phục.

Anh dần dần tìm hiểu, được biết Hương là cô gái nổi tiếng xinh và dễ thương nhất trong vùng và nhà nàng có ruộng vườn sung túc. Xong bậc tiểu học trường làng, nàng được gia đình cho lên Cần Thơ, ở nhà người cô, học hết trung học phổ thông. Nhà neo người, nàng trở về dạy lớp ba cho trường tiểu học Ngang Dừa từ hồi đầu niên khóa vừa qua. Ái mộ Hương, đang có nhiều người. Một ông Thiếu úy nghĩa quân. Thầy thư ký Tâm bên quận. Ông Trung úy Hòa, truyền tin, thuộc bộ chỉ huy Trung đoàn. Và ông thầy giáo Ngạn, cùng dạy trường làng với Hương. Thầy giáo Ngạn là con một, có cha mẹ già, không phải nhập ngũ vì lý do gia cảnh. Hương sống với mẹ, ông Nội, và một bà chị dâu, vợ của anh Hai. Tân là anh Ba của nàng, làm nghĩa quân bên quận, ở gần bên, thỉnh thoảng về giúp đỡ gia đình. Có vài nhà tá điền, trung thành lo ruộng vườn cho gia đình nàng từ nhiều năm.

Cha của nàng và anh Hai, nghe nói đi làm xa, không về từ lâu.

Từ ngày ông Nội lành bệnh, Hương thường đến trạm y tế của Huân. Nàng hay biểu anh trái cây ngon, đôi khi làm những món ăn đặc biệt miền Nam cho anh. Huân rất thích món thịt kho nước dừa của nàng. Miếng thịt ba chỉ, để nguyên khúc dài, kho lâu thật mềm, ăn rất ngọt ngào. Nước thịt kho thật trong, màu hổ phách. Rồi món cá bống kho tiêu, ăn với cơm gạo nàng Hương, thứ gạo đúng tên của nàng, rất ngon. Và món vịt nấu chao, khẩu vị đậm đà. Qua ánh mắt, lời nói, sự thăm hỏi ân cần, Huân biết cô gái của miền quê Hậu Giang này đã có cảm tình với anh. Vô tình, anh tự nhiên thành kỳ đà cản mũi cho những người mến mộ đang muốn kết duyên cùng nàng. Gặp người con gái đẹp, hiền hậu, Huân cũng có nhiều cảm tình. Tuy nhiên, anh dự tính chỉ ở nơi tiền đồn này cho hết nhiệm kỳ tiền tuyến, thường là một hai năm, rồi trở về nơi tĩnh tại, đi tu nghiệp hoặc làm công tác giải phẫu là ngành anh có chút khả năng. Vì vậy, giao tế với Hương, anh giữ xã giao, thân ái và ân cần nhưng chưa lộ vẻ gì là anh có tình yêu với nàng.

Cụ Lãm khỏe mạnh hẳn. Tỏ lòng tri ân, Cụ cho Hương mời Huân đến dùng cơm chiều vào một ngày chủ nhật. Trung úy Hậu, ban an ninh, và Thiếu úy Phước, thuộc đội thám báo, tổ chức tối đó đi kích đêm và đặt các điểm tiền thám bên kia sông, gần thôn xóm Cụ Đồ Lãm. Vì vậy, anh yên chí và nhận lời mời.

Giữ lễ Nho giáo, Cụ Lãm mặc áo dài trịnh trọng đón Huân. Cụ là người được kính nể trong vùng. Cụ sanh cuối thế kỷ thứ mười chín, theo Nho học, có thời mở trường dạy chữ Nho. Sau này Cụ cũng học chữ quốc ngữ và hình như có đi cách mạng chống Pháp một thời gian. Tiếp đó, có mẹ già, Cụ trở về quê, lo phụng dưỡng mẹ và sống với ruộng vườn, dạy một số học trò tại nhà.

Huân được tiếp đãi rất thân tình với những món nhậu miền quê, ngon miệng. Gỏi bắp chuối có đậu phụng và tôm, khô cá thiều nướng, gà nướng chao, cua lột chiên và xôi dừa. Cụ Lãm đem mời khách một loại rượu đế trắng, rất trong, thơm và khá mạnh. Huân nhấp khẽ, chỉ dám uống nhẹ, rất từ từ. Tỉu lượng anh chỉ ở loại trung bình và Huân biết tối nay sẽ còn nói chuyện dài nên anh cầm cự không để say hờn tránh thất thố với một người trưởng thượng. Rượu được đựng trong một bình nậm bằng sứ, rất đẹp. Men sứ trắng hơi mờ mờ xanh. Nét vẽ và chữ Nho trên bình màu xanh đậm, sắc sảo và nghệ thuật. Huân chỉ biết vài chữ Nho, anh đọc được chữ nhân, chữ nguyệt. Hình vẽ trên bình rượu là một ông lão tiên phong đạo cốt, một tay cầm chén rượu, mặt ngược nhìn trăng. Huân khen rượu ngon, lại đựng trong bình quá đẹp.

Cụ Lãm kể:

- Tổ phụ của tôi, ngày xưa làm quan dưới triều Đức Gia Long. Khi nhà vua an

quốc xong, được theo đi cùng sứ bộ, cầu phong với vua nhà Thanh bên Tàu, lúc về có đem được một số đồ sứ và sách vở. Chiếc bình rượu này đã trên một trăm sáu mươi năm, truyền tới tôi là đã năm đời.

Huân hỏi Cụ ý nghĩa bức vẽ và hai hàng chữ Hán, viết theo chiều dọc, mé bên phải của người đọc.

Cụ từ tốn giảng giải:

- Bức vẽ là hình ông Lý Bạch, ngẩng trắng, và hai câu thơ dọc là:

Kim nhân bất kiến cổ thời nguyệt

Kim nguyệt tăng kinh chiếu cổ nhân

trích ra trong bài thơ Bả Tửu Vấn Nguyệt, có nghĩa là Nâng Chén Hỏi Trăng, uống rượu rồi hỏi chị Hằng. Bài thơ của ông thi bá Lý Bạch.

Rồi Cụ thông thả ngâm nga, như diễn giải: “Người nay đâu thấy trăng xưa, Trăng nay từng chiếu người xưa bao lần”.

Cụ Lãm hỏi Huân có đọc thơ Đường và có biết chữ Hán không. Huân thành thực cho biết anh rất thích Đường Thi, nhưng cũng chỉ biết một ít bài hay, nổi tiếng và được truyền bá nhiều của các nhà thơ lớn đời Đường như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Vương Duy, Thôi Hiệu, Hàn Dũ vân vân ... Còn chữ Hán, anh chỉ biết dăm ba chữ nhưng anh có ý định khi rảnh rang sẽ cố học thêm. Cụ Lãm tỏ ý vui. Cụ cầm bình rượu rót thêm cho hai người, rồi trao bình cho Huân có cơ hội quan sát kỹ hình vẽ. Anh cẩn thận thưởng ngoạn một cổ vật. Sau đó Cụ lấy ra, từ một ngăn trong tủ thờ gia tiên gần bên, hai cuốn sách chữ Hán dày. Giấy bản đã cũ lẩm, màu vàng, chữ in bằng mộc bản. Cụ nói đó là hai cuốn Đường Thi cũng do ông cha để lại từ thời xa xưa. Cụ lật tới một trang rồi đọc nguyên văn bài Bả Tửu Vấn Nguyệt của Lý Bạch, đoạn phiên giảng từng câu cho Huân nghe. Một già một trẻ, nói chuyện rất tương đắc. Săn sách thơ Đường trong tay, Cụ Lãm đọc thêm một vài bài bằng Hán văn và luôn cả những bài dịch sang quốc ngữ của Cụ. Huân có được đọc những bài thơ Đường chuyển sang Việt ngữ của Tản Đà, Trần trọng Kim, Trần trọng San... Mỗi người dịch hay mỗi vẻ. Những vần thơ của Cụ Lãm nghe hay không kém và rất sát nghĩa.

Hôm đó sông nước lên cao. Trăng tròn đúng kỳ, chiếu sáng từ trên bầu trời thanh trong, nhiều tinh tú. Cảnh đêm trăng tịch mịch, an bình. Cô Hương thỉnh thoảng ra vào, thêm thức ăn, trà và rượu. Câu chuyện vui giữa chủ và khách đã quá nửa khuya. Mấy nhân viên của Huân vào thưa đã có lều vải cá nhân, mền mùng sẵn cho anh ở bên con kinh gần đó, cùng địa điểm trú đóng của trung đội thám báo. Anh đứng lên cảm ơn Cụ Lãm và xin cáo từ. Cụ Lãm cũng đứng dậy, cử chỉ chân thành và ân cần:

- Mang ơn chữa bệnh của bác sĩ, tôi xin tặng biếu bác sĩ bình rượu này để làm kỷ niệm.

Cụ đưa tay trao tặng chiếc bình quý, lúc đó rượu như đã cạn. Huân hoàn toàn bất ngờ trước thịnh tình sâu đậm của Cụ, anh thưa:

- Cháu rất cảm ơn Cụ, nhưng đây là đồ quý, gia bảo. Cháu thật không dám nhận. Cháu đang ở đơn vị tác chiến, nay đây mai đó đi hành quân, nhớ ra để bổ vào một cốc vật thì uống lắm.

* *

Thế rồi một tuần sau, Hương cùng anh Tân của nàng đến ban Quân Y khi Huân đang làm việc. Cụ Lãm sai họ đem cho anh một chai rượu nếp than, và thêm bình rượu cổ mà anh đã thấy trong bữa ăn hôm trước. Cụ cẩn thận để chiếc bình quý trong một hộp gỗ, chêm chặt chẽ bằng rơm. Huân hơi ngần ngừ như chưa muốn nhận. Hương lên tiếng:

- Em biết Nội đã có ý muốn tạ ơn bác sĩ bằng món đồ này từ trước hôm mời bác sĩ tới dùng cơm. Bác sĩ nhận cho Nội em vui lòng.

Huân chợt nhận ra sự thâm thúy và tế nhị của Cụ Đồ Lãm. Cụ chờ đúng ngày có trăng tròn, mới mời anh dùng cơm và đem bình rượu có Lý Bạch, có thơ Đường ra đãi khách. Anh nhận món quà tặng và lấy giấy viết thư cùng bì thư. Anh viết vài chữ cảm ơn Cụ Lãm, kèm theo bốn câu thơ tặng Cụ như để tạ lòng. Bài thơ ngắn do anh đã làm, khi nằm trong lều vải, nhìn trăng tròn sáng và đẹp trên bầu trời, ngay sau khi anh tạm biệt Cụ Lãm vào lúc nửa khuya tuần trước:

*"Trăng này với Lý Bạch xưa
Mà nguồn thi cảm bây giờ còn đây
Phải chăng những lúc rượu đầy
Kể kim người cổ có ngày say chung"*

Huân nghĩ về cổ, kim như khoảng cách giữa Lý Bạch và Cụ Lãm là mười hai thế kỷ. Hay khoảng cách giữa Cụ Lãm và anh, mới năm mươi năm. So với lịch sử trái đất anh đang ở đã có hàng tỷ năm, những khoảng cách trên đâu có nghĩa lý gì.

Sau này Huân mang bình rượu của Cụ Lãm cho, đem về nhà tại Sài Gòn và cất kỹ, coi như một món quý và nhiều kỷ niệm trong bộ sưu tập mà anh mới bắt đầu thực hiện.

Những tháng kế tiếp, nếu không đi hành quân, lúc rảnh Huân hay cùng nhân viên đi bộ hoặc dùng xuồng sang thôn ấp thăm Cụ Lãm và có thêm dịp thăm Hương, gặp Má nàng và người chị dâu. Huân và Cụ Lãm rất tương kính, lâu ngày trở nên thân tình như bạn vong niên. Mỗi khi có thời giờ, Cụ thường đem sách,

thơ Đường đọc và bình giải cho anh. Cụ nói:

- Tôi nay đã luống tuổi, chỉ vui với con cháu, vườn tược, sách Nho và hai tập thơ này. Biết bác sĩ là người ưa thưởng thức văn thơ cổ xưa, mai sau tới ngày tôi về với tổ tiên, sẽ để bác sĩ giữ hai tập sách này.

Huân cảm tạ và trấn an:

- Cháu cảm ơn Cụ có lòng quý mến. Cháu thấy Cụ còn mạnh giỏi, trời cho chắc còn thọ nhiều.

Một hôm, trong lúc chuyện trò thân mật, Cụ Lãm nói cùng anh:

- Con cháu Hương hiền và nết na. Cháu đã lớn, có vài nơi dạm hỏi. Nếu bác sĩ không chê nhà nghèo và quê mùa, bác sĩ thử nghĩ có thể chọn cháu làm người bạn đời sau này.

Huân hơi bất ngờ về lòng thương cháu, lòng quý mến An và sự thật thà chân thành của Cụ. Anh chưa có ý định coi Hương là người yêu. Nàng đẹp, dễ thương, anh có cảm tình và mến thương. Anh yêu quý nàng như em gái, anh tìm cách nói cho qua:

- Cháu cảm ơn Cụ có lòng thương. Cháu mới ra trường, bây giờ đang thời buổi chiến tranh. Cháu cũng chưa muốn làm ràng buộc và liên hệ đến cuộc đời của ai lúc này. Cháu có ý định xin đi học thêm, có lẽ còn phải nhiều năm mới tính chuyện lâu dài. Cháu sợ làm lỡ tuổi xuân đang đẹp của cô Hương.

Cụ Lãm tỏ vẻ thông hiểu và về sau không nhắc gì tới chuyện này nữa.

* *

Huân còn đang hồi tưởng chuyện cũ. Thấm thoát anh đã về Cần Thơ hơn một năm. Hương bước vào quán ăn. Buổi sáng, đang bận khám bệnh, anh không quan sát nàng kỹ. Hương vẫn như mọi khi, dáng đẹp và dịu hiền. Tóc nàng không uốn, để lưng chừng phía sau, đoạn cuối cắt ngang và đều. Nàng hồn nhiên, trang điểm thật nhẹ. Hương mặc một sơ mi lụa màu nâu nhạt, bỏ phía ngoài chiếc quần tây màu kem. Nàng mang một đôi dép gót hơi cao. Sơ mi để lộ chiếc cổ thon đẹp, và một dây chuyền, có đeo một tượng Phật nho nhỏ.

Huân thân mật mời Hương ngồi. Đây là một quán ăn thuần túy miền Nam, thực khách buổi trưa toàn là người lạ, dùng cơm trưa chờ xe đi các nơi. Anh mời Hương. Nàng chỉ xin dùng một ly cam tươi và một đĩa cơm có sườn nướng, hai ba cánh rau sa-lát xanh tươi, vài lát dưa leo thái mỏng. Huân cũng kêu món ăn giản dị, cơm với thịt kho và dưa giá. Anh nói với Hương:

- Từ ngày đổi về Cần thơ, chưa bao giờ được ăn món thịt kho nước dừa ngon như Hương nấu cho ngày trước.

Anh chợt nhận ra mình không còn gọi người đối thoại bằng “Cô Hương” như

mọi khi.

Hương miệng cười xinh đáp lại:

- Lần sau lên thăm, em sẽ nấu cho bác sĩ.

Hai người chuyện trò thân. Hồi còn ở Ngang Dừa, Huân chưa có dịp nào ngồi dùng cơm chỉ có hai người với nàng. Anh hỏi thăm Hương về tình hình và sinh hoạt hiện nay nơi quê và tình trạng những người quen thân.

Hương với giọng nói buồn:

- Nội đã mất, được gần năm tháng, Nội đi rất an bình, trong giấc ngủ. Buổi sáng, không thấy Nội dậy uống trà, má em vào thăm thì Nội đã hết thở lúc nào. Đám táng rất đông, có cả Ông Quận đến chia buồn.

Huân xin lỗi đã không hay biết gì sớm về tin này. Anh cũng buồn về sự ra đi của một người mà anh quý trọng.

Hương lấy từ túi sách tay ra một món quà được gói cẩn thận bằng giấy dầu:

- Bác sĩ đổi về Cần thơ rồi, mỗi khi Nội đọc những cuốn sách này, thường hay nhắc tới bác sĩ. Những lần trước, em lên đây gặp bác sĩ, khi về lần nào Nội cũng hỏi thăm bác sĩ có được bằng an và mạnh giỏi không. Nội căn dặn em khi nào Nội mất mù lòa hay qua đời phải tìm cách gửi tặng bác sĩ hai cuốn sách này.

Huân mở gói giấy. Hai cuốn Đường thi bằng chữ Hán, anh thường được thấy năm xưa, bây giờ trong tay anh. Anh cảm động về chân tình của người quen cũ.

Dùng cơm xong, Hương nhìn anh:

- Bác sĩ hồi sáng nói nhà ở gần đây, Hương xin được lại thăm cho biết nhà.

Huân không nỡ và cũng không có lý do chính đáng nào để từ chối, chiều nay anh hoàn toàn rảnh rang:

- Xin mời, nhưng Hương đừng cười, tôi ở có một mình, không gọn gàng đâu.

Huân mời nàng lên xe hơi của anh. Chỉ vài phút đã tới căn nhà nhỏ anh mượn gần một năm nay. Hương khen căn nhà xinh xắn. Nhà gạch, một tầng, ngoài là phòng khách, phía trong là một giường ngủ, bàn viết, và tủ áo của Huân. Anh mời nàng ngồi trên chiếc ghế dài của bộ salon, mở tủ lạnh lấy nước ngọt mời nàng và cho anh. Huân đưa cuốn hình chụp vào những năm tháng anh ở Ngang Dừa cho Hương ngồi coi. Huân cáo lỗi vô nhà trong, xối nước tắm vội nơi phòng tắm rồi mặc đồ nhẹ dân sự cho thoải mái. Anh trở lại phòng khách, Hương đang chăm chú coi hình. Anh ngồi xuống cạnh nàng, cùng coi những tấm ảnh chụp. Nhiều hình tại ấp Cự lâm. Có hình Huân chụp cùng gia đình của Hương. Nàng nói còn giữ tấm hình anh Ba của nàng chụp bất ngờ, khi Huân đứng với tay lấy mấy trái soài và có nàng đứng bên cạnh. Anh nhớ có cho nàng một pho bản của tấm hình này. Chuyện vui và mỗi lúc một thêm thân mật. Rồi Hương nói với anh:

- Hôm nay em đến thăm, đưa sách Nội đã căn dặn, và muốn hỏi bác sĩ một việc.

Giọng nói nàng bỗng hơi run, như nén một chút xúc động. Huân nói với giọng trấn an vì anh nghĩ nàng đang gặp chuyện gì khó khăn ở quê:

- Tôi coi gia đình Hương như người thân rồi. Có chuyện gì cần, Hương cho hay, tôi vẫn còn liên lạc và quen biết nhiều với Trung đoàn và với bên quận.

Hương nhẹ nhàng:

- Em không dám nhờ gì bác sĩ. Về sức khỏe và thuốc men, bác sĩ Nghĩa cũng lo giúp cho dân chúng như hồi bác sĩ còn ở Ngang Dừa. Gia đình em cũng có quen, và có gặp cả bà bác sĩ Nghĩa đến thăm ông ấy vào mấy tháng trước. Em chỉ muốn thưa để bác sĩ hay điều này. Lúc Nội còn sống, rất mến bác sĩ, Nội có khuyên em nên đến thăm hỏi thường. Nội coi tử vi, nói với má là tuổi của em và tuổi bác sĩ rất hợp.

Huân giật mình về sự bạo dạn của cô gái miền quê như Hương. Nhưng anh nghĩ lại. Hương đã học bốn năm trung học tại Cần Thơ. Cách đối xử của nàng từ trước tới giờ rất chân thành, thân ái và đúng tư cách. Nàng không là người hoàn toàn sanh trưởng tại vùng quê như anh đã thầm nghĩ khi lần đầu gặp nàng. Có lẽ những năm ăn học nơi thị tứ đã giúp nàng thêm mạnh dạn. Hương nói tiếp:

- Má em, anh Ba và em cũng mến bác sĩ. Nhưng ý kiến trên là ý của Nội. Em thì cho rằng bác sĩ chỉ coi em như một người em.

Nói đến đây, mắt Hương hơi ướt. Huân chưa kịp nói gì, còn chút bàng hoàng và ngạc nhiên. Hương nói thêm:

- Em nghĩ một người đã ra trường như bác sĩ, chắc phải có người yêu từ lâu ở Sài Gòn rồi. Em cũng biết em và bác sĩ ở hoàn cảnh khác nhau, khó có duyên cùng nhau. Bây giờ Nội đã mất, nhà vắng thêm. Có mấy người đòi đến hỏi em, nhận lời ai thì chờ đủ năm, khi hết tang Nội sẽ làm đám cưới. Má và anh Ba cũng nói, con gái chỉ có một thời, bắt em phải quyết định. Vì đã quen bác sĩ nhiều, em muốn xin hỏi ý kiến bác sĩ.

Huân xúc động. Mắt Hương như ướt thêm. Anh thấy mến thương và quý trọng tình cảm và sự chân thành của nàng. Anh để một tay lên vai nàng. Hương như theo phản ứng, tự nhiên gần lại anh, gục đầu vào một bên vai Huân. Anh ôm nhẹ nàng trong đôi tay, như muốn trấn an, như muốn cảm thông. Anh nghe rõ tiếng tim nàng đập và tiếng thốn thức nơi chiếc cổ thon tròn. Nửa phút sau, Hương hỏi:

- Thầy ký Tâm bên quận, Trung úy Hòa bên Trung đoàn, và thầy giáo Ngạn. Anh khuyên em nên nhận lời ai?

Nàng đã bất ngờ kêu Huân bằng anh, có lẽ tại vì anh đang ôm vai nàng. Vẫn

giữ nàng trong tay, anh nói:

- Còn ông Thiếu úy địa phương quân bên quận, nghe nói cũng thương Hương.
- Anh Ba khuyên em đừng quen với ông này. Anh nói ông ấy hay rượu chè và hay la cà với các cô bán hàng quán bên chợ.

Huân khuyên nàng như một người anh:

- Chuyện tình cảm trăm năm, lâu dài, Hương cần suy nghĩ kỹ. Hương xem ai là người tốt và xem mình thương ai nhiều.

Nàng nhìn Huân, giọng chân thành và cảm động:

- Nếu hỏi thật lòng thì em thương anh!

Nói xong, nàng ngược mặt, tay ôm quanh cổ Huân, chờ đợi. Anh rung động, thấy người con gái tuổi đôi mươi thật đẹp và quyến rũ với tóc mây, mắt huyền và môi hồng. Anh như bị lôi cuốn, anh cúi đầu đặt một nụ hôn thật lâu trên đôi môi của nàng. Cả tim nàng và tim anh như đập mạnh thêm. Anh cảm nhận nơi ngực anh, bộ ngực căng của nàng như tăng thêm nhựa sống, mặc dầu qua những làn áo, áo anh và áo nàng.

Một phút trôi qua. Nước mắt Hương bắt đầu chảy ướt nhiều trên hai bên má. Huân trấn tĩnh lại. Hương nói hơi nức nở:

- Anh khuyên em nên nhận lời ai?

Huân từ tốn nói để Hương hiểu:

- Anh có rất nhiều cảm tình với Hương. Hiện giờ anh đang xin đi tu nghiệp tại ngoại quốc, có khi phải nhiều năm, nên anh chưa tính được chuyện lập gia đình. Má em bây giờ cần có người thân ở gần bên giúp đỡ, săn sóc. Anh Ba thì bận lo nghĩa vụ bên quận. Các ông Thiếu úy, Trung úy thuyền chuyển nay đây mai đó và đòi người quân nhân thời chiến chẳng biết sống chết lúc nào. Anh có gặp thầy giáo Ngạn vài lần khi đến trường tiểu học, chúng lao cho mấy học trò. Anh thấy thầy có nhân cách trung hậu. Thầy lại cùng xứ sở, cùng dạy học một trường với em. Hai người sẽ sống hạnh phúc. Em và thầy Ngạn có hoàn cảnh để lo gia đình, lo cho bên cha mẹ của thầy cũng như lo cho Má của em. Vậy thì theo anh, em nên nhận lời cầu hôn của thầy giáo Ngạn.

Có lẽ vì những tiếp xúc của thân thể và qua nụ hôn, Huân đã tự lúc nào xưng anh và kêu Hương bằng em. Và tuy những lời khuyên Hương là rất thành thực, nhưng như có mâu thuẫn về tâm lý, Huân cảm thấy như bị mất mát một thứ gì quý báu của mình.

Vẫn ở trong vòng tay Huân, Hương ngược mặt nhìn anh, mắt vẫn còn ướt:

- Em đến thăm anh hôm nay, chỉ muốn để anh hiểu lòng em thương anh nhiều. Em muốn mãi mãi có hình ảnh anh trong tim. Nhưng em phải cố gắng, em sẽ suy

nghĩ về lời anh khuyên.

Anh cúi xuống, hôn nàng thêm một nụ hôn rất nồng, rất say đắm nhưng hình như cả anh và nàng đều cảm nhận như không trọn vẹn cho một tình yêu không thực hiện, không kết quả, không tương lai giữa hai người.

Một lát sau, Hương cũng lấy lại tự chủ. Nàng vuốt tóc, ngồi ngay ngắn. Hương lần đầu tiên kể thật gia cảnh cho Huân nghe:

- Anh biết không, Ba em trước kia đi kháng chiến. Lúc đất nước chia đôi, Ba ra tập kết ngoài Bắc. Tưởng sau hai năm, có tổng tuyển cử, nước mình thống nhất, sẽ về với Má. Ngày Ba đi, em mới tám tuổi mà còn nhớ mãi. Bây giờ em đã hai mươi. Khoảng sáu năm trước, anh Hai em đang ở nhà, được người của Mặt Trận trao thư của Ba, biểu phải ra bung theo Mặt trận giải phóng. Không biết anh bây giờ ở đâu. Rồi còn anh Ba đến tuổi phải đi quân dịch. Không đi bên này thì bên kia họ cũng kéo đi. Anh Ba đành xin đi nghĩa quân của quận, để được gần nhà, lo cho Nội, cho má và cho em. Chỉ tội nghiệp chị Hai, lủi thủi chờ anh. Má buồn, chẳng biết nói với ai. Má nghĩ anh Hai, anh biết địa thế ở quê nhà, có khi sẽ về cùng quân của Mặt trận, tấn công đồn, tấn công quận. Anh, em trong nhà có thể bắn vào nhau!

Huân cũng thấy đau lòng, xót xa cho hoàn cảnh gia đình Hương, và cho đất nước mình. Cuộc chiến tại miền Nam, cũng là cuộc chiến Việt Nam, thật quá tương tàn, đau buồn. Ranh giới của hai bên chiến tuyến có khi rõ ràng minh bạch như đôi bờ nam bắc của giòng sông Bến Hải. Có khi nó cũng minh bạch chốc lát như phía ngoài và phía trong của một đồn bót trong lúc giao tranh. Như bên trong và bên ngoài một mục tiêu quân sự. Như bên này và bên kia của hàng rào một ấp chiến lược. Có khi nó khốc liệt, tàn bạo, rồi bời, không thể phân chia như trong một trận cận chiến. Có khi nó phân chia ngay trong gia đình, giữa cha con, giữa anh em ruột thịt như trường hợp gia đình của người con gái vô tội đang ngồi bên anh. Anh cảm thấy sự bất hạnh của đất nước mình.

Huân lấy thêm nước uống cho hai người. Anh đưa một chiếc khăn mới để nàng lau má ướt. Lúc anh còn đứng trao khăn, Hương đứng lên, hai tay đặt trên đôi vai anh, nhìn anh một cách triu mến. Nàng nói một câu mà anh không thể ngờ tới:

- Em thương anh, em xin ở lại đêm nay, em muốn trao anh cuộc đời. Cuộc đời con gái của em. Chỉ ít tháng nữa em sẽ lấy chồng, em sẽ không gặp anh nữa, sẽ chẳng còn gì cho anh. Em không đòi hỏi anh một ràng buộc nào.

Nói rồi nàng ôm anh, ghé môi hôn thật đậm đà, như không muốn để anh nói thêm gì nữa. Huân ôm chặt nàng trong tay, hôn lại, say đắm đáp ứng lòng yêu

thương của người con gái trẻ. Anh cũng thấy những thôi thúc, đòi hỏi của thể xác khi vòng tay trong vòng tay, thân thể gần kề thân thể, và môi chạm môi với người đẹp khác phái. Nhưng rồi Huân tự chủ được. Anh nhớ tới lòng quý mến của Cụ Lâm, tới sự đôn hậu của thầy giáo Ngạn, tới bà mẹ khoan dung và cũng nhiều đau khổ của Hương, và tới tình cảm thương yêu đậm đà, chân thành của nàng đối với anh. Huân với giọng cảm động:

- Anh sẽ trân quý mãi kỷ niệm ngày hôm nay và những lời em vừa nói. Hương đã cho anh những nụ hôn và cho anh hiểu, anh hiểu nhiều lắm, tình yêu của em dành cho anh. Anh sẽ nhớ mãi buổi gặp gỡ này. Anh thật mang ơn về những tình cảm của em. Nhưng anh muốn tôn trọng em để sau này khi sống với thầy giáo Ngạn, em không có gì ân hận, và em cũng giữ mãi nét đẹp về kỷ niệm của chúng mình.

Hương chớp mắt, nhẹ cúi đầu như đồng ý.

Trời đã về chiều. Ngoài đường phố xe cộ nhộn nhịp như hồi sáng. Những người đi làm việc trên đường về nhà. Huân biết rằng nếu Hương ở lâu thêm, có thể anh không tự chủ được nữa và sẽ có hành động khác với điều lý trí vừa mới nhắc khuyên anh. Qua cửa kính, bóng nắng đã mờ dần. Căn phòng nhỏ, chỉ có hai người, như đã tối đi nhiều và anh sợ rằng anh và nàng sẽ dễ dàng trở nên thân mật hơn. Anh dùng xe đưa Hương về nhà người cô của nàng.

Sáng hôm sau Huân nghỉ làm phòng mạch, đến đón Hương, đưa nàng ra tới bến sông. Nàng lên chiếc tàu đò, mắt lại ướt, về Vị Thanh rồi về Ngang Dừa. Chiếc tàu từ từ rời bến, nhỏ dần trên sông nước Hậu Giang màu xanh, phản chiếu bầu trời đẹp. Bóng dáng Hương cũng nhỏ dần. Huân dơ tay khoa nhẹ trước mặt. Anh thấy Hương cũng đưa tay vẫy.

Lại một lần chia tay! Lại một lần tiễn biệt! Lại một lần vẫy tay chào! Buồn như lời ca một bài hát nào anh vẫn hay nghe. Đời Huân đã nhiều lần chia tay. Đã nhiều lần tiễn biệt. Nhưng chưa lần nào anh thấy xúc động như lần chia tay này.

Trần Văn Khang

(Trích trong tập Hai Bên Chiến Tuyến)

Ghi chú: Truyện ngắn Một Lần Tiễn Biệt đã đăng trong một vài sách báo và Đặc San Hội Y Sĩ Việt Nam tại Hoa Kỳ nhiều năm trước. Đây là bản tu chính.

Chiều Cali

Trần Văn Khang

Mới vừa quá trưa, thành phố chan hòa ánh nắng. Khí hậu tại San Diego vào lúc này khá nóng nhưng ngoài trời vẫn có gió mát vì gần bên bờ biển.

Quang thư thả rời văn phòng, anh đến một siêu thị Á Đông gần nơi làm việc, mua vài món gia dụng. Cô gái trẻ đứng sau quầy trả tiền vui vẻ chào anh bằng nụ cười và một câu thăm hỏi:

- Chú không đi làm hôm nay sao?

Anh trả lời cô:

- Mỗi chiều thứ năm tôi nghỉ làm phòng mạch.

Cô gái nói với anh:

- Vậy chiều nay, Chú sẽ cùng Cô dạo trên bờ biển, "nhìn hoàng hôn xuống, ngắm mặt trời lặn".

Quang cười vui:

- Chắc là cô Quỳnh hay coi phim Đại Hàn nên mới có ý nghĩ thơ mộng như thế. Tôi sẽ làm theo lời Cô. Nhưng trong số những phim Đại Hàn cô thích những phim nào?

Cô gái mở to đôi mắt:

- Chú đoán hay quá. Con hay coi phim Hàn Quốc cùng với mẹ con. Mẹ và con thích những phim Cuộc Tình Paris, Hai Anh Em Nhà Bác Sĩ, Chiếc Giày Thủy Tinh, Bản Tình Ca Mùa Đông ... và nhiều phim mới sau này. Ba con thì thích phim Ju Mông và những phim võ hiệp. Bác sĩ cũng có thời giờ coi phim Đại Hàn nữa sao?

Quang nhẹ gật đầu như thú nhận. Anh quen với gia đình cô gái từ nhiều năm nay, họ là những thân chủ của anh. Cô có cái tên đẹp, Thục Quỳnh. Cha cô là cựu sĩ quan, quen biết anh từ hồi còn ở miền đồng bằng Hậu Giang nhiều năm về trước, trước khi cuộc chiến Việt Nam chấm dứt. Ông cùng gia đình sang Hoa Kỳ theo diện HO vào giữa thập niên 90. Thục Quỳnh qua một thời gian đầu còn bỡ ngỡ, sau đó đã mau chóng hội nhập vào miền đất mới. Nay cô đã vào Đại Học,

nhưng vẫn đi làm tại Siêu Thị này vài giờ mỗi tuần, như hồi cô còn ở những năm chót bậc trung học, giúp thêm cho gia đình và để có tiền chi tiêu cho mình. Thực Quỳnh có dáng đẹp và hiền, làn da mịn màng, đôi mắt to và đen. Cô nói chuyện dễ thương, duyên dáng, làm cho ai cũng có cảm tình. Vì Quang quen thân với gia đình, cô đôi khi gọi anh bằng chú, đôi khi gọi anh là bác sĩ.

Vài tuần sau Thực Quỳnh lại phòng khám bệnh của Quang. Dáng cô khỏe mạnh, đầy sức sống của tuổi mười tám, đôi mươi, nhưng vẻ mặt lần này có chút suy tư, không tươi vui như lần trước gặp anh. Trong phòng khám bệnh kín đáo, hôm nay cô đổi cách xưng hô, ngập ngừng nói với Quang:

- Cháu xin Bác sĩ ... cho toa ... mua thuốc ngừa thai.

Nói xong, cô rưng rưng nước mắt. Quang thật sự ngạc nhiên. Trong bao nhiêu năm làm nghề y sĩ, anh chưa gặp thân chủ nào xin thuốc ngừa thai mà phải khóc. Anh ân cần nói với cô:

- Ở tuổi của cháu, có bạn trai, dùng thuốc ngừa thai là chuyện thường bên Mỹ và có lẽ bây giờ cả ở bên Việt Nam nữa, sao cháu lại khóc?

Cô ghen ngào tâm sự:

- Cháu date với anh Jeff, bạn trai của cháu đã bốn lần. Bây giờ anh ấy nhất định đòi có sex với cháu. Nếu không cho, cháu nghĩ anh ấy sẽ break up. Bạn của cháu nói khi chưa quen với cháu, Jeff nổi tiếng dating với ai ba lần mà không có sex là anh ấy bỏ, đi tìm bạn gái khác. Jeff khá đẹp trai, giỏi thể thao, lại galant với phụ nữ. Cháu thương Jeff, cháu nghĩ Jeff cũng thương cháu lắm nên cứ "đòi" hoài. Cháu muốn là người bạn gái cuối cùng của anh ấy. Sau này, hai ba năm nữa, tốt nghiệp xong, cháu hy vọng sẽ lập gia đình với Jeff. Bác sĩ nghĩ cháu phải làm sao bây giờ? Mẹ cháu lại luôn khuyên nhủ: là con gái Việt Nam phải giữ gìn, phải bảo trọng thân mình cho đến khi lấy chồng.

Quang thông cảm, anh nhẹ nhàng nói với cô:

- Phong tục ở đây, không có gì là sai trái khi dùng thuốc ngừa thai ở tuổi của cháu. Nhưng ý kiến riêng của tôi thì một người bạn trai, nhất định "đòi" bạn gái mình chuyện chăn gối, chuyện xác thịt, mới tiếp tục dating, trong khi cháu không đồng ý, tôi nghĩ người đó không yêu thương cháu thật tình đâu. Tình yêu thật sự, true love, không phải chỉ có việc gần gũi thân xác, mà còn nhiều yếu tố khác. Tất nhiên, lúc đầu là sự hấp dẫn, sự ưa thích về ngoại hình, về diện mạo của nhau. Sau đó là sự cảm mến nhau về tính tình, về tài năng, về cách cư xử... Có người nói, "yêunhau là cùng nhìn về một hướng". Cháu có hướng giữ gìn, muốn có tình yêu thanh cao trong sạch lúc ban đầu. Anh bạn Jeff của cháu lại nhìn về hướng tình dục cấp thời. Như vậy hai người đã có cái nhìn khác nhau về tình yêu. Ví dụ cháu

lập gia đình với Jeff, khi sanh đẻ, hay vì bệnh hoạn không có chẵn gối được, rất có thể Jeff cũng bỏ cháu đi tìm một người con gái khác. Một người như Jeff, theo ý tôi có lẽ không phải là một bạn trai tốt, không phải là một người chồng tương lai xứng đáng cho cô Quỳnh.

Thục Quỳnh có vẻ suy nghĩ, xong cô nói với anh:

- Xin bác sĩ cứ cho cháu toa thuốc đi, nhưng có thể cháu sẽ không dùng tới.

o0o

Thục Quỳnh trẻ tuổi, lại mạnh khỏe nên ít đến thăm bệnh tại phòng mạch Quang. Mãi mười tháng sau, một chiều thứ bảy, nắng ấm tại Cali, Quang dạo trên đường phố Bolsa, Little Saigon tại quận Cam. Anh thấy Thục Quỳnh tay trong tay với một thanh niên Việt Nam. Họ thật tươi vui, trẻ trung, hồn nhiên, yêu đời. Chỉ nhìn qua, ai cũng có thể biết đây là một đôi tình nhân đang yêu thương, đang hạnh phúc. Lâu lâu người con trai lại hôn nhẹ trên má cô gái. Họ vào tiệm sách Văn Khoa khu Phước Lộc Thọ. Quang cũng cần tìm mua vài cuốn tiểu thuyết mới tại đây. Thục Quỳnh giới thiệu người bạn của mình với anh:

- Đây là bác sĩ Quang, bác sĩ của gia đình em từ ngày qua Mỹ. Còn đây là anh Tuấn, bạn trai của cháu.

Trong lúc Tuấn đang đi tìm mua sách và mua đĩa nhạc, Thục Quỳnh tâm sự với Quang:

- Năm trước, sau khi nghe bác sĩ phân tách, cháu không cho Jeff sex, Jeff đã bỏ cháu theo hai ba cô gái khác, mỗi người chỉ kéo dài vài tháng. Cháu sau đó quen và thân với anh Tuấn, anh ấy học trên cháu hai lớp.

Quang thân mật hỏi cô:

- Anh Tuấn có "đòi" gì không, cháu cần toa mua thuốc ngừa thai không?

Cô đỏ mặt:

- Anh Tuấn đôi khi thân mật, cũng có lần muốn gần gũi cháu. Nhưng cháu nói phải để dành, phải "save it" cho đêm Tân Hôn. Anh ấy bằng lòng, không buồn giận gì cháu cả. Mấy đứa bạn chê cháu cổ lỗ sĩ quá, có đứa còn nói cháu nên trở về "sống thời ông Bành Tổ", nhưng cháu không care. Đến Hè này, anh Tuấn tốt nghiệp. Chưa ra trường anh ấy đã được một hãng lớn về Bio-Engineering ở San Diego nhận sẽ cho việc làm, đã ký contract. Chúng cháu dự định làm đám cưới vào mùa Thu này. Mời Bác sĩ và Cô dự tiệc cưới chúng cháu. Có bác sĩ và Cô tham dự, Ba Mẹ và chúng cháu sẽ vui lắm.

o0o

Quang về nhà, hai tuần sau anh làm bài nhạc vui Chiều Cali, gửi tặng cho Thục Quỳnh và Tuấn. Anh biết cả gia đình Thục Quỳnh yêu mến âm nhạc, và anh đã

được nghe Thục Quỳnh đàn dương cầm một vài lần, cô đàn rất khá. Anh có tặng cha cô vài đĩa nhạc do anh thực hiện, và cũng đã cho Thục Quỳnh một tập nhạc, có vài bài nhạc của anh.

Dạ Tiệc Tân Hôn của Tuấn và Thục Quỳnh, vợ chồng anh được mời tham dự. Một ngạc nhiên cho anh: trong phần giúp vui buổi tiệc, một ca-sĩ tài tử địa phương, bạn của Thục Quỳnh và Tuấn, trình bày nhạc bản Chiều Cali * anh đã làm tặng họ nhiều tháng trước. Sau đó Cô Dâu và Chú Rể lại dùng bài nhạc vui Luân Vũ Ngày Tân Hôn* để khai mạc dạ vũ.

oOo

Hơn hai năm sau, vào một buổi chiều, Quang cùng Phụng, vợ anh, đi dạo bên bờ biển. Thời tiết Cali mùa Hè, ngày dài nên tám giờ tối vẫn còn nhiều ánh sáng. Quang thích ngắm nhìn cảnh hoàng hôn trên biển cả. Tùy theo trời quang đãng hay có mây nhiều ít, và tùy độ ẩm của không khí trên mặt biển mỗi ngày, màu sắc hoàng hôn trên biển khác nhau. Khi nhiều mây, mặt trời lặn chỉ làm một vùng mây cuối trời nổi sáng như vàng pha cùng bạc. Khi trời quang, người ta có thể thấy được mặt trời như một vòng tròn lửa lớn, ửng đỏ màu cam tuyệt đẹp, với đường chu vi thật rõ nét, từ từ chìm dần xuống mặt nước biển nơi chân trời phía xa. Màu sắc chung quanh vùng mặt trời lặn cũng thay đổi từng ngày. Có khi đủ bảy màu của quang phổ: đỏ, cam, vàng, lục, xanh, chàm, tím. Có khi chỉ có ngũ sắc. Có hôm màu tím lại là màu chính của chân trời lúc hoàng hôn ...

- "Bác sĩ và Cô đang ngắm mặt trời lặn hay đang hướng về quê hương Việt Nam?"

Có tiếng cười và giọng nói phụ nữ quen thuộc phía sau. Quang và vợ anh quay lại. Thục Quỳnh và chồng là Tuấn đã ở trước mặt vợ chồng anh. Họ tươi cười, nét mặt đầy hạnh phúc. Bên cạnh là một xe đẩy, trong nôi xe là một em bé xinh xắn, với cặp mắt đen thơ ngây, mở to.

Phụng, vợ anh, ân cần hỏi han:

- Hai cô cậu có cháu bé rồi sao? Cháu được mấy tháng, trai hay gái? Cháu tên gì?

Thục Quỳnh hãnh diện:

- Cháu trai đó Cô. Cháu gần mười tháng rồi. Cháu tên Minh. Công ty của anh Tuấn làm họ cho bảo hiểm Kaiser, nên chúng cháu không có dịp lại gặp bác sĩ tại phòng mạch.

Vợ Quang nói:

- Cho cô bông em bé một chút được không? Cô thích bông em bé lắm. Bây giờ cô hết tuổi để sanh em bé được rồi!

Phượng bỗng bé trai kháu khỉnh trên tay. Bé cười, không khóc dù gặp người lạ, để lộ ba bốn cái răng trắng, nhỏ nhỏ, xinh xinh. Quang chợt nhớ tới bài học về khoa nhi đồng năm nào. Nhớ kỳ thi để lấy lại bằng hành nghề cả hơn hai chục năm về trước. Câu hỏi là em bé 12 tháng thường thường có mấy cái răng. Năm đó Quang nhớ anh đã trả lời chính xác câu hỏi này. Sách Nhi Khoa ghi rằng thông thường, em bé từ 7 tháng, cứ mỗi tháng cộng thêm một răng, đúng cho tới lúc em bé trên 20 tháng... Bé Minh 10 tháng, có ba hay bốn cái răng là đúng như "sổ sách y khoa" đã dạy.

Từ già vợ chồng Thục Quỳnh, Quang có một niềm vui. Trong cuộc đời làm nghề thầy thuốc của anh từ nhiều năm nay, có nhiều vui buồn. Vui khi may mắn tìm bệnh chữa bệnh đúng, nhiều khi "phước chủ may thầy", giúp được một số người bệnh nặng hay có thương tích ngặt nghèo hồi phục. Buồn vì y khoa cũng như nhiều ngành khác, rộng mênh mông, có khi do sự kém hiểu biết, do quyết định chưa đúng hay chậm trễ của mình đã gây một vài tổn hại cho bệnh nhân. Lại cũng buồn vì nhiều khi phải bó tay trước cái vòng sanh, lão, bệnh, tử của kiếp con người. Nhưng buổi chiều Cali hôm nay, niềm vui của anh không liên quan gì đến nghề nghiệp cả. Anh chủ quan tin rằng lời góp ý, không phải là việc khám bệnh kê toa của anh ba năm về trước, đã phần nào giúp cô gái Thục Quỳnh suy nghĩ sáng suốt, can đảm chia tay với người bạn trai playboy tên Jeff. Anh vui vì thấy Thục Quỳnh bây giờ có một gia đình êm ấm, hạnh phúc, bên chồng bên con.

Trần Văn Khang

(Mùa Hè 2008)

Ghi chú: Truyện ngắn Chiều Cali, có tính cách tiểu thuyết, nhiều hư cấu. Nếu tên họ và hoàn cảnh các nhân vật trong truyện có sự trùng óch ngoài đời, chỉ là do ngẫu nhiên, ngoài ý muốn của người viết.

Mùa Xuân Tại Làng Nhân Ái

Trần Văn Khang

*Tên của một số địa danh trong truyện ngắn dưới đây đã được thay đổi.
Nếu danh tánh và hoàn cảnh của những nhân vật trong truyện có sự trùng hợp
ngoài đời, chỉ là do ngẫu nhiên, ngoài ý muốn của người viết.*

Tại huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình miền Bắc Việt Nam, có một làng đẹp và hiền hòa, thơ mộng. Khi xưa, lúc chưa có chiến tranh dân cư sống rất an bình. Nam nhân hay phụ nữ nơi đây đa số được trời cho có đời sống về tình yêu phong phú và thoải mái. Dân nơi đây có truyền thống mến yêu hòa bình. Như được thần linh che chở, ngay cả lúc cả miền Bắc gặp mùa chinh chiến Việt Pháp, làng này vẫn may mắn không phải chịu cảnh bom đạn. Làng cũng có một tên như những thôn xã khác, nhưng vì muốn tôn trọng những truyền thuyết và phong tục khá riêng tư của một địa danh, nên ta hãy tạm lấy tên là Làng Nhân Ái để gọi cho một địa phương có tính cách đặc biệt này.

Làng ở gần bên một nhánh lớn của sông Đáy, dân cư rất trù mật. Nếu kể đủ mọi thôn xóm, dân số có tới gần ba ngàn người. Dân làng lấy nghề nông làm căn bản. Phụ nữ thì canh cửi, chăn tằm hái dâu. Một số nam nhân sống với nghề chài lưới trên sông nước. Ruộng đất màu mỡ. Nếu không có chiến tranh, gia đình nào có ít sào ruộng do cha ông để lại và chịu khó chăm lo cấy cày thì chắc chắn là đủ ăn. Đó là chưa kể tới những nhà phú nông, ruộng thẳng cánh cò bay. Tuy nhiên, giống như nhiều làng mạc khác trong vùng, cũng có một số gia đình nông dân ít ruộng vườn, nghèo và chỉ chuyên làm nhân công, cày thuê vác mướn cho những địa chủ. Con sông bên làng thật nhiều cá, ngoài cá lớn còn có những loại cá nhỏ. Nhiều nhất là cá mương, cả nhiều ngàn con, đi từng đàn. Dân làng khi làm gà, làm vịt bên bờ sông, chỉ cần thả những miếng da gà vịt lên mặt nước là dễ dàng thấy cả mấy chục con cá vây vùng, quẫy nhảy đến ăn mồi. Một loại cá nữa có tên là cá Dầm, giống như cá rô nhưng ít gai ngạnh và chỉ ở sông, vắng thấy ở ao. Khi người chài lưới được mùa, những phú ông trong làng mua cá về, ướp muối, phơi khô để dành. Đến mùa gặt, mùa cấy đem cho tá điền dùng món cá khô nướng, dùng vào bữa cơm, sau những lúc làm công việc đồng áng. Người nông dân, chỉ

cần có cơm gạo đủ cho no đủ, thêm cá khô mặn nướng, vài quả cà muối, một nồi canh mồng toi hay canh rau muống nấu với cua đồng là cũng đủ thấy cuộc đời hạnh phúc.

Riêng nói về tình yêu nam nữ, thì làng Nhân Ái là một địa đàng. Tâm hồn người dân ở đây rất phóng khoáng, phải nói là lãng mạn, lại dễ tha thứ cho những lỗi lầm về tình ái. Truyền thống này đã có hàng trăm năm, trải qua nhiều thế hệ, có thể là từ khi làng mới được thành lập từ nhiều thế kỷ xa xưa. Làng có nhiều điểm đặc biệt khiến cho khách phương xa phải chú ý. Đó là Giếng Hoan Lạc, Núi Chim Cao và Miếu Bà.

Giếng Hoan Lạc ở bên đình cung cấp nước ngọt mát cho cả làng. Tục truyền, Thành Hoàng một hôm về báo mộng cho vị Tiên Chỉ đầu tiên địa điểm để đào giếng và dạy rằng ai uống nước này sẽ được mạnh khỏe, sống lâu, sanh con đẻ cái đầy đàn. Nhiều người tin rằng nước giếng này có đặc tính bồi dưỡng sức khỏe và tăng cường khả năng sinh lý. Điểm đặc biệt là mỗi khi có ai vô tình hay tình nghịch ném một viên đá xuống giếng thì trong làng lại có những chuyện lộn xộn về tình yêu xảy ra. Hoặc là hai cô cậu bà con trong họ phải lòng nhau, ăn ở với nhau. Hoặc là bà nọ đã có chồng ngoại tình với ông kia đã có vợ... Dân làng lại kết luận là tại "giếng bị động", đem lễ vật cúng kiếng Thành Hoàng, thế là xong. Có khi nhiều cô cậu, vì lý do gì ngang trái hay bị ngăn cản không lấy được nhau, họ chủ ý ném một hòn đá nhỏ xuống giếng, vậy là có thể tạ tội nguyên làm những chuyện tình ái chưa được bà con hay dân làng chấp nhận, sau đó cúng tạ lỗi với thần linh, hợp thức hóa và thành vợ chồng. Dân làng lại dễ dàng tha thứ.

Đặc điểm thứ hai của làng là một hòn núi, có hình dạng đặc biệt, có tên là Núi Chim Cao, sừng sững oai hùng một mình tọa lạc ở ven sông ngoài bìa làng. Các nhà Nho tao nhã thì nói là núi có hình dáng của một bầu rượu, chắc là các vị lúc nào cũng nghĩ đến rượu ngon, thơ phú và bạn hiền. Những người nông dân cần mẫn lại cho là quả núi giống như một nắm tay khổng lồ với một ngón tay dơ lên trời, chỉ cho nhân gian những đàn chim lượn và mây bay, trời nắng trời mưa, để tùy thiên văn lo việc đồng áng. Những mục đồng và các thanh thiếu niên tình nghịch thì dẫn giải là núi có hình tượng khác. Mặc cho trí tưởng tượng của mỗi người muốn nghĩ sao cũng được, hàng năm cứ đến ngày mồng bốn tháng tư ta thì hàng ngàn con chim nhận từ hướng nam bay về tìm tổ cũ tại đỉnh Núi Chim Cao. Người ta nói là vào cuối Thu, để tránh mùa Đông giá lạnh chúng bay về miền Nam, xa cả ngàn dặm tìm nơi ấm áp. Mùa Xuân, chim nhận lại trở về đây và bắt đầu một mùa yêu đương sanh sản cho thế hệ chim mới. Chúng bay lượn quanh đỉnh non cao, ríu rít reo vui, như nhắc nhở mọi người là mùa Xuân đã tới,

nên lo hưởng thụ cảnh trời mây, nắng đẹp và tình yêu. Chúng không bao hồi hương về đây trước ngày mồng bốn tháng tư, chúng chỉ bay về đúng hay sau ngày kể trên chậm lắm là một hai tuần lễ. Vào dịp này dân làng đã xong vụ cấy, và đây là mùa của cưới xin, mùa của hội Xuân, mùa của yêu đương. Trai gái trong làng còn độc thân có cơ hội tìm cách thân thiết với nhau hơn. Các phụ nữ và nam nhân đã có gia đình thì hình như mỗi độ chim về, tình vợ chồng cũng tăng phần nồng thắm cho hợp với ý Xuân của trời đất, với chim muông và hoa cỏ. Có người để ý nói là mỗi độ thấy chim về thì dân làng thường đi ngủ sớm, đèn trong thôn xóm tối đến tắt sớm hơn. Bởi lẽ ấy, mỗi năm, khoảng chín tháng mười ngày sau dịp nhận tìm về tổ cũ thì trong làng nhiều bà nhiều cô chuyển bụng, đem đến cho làng thần tiên này một thế hệ nhi đồng mới và làng mỗi năm mỗi đông thêm cư dân.

Đặc điểm thứ ba của làng là Miếu Bà. Đây là một miếu bằng gạch, xây trên một gò đất rộng giữa nơi đồng ruộng bên làng, dưới một tàng cây cổ thụ. Chung quanh gò có nhiều bụi chuối xanh tươi. Theo truyền thuyết, Miếu đã có trên một trăm bốn mươi năm. Cửa miếu bằng gỗ lim dày và vững chắc, lúc nào cũng được đóng kỹ bằng hai lần khóa. Ai cúng vái thì đặt lễ vật và thắp hương nhang ở trên một bệ thờ ngay ngoài cửa miếu. Dân làng nói ở trong miếu có Tượng Bà, và Tượng Bà là một bí mật. Tục lệ trong làng là chỉ có một phụ nữ duy nhất, có chức gọi là Cô Hầu, được phép mở khóa, vô cửa miếu một cách kín đáo khi không có ai cúng lễ, sẵn sóc lau chùi bàn thờ và Tượng Bà bên trong. Cô Hầu không cho ai được vào theo và cũng không được phép tiết lộ điều gì mình thấy. Nếu Cô Hầu xúc phạm hay làm sai điều này, có thể bị Bà vật chết và nguy hại đến cả nhà, và cả làng cũng sẽ bị thần linh trừng phạt. Vì thế, hình dáng của Tượng Bà cũng như đồ thờ bên trong miếu, dân không ai được biết trừ một người phụ nữ này. Theo các vị bô lão, tục truyền là vào những thập niên đầu lập miếu, người phụng sự là một người nữ trong làng được Bà báo mộng, chỉ định cho chức vụ hầu việc hương nhang. Nếu người này già cả, thì được quyền nêu danh một người khác thay thế, qua việc Bà phán báo trong một giấc mơ. Miếu Bà rất linh thiêng. Ai hiếm muộn hay gia đình ai có người đau ốm đến cầu xin cúng kiến thường được như ý nguyện. Khi chuyện cầu mong không xong, thì được giải thích là tại người cầu xin không có lòng thành. Cũng theo truyền thuyết được kể lại, rằng ngày xưa trong làng có một phú ông đã già lại có một người vợ bé, không rõ là vợ thứ mấy, còn rất trẻ, gốc gác là một cô thợ cấy. Phú ông đã lớn tuổi mà cô vợ bé xuân tình còn tràn đầy, nàng tư tình với một tá điền của phú ông. Một hôm phú ông bắt được quả tang hai người đang làm chuyện thương yêu nhau trong khu vườn trồng

khoai sản gần nhà. Phú ông giận lắm, cho đem trói chung, chân và thân mình cả hai người, vào một cây cột trên gò, dưới tàng cây cổ thụ, để cho người làng qua lại đều thấy. Cô thợ cấy và người yêu tá điền có lẽ chịu sự nhục nhằn không nổi, nửa đêm họ cùng cắn lưỡi từ giã cõi đời bên cạnh nhau, trong những vòng dây oan nghiệt cột chặt hai người. Gặp giờ linh, cô thành ra một Bà Thần và trả thù, trù ẻo gia đình phú ông mau chóng bị tán gia bại sản. Nhân số trong nhà phú ông bị hao hụt dần mòn vì bệnh hoạn hay vì tai nạn. Phú ông lúc bấy giờ tài sản đã gần khánh kiệt nhưng cố gắng lập một miếu thờ ngay trên gò đất. Phú ông còn thuê tạc tượng thờ đặc biệt đặt trong miếu, và một người con gái của phú ông là Cô Hầu đầu tiên lo việc hương nhang nơi miếu. Có lẽ cũng vì chuyện tình buồn này mà từ đó dân làng Nhân Ái thật là phóng khoáng dễ dãi trong vấn đề luyện ái, ai có lỗi lầm trong chuyện yêu đương thường được tha thứ, khoan hồng như đã đề cập ở đoạn trên. Nhưng truyền thống dễ dãi này lại gây ra một điểm bất lợi là từ đó các làng xã khác, ít nơi nào chịu đựng vợ gả chồng với con trai con gái làng Nhân Ái. Những làng mạc lân cận rất e ngại cái đức tính phóng khoáng kể trên. Nếu họ lấy một người làng này về mà có chuyện ngoại tình lẳng nhăng thì người phối ngẫu dễ dàng đổ tội là Giếng Hoan Lạc bị động, không phải do lỗi lầm hay do sự thiếu chung thủy của họ. Thành ra qua nhiều thế hệ, người trong làng có tục lệ chỉ lấy người làng, quanh quẩn giữa những người thôn Đông thôn Đoài, xóm Thượng xóm Hạ, xóm Chùa xóm Đình... Trải qua trên một trăm năm, mọi người trong làng hầu như đều quen biết nhau, hoặc là bà con xa gần với nhau, càng dễ gây tình thân thiết.

* *

Những chi tiết trên đây là nói về địa lý và nhân văn của làng Nhân Ái. Câu chuyện thật sự của thời cận đại chỉ xoay quanh ba nhân vật chính: Cậu Đạt, Cô Thắm và Thăng Còm. Nói là cận đại, nhưng chuyện lúc bắt đầu xảy ra là cả mấy chục năm về trước, thời mà chiến tranh Việt Pháp chưa bùng nổ.

Cậu Đạt là con trai của một nhà nông giàu có, cả làng gọi là ông Cửu Thịnh. Thời pháp thuộc, ông có tiền, mua chức Cửu Phẩm Văn Giai để có chút danh với làng xã. Mỗi khi có ăn uống, đình đám, hội hè trong làng ông được ngồi ở chỗ chiếu cao. Ông chỉ có Cậu Đạt là con trai duy nhất, thêm hai người con gái, ba bà vợ, già có trẻ có. Khi đưa con trai của ông Cửu Thịnh mới lên chín, nhà cần thêm người chăm lo vườn ruộng mênh mông, ông cho cưới Cô Thắm lúc đó mười bảy tuổi, con gái của một gia đình cư dân nghèo ở thôn Đoài về làm vợ Cậu Đạt. Thời buổi ấy, tục lệ tảo hôn tại thôn quê còn rất thường, nhất là đối với những nhà giàu có. Trước đó khá lâu, khoảng năm năm, ông Cửu Thịnh cũng đã đem Thăng Còm,

con một gia đình bần nông khác ở Xóm Chùa về nuôi. Thằng Còm lúc đó mới có chín tuổi, cha mẹ mất sớm. Cũng nên nói thêm ở đây là cái tên "Thằng Còm" rất thường thấy tại các làng mạc miền Bắc ngày xưa, và nhiều nhà văn đã cho Thằng Còm của họ thành những nhân vật trở nên anh hùng, dũng cảm trong những tác phẩm. Riêng Thằng Còm trong truyện này chỉ làm công việc chăm lo đàn trâu, lớn nhỏ trên một chục con, của ông Cửu Thịnh.

* *

Thế rồi thời gian trôi, Miếu Bà vẫn có người chăm lo săn sóc, giếng Hoan Lạc lâu lâu cũng bị động, và chim nhạn hằng năm vẫn theo thời tiết mùa Xuân trở về đỉnh Núi Chim Cao. Cô Thắm đã hai mươi hai tuổi, Cậu Đạt mười bốn và Thằng Còm đã trên mười tám. Nhờ cơm gạo của nhà phú nông, Còm lớn lên như thổi, sức vóc vạm vỡ, da ngăm đen dòn mạnh khỏe vì ở ngoài trời chăn trâu. Đúng lúc đó thì Cô Hâu già nua của Miếu Bà trước khi từ trần có nói với dân làng là được Bà báo mộng cho Cô Thắm kế nhiệm làm công việc phụng sự nhang đèn tại Miếu. Thắm có thêm công việc mới, mỗi ngày rằm, mùng một lại lo việc săn sóc nơi Miếu Bà. Khi phụng sự việc hương khói, Thắm thường mở cánh cửa gỗ lim vững chắc, hằng che dấu những bí mật bên trong miếu, để lau chùi tượng Bà và thắp nhang. Dân làng ai cúng kiếng nải chuối đĩa xôi, Thắm lại đem về cho Thằng Còm, có khi nàng đưa cho nó ăn lúc nó còn đang chăn trâu ngoài đồng.

Cậu Đạt tuy đã mười bốn tuổi, nhưng là con nhà giàu, cứ mãi chơi đùa, đánh khăng, câu cá với các bạn đồng tuổi, chưa làm gì đến chuyện vợ chồng với Thắm. Trong khi đó thì Thắm và Thằng Còm, lúc này đã là một thanh niên cường tráng, cả hai người đang độ sung sức của tuổi xuân lại ở gần nhau và gặp nhau mỗi ngày. Mới đầu chỉ có sự cảm mến giữa chủ tớ khi Còm còn nhỏ, sau thành tình yêu nồng nàn và kín mật của đôi nam nữ. Đúng như câu sáo ngữ "Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén".

Câu chuyện tình của Thắm và Còm bắt đầu khi cuộc chiến Việt Pháp bùng nổ mạnh mẽ nơi các thành thị như Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng và cả Ninh Bình ... Một ngày có đoàn Văn Nghệ Kháng Chiến đến lưu diễn tại làng Nhân Ái. Nhà của Cửu Thịnh rộng lớn, nên cho đoàn kịch nghệ tạm trú. Buổi tối họ diễn những vở kịch tuyên truyền, trong đó có những diễn viên đóng giả Tây làm Đô Đốc D❖Argenlieu, làm Tướng Bolert, rồi sau này là tướng De Lattre ... của thực dân Pháp bị dân quân du kích kháng chiến phục kích đánh cho tử thương để dàng trên sân khấu. Kịch được trình diễn tại đình làng vào buổi tối vì ban ngày mọi người phải lo việc đồng áng, chài lưới và nếu tụ tập đông sợ máy bay Pháp tới bắn hay dội bom.

Buổi tối hôm đó, Thẩm dắt Cậu Đạt chồng nàng đi coi diễn kịch. Còm cũng đi theo. Dân làng chen chúc đứng chật ních trước sân khấu thiết lập trong đình. Thẩm đứng ôm vai Cậu Đạt còn thấp bé ở phía trước nàng. Tự dưng Thẩm cảm thấy một sức đè ép khá nặng sau lưng. Nàng quay lại, thấy Còm ngay phía sau. Hơi thở nóng ấm từ người con trai gây một cảm giác dễ chịu, thích thú nơi gáy cổ của Thẩm. Nhưng bị sức ép từ phía Còm nhiều quá, nàng nói:

- Mà làm cái gì thế Còm.

Còm tỉnh bơ trả lời:

- Đằng sau họ chen lấn, đẩy tôi quá Cô Thẩm.

Trong khi đó thì Cậu Đạt mãi mê coi diễn kịch. Nam diễn viên đóng giả tướng Pháp Bolert đang bị dân quân du kích đâm chảy máu bằng mực đỏ nơi bụng, nằm đầy chết trên sân khấu. Dân làng vỗ tay nhiệt liệt. Thẩm giả bộ như chăm chú theo dõi màn kịch, dễ dãi để kệ cho Còm tự do muốn đụng chạm sao cũng được. Và từ đó nàng và Còm thân thiết nhau.

Một hôm ngày rằm, sáng còn sớm tinh mơ, Thẩm đem tờ tầm đi bán nơi chợ của làng bên. Trên chuyến đi, nàng rẽ vào con đường nhỏ từ lộ cái để vào Miếu Bà, trong tâm dự định lo phận sự cúng kiếng vài phút. Còm chặn trâu ở gần, nó lén đến cạnh miếu lúc nào nàng không hay. Còm vào luôn trong miếu, nơi được coi là bí mật và tôn nghiêm cả trên trăm năm nay, nó làm Thẩm hết cả hồn vía. Thấy Còm, nàng vừa thò, vừa sợ, lo bị Bà vật, nhưng có lẽ cũng thấy vui và sung sướng. Còm tò mò nhìn lên hương án nơi bàn thờ. Còm thấy một bát hương đỏ, hai bên cạnh là hai cây đèn bằng đồng sáng bóng, và chính giữa kệ thờ là một tượng gỗ sơn son thiếp vàng tạc hình một nam nhân và một phụ nữ trẻ bị trói vào nhau phía thân dưới, nhưng bốn cánh tay còn tự do quấn quít ôm lấy nhau như đang say sưa trong tình yêu. Có lẽ Còm là người đàn ông duy nhất từ nhiều thế hệ được thấy tượng Bà, bây giờ nghĩ phải gọi là tượng Ông và Bà mới đúng.

Đàn trâu được thả, thanh bình ăn cỏ phía xa. Thấy hình tượng Ông Bà đang ôm nhau, Còm cũng nổi hứng yêu đương. Còm ôm lấy Thẩm, hôn lên khắp mặt nàng. Thẩm chỉ ú ớ, không chống cự. Cũng chẳng thấy Bà trừng phạt, vật sống vật chết gì. Có lẽ trong tiền kiếp, Ông Bà đã từng đau khổ vì yêu đương nên thông cảm cho đôi trai gái chẳng. Rồi Thẩm vừa thò vừa nói:

- Anh Còm, phải tội chết.

Trời còn sớm mai, cảnh vật nơi đồng quê còn mờ hơi sương, nhưng Còm cũng sợ có người đến cúng lễ, sẽ thấy lục cục bên trong, nó bảo Thẩm:

- Mình xuống bụi chuối dưới gò. Tôi đi trước, Cô Thẩm xuống sau nhé!

Còm vẫn quen miệng gọi Thẩm bằng Cô. Anh nhìn trước nhìn sau, không thấy

ai, từ từ đi xuống một phía chân gò khuất bên kia, và chỉ ít phút sau Thắm cũng tìm ra bụi chuối chỗ Còm đang nôn nao chờ đợi.

Bầu trời buổi sáng trong mát, mặt trời chưa ló dạng, ánh sáng còn mờ ảo. Những giọt sương trong suốt đọng trên cỏ non lóng lánh. Bầy chim trên đỉnh Núi Chim Cao mới thấp thoáng vài con rời tổ bay lượn. Những làn gió Xuân làm lá bụi chuối lay động rạo rạo lấp đi những tiếng rên khẽ trong sung sướng của Thắm. Cỏ non dưới đất và những chùm lá xanh mượt mà của bụi cây chứng kiến đôi tình nhân say sưa hưởng lạc thú yêu đương lần đầu trong đời.

* *

Khi người con trai và người con gái đã gần gũi nhau một lần thì mọi chuyện liên hệ tình ái tiếp theo trở nên dễ dàng và thành thói quen cho thêm muốn. Từ lần thân mật dưới bụi chuối bên gò Miếu Bà, Còm và Thắm tiếp tục tư tình với nhau. Khi thì ban đêm dưới chõng tre bên hè vắng, khi thì ban ngày trong kho lúa đóng kín, lúc thì ở bên những luống khoai lang nơi vườn của khu trang trại rộng lớn. Trước mặt mọi người, lúc cần xưng hô, Thắm vẫn gọi tên Còm hay Thằng Còm, và Còm vẫn kêu nàng là Cô Thắm. Lúc chỉ có hai người và trong những giây phút yêu đương lén lút vội vàng, cách xưng hô cũng đã bắt đầu đổi khác đi. Còm thì càng lớn càng sung sức, và Thắm từ ngày có tiếp xúc tình ái sâu đậm với người khác phái, sắc da vóc dáng càng tươi mát hơn.

Thế rồi chuyện phải đến đã tới. Một hôm bên vựa thóc, Thắm nói với người tình:

- Anh Còm, Thắm bị tắt kinh, buồn nôn, chắc có thai mất.

Còm lo lắng:

- Tắt kinh bao lâu rồi?

- Mới trễ chừng hơn nửa con trăng.

Còm suy nghĩ, xong anh ta bàn với Thắm:

- Hay là Thắm "ấy" với Cậu Đạt đi.

Thắm lắc đầu:

- Cậu Đạt chỉ ham chơi, mới mười bốn tuổi, biết gì mà "ấy".

Còm không chịu:

- Phải được chứ. Hồi Còm mười ba mười bốn tuổi, mỗi lần giếng bị động, khi đánh trâu về, thấy đàn bà con gái tắm ở ao làng, nhìn họ cũng đã thấy thích rồi. Cậu Đạt chắc cũng vậy. Cậu ấy gần mười lăm còn gì nữa.

Chỉ trong vòng nửa tháng sau, Cậu Đạt được Thắm chỉ bảo hướng dẫn cũng hơi quen việc yêu đương. Rồi chuyện Thắm mang thai, nhà ông Cử Thịnh biết và mừng. Dân làng hay tin này, ít ai nghi ngờ hoặc lạ lùng gì, vì với tục tảo hôn đã có

hàng trăm năm nay, chuyện vài cậu bé con nhà phú nông mới mười lăm mười sáu được lên chức làm cha đã xảy ra nhiều lần. Những người mừng nhất vẫn là Thắm và Còm. Chuyện tư tình không bị bại lộ. Hai người cũng cố giữ kín đáo, lâu lâu mới tìm cách lén gặp và gần gũi nhau.

* *

Thời gian cứ trôi, đưa con trai của Thắm và Cậu Đat, phải nói là của Thắm và Còm mới đúng, đã gần hai tuổi, rất kháu khỉnh, có những bước đi khá vững, bập bẹ nói rất đáng yêu. Nó có tên là thằng Cu Vượng. Cậu Thịnh đặt cho cháu đích tôn cái tên này, với ước mong gia thế sẽ thịnh vượng, phát đạt nhiều thế hệ. Cậu Đat cũng đã trên mười bảy tuổi và bắt đầu trở thành một thanh niên sung sức. Cậu không còn ham chơi thả diều, câu cá như mấy năm trước. Bây giờ Cậu ham làm phận sự của người chồng Cô Thắm thường hơn.

Bắt đầu từ cuối năm 1953, khi cuộc chiến tranh kháng chiến giữa Việt Minh và quân viễn chinh Pháp ngày càng nặng nề. Làng Nhân Ái cũng như hầu hết các làng xã khác trong vùng có phong trào cải cách ruộng đất và tố khổ. Những bàn cờ nông được kích động để đấu tố các phú nông, địa chủ của mọi thập niên về trước. Những buổi đấu tố tiếp diễn nhiều ngày trong mỗi tháng, và tất nhiên gia đình của Cậu Thịnh cũng là một trong những mục tiêu của phong trào tố khổ có tính cách toàn quốc này. Một ngày vào mùa Xuân, dân làng được thúc đẩy tập hợp thật đông trước sân đình khi mặt trời ngả bóng, còn chừng vài con sào trên chân trời hướng thôn Đoài. Tòa án Nhân Dân được thiết lập với một cán bộ cải cách ruộng đất cấp huyện làm Chủ Tọa. Hai cán bộ khác cùng sáu bàn nông đại diện cho đủ thôn xóm của làng làm phụ thẩm. Họ ngồi trên những ghế đầu, sau một chiếc bàn dài. Ở trên cao phía sau của họ là bàn thờ Tổ Quốc. Một lá cờ lớn, treo theo chiều dọc. Trên bàn thờ Tổ Quốc có nến, nhang và đỉnh đồng tỏa nhẹ khói thơm của trầm hương. Cậu Thịnh, cùng mấy bà vợ, các con gái và tất nhiên cả Cậu Đat bị tố, bắt ngồi trên nền gạch đỏ của sân đình. Riêng Cậu Thịnh, có lẽ bị coi là trọng tội nhất, thì bị trói vào cột cờ, ngay cạnh bên chỗ các tội nhân khác. Mọi người để ý, thấy Thắm và Còm được đứng trong hàng ngũ nhân dân vì xuất thân từ giai cấp bàn nông, và được coi là thuộc giai cấp bị bóc lột nặng nề. Sau nghi lễ đã trở nên quá quen thuộc là chào cờ, mặc niệm và suy tôn "Bác", viên Chánh Thẩm nghiêm trang tuyên bố khai mạc phiên tòa. Người cán bộ như đã thuộc bài kể tội chung những cường hào ác bá, phú nông địa chủ và hôm nay mục tiêu đấu tố là tên Cậu Thịnh và gia đình. Không biết từ đâu, anh ta đã thu thập được nhiều chi tiết đúng cũng như sai về quá khứ của Cậu Thịnh. Hấn hùng hồn lên tiếng hô hào nhân dân trong làng ai có những gì uất ức do bị đàn áp từ bao nhiêu

năm nay hãy ra tố cáo để nghị tội và trừng trị các tội nhân.

Khởi đầu của phiên tòa nhân dân, vợ con của Cửu Thịnh bị tố khổ và hạch hỏi trước. Như đã được đề cập ở những đoạn trên, dân làng Nhân Ái thường có liên lạc họ hàng với nhau từ nhiều thế kỷ và truyền thống của làng là thân ái, yêu đương, hòa bình và dễ khoan hồng. Cũng như những lần trước, các cán bộ cấp huyện đều tỏ ra thất vọng vì những cuộc đấu tố tại làng này không có gì là sôi nổi và chẳng bao giờ sắt máu.

Một cô thợ cấy đứng ra tố cáo vợ hai của Cửu Thịnh thường bắt cô làm việc cực nhọc quét dọn cả mấy căn nhà rộng lớn đến quá nửa đêm, sau khi cô đã phải làm việc ở ngoài đồng rất là mệt mỏi mỗi ngày đến nhá nhem tối mới về. Tội ác này kể ra không có gì trầm trọng. Một tá điền, có lẽ đã tốt nghiệp lớp i-tờ, cầm một miếng giấy, cố đọc một cách chậm chạp những tội trạng của cả gia đình Cửu Thịnh đã bóc lột công sức lao động của anh. Một cô bần nông khác, còn trẻ chưa chồng và diện mạo có vẻ lẳng lơ, tố cáo sự ép liều nài hoa của Cửu Thịnh. Cô nói hai lần khi giếng làng bị động, Cửu Thịnh đã bắt cô phải ăn nằm với hắn. Cô khai thêm Cửu Thịnh chỉ cho cô mỗi lần mười đồng bạc Đông Dương và còn dụ dỗ là hành động ăn nằm cốt để thêm sức làm việc cho cô. Nhiều người chứng kiến phiên tòa cười ồ, làm chánh thẩm phải gõ bàn, yêu cầu mọi người giữ trật tự.

Đến lượt Thẩm được mời ra để tố cáo gia đình Cửu Thịnh. Cô bỗng đưa con là Cu Vượng hai tuổi trên tay. Như đã được học tập từ trước, Thẩm tố cáo là lúc cô mới mười bảy tuổi, vì nghèo bị ép buộc phải lấy Đạt, một đứa trẻ còn bé dại và là con địa chủ, để trừ nợ cho cha mẹ, như vậy cô bị uổng phí tuổi xuân. Cô bị bóc lột làm việc như một người đầy tớ không công cho gia đình Cửu Thịnh. Cô không kể ra được một chi tiết bị đàn áp hay ức hiếp tàn nhẫn nào khác. Thẩm nhìn vào đám tội nhân, và nhìn chồng nàng là Đạt, người sau này đã cùng chung sức với Còm cho nàng những giây phút hoan lạc tại ngôi làng thân thuộc này. Nàng bỗng cảm thấy tội nghiệp Đạt hơn là giận ghét một người con của địa chủ. Bị khuyến khích, bị kích động phải tố cáo thì nàng làm vậy thôi. Và chắc là Thẩm cũng có chút lương tâm tự trách tội ngoại tình của mình nhưng không dám nói ra.

Rồi tới phiên Còm được yêu cầu làm công việc đấu tố. Còm lúng túng, chậm chạp vì chưa khi nào phải ăn nói trước công chúng. Thực ra anh ta lại thấy rất hạnh phúc được chặn đàn trâu của chủ. Mỗi con trâu đã được anh đặt cho một tên, và mỗi một con vật to đen khỏe mạnh kia thân thiết với anh như một bạn hiền. Anh thuộc lòng vị trí từng cái khoáy của mỗi con trâu, cũng như đã nhớ rõ một vài nốt ruồi kín đáo trên người của Thẩm. Còm từ trước tới nay chưa thấy bị bóc lột hay thấy đời anh bị đầy ải cực nhọc. Đúng như sáo ngữ "Ai bảo chặn trâu

là khô". Bầu trời và đồng ruộng thênh thang là bạn của Còm. Lúa thơm, hoa dại, cỏ non là chỗ anh được gần cận nằm nghỉ trưa, nhìn trời mây. Và Cô Thắm là chỗ anh thân ái trao đổi cho hết ân tình. Có gì để anh phải than thở và dẫu tố đầu. Một cán bộ đứng cạnh anh thúc đẩy:

- Đồng chí Còm, hãy tố cáo những gì đồng chí bị áp bức.

Còm lúc đó cố nhớ, anh chỉ nói được một phần nhỏ những câu đã được dặn dò từ trước:

- Thừa đồng bào, thừa các đồng chí. Tôi là Còm...

Anh ta còn ấp úng chưa dứt câu thì vài cô thôn nữ chưa chồng, có lẽ cũng đã để tâm và mến thích anh, nói:

- Bây giờ lớn rồi.

- Hết Còm rồi.

Lại một màn yêu cầu trật tự của chủ tọa. Còm tiếp:

- Tôi bị ông Cửu Thịnh bắt đi chăn trâu từ lúc mới chín mười tuổi, không cho đi học...

Còm vẫn quen miệng, đáng lẽ theo học tập phải nói tên Cửu Thịnh, nhưng vì kính nể chủ từ bao nhiêu năm nay, anh vẫn gọi Cửu Thịnh bằng ông. Anh ta nói tiếp:

- Một mình tôi phải chăn mười bốn con trâu. Lúc trâu không đi cày bừa, tôi phải cho trâu ăn cỏ và phải tắm trâu, vắt vả. Tôi bị bóc lột, không được trả công. Mỗi năm chỉ được hai bộ quần áo vải thô và mười gát lúa, bán được thì mua thuốc Lào, chỉ đủ hút thuốc bằng điệu cày lúc ở ngoài đồng, gió lạnh. Com ăn hằng ngày tôi chỉ có gạo đỏ, cà muối, canh cua, cá khô mặn ...

Có lẽ mấy món Còm vừa kể có vẻ ngon miệng hơn là bây giờ đã vài nhà bắt đầu phải ăn độn khoai sắn vì cảnh tiêu thổ kháng chiến, cày cấy bị giới hạn do chiến tranh, gạo thóc một phần phải chuyên chở đi bán với tính cách thu mua cho quân đội kháng chiến. Một bà nói với mấy người đứng bên:

- Có đủ mấy thứ đó ăn cũng đỡ.

Rồi đến lượt "Cậu Đạt" bị đem ra hạch tội. Nhưng không có một tá điền, một thợ cấy nào có thù oán gì với Đạt. Chỉ riêng vợ cậu là Thắm, đã vì bắt buộc, phải tố khổ vì cậu mà nàng phải phí tuổi xuân, lấy cậu bé chín tuổi, gần mười năm về trước. Cả tòa lẫn dân làng đều ngầm hiểu rằng đây không phải là lỗi tại cậu này mà là do cha mẹ sắp xếp tính toán.

Đến lúc tòa cho phép các tội nhân biện hộ. Hai bà vợ của Cửu Thịnh không biết nói gì, coi như nhận tội về những lời tố giác đã cư xử bạc đãi bóc lột các bần nông. Cửu Thịnh không chối tội nào kể cả tội tư tình với cô thợ cấy và đã chi phí,

ông ta cho là rất sòng phẳng, mỗi lần tới mười đồng bạc Đông Dương. Cửu Thịnh bào chữa yếu ớt, nói là mang tội phú nông vì cha mẹ ông bà hấn để lại ruộng vườn, tội không phải do hấn gây ra, mong được nhân dân tha thứ. Riêng Đạt vì còn trẻ tuổi, cậu ta chẳng biết sợ là gì. Những người phụ thẩm ngồi trên kia một thời là tá điền vẫn nuông chiều cậu. Có người trước kia hay nặn đất sét đem nung làm những con giống, hay dùng lá chuối đan thành những con cào cào cho cậu. Đạt tỏ ra bình tĩnh, nói biện hộ cho cả gia đình:

- Thừa tòa, thừa các đồng chí và nhân dân ...

Chưa kịp nói tiếp, Đạt bị người cán bộ huyện át giọng quát ngay:

- Mày là con của địa chủ, con của phú nông phản động, không được phép gọi ai là đồng chí.

Đạt phải nói lại:

- Thừa tòa và nhân dân , cả nhà tôi tuy là địa chủ nhưng cũng đã nuôi cơm gạo cho nhiều người. Riêng tôi còn rộng rãi cư xử tốt với anh Còm, coi như có công nhiều giúp đỡ bản nông...

Mọi người hồi hộp muốn nghe xem Đạt đã giúp bản nông ra sao ngoài việc gia đình cậu ta chỉ cho họ ăn cơm gạo đỏ và bóc lột sức lao động. Người cán bộ cũng muốn tỏ ra có công tâm, nói đồng dạng :

- Mày có công trạng gì nói rõ.

Đạt tiếp:

- Tôi biết anh Còm ăn nằm với vợ tôi.

Nhiều người dân làng ngơ ngác vì lời khai bất ngờ này. Vài tiếngỒ đây đó. Một hai người cán bộ cải cách nói át ngay "vu cáo, vu cáo". Viên chánh tòa lớn tiếng:

- Mày nói sai, vu khống sẽ bị trừng trị nặng. Có bằng có nào?

Đạt nói:

- Một buổi tối sau vụ gặt, lúa đã vào vựa, tôi đi thả diều về thấy có tiếng động trong kho thóc, tôi sợ có chuột hay có người xúc trộm lúa, vào coi thì thấy anh Còm nằm phủ lên người vợ tôi, hai người ăn ở với nhau ...

Lại một tràng tiếngỒ nữa và tiếng vài người thở ra sau khi nín thở giây lát, kể cả Cửu Thịnh và mấy bà vợ. Dám dân làng nhìn Thắm. Nàng đỏ ửng cả đôi má, úp đầu vào đứa con trai nhỏ đang bông trên tay. Mọi người cũng nhìn về phía Còm. Anh ta đứng xa Thắm mười thước, cúi mặt bẽn lẽn.

Đạt lại tiếp:

- Tôi có công hy sinh không tố cáo anh Còm, hồi đó tôi còn nhỏ, lại cũng sợ nói ra anh Còm sẽ không làm điều sáo cho tôi nữa.

Cán bộ chánh tòa ra lệnh:

- Xin anh Còm và chị Thắm ra trước tòa.

Còm và Thắm đành phải ngượng ngùng bước ra.

- Anh chị cho biết lời tố cáo của con tên địa chủ phản động có phải là vu khống?

Còm ngần ngừ, sau đó trả lời rất khế:

- Tôi có ...

Thắm, tay bỗng con, hai hàng nước mắt chảy hai bên má:

- Tôi nhà nghèo phải lấy Cậu Đạt khi cậu còn nhỏ. Nhưng tôi yêu và giải quyết công tác với anh Còm. Thằng Cu Vượng này là con của anh Còm...

Lại thêm một tràng tiếng Ồ của đám đông người dự kiến. Phiên tòa cải cách ruộng đất, tố khổ tự nhiên biến thành tòa tố cáo và phân xử về ngoại tình.

Lúc đó đã hơi ngả tối, vài thiếu niên cứu quốc đang sửa soạn những bó đuốc lớn làm bằng những bó tre nửa. Chợt có những tiếng gió rào rào trên không. Mọi người nhìn lên thì thấy hàng ngàn con chim nhận rợp trời, từ phương Nam bay về đỉnh Núi Chim Cao, báo hiệu mùa Xuân đang nở rộ, một mùa của yêu đương, của thân ái mà thiên nhiên dùng đàn chim như muốn nhắc nhở dân làng. Nhiều người cả thanh niên lẫn phụ nữ reo lên "Nhận về, nhận về..."

Phải hơn mười phút sau, khi đàn nhận chỉ còn vài đám nhỏ, muện màng bay đến ngang bầu trời của sân đình, người cán bộ chủ tịch phiên tòa nhân dân mới lấy lại được sự chú ý phần nào của đám người đầu tố. Hắn ta biết rõ Còm bây giờ đã lên chức Tiểu Đội Trưởng du kích làng Nhân Ái. Hắn muốn làm một cái gì để bênh vực và ân nghĩa cho một đồng chí yêu nước của hắn. Hắn nói:

- Đồng chí Còm, đồng chí Thắm, hai đồng chí có thực sự yêu nhau không?

Cả Thắm và Còm cùng trả lời khế trong ngượng ngập:

- Có.

- Thừa có.

Chủ tọa phiên tòa lại nói:

- Anh Đạt, anh là con của địa chủ, có tội với nhân dân. Anh chưa thể nào đứng trong hàng ngũ bần nông cứu quốc được. Thằng Cu Vượng cũng không phải là con của anh. Anh cần hy sinh cho chị Thắm lấy anh Còm.

Đạt đã từng nhìn trộm mấy cô diễn viên của đoàn ca kịch kháng chiến ngày trước, khi họ lưu diễn và tá túc tại khu nhà của cậu. Cậu ta thấy mấy cô đó còn trẻ và đẹp hơn Thắm nhiều. Đạt chỉ ao ước một ngày nào được theo đoàn kịch nghệ, dù là làm một chân kéo màn cũng được. Đạt lại kém Thắm tới tám, chín tuổi. Tuy Thắm đã chỉ dạy cho cậu hưởng lạc thú xác thịt từ khi mới lớn, cậu thực sự đâu muốn ăn đời ở kiếp với người vợ hơn tuổi mình nhiều và do cha mẹ sắp đặt. Có lẽ

đây là dịp tốt để cậu một lần nữa hy sinh. Cậu nói:

- Tôi bằng lòng.

Nhiều tiếng vỗ tay nổi lên hoan hô tinh thần của Đạt. Có lẽ biết phong tục của làng Nhân Ái, và biết đám dân đang hồ hởi không phải vì đấu tố mà vì thấy chim nhận mới bay về ngày hôm nay, hội xuân và mùa cưới đã tới, cán bộ chánh tòa sau khi tham khảo ngắn với các phụ thẩm nhân dân, tuyên đọc bản án:

- Tòa án nhân dân hôm nay tuyên bố: Tước bỏ hết ruộng đất của tên địa chủ Cửu Thịnh. Một ủy ban sẽ phân phát sản nghiệp của tên địa chủ này cho bần nông ái quốc. Cửu Thịnh chỉ được phép ở với một vợ và phải lao động vinh quang, tự túc sinh tồn. Cho con của Cửu Thịnh là Đạt nếu hiếu cải, có thành tích tốt sẽ được cứu xét sau này ra nhập đoàn dân quân du kích làng Nhân ái, góp phần vào công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Cho chị Thẩm được ly dị ngay với chồng cũ là Đạt vì lý do hôn nhân bị áp bức, và được phép làm đám cưới kiểu đời sống mới với anh Còm.

Mọi người của làng Nhân Ái thoải mái và hài lòng với bản án khá nhân đạo. Khác với những cuộc đấu tố tại các làng xã khác thường là rất tàn bạo và sứt máu. những phiên tòa đấu tố tại làng này thường chỉ có tố khổ, kẻ tội, mặt sát, tịch biên tài sản, không có cảnh đánh đập tàn nhẫn, địa chủ gục ngã trước mặt dân làng.

Làng vẫn xứng đáng với tên được tạm đặt là Làng Nhân Ái. Nhất là hôm nay, thấy chim nhận hồi hương, người ta càng dễ tha thứ cho nhau. Nhiều người ra về, hướng mắt nhìn lên đỉnh Núi Chim Cao. Những con chim nhận như đang vui mừng về lại tổ cũ sau nhiều tháng trốn lạnh tại một phương trời nào xa xăm tận miền nam. Chúng về đây, ríu rít bay, vui lượn quanh ngọn núi, như thúc dục mọi người quên hận thù, hãy thương yêu nhau và thực hiện những hành động thân ái chứng tỏ tình yêu vào mùa Xuân lúc nhận về.

TRẦN VĂN KHANG

Trích trong Tập Hai Bên Chiến Tuyến

Ghi chú : Truyện ngắn Mùa Xuân tại làng Nhân Ái đã đăng trong Đặc San Dục Khoa do Hội Dục Sĩ Việt Nam tại San Diego ấn hành và trong một số sách báo.

Chợ Tình Sapa

Trần Văn Khang

(Danh tánh các nhân vật trong câu chuyện nếu có sự trùng hợp ngoài đời, chỉ là do ngẫu nhiên, ngoài ý muốn của người viết)

Bài "Thơ Nhạc" dưới đây, không ghi nốt nhạc (music scores). Người đọc hay thi sĩ, ca sĩ nếu nhã hứng có thể tùy hứng ca ngâm tự do, theo ý riêng của mình. Câu chuyện có ghi bên dưới bài thơ-nhạc.

Chợ Tình Sapa

Anh lên vùng núi Sapa
Gặp cô sơn nữ hái hoa bên đồi
Anh tìm lại hỏi thăm thôi
Cô sơn nữ chỉ nhẹ cười rất xinh
Đêm về anh đến Chợ Tình
Lại gặp sơn nữ múa quanh lửa hồng
Bập bùng, bập bùng bên ánh lửa hồng
Nàng sơn nữ H'Mong ca múa
Chập chùng, chập chùng mây núi chập chùng
Đây Sapa mật rừng khói sương
Nhịp nhàng, nhịp nhàng xiêm áo nhịp nhàng
Đoàn sơn nữ cùng ca cùng múa
Hò hò, hò hò, vang tiếng hò hò
Đoàn trai tráng ngồi quanh hò hò
Chợ Tình hò hẹn gái trai
Những cô sơn nữ tìm người tìm duyên
Anh là khách ở viễn phương
Những cô sơn nữ biết đường nào tin
Một mình thơ thẩn nhìn quanh
Chợt thấy sơn nữ đã bên một chàng !
Chợ Tình, Chợ Tình anh đến Chợ Tình
Rồi anh cũng về, không sơn nữ !
Một mình, một mình, anh bước một mình
Rồi anh vẫn cô đơn một mình !

Chuyện tình của "anh"

Anh 30 tuổi, vẫn còn độc thân. có hai cuộc tình lận đận !

Anh là tư chức trung cấp của một Công Ty khá lớn. Nghèo nhưng anh có tâm hồn một nghệ sĩ, làm thơ làm nhạc có đăng trên mạng lưới và một vài tờ báo. Thơ nhạc của anh vẫn chưa được ai đặc biệt chú ý. Một phần vì trên các mạng lưới, bài vở nhiều và nhân tài cũng nhiều.

Cuộc tình đầu, anh quen thân rồi yêu thương một cô thư ký trẻ, đẹp cùng làm tại Công Ty. Cô có tên đẹp là Kim Hương. Cũng như một số cô gái khác, Kim Hương thích mua sắm, ăn mặc thời trang, muốn xe hơi nhà đẹp và đặc biệt thích nữ trang có kim cương hột xoàn. Thân thương được gần 2 năm, Kim Hương chê anh nghèo. Cô lập gia đình với một ông chủ tiệm Kim Hoàn, cũng còn trẻ tuổi, đã tặng cô một nhẫn hột xoàn 9 ly vào ngày cưới.

Cuộc tình thứ hai khởi đầu do một bài nhạc của anh, phổ biến trên mạng lưới và trên một tờ báo Xuân. Một nữ độc giả qua mạng lưới, liên lạc làm quen anh. Cô có tên rất miền Nam là Ngọc Ba. Ngọc Ba mới 20 tuổi, còn mơ mộng, giúp mẹ buôn bán tại một sạp vải tại Chợ Bến Thành. Ngọc Ba có làm vài bài thơ, hy vọng quen anh rồi anh đem thơ cô vào nhạc. Mơ mộng một ngày nào thơ cô cũng thăng hoa nhờ tài âm nhạc của anh, như bài Thuyền Viễn Xứ. Quen nhau được gần một năm, Ngọc Ba nhận ra tài năng của anh cũng chưa "cao cấp", nói theo tiếng Sài Gòn bây giờ. Bà mẹ Ngọc Ba thấy anh hơn nàng cả 10 tuổi, bạn bè nhiều, lại hút thuốc lá uống rượu. Anh nói là để có cảm hứng làm thơ văn. Bà mạnh mẽ ngăn cản cô con gái, không cho tiến xa. Nàng cũng có chút lưu luyến, tội nghiệp khi chia tay anh để lập gia đình với một chủ tiệm may thời trang, vẫn thường mua vải, mua lụa tại sạp vải của nàng. Ngọc Ba thành bà chủ một nhà may đang phát đạt, có nhiều thợ may dưới sự quản lý của nàng.

Thất tình. "Khi anh buồn anh đi lang thang". Anh hay hát câu "Đời tôi cô đơn nên đi đâu cũng cô đơn". Nghe nói hàng năm, tại vùng sơn cước Sapa, có Chợ Tình. Anh dành dụm đủ chi phí để lên Sapa 10 ngày, hy vọng nếu hữu duyên sẽ gặp một sơn nữ, ít nhu cầu, ít đòi hỏi hơn một số cô gái Sài Gòn chẳng. Bên một sườn đồi, anh gặp cô sơn nữ khá xinh. Người miền núi mà cô lại có làn da trắng hồng, khỏe mạnh. Cô đang hái hoa để cài đầu tối ngày hôm đó tại Chợ Tình. Anh dừng lại làm quen, hỏi thăm. Cô chỉ cười vì không biết tiếng của người Sài Gòn. Qua cậu bé hướng dẫn viên thông dịch, anh và cô sơn nữ cũng trao đổi được ít câu. Anh thấy có thật nhiều cảm tình với cô sơn nữ. Nhưng rồi chuyển đi Chợ Tình Sapa của anh có kết quả như bài thơ nhạc ghi trên. Người viết chúc "anh"

sớm có một cuộc tình thật đẹp, hạnh phúc với "thơ anh làm em hát".

Quán Khuya

Trần Văn Khang

(Danh tánh các nhân vật trong câu chuyện nếu có sự trùng hợp ngoài đời, chỉ là do ngẫu nhiên, ngoài ý muốn của người viết)

NGÀY TẾT XA NHÀ

Thế là Chương lại có một cái Tết một mình, xa nhà, xa quê hương. Gần 30 tuổi, còn độc thân, Chương vẫn muốn có những ngày Tết được ở nơi mình đang cư ngụ, gần họ hàng, gần bạn bè. Đúng vào dịp Nguyên Đán, anh được cơ sở anh đang làm việc cử sang Luân Đôn tham dự một cuộc họp của các Viện Bào Chế và các Viện Nghiên Cứu về thuốc men. Chuyến đi này khá quan trọng, vì một vài Công Ty sản xuất y dược của Thụy Sĩ, YÙ và Đức Quốc hình như đang tiến hành, tìm tòi vài món thuốc có vẻ sẽ trùng hợp với hai sản phẩm đang trong vòng khảo sát của Viện Nghiên Cứu nơi anh đang làm việc. Anh thăm trách các ông Tây, ông Mỹ tư bản. Họ chẳng để ý gì đến ngày Tết âm lịch, cũng chẳng quan tâm đến phong tục Đông Phương. Có nhu cầu là họ tiến hành. Nhưng Lễ Giáng Sinh, Tết dương lịch họ lại rất trọng, luôn luôn tránh những họp hành về doanh nghiệp hay về chuyên nghiệp.

Ba ngày họp đã xong vào chiều mừng hai Tết. Qua những trao đổi trong chương trình cũng như bên lề các cuộc thảo luận, Chương nghĩ là đã lấy đủ tin tức cần thiết cho Phòng Nghiên Cứu, nơi anh làm việc.

Tại Luân Đôn cũng như bên Mỹ chỗ anh đang ở, quang cảnh ba ngày Tết Việt Nam cũng như ngày thường. Có lẽ chỉ có khu phố Tàu hay khu đông người Á Châu mới có chút không khí của Nguyên Đán.

Khách sạn anh hội họp và tạm lưu trú tọa lạc ngay trung tâm thủ đô Anh Quốc, gần khách sạn ngày trước của anh. Cũng gần quán rượu Golden Turtle, nơi anh đã ngồi nghe nhạc, dùng cà phê hay uống rượu cùng Yoshiko mấy đêm liền, một năm rưỡi trước. Đã hơn một tháng nay, kể từ Giáng Sinh, vì bận rộn và di chuyển nhiều, anh ít liên lạc với nàng. Dùng cơm tối xong, anh mặc thật ấm, một mình bộ hành đến quán rượu cũ. Chương muốn trở lại nơi anh có nhiều kỷ niệm với Yoshiko. Anh dự định khi về Hoa Kỳ, sẽ điện thoại kể chuyện nàng nghe về việc

thăm lại Night Club Con Rùa Vàng này. Anh nghĩ là nàng sẽ thích nghe chuyện và biết đâu sẽ cảm động, rồi có một hướng đi, một quyết định tình cảm với anh.

Mới chín giờ tối, quán đã khá đông. Tiếng nhạc Jazz nhẹ nhàng, dịu dặt. Không khí Night Club ấm cúng, khác hẳn cái giá lạnh của thời tiết giữa mùa đông bên ngoài. Chương tìm đến chiếc bàn, nơi góc nhỏ, còn trống, hơi tối cho có chút riêng tư. Đúng cái bàn anh cùng nàng hay ngồi vài đêm năm xưa. Anh gọi một ly rượu nho Pinot Noir. Nhấm nháp ly rượu khá ngon và thưởng thức nhiều nhạc bản đặc sắc do bốn năm người nhạc công trình tấu. Vẫn những người nhạc công ấy. Khung cảnh vẫn như xưa, làm anh càng nghĩ đến Yoshiko nhiều hơn. Câu chuyện quen nàng, mới gần hai năm trước trở lại với Chương trong nỗi nhớ bồi hồi ...

... MÙA HÈ 2006

Không hiểu tại sao Chương chú ý nhiều đến người con gái Á Đông ấy, ngay từ lần đầu thấy nàng trong Hiù Viện, một buổi hòa nhạc tại Stockholm. Nàng ngồi phía trên, cách anh một hàng ghế, hơi về phía bên trái của anh, nên Chương thấy được bán diện phía bên phải rất thanh tú của nàng. Bên cạnh nàng là một phụ nữ đã khá đứng tuổi, tóc điểm vài sợi bạc. Xem cung cách nàng đối với bà, anh đoán họ là hai mẹ con, cùng đi nghe nhạc.

Nhiều sự việc có thể giải thích là do ngẫu nhiên, do tình cờ. Nhưng Chương lại hay nghĩ theo thuyết nhà Phật, anh cho là do "cơ duyên" nên có sự gặp gỡ. Ra khỏi Hiù Viện, Chương đi sau nàng vài bước. Nghe nàng nói chuyện với người phụ nữ đứng tuổi đi cùng, anh tin rằng họ là người Nhật. Rồi họ cùng lên một xe buýt với anh, đi về chiếc du thuyền lớn. Vài giờ nữa con tàu sẽ nhổ neo, đưa gần một ngàn hành khách ghé nhiều bến cảng, du ngoạn thăm viếng nhiều nơi vùng Bắc Âu trong một hải trình tám ngày.

Vùng biển tại đây mùa này sóng nước êm. Con tàu to lớn, như một tòa khách sạn nổi, đủ tiện nghi cho cả ngàn du khách. Chương đi chuyển này với Phong, người bạn quen, cùng trường Đại học nhưng khác ngành khảo cứu. Cả hai vừa tốt nghiệp Cao Học, rủ nhau tham dự chuyến du lịch xa, đến những nơi chưa từng đến. Chương và bạn tự tưởng thưởng cho mình sau một học trình nặng nề suốt mấy năm.

Du thuyền này vào giờ ẩm thực không phải chọn chỗ ngồi nhất định. Vào buổi tối thứ hai, anh và Phong đến phòng ăn hơi muộn, được người tiếp viên trên tàu sắp xếp ngồi một bàn, chung với hai người du khách Nhật Bản. Ban quản lý du thuyền cũng muốn cho hành khách trên tàu có dịp quen nhau. Chương và Phong chào bằng Anh ngữ, trước khi ngồi xuống ghế. Cô gái Nhật thật khả ái, Chương đã thấy trong hiù viện hai ngày trước tại Thụy Điển. Cô khoảng 22 hay 23 tuổi,

cũng lễ độ nhưng không kém duyên dáng giới thiệu mình và người mẹ. Cô nói bằng tiếng Anh, rất chuẩn, kèm theo một nụ cười tươi:

- Tôi là Yoshiko, và mẹ tôi, bà Tanaka. Rất hạnh phúc được biết hai anh.

Hai người phụ nữ, hôm đó mang y phục Kimono thật đẹp. Chương ngỡ lời khen tặng. Họ cho biết mới dự buổi tiếp tân của Thuyền Trưởng. Chương và bạn không dự những buổi này, nhưng nhiều hành khách lại thích ăn uống, mặc đẹp để chụp hình với vị Chỉ Huy chiếc tàu, làm kỷ niệm. Chuyện trò trong bữa ăn, Yoshiko cho biết:

- Mẹ tôi là nhà giáo dạy sinh ngữ, mới về hưu. Còn tôi dạy âm nhạc tại một trường Cộng Đồng ở cố đô Kyoto, Nhật Bản.

Thấy cô gái Nhật cởi mở, nói chuyện dễ mến, Chương cũng nói về mình và bạn:

- Anh Phong, bạn tôi mới tốt nghiệp xong ngành chuyên môn về Hóa Học Hữu Cơ, tôi về Sinh Học. Bạn tôi sau chuyến đi này sẽ nhận việc làm cho một Công Ty Sản Xuất Dược Phẩm tại New Jersey. Còn tôi sẽ về làm việc cho một Viện Nghiên Cứu tìm những thuốc men mới, tại San Diego, ngay cạnh bờ biển phía Tây, miền nam Hoa Kỳ.

Thế là họ quen nhau. Chương còn độc thân, chưa có bạn gái nào coi là thân thiết. Anh không bạo dạn với phụ nữ khi chưa quen biết nhiều. Phong trái lại thường cởi mở, tự nhiên, có nhiều bạn gái tại Mỹ, thân có, sơ có, thuộc nhiều sắc dân. Mới hai ngày trên tàu, Phong đã quen được hai cô gái Mỹ tóc vàng, trẻ đẹp cùng đi trong chuyến du hành. Mỗi tối, sau khi xem những phần trình diễn giải trí trên du thuyền, Phong đi khắp những chỗ vui nhộn sinh hoạt của giới trẻ, các quán nhạc có khiêu vũ ồn ào. Chương tối nào cũng thường đến một phòng trà trên du thuyền, có lẽ dành cho người trung niên hay đứng tuổi, có nhạc êm dịu, với một sàn nhảy nho nhỏ, ấm cúng. Mỗi tối, anh cũng thường thấy Yoshiko và bà mẹ đến nghe nhạc tại chỗ này. Tối nay, nàng đem theo cây đàn vĩ cầm, và trình bày vài bản nhạc cổ điển, rồi nhạc thời trang, có sự phụ họa của ban nhạc nhỏ. Tiếng đàn điêu luyện của nàng đã "cắm" được anh. Lần nào nàng cũng được sự tán thưởng nồng nhiệt của những du khách hiện diện. Những du khách có khả năng văn nghệ thường được cổ vũ, được khuyến khích, và được mời để trình diễn. Chương đàn dương cầm tạm được. Một lần anh trình bày một bài nhạc cổ điển khá quen thuộc. Yoshiko tự động kéo vĩ cầm phụ họa cùng anh. Anh cũng có dịp mời nàng khiêu vũ vài lần. Yoshiko có dáng đẹp khi khiêu vũ, nhẹ nhàng. Chương nghĩ nàng có qua những lớp học về vũ. Nàng đặc biệt thích điệu Luân vũ chậm và Night Club Two Steps.

Chương mau chóng có nhiều cảm tình với người phụ nữ đẹp, trẻ tuổi Nhật Bản. Anh và nàng cùng yêu mến âm nhạc, nhưng lại ở hai phương trời xa cách. Yoshiko biết khá nhiều về nước Việt. Nàng nói Việt Nam và Nhật Bản cùng có lịch sử thắng được quân Mông Cổ của Thành Cát Tư Hãn. Hai dân tộc được biết là kiên cường, thông minh, nhiều nhân tài. Anh biết một phần nàng nói có ý lấy lòng anh. Người Nhật thường rất tự hào. Nói chuyện cùng nàng, Chương biết được thêm về nước Nhật xưa và nay. Về những hiệp sĩ Samurai ngày trước. Những lãnh Chúa Shogun. Thơ Haiku. Tiến trình nuôi cấy ngọc trai dưới biển bây giờ. Cách thưởng thức món ăn Sushi... Về văn học, nàng đặc biệt thích những tác phẩm của nhiều nhà văn Nhật, Nga và Mỹ ...

Mỗi ngày, bốn người thường có dịp ngồi chung bàn trong một hay hai bữa ăn. Phong, bạn anh, cũng chuyện trò rất vui cùng mẹ con Yoshiko. Phong thích sinh hoạt thể thao, nên đôi khi cùng nàng bơi lội hay chơi bóng chuyền dưới nước, trong chiếc hồ tắm rất rộng, trên boong tàu.

Sau khi thăm thành phố Saint Petersburg với giòng sông đẹp, những lâu đài và Viện Bảo Tàng vĩ đại, Phong theo chương trình đã định trước, rời du thuyền để đi du lịch thêm nước Nga. Phong sẽ ghé Mạc Tư Khoa, tiện dịp thăm vài người bạn thân và người anh ruột đang làm việc tại Nga. Chương và Yoshiko cùng bà mẹ tiếp tục chuyến du lịch đường biển, ghé thăm thêm vài hải cảng, vài thành phố... Ngày chót của chuyến hải hành, tàu trở lại Stockhom. Họ cùng lên máy bay trở về Luân Đôn.

Chương đã lấy phòng tại khách sạn, để ở lại thăm Anh Quốc thêm 4 ngày. Yoshiko và bà mẹ, sẽ chỉ ở tại phi trường Luân Đôn vài giờ rồi sẽ chuyển máy bay trở về Nhật Bản. Vừa tới Anh Quốc, có tin nhóm khủng bố âm mưu dùng bom chất lỏng cho nổ một phi cơ trên không, nhưng bị phát giác kịp thời. Tuy nhiên, phi trường Luân Đôn tạm ngưng hoạt động, không cho phi cơ cất cánh hay hạ cánh. Chưa biết ngày nào mới có không lưu trở lại. Không khí ngột ngạt. Nhiều ngàn người ứ đọng tại phi trường Luân Đôn vì không có chuyến bay. Các khách sạn không đủ chỗ cho du khách. Khách đi không rời khỏi được nước Anh. Khách đã đến, không có những chuyến bay chuyển tiếp. Chương vì đã dành chỗ trước tại khách sạn nên có phòng. Anh ân cần mời Yoshiko và mẹ nàng đến ở cùng trong thời gian bị kẹt tại Luân Đôn. Tất cả mọi khách sạn đều được chính quyền thành phố khuyến khích giúp chỗ tạm lưu trú cho hành khách các chuyến bay bị ứ đọng, dù phải dồn nhiều người vào một phòng nếu khách thích ứng được.

Trong ba ngày kế tiếp, Chương thường cùng Yoshiko và mẹ nàng đi dạo, mua sắm, thăm nhiều nơi, các bảo tàng viện và xem kịch nghệ tại thủ đô Anh quốc.

Cảm tình của anh với nàng càng thêm nhiều. Mỗi buổi tối, sau cơm chiều, Chương và nàng bộ hành đến quán rượu Golden Turtle, một Night Club nhỏ, cách khách sạn chưa tới một cây số. Nhân viên khách sạn giới thiệu quán rượu này có dàn nhạc rất hay. Bà mẹ của Yoshiko vì đã hơi nhiều tuổi, muốn nghỉ ngơi tại khách sạn, tránh thức đêm, sau khi đi đây đó tại Luân Đôn. Đêm đầu, Chương và nàng nghe nhạc, tâm tình và uống cà phê hay rượu chat đến quá khuya mới trở về khách sạn. Đã khá thân, sau đêm thứ hai, trên đường về, anh vừa đi vừa ôm vai nàng. Yoshiko không phản đối, nàng ôm ngang lưng anh. Anh bạo dạn hơn, cúi xuống muốn hôn nàng. Nàng khẽ nghiêng đầu, chỉ cho anh hôn trên má. Đêm đó, Chương thức thật khuya, một mình ngồi tại phòng uống rượu của khách sạn. Các tiếp viên đã về nghỉ ngơi hết. Anh soạn xong bản nháp bài nhạc London Night With Yoshiko lời Việt và Anh ngữ để tặng nàng. Đêm kế tiếp, sau khi từ quán rượu về, anh và nàng lên sân thượng, nơi cao nhất của khách sạn. Dưới ánh sáng nhẹ của những ngọn đèn và của đêm trăng mùa Hè, trong gió mát ở trên cao, nàng đã dạo nhiều lần bằng vĩ cầm bài nhạc anh tặng. Nàng vui, thích bài nhạc của anh và hứa:

- Khi có dịp em sẽ cho học trò của em thực tập bài nhạc này. Có thể em sẽ trình bày bài nhạc một ngày nào đó tại Kyoto.

Anh và nàng trao nhau những nụ hôn đậm đà. Đêm đó nàng cho anh hôn môi, nhiều lần ...

Khi phi trường có những chuyến bay trở lại, Chương và Yoshiko lưu luyến chia tay. Họ cho nhau số điện thoại, địa chỉ điện thư và nơi cư trú. Nhưng cuộc tình của anh và Yoshiko chỉ tới mức những nụ hôn dài, nồng nàn. Không xa hơn trong bước đầu này.

Về tới Mỹ, Chương vẫn thường liên lạc điện thoại hay điện thư với nàng. Tình cảm của anh với Yoshiko càng gia tăng. Anh nghĩ là nàng cũng dành nhiều cảm tình cho anh. Vài tháng sau anh nói anh đã mến yêu nàng, muốn tìm hiểu nàng thêm. Yoshiko cười vui qua đầu giây điện thoại. Nàng dịu dàng nói có nhiều thiện cảm với anh, nhưng tỏ ý chuyện tình yêu xa vời quá. Nàng từ bên nước Nhật, gần bó với quê hương, lại có một bà mẹ phải phụng dưỡng. Bây giờ, nàng chỉ muốn làm bạn thân, bạn âm nhạc với anh. Chuyện tương lai xa hơn sẽ... tính sau. Mùa Giáng Sinh năm ấy, sau khi quen nàng trên bốn tháng qua chuyến du lịch, anh ngỏ ý muốn sang Nhật thăm nàng. Nàng hẹn anh dịp khác vì đã có chương trình cùng bà mẹ đi về quê ngoại...

NỬA ĐÊM NGOÀI PHỐ

Chương một mình ngồi trong quán rượu cũ tại Luân Đôn, nghe nhạc tới quá

khuya, đến khi người nhạc công da màu kết thúc bản nhạc cuối cùng của đêm với tiếng kèn Saxo, thiết tha, truyền cảm. Quán rượu chuẩn bị đóng cửa. Khách trong quán chỉ còn năm, sáu người. Chương đã cạn xong ly rượu thứ ba mà không thấy say. Anh chụp chiếc nón lên lên đầu, mặc áo choàng, mang bao tay rồi rời quán rượu.

Nửa đêm ngoài phố. Trời mùa đông Luân Đôn. Thời tiết giá buốt nhưng nhờ mấy ly rượu và mặc ấm, Chương không cảm thấy lạnh nhiều. Anh thư thả đi bộ về khách sạn. Anh thấy một chút thú vị, có cái cảm giác của người lữ khách đêm Đông không nhà. Những hạt tuyết trắng bay nhẹ, lấp lánh dưới ánh đèn vàng hai bên đường. Một đoạn của quãng đường này, anh đã cùng Yoshiko khoác vai nhau đi mùa Hè năm trước. Anh đã hôn nàng trên má, gần bên cột đèn này. Xa nhau. Bây giờ tại Luân Đôn, anh càng thấy nhớ nàng. Từ ba bốn tháng gần đây, nàng ít liên lạc với anh. Nàng nói ngoài công việc chính là dạy âm nhạc, nàng thường bận rộn đi trình diễn, có khi ở xa cố đô Kyoto.

MÓN QUÀ và LÁ THƯ

Chương trở về nơi anh cư ngụ bình yên. Chuyến đi coi như tốt đẹp, vui cho anh, lại cho cơ sở anh làm việc có thêm nhiều dữ kiện. Anh dự định sắp xếp xong công việc ứ đọng, sẽ điện thoại sớm cho nàng, nói chuyện thật lâu, kể lại chuyến đi Anh quốc vừa qua.

Tạm yên sau khi về nhà, việc đầu tiên anh mau mắn làm là mở hộp thư của mình. Mới vắng nhà năm ngày, mà ngập thư từ, đầy giấy tờ và những quảng cáo. Anh vui mừng, thấy một bao thư, từ Nhật Bản do Yoshiko gửi tới, thư có kèm theo một DVD. Đọc xong thư nàng,.. Anh yên lặng, trầm ngâm cả năm, mười phút...

Rồi Chương dành cả giờ đồng hồ xem và nghe cái đĩa DVD về buổi trình diễn âm nhạc nàng mới gửi cho anh. Bài nhạc London NightWith Yoshiko được nàng trình bày bằng vĩ cầm thật xuất sắc, hình ảnh rõ và đẹp, là một phần của đĩa nhạc anh vừa coi và nghe. Cầm phong bì và lá thư của Yoshiko trên tay, lòng anh menh mang nhẹ buồn. Anh tự an ủi, ít nhất nàng đã thực hiện lời nàng hứa với anh khi tạm biệt nhau tại phi trường thủ đô Anh Quốc. Lá thư nàng viết, bằng Anh ngữ, ý như sau: "... Em hy vọng không làm anh buồn khi đọc thư này và mong anh hiểu cho. Anh đã biết qua vì em có nói sơ cho anh hay một lần, hơn tám tháng trước đây, anh Phong đã nhận công việc làm cho Viện Bào Chế Takadachi, tại Tokyo. Anh Phong liên lạc với em ngay tuần đầu tới Nhật. Rồi những ngày nghỉ, anh Phong thường đi Kyoto du ngoạn và đến thăm em cùng mẹ em bằng xe lửa tốc hành. Ở bên Phong, em thấy vui, học hỏi được nhiều thứ, ngoại trừ âm nhạc.

Trượt tuyết, đánh Golf, hiking, câu cá... Rồi tự nhiên hai chúng em đã yêu nhau. Anh Phong được mời ký kế ước 5 năm, và có thể tái tục thêm 5 năm nếu muốn, với Viện Bào Chế. Chúng em dự định, đến Mùa anh đào sắp tới, chỉ vài tháng nữa thôi, sẽ làm lễ thành hôn. Gần lúc đó sẽ báo tin anh sau.

Như đã hứa cùng anh, em đã trình bày bài nhạc anh tặng cho em, nhạc phẩm London Night, trong lần trình diễn tại nhạc viện Kyoto hơn hai tuần trước. Em chỉ xin phép anh bỏ hai chữ With Yoshiko trong tên bài nhạc cho bớt tính cách riêng tư. Em rất vui, bài nhạc được khá nhiều thính giả yêu mến. Đòi em sắp sang một chương mới, nhưng em sẽ giữ mãi và quý bài nhạc của anh như một kỷ niệm chuyến đi Bắc Âu và ở Luân Đôn..."

Chương đâu có biết rằng Phong, bạn anh, sau khi đi Nga về cũng liên lạc với Yoshiko như anh!

Chương dự tính, nếu được mời dịp đám cưới, anh sẽ đi Nhật dự Hôn Lễ của Yoshiko và Phong. Nhân tiện xem hoa anh đào xứ Phù Tang, anh chưa được xem ngắm bao giờ. Không biết khi gặp hai bạn, anh sẽ nói gì. Thôi thì cứ chúc mừng. Chuyện gì rồi cũng qua đi. Cũng dễ thôi ! Nhưng anh nghĩ lại, mình với Phong chưa phải là bạn thiết. Quen nhau trong khuôn viên Đại Học, nhưng khác ngành học nên cũng không gặp nhau thường. Lần đi du lịch Bắc Âu, rủ nhau cùng đi cho có bạn đồng hành, cùng mừng đã tốt nghiệp Cao Học. Bây giờ lại xa xôi diệu vợi, Phong chắc không muốn phiền anh, sẽ không mời anh tạm rời Mỹ để sang tới Nhật dự hôn lễ. Còn Yoshiko, có lẽ tế nhị, cũng chỉ sẽ thông báo, tránh cho anh cái cảnh bẽ bàng "đưa nàng sang sông".

QUÁN KHUYA

Để lá thư và đĩa nhạc của Yoshiko tại nhà, đêm ấy Chương lái xe đến Night Club The Jazz Melodies dưới phố. Nghe nhạc, một mình. Anh chỉ gọi một ly rượu vì sẽ còn lái xe về. Lại Pinot Noir, loại rượu nho sẫm màu anh vẫn ưa dùng mỗi khi vào các quán rượu, vì hương vị đậm đà, không ngọt nhiều mà độ chát lại vừa đủ. Độ chát nhẹ nhàng như cuộc tình của anh với Yoshiko. Nếu ở nhà, có lẽ anh sẽ uống nhiều hơn trong đêm này, hai ba ly. Hay nửa chai, một chai không chừng.

Cũng quá khuya anh mới về. Chương hạ kính xe xuống, để gió thổi vào mặt cho tỉnh táo, hát mấy câu của bài nhạc anh tặng nàng: "Đêm đã khuya rồi... Anh vẫn bên nàng... Đêm Luân Đôn, vầng trăng sáng soi giòng sông êm... It's late at night... We're side by side... London night, the moon light's on the river ... Tiếng hát anh loãng đi trong gió.

Chương tự nhủ, dù sao anh cũng thêm một kinh nghiệm. Có lẽ anh không nên tha thiết hay yêu thương một người ở quá xa, ngoài tầm tay với. Anh không buồn

nhieu, nhưng có chút tiếc nuối cho những kỷ niệm, những nụ hôn, một cuộc tình
thoáng qua.

Trần Văn Khang

Dấu Chân Trên Cát

Trần Văn Khang

(Danh tánh các nhân vật trong câu chuyện nếu có sự trùng hợp ngoài đời, chỉ là do ngẫu nhiên, ngoài ý muốn của người viết)

¹ Anh là một họa sĩ nghèo, 23 tuổi, mới tốt nghiệp trường Mỹ Thuật được một năm. Anh chưa có tác phẩm nào được sự chú ý của những người sưu tầm tranh hay của giới hội họa. Những bức tranh anh vẽ, được bán với giá khiêm tốn tại các tiệm tranh, các phòng trưng bày tại Sài Gòn. Anh sống trong một xóm nghèo thuộc thị xã Biên Hòa.

Anh tên Triều, yêu mến biển cả, nên dùng bút hiệu Hải Triều ghi dưới những bức tranh của mình. Mùa Hè năm ấy, anh dùng chiếc xe gắn máy đã cũ, mang theo hành trang nhẹ, thêm dụng cụ cùng giá vẽ loại có thể xếp gọn, một mình đến Bãi Sau của Vũng Tàu. Anh mượn một góc nhỏ trong căn nhà đơn sơ của một ngư phủ nghèo, rồi hàng ngày ra bờ biển, vẽ tranh... Anh chú ý đến một thiếu nữ, nàng hay đi biển với mấy người em. Đôi khi vào buổi chiều, nàng thong thả dạo bước một mình trên bờ cát. Là một họa sĩ, anh quan sát nhân dáng nàng. Khuôn mặt thanh tú, ngây thơ học trò. Chiếc cổ dài và thon. Đôi chân đẹp, hai bàn chân gót nhỏ. Anh liên tưởng đến thơ văn người xưa, thường ví bước đi của người phụ nữ đẹp là những bước trở ra những đóa hoa sen. Với chân không, cô gái đi với dáng đẹp dịu dàng trên bờ cát, rồi trên vùng cát nhỏ bên ghềnh đá. Anh thầm ước ao được nàng làm người mẫu cho một bức tranh của mình.

Thế rồi một buổi còn chút nắng chiều, nàng dạo biển. Một làn gió làm bay chiếc nón rom rộng vành che nắng của nàng. Chiếc nón đẹp tình cờ dừng ngay bên giá vẽ của anh. Vì thế anh và nàng quen nhau. Nàng ngắm nhìn bức tranh đang được anh phác họa và khen tranh đẹp. Nàng hỏi, giọng ngây thơ:

- Là họa sĩ, anh thích vẽ những gì?

Anh trả lời, thật vui vì có dịp nói về lãnh vực của mình với một cô gái đẹp dễ thương, anh may mắn được quen:

- Tôi yêu mến biển, mùa hè ra đây để vẽ tranh. Vẽ cảnh biển lúc sáng ban mai.

Vẽ dân chài thuyền lưới ra khơi. Ghềnh đá xanh, vói mây trời, chim hải âu... Cảnh sinh hoạt nơi bờ biển. Một hai em bé chơi cát. Vài thiếu nữ dạo biển đó đây. Hoàng hôn trên biển... Nhưng nơi phòng vẽ tranh tại nhà, tôi vẽ cả tĩnh vật và chân dung... Tôi không có xu hướng vẽ tranh trừu tượng, tranh lập thể hay tranh theo trường phái tượng trưng.

Anh khen nàng có dáng đi và đôi chân thật đẹp.

Quen nhau ít ngày, Triều được biết nàng có tên là Ngọc Quỳnh. Cha nàng là một doanh nhân ở Sài Gòn. Nàng mới đậu xong Tú Tài, được cha mẹ cho đi nghỉ Hè cùng các em một tháng tại đây. Mấy chị em đang cư ngụ tại một phòng rộng có bếp núc, trong một khách sạn của một người bạn cha nàng. Có cả một chị giúp việc tin cậy đi theo, nấu ăn và săn sóc cho mấy chị em. Mấy ngày sau, anh dùng bút than đen, nhanh chóng vẽ tặng nàng một phóng ảnh chân dung, và vẽ sơ một bức nữa, hình ảnh nàng, anh giữ để làm kỷ niệm. Anh ngỏ ý, có dịp về Sài Gòn, xin nàng làm người mẫu cho anh vẽ một bức tranh thiếu nữ, tranh sẽ công phu hơn. Nàng nhẹ nhàng:

- Ba mẹ em nghiêm túc lắm, ít muốn em quen với bạn trai. Anh lại để tóc dài, hút thuốc lá hoài, em không dám để cha mẹ biết đâu, nói gì đến việc em làm người mẫu. Em hẹn anh, bỏ tóc dài đi, đừng hút thuốc nữa. Hè sang năm vào đầu tháng bảy, em sẽ gặp lại anh ở đây. Ba Mẹ nói có thể cả nhà sẽ cùng ra đây nghỉ Hè năm tới.

Hôm chia tay, anh và nàng dùng nước dừa trong một quán nước bên bờ biển. Một đôi vợ chồng người Âu, còn trẻ tuổi ngồi một bàn gần bên. Họ có hai đứa con, còn nhỏ chừng bốn năm tuổi, đang đùa chạy quanh mấy bàn trống trong quán. Ông chồng dáng dấp thể thao, gọn gàng. Bà vợ khuôn mặt đẹp nhưng khá đầy đặn, mập mạp, bà phải cân nặng trên 80 ki lô. Ngọc Quỳnh nói rộn với anh:

- Anh Triều, nếu cô này làm người mẫu, anh có chịu không?

Triều kín đáo nhìn người phụ nữ ngoại quốc rồi nói:

- Nhiều người mập cũng có những nét đẹp riêng, như Dương Quý Phi của Đường Minh Hoàng ngày xưa. Nhưng cho hình ảnh phụ nữ đầy đà, đem vào tranh nghệ thuật, khó có thể hấp dẫn người thưởng ngoạn.

Nàng không cho anh địa chỉ hay điện thoại để liên lạc, lấy có gia đình rất khó. Anh về Biên Hòa, cắt tóc ngắn, bỏ thuốc hút. Anh đổi bút hiệu là Triều Hoài Ngọc. Tranh anh vẽ ngày càng tiến bộ và bán khá hơn. Trong ba năm liền, vào tháng bảy Mùa Hè, anh lại ra Bãi Sau Vũng Tàu một tháng, vẽ tranh. Anh vẫn trông tìm lại hình bóng người thiếu nữ đẹp, gặp gỡ mùa Hè năm ấy. Nhưng ba năm qua rồi. Chờ mong, mỏi mòn. Anh không gặp lại nàng!

Dấu Chân Trên Cát

Hôm nao, em đi bước nhẹ
Trên bờ cát êm
Đôi chân gót nhỏ
Gieo từng đóa sen.
Hôm nao, em đi bước nhẹ
Bên ghềnh đá xanh
Đôi chân gót nhỏ
Ghi từng bước em
Hôm nao, em đi bước nhẹ
Khi chiều sớm buông
Đôi chân gót nhỏ
Anh còn vấn vương
Biết bao người đã bước trên bờ cát ấy
Sao anh tìm lại được dấu chân em
Biết bao người đã đến bên ghềnh đá đỏ
Lớp rêu xanh cũng đã nhạt mờ
Hôm nay, anh quay bước lại
Trên bờ cát xưa
Đôi chân đã mỏi
Mấy mùa nắng mưa
Hôm nay, anh quay bước lại
Bên ghềnh đá quen
Đôi chân dẫu mỏi
Vẫn tìm dáng em
Đôi chân dẫu mỏi
Vẫn tìm..., vẫn tìm... dáng em.

2

Ngọc Quỳnh sau mấy tuần nghỉ hè thật vui năm ấy, nàng về Sài Gòn, ghi danh vào Đại Học Khoa Học. Nửa năm sau, nàng được cha mẹ sắp xếp cho đi du học tự túc tại Pháp Quốc, cùng với một người chị họ. Sau một năm sống tại Pháp Ngọc Quỳnh quen rồi được gia đình đồng ý, cho phép thành hôn với một kỹ sư cơ khí trẻ tuổi, cũng người Việt, đang làm việc cho một hãng sản xuất xe hơi tại Pháp. Hôn lễ tổ chức tại Paris. Song thân Ngọc Quỳnh và các em đều sang Kinh đô Ánh Sáng tham dự. Trong gần bốn năm, nàng sanh được hai em bé rất dễ thương. Nàng sống thật hạnh phúc bên chồng, bên con.

Nhưng cuộc đời "không đẹp mãi như thơ". Gặp rủi ro trong một tai nạn xe hơi, Ngọc Quỳnh thoát chết nhưng bị tàn tật, hư hại nhiều nơi chân trái. Nàng đi đứng không bình thường nữa!

Sáu năm sau dịp gặp và biết Ngọc Quỳnh, Triều đã trở thành một họa sĩ có tên tuổi. Tranh của anh được trưng bày và bán với giá cao tại nhiều phòng triển lãm. Khách mua họa phẩm của anh thường là những người giàu có trong nước và cả khách ngoại quốc. Những nhà sưu tầm thường tìm kiếm tranh có những đường nét sáng tạo mới lạ. Triều chỉ ra Bãi Sau Vũng Tàu vào ba mùa Hè kế tiếp, sau khi quen biết Ngọc Quỳnh, để vẽ tranh. Không gặp lại người xưa. Những mùa Hè sau đó, một phần vì thất vọng, một phần muốn tìm quên lãng và tìm cảnh vật khác, anh ra Nha Trang, Mũi Né và Phú Quốc...

Hè năm nay, anh dự định đi Đà Nẵng vẽ những cảnh biển đẹp tại đây và vùng phụ cận như Lăng Cô, Sơn Trà, Mỹ Khê, Hội An... Một ngày trước khi lên đường, anh ghé lại một phòng bán tranh đường Lê Lợi, rồi qua một cửa tiệm trưng bày khác tại đường Lê Thánh Tôn, hai nơi có nhiều họa phẩm của anh. Cô Bích Liên, người tiếp viên duyên dáng của phòng tranh sau, vừa gặp anh đã vui mừng báo tin:

- Anh Triều! Hôm qua có một bà từ nước ngoài mua luôn hai bức tranh của anh. Bức Bên Ghềnh Đá và bức Trên Bờ Cát. Bà ấy có vẽ ngưỡng mộ tranh của anh lắm. Bà còn định mua thêm bức họa Hoa Quỳnh. Ông chồng bà có lẽ không phải là dân sưu tầm tranh. Ông ấy nói hành lý nhiều rồi, đem theo tranh nặng nề thêm. Ngày mai hai vợ chồng còn đi Vũng Tàu.

Triều vội hỏi:

- Bà ấy người ra sao?

- Bà ấy đẹp, đi cùng với chồng, có cả hai đứa con còn nhỏ, thêm một bà giữ trẻ đi theo.

Từ khá lâu Triều biết Bích Liên, cô tiếp viên phòng triển lãm tranh này, có nhiều cảm tình với anh. Một tháng trước, anh vẽ tặng cô bức họa Thiếu Nữ Bên Hồ bằng phấn màu. Bức tranh có cô gái, bên một hồ sen, rất nghệ thuật. Bích Liên hãnh diện trưng bày bức họa tại phòng tranh này. Vài người hỏi mua, nhưng cô không bán, vì là tranh kỷ niệm.

Triều bỏ dự định đi Đà Nẵng, Hội An. Ngay hôm sau anh đi Vũng Tàu. Bây giờ Triều đã có chiếc xe hơi nhỏ. Anh vẫn ở Biên Hòa nhưng đã có nhà, khang trang hơn trước nhiều. Tới Vũng Tàu, anh mượn phòng ngắn hạn tại một khách sạn, gần bên biển, tại Bãi Sau.

Triều đặt giá vẽ ở nơi có kỷ niệm gặp gỡ năm xưa. Anh vừa phác họa tranh, thỉnh thoảng lại nhìn biển khơi, nhìn bờ cát. Anh lại có ý trông tìm một hình

bóng..., tuy biết có thể là vô vọng. Đây là bờ cát, với nhiều dấu chân mới. Kia là ghềnh đá quen, chênh vênh, vẫn "tro gan cùng tuế nguyệt". Chỉ khác là cảnh cũ, nhưng không thấy hình bóng người xưa.

Khá đông người đứng phía sau Triều, coi anh vẽ tranh. Vài người bàn tán nhỏ, đôi lời khen ngợi. Triều không phân tâm nhìn về phía sau. Chuyện những người du khách, dừng chân, xem họa sĩ vẽ tranh, đối với anh thường rồi. Nhưng Triều không biết rằng trong đám đông đang theo dõi đường nét vẽ của mình, có vợ chồng Ngọc Quỳnh. Bây giờ Ngọc Quỳnh chợt nhớ lại cuộc gặp gỡ người họa sĩ năm xưa. Ngày ấy, vì bận chuẩn bị gấp đi du học, rồi lấy chồng, Ngọc Quỳnh đã vô tình quên người họa sĩ và quên lời hẹn năm nào! Lời hẹn mà nàng đã vô tâm coi như một chuyện thoáng qua. Nàng thích tranh đẹp, yêu mến nghệ thuật hội họa nên ngày đó có đôi chút cảm tình với người nghệ sĩ tình cờ gặp gỡ. Năm xưa ấy, nàng chưa có một lời nói, một cử chỉ nào xa hơn tình bạn. Nhưng là con gái, thường rất tinh tế, nàng cảm nhận được tình cảm có vẻ thiết tha của Triều. Ngày đó, nàng còn quá trẻ, mới mười tám tuổi, chưa muốn vướng bận, phân tâm về tình yêu, khi chưa gặp "đối tượng" làm mình rung cảm, chưa gặp "người trong mộng". Sau này, nàng được những người bạn yêu hội họa ca tụng những tác phẩm của họa sĩ Triều Hoài Ngọc. Nàng chợt nghĩ tới người họa sĩ. Hôm qua, khi tìm mua tranh, Ngọc Quỳnh được cô bán hàng cho biết người họa sĩ Hải Triều, tác giả mấy bức tranh, đã đổi bút hiệu cả năm, sáu năm về trước. Nàng thấy bồi hồi. Nhưng nàng không hỏi thêm nhiều về người họa sĩ. Ngọc Quỳnh cũng không kể chuyện quá khứ, đã sáu năm qua đi, với chồng. Giờ đây, thấy người nghệ sĩ, tóc hết để dài, không còn hút thuốc, thoáng có nét phong trần già dặn hơn xưa, cô đơn ngồi vẽ, nàng bồi hồi hơn! Ngọc Quỳnh định đến hỏi han và trò chuyện ít câu cùng người quen ngày trước. Nhưng nàng ngập ngừng, suy nghĩ. Rồi nàng lặng lẽ cùng chồng, chậm chạp tiếp tục đi trên lối nhỏ, bên cạnh các hàng quán. Ngọc Quỳnh tự nhủ thầm. Bây giờ đã có gia đình. Một chân vì tai nạn, khiến đi đứng không bình thường. Còn đâu nữa dáng đẹp ngày xưa! Sanh đẻ hai lần, lại ít vận động vì tai nạn, hiện tại nàng đã nặng trên 60 ki lô. Thôi, chuyện xưa đã qua rồi! Nên để cho người nghệ sĩ giữ nguyên vẹn những hình ảnh đẹp, còn mãi trong tâm hồn...

5

Ánh sáng quan trọng trong hội họa. Khi mặt trời đã khuất, sau những hàng cây xa xa phía sau, Triều thu xếp giá vẽ và dụng cụ. Anh trở về khách sạn của mình.

Chiều tối hôm đó trời mát. Ngọc Quỳnh gửi con cho người giúp việc. Nàng vịn một bên tay chồng, đi chậm chạp từng bước bên bờ biển. Những dấu chân trên

cát của nàng không còn đều đặn như xưa, không đẹp như xưa. Vì tật nguyên, lại thêm cân nặng, những dấu ấn của bàn chân bên phải sâu và đậm hơn bên trái...

Khoảng chín giờ sáng hôm sau, Triều lại ra chỗ cũ vẽ tranh. Thịnh thoảng anh nhìn ra bờ cát xưa. Những dấu chân hôm qua đã được sóng biển và thủy triều ban đêm dâng lên, xóa hết. Lại có những dấu chân mới, sáng hôm nay, in trên cát. Rất vô thường. Đẹp hay không đẹp, vui hay buồn, hạnh phúc hay đau khổ..., trong cuộc sống "chuyện gì rồi cũng qua đi", như những dấu chân trên cát. Triều nhìn những làn sóng lớn nhỏ, hàng hàng lớp lớp, hết đợt này tới đợt kia, xô vào bờ cát, rồi tan! Kể cả những bọt nước trắng xóa tung lên cao hay rất li ti dưới chân ghềnh đá. Anh tự triết lý với mình: những chuyện to tát hay nhỏ bé trong cuộc đời, cũng như những đợt sóng kia, rồi cũng vào quá khứ, vào quên lãng...

Triều chợt nhìn thấy Bích Liên, cô tiếp viên của tiệm trưng bày tranh đường Lê Thánh Tôn Sài Gòn. Cô đang cùng bà mẹ và người em gái nhỏ đi bên bờ biển. Anh nhận ra Bích Liên cũng có thân hình và dáng đi đẹp, đôi chân thon gót nhỏ...

Triều qua cơn mê tình cảm. Ít nghệ sĩ như anh, "si" lâu đến thế. Anh đã ngộ, nhận ra hạnh phúc nhiều khi ở gần bên, trong tầm tay, đâu cần chờ mong tìm kiếm xa xôi...

Trần Văn Khang

Già Rossy Và Hương Cô Quạnh

Phan Nguyên

Nhà xoay lưng về những đợt sóng vỗ nhịp từng hồi lên vách núi, thường xanh màu rong rêu, nhưng giờ là nền đen mờ mờ bên bờ vực lởm chởm đá, nối liền với biển sâu hút tận chân trời. Thật ra, khó mà phân biệt được trời đất âm dương lúc không giờ một ngày hè oi bức nơi ven biển. Từ bao lon phòng sau nhìn xuống, không gian như khối đen lơ lửng, đặc quánh, bao trùm nuốt chửng cả vạn vật sinh linh. Đã bao lần tôi đứng đây căng mắt dõi vào màn đêm mênh mông vô tận, mà cảm thấy chơi vui một nỗi cô đơn vô có đến rợn người.

Trên bao lon nhỏ như lưỡi mèo liếm vào khoảng không, tôi đứng nghe tiếng sóng rì rào, cố hình dung ra nhan sắc thiếu nữ trọ luân phiên cùng phòng chưa từng gặp, nhưng trước mặt, chỉ có màn đêm đang mở nụ cười tươi đỏ chót. Gió bắt đầu lạnh. Mưa lất phất rơi. Tôi quay vào ngả lưng lên chiếc giường nệm đơn kê sát cửa, chăn gối còn phẳng phiu, tay vẫn mân mê thỏi son nhạt được dưới chân bàn lúc nãy và nghĩ thầm, chắc nàng còn trẻ lắm...

- Vâng. Độ ngoài hai mươi... Vâng, cô ta cũng lui tới cách tuần như ông... ông thông cảm, tôi chỉ còn căn phòng ấy.

Già Rossy ngập ngừng, vẻ ái ngại như việc bất đắc dĩ phải trả lời rồi rời ghế ngồi, lưng đổ về phía trước, lấy hộp thuốc trong túi bảo tôi hút thử, của Hòa Lan, loại sợi thô, thơm mùi mạn, hút vào êm, ngọt, không rát cổ... Già lắng sang chuyện khác thật khéo mỗi khi tôi hỏi han những điều Già cho là rắc rối. Mỗi sáng khi xuống cầu thang, tôi đều gặp Già Rossy ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế bành cũ kỹ ngay cửa sổ phòng khách, vén màn nhìn ra dốc đường bộ vắng tanh không một bóng người. Dốc lát đá ô vuông thoai thoải dẫn đến đường cái để có xe xuống phố. Chiều về, mở cổng vào sân, tôi vẫn thấy vầng trán nhăn nheo trên cặp lông mày rậm bạc vắt chéo nơi khung kính, tưởng như chưa hề lay động. Chỉ có đôi mắt Già hơi sáng lên vì một niềm vui gặp gỡ. Nhiều lần thành lệ, tôi dành cho Già khoảng thời gian ngắn ngủi lúc đi hoặc về để nhàn tản ngồi lại với tách cà phê, với ly rượu mạnh, cùng nhồi một bầu thuốc nhả khói lằng lằng, và để nghe Già kể

chuyện bằng giọng đặc sệt miền nam đảo Corse. Già cũng thú chơi ống vố như tôi nhưng vố của Già dẻo hình sọ người, xương trắng phau, cũng lạ. Già nói để nhìn thẳng vào mặt thần chết cho quen vì bà vợ đã theo lão này cả chục năm về trước...

- Cũng là lẽ tự nhiên thôi, tôi còn sống đến hôm nay mới không bình thường ông ạ! Đòi sao mà lắm chuyện phản tự nhiên đến thế!

- Chuyện gì nữa hả Già ?

- Ôi! thiếu gì... chuyện cá voi lao vào bãi đá chết cả đàn năm ngoái năm kia chẳng hạn! Chuyện thiên hạ thích đi tu dưới phố! Chuyện ngựa thai phá thai! Chuyện ông độc thân không vợ! Cả chuyện thần chết nữa... Tôi có gặp lão ta rồi đấy, trong căn nhà này, nói chẳng ai tin!

Già nói chậm rãi, mắt nhìn mông lung, cái sọ người trên môi Già gật lên gật xuống biểu đồng tình và tiếp tục phun khói. Tôi nổi gai ốc, nhưng hiểu Già là người to gan can đảm, xem cái chết chẳng ra gì. Qua làn khói bay, Già kể từ ngày vợ nhắm mắt nắm tay bảo Già đừng buồn, rồi sẽ còn gặp lại nhau, Già không đi biển nữa, chỉ quanh quẩn đơn độc trong phòng khách, từ đi-văng qua khung cửa sổ rồi từ cửa sổ đến ô truyền hình, ngày đêm không tắt. Căn phòng của vợ chồng lúc trẻ cạnh phòng tôi Già cũng khoá cửa bỏ trống. Thỉnh thoảng ra đường, là để đưa tang một người bạn tri âm tri kỷ nào đó năm xưa. Già nhìn về phía đồng hồ quả lắc dựng đứng, to đen như hung thần giữ cửa.

- Chỉ có nó hiểu thôi! Nhân chứng của một đời người!

Tôi lắng nghe tiếng quả lắc đong đưa đều đặn tưởng cùng một nhịp tim đập với thời gian, và nhớ đến nhà thơ đã từng hát những lời ai điếu cho hòn đảo xanh dương châu ngọc này. Nhà thơ ấy đã yên nghỉ nơi một góc trời xa xôi ngập nắng. Bạn thơ ơi, vĩnh biệt.

- Thế truyện của ông đến chương nào rồi?...

Tôi trở lại với Già Rossy sau cái vẫy tay chào hướng về phương bắc và chợt thấy giọng cực nam nước Pháp nghe cũng dễ chịu, có duyên, có lẽ quen tai nên cảm chẳng? Già cười bảo cái gì chả vậy, quen rồi cảm, cảm rồi yêu, rồi nghiện là chuyện tự nhiên.

- Không khéo ông sẽ không rời đảo được đâu!

- Vâng, có thể lắm.

Cái ống vố của Già gật gật với tôi. Già rót thêm rượu vào ly, đưa lên ngang mặt và ngả người theo hương bốc.

- Từ ngày ông ở đây tôi cũng đỡ tro tro, ngày bớt dài đêm bớt lạnh lẽo. Tôi không đi xa và không leo dốc được nữa. Bạn bè lần lượt theo lão thần chết cả rồi, chẳng còn ai.

- Còn cô gì ...?

- Vâng... cô... Anna... Phải rồi... Phải rồi, hai người không thể gặp nhau...

Tôi giữ im lặng. Già nhìn vào ly rượu vàng óng ánh.

- Khi ông về thì cô ta đã đi khỏi, thời son tôi sẽ đưa lại... Anna còn trẻ và tốt bụng lắm, đến giúp tôi mọi việc những khi ông đi vắng, và ngủ lại đây, cùng người làng Bonifacio cả...Cô ta còn quên gì nữa không?

Tôi lắc đầu rồi xin mượn Già hình ảnh cái ống vố kia để mai đây đưa vào truyện.

Nhưng có một thứ không thể vay, cũng không trả được mà Anna thường để quên, để lại trong phòng dai dẳng suốt cả tuần, đó là một mùi hoa rất lạ. Nửa hương Quỳnh nửa Phù Dung. Cũng không hẳn là hoa mà một mùi hương mát dịu như trăng đêm, lạnh lạnh như sương sớm, càng về khuya càng trong, càng đượm, càng ngát, ru tôi vào giấc ngủ nhẹ của thiên thần. Không biết nó đến từ đâu mà cứ thoang thoảng khắp phòng, luồn lách khắp nơi, uơm trong chăn, ủ trong gối, miên man day dứt mãi không tan. Có điều rất lạ, ra khỏi phòng là mùi hương khựng lại như bị dao cắt, đứt gọn như có ranh giới vô hình nào nó không vượt qua nổi và tôi không ngửi thấy nó nữa. Không ngửi thấy nhưng nó tiếp tục ám ảnh, bám riết lấy cân não, in đậm trong trí nhớ không tài nào quên. Đúng như Già Rossy đã nói. Thoạt đầu tôi ngỡ ngẫm, vài ngày sau quen, vài tuần sau cảm rồi đâm nghiện, và bây giờ, lần đầu tiên trong đời tôi biết nhớ một mùi hương... nôn nao như nhớ một người tình. Tôi vẫn tưởng ký ức chỉ ghi nhận âm thanh, hình ảnh và màu sắc ...

Tôi đem chuyện hỏi Già Rossy vào một buổi tối mưa dầm gió bắc. Những căn nhà mái đỏ san sát bên sườn núi đã tắt đèn, gối đầu lên nhau ngủ vùi im lặng. Chỉ có gió rít nhẹ qua khe hở chỗ tôi ngồi, và bên ngoài hai cánh cửa chớp bật qua tạt lại vẫy gọi từng cơn. Già đốt lò sưởi cho thêm ấm áp. Thắp ngọn nến hồng để giữa hai ly rượu trên chiếc bàn vuông thấp, vẽ mặt tư lự.

- Thật không? Hay ông tưởng tượng, đôi khi cũng lên lầu sao tôi không hay biết?

Tôi cam đoan với Già là không bịa và kể lại hiện tượng hương hoa lạ lùng kia. Nó đang bị tù hãm trong căn phòng nhỏ hẹp, đứt khoát không tan, bay toả ra ngoài, dù tôi có để cửa mở trông ra biển vẫn thế. Không lẽ chỉ mình tôi ngửi thấy. Nhưng Già Rossy không tin. Nheo mắt nhìn tôi nghi ngờ, và hạ thấp giọng.

- Thế ông có gặp Anna chưa?

- Chưa lần nào!

Già bảo để hỏi Anna xem sao, trong căn nhà này mùi gì mà Già chẳng tưởng

tận, mùi ẩm mốc trên bốn bức tường đá ong vào mùa đông lạnh giá, mùi dầu thông trên giường tủ bàn ghế khô cong lúc mùa hạ, mùi oải hương, mùi bông giấy, mùi chăn mền tắm mồ hôi trộn với khói thuốc thành thứ mùi ngai ngái không tên, và át đi tất cả là mùi gió biển quanh năm tanh tanh mặn mặn. Chưa bao giờ Già nghe nói đến mùi của Anna, hương hoa trong phòng có bao lon nhìn xuống biển, bình thường vẫn chỉ ngập mùi thời gian bụi bám. Tôi hiểu, Già nhớ mùi như một kinh nghiệm của khứu giác, không như tôi với mùi hương của nàng. Già gõ ống vớ lên gạt tàn và châm lửa nhả ra cụm khói xanh đậm đặc. Tối nay Già không dùng vớ sọ người, thay bằng ống điều dài khắc hình những thai nhi cuộn tròn châu đầu nơi mối lửa, cuống nhau chạy dài đến cuối cán dính lên môi Già rồi chui thẳng vào mồm. Tôi chắc Già còn nhiều thứ quái đản hơn thế.

- Ông còn thấy hiện tượng gì nữa?

Tôi nhìn Già ngồi đối diện lò sưởi, ánh sáng lập loè nhảy múa trên khuôn mặt đầy đặn hằn sâu nếp nhăn như sóng biển, tóc bạc trắng bật ra sau bông bành gió khơi, nhưng đôi mắt Già buồn. Buồn vùi vùi. Già hỏi dừng dừng không cần câu trả lời. Và tôi, tôi vẫn ngửi thấy mùi hương nồng nàn của Anna phảng phất đâu đây. Ngửi bằng trí nhớ. Nó không ở ngoài mà ở trong tôi, có thật, vật chất như tim gan, nó nhập vào tôi và ... nó sống.

Tôi hỏi Già làm thế nào gặp được Anna.

- Mai tôi phải rời Bonifacio đi Florence, tuần sau sẽ về.

- Ông định gặp để làm gì?

- Để nhìn thấy mùi hương bằng da bằng thịt. Người đã cho tôi thêm một khung trời.

Tôi nói với Già là tôi tỉnh táo chứ không mộng mị hay tưởng tượng kiểu tiêu thuyết gia đang tìm hứng. Đó là sự thật. Già vỗ vai tôi, nhỏ nhẹ.

- Vâng tôi tin ông... Chúc ông ngủ ngon.

Nhưng đêm hôm ấy Già thức rất khuya, không ngủ, lục đục mãi và hình như có tiếng bước chân Già chậm chạp lên cầu thang, lách cách mở cửa vào phòng đôi vợ chồng hồi còn trẻ.

Anna đã mở cho tôi một khung trời mới, nói đúng hơn, một không gian khác thường. Không như Già Rossy nhớ mùi gió biển, mùi mồ hôi, hay mùi khói thuốc. Tôi nhớ mùi hương của Anna như nhớ người tình, bằng cảm xúc, bằng mộng mơ, bằng ảo giác, triền miên cả đêm lẫn ngày. Thời gian đầu, mùi hương chỉ nhẹ nhàng phất phơ như gió thoảng, làm cho cơ thể và đầu óc thư giãn, bớt được cơn lừ đừ mệt nhọc sau những giấc ngủ trưa. Mặt trời đổ những tia nắng chói chang

lên mái nhà Già Rossy hùng hực nóng, cảnh vật ngoài kia thẳng đứng, im lìm chịu trận cái oi bức ngộp thở giữa trưa hè, và biển bốc hơi. Nhưng trong phòng tôi thì vẫn mát rượi một mùi hương cực kỳ quyến rũ, nó vượt ve mơn trớn khắp người và cho tôi cái cảm giác lâng lâng, phe phẩy của một chiếc quạt trầm hương. Không gì thú vị bằng. Nó lả loi, khêu gợi, bắt tôi phải để ý đến nó, và dụ dỗ tôi đến xiêu lòng phải thay đổi một số thói quen. Già Rossy cũng ngạc nhiên bảo.

- Đạo này thấy ông ít ra đường, không viết lách ban đêm, lại viết ban ngày?

Tôi nói với Già không hiểu sao tôi không thức đêm được nữa. Cứ xâm xâm tối là mất ngủ vì một cơn buồn ngủ kéo đến rất nhanh, không cưỡng lại được. Già nghĩ tại tôi làm việc quá sức đó thôi. Nhưng tôi biết không phải thế. Vì một lý do khác.

Có lần vui chơi với bạn bè, tôi đã thử một loại nha phiến gốc Nam Mỹ, hút vào, không gian căng phòng ra với thứ ánh sáng vàng vọt lung linh của ngọn đèn dầu lập, mọi vật chung quanh như chuyển động quay cuồng, người đập dềnh nhẹ tênh và cơn buồn ngủ tức thời ập đến. Ngủ mà như thức, thức thì như mơ và sáng ra đầu nặng như đeo chì. Tôi chợt khám phá là tôi buồn ngủ vì mùi hương của Anna trong trạng thái gần tương tự như thế, nhưng dễ chịu, sáng khoái gấp trăm lần. Mùi hương trong căn phòng này khác với mùi hương ma túy, nó làm tôi say nhưng không mệt, khi thức dậy vẫn hăng hái làm việc, viết lách như mọi ngày. Từ đó, tôi thêm những buổi hoàng hôn lúc mặt trời lặn xuống biển và nghiền những giấc ngủ đầy khoái cảm, ấp ủ cùng mùi hương. Thời gian sau, tôi còn nghiệm được nhiều điều rất lạ. Già Rossy hay bảo Già ngủ lúc nào... không biết. Nhưng tôi trái lại, chỉ cần nhắm mắt mơ màng, tôi đã biết mùi hương lượn lờ đến bên cạnh, ve vãn, kể lể, ôm ấp xác thân và óc não dần dần tê dại đi. Một luồng gió mát từng bước xâm nhập vào người, chạy khắp châu thân từ trong huyết quản, từ đầu xuống vai, từ vai đến bụng rồi toả rộng râm ran đến tận mười đầu ngón chân tay, và tôi sung sướng tưởng mình có thể hoá thân thành muôn loài, thành chim thành bướm, thành núi thành sông, thành ngàn vạn phấn hoa bay của rừng già.

Chỉ có điều đáng tiếc, Già Rossy cũng lên phòng những khi tôi đi vắng, cũng ngủ vài đêm nhưng Già không cảm được gì. Vì Già không ngửi thấy mùi hương của Anna. Già nghĩ ngợi nhiều, không hiểu và có vẻ buồn, một hôm Già nói.

- Vậy là ông may mắn, hạnh phúc hơn tôi!

Từ ngày mang trong người tinh hương của loài hoa xa lạ, tôi như được thêm đôi cánh bay bổng, thênh thang giữa đời. Nhìn đâu cũng thấy sáng ra, màu sắc đậm hơn, tươi hơn, có khi đi giữa thành phố đầy đặc sương mù mà vẫn nhìn tỏ

mặt người. Những dốc đường quanh co khúc khuỷu, với nhà cửa thấp tầng xếp cạnh nhau như bát úp, ở ngã ba nào đó, nay bỗng quen thuộc như đã từng đi qua, nhưng rộng, cao, và thoáng hơn với màu gạch cua tươi rói. Hàng cây Tùng Bách bên kia đồi uốn khúc lên tận đỉnh, trước không hề thấy, nhưng giờ cũng xanh um màu lá mạ, thán nhiên với mây trời. Tai mắt tôi trở nên bén nhạy tinh tế lạ thường. Có nhiều đêm, tôi nghe được hơi thở của Già phập phồng dưới nhà mặc dù rất nhẹ, Già đã ngủ say, ở trên phòng qua mấy lần cửa kính, tôi vẫn biết táo đang rụng ngoài sân và lá đang bay đầy ngõ. Nghe nói, thị giác cho phép con người nhìn thấy chính mình, giống như khi xem tranh ta chỉ thấy chính ta. Nhưng trong cái nhìn hiện tại tôi lại không thấy tôi, mà chỉ thấy Anna, một nàng hương cô quạnh và thèm sống. Bằng một quyền lực vô hình nàng đã biến tai mắt tôi thành tai mắt của nàng. Tôi nhìn thấy những gì nàng muốn thấy, nghe được những gì nàng muốn nghe, và cảm được những gì nàng đang cảm.

Như lúc này, tôi biết Anna đang muốn về thăm một nơi chốn cũ. Nàng không phải dân đảo Corse. Quê hương nàng không phải nơi đây mà tận phương trời Đông Bắc, quanh năm tuyết phủ ngập đường. Tôi thấy gió lạnh se sắt làn da giữa mùa hè nắng gắt, tai nghe văng vẳng những tiếng lục lạc trên bờm ngựa phi. Tiếng chuông nhỏ trong veo như tiếng thủy tinh leng keng xa dần...xa dần và Anna bật khóc. Khóc vì một nỗi xa xôi dậm trường. Tôi buồn vui theo tâm trạng của nàng, khi đi qua từng vùng kỷ niệm thời thơ ấu. Có ai biết nàng không thích những buổi chiều mưa dầm dề trên thành phố biển, nhưng lại mê nhìn tuyết rơi? Tuyết rơi phủ trắng những cánh đồng vạn dặm trên xứ sở nàng, cũng như ở đây, tuyết bay trắng biển, trắng núi, trắng những căn nhà mái đỏ, trắng những dốc đường quanh co, trắng tâm hồn thiếu nữ và trắng cả những cuộc đời còn son trẻ. Tôi còn biết nàng yêu nhạc cổ điển và thích nhảy múa, những lúc ấy, trong đầu tôi lại reo vui một vũ điệu Caucasien bập bùng ánh lửa cùng với nhịp vỗ tay rộn ràng. Và đâu đó thấp thoáng một khuôn mặt thủy thủ phong trần, cầm vuông, lông mày xéch ngược. Nàng nói với tôi trong giấc mộng du là nàng yêu đời và muốn sống. Bao nhiêu tâm ảnh hiện ra như cuộn phim muôn màu, khi tỏ khi mờ, nhưng tôi vẫn chưa từng đối diện Anna. Không biết Anna đã lưu lạc đến đây từ bao giờ? Nàng đang ở đâu mà tôi chưa được thấy nhan sắc? Có điều chắc chắn, đeo trên thân xác tôi, mùi hương của nàng thoát được căn phòng chật hẹp ra ngoài. Và tôi đã mở cho nàng đôi cánh cửa tự do.

Tuần sau tôi trở về, cố tình sớm hơn mọi lần nhưng Anna đã lại đi mất. Trước tôi một ngày. Không hiểu sao nàng tránh gặp mặt. Hỏi Già Rossy Già cũng không

muốn trả lời. Tôi tặng Già chai rượu cùng hộp thuốc Hoà Lan, hỏi thăm Già vài câu vội vã rồi nóng lòng muốn lên phòng. Căn phòng vẫn trông ra biển, vẫn sạch sẽ và ngập mùi hương. Nhưng lần này tim tôi loạn lên vì trên nền gối trắng, nằm nghiêng một nhánh hoa Vàng. Vàng Mai. Nhưng sao hoa vẫn tươi như vừa mới cắt? Khi tôi cầm lên hoa liền đổi màu, lần lượt ngũ sắc như kính vạn hoa thuở nhỏ lấp lánh muôn hình, biến, hiện rồi tan. Tôi biết Anna tinh nghịch và nàng đang ở đâu đây, rất gần. Hình như có một nụ cười dịu dàng trên mặt gương gợn sóng. Vài cánh chim mỏng biển chao qua chao lại ngoài kia, cất tiếng gọi trên cao, tha thiết lúc chiều về. Bầu trời xuống thấp và bóng tối đang lướt vào từ ngoài khơi...

Tôi nghe bước chân Già lên cầu thang mở khoá vào phòng bên cạnh. Có tiếng cử động sột soạt của da thịt trên mặt vải khô cứng và giọng nói chậm rãi quen thuộc của Già.

- Cố uống bát thuốc này đi ... cho mau lại sức...

- Cố lên nào...

- Đêm nhiều sao, chắc mai trời đẹp đấy...

Già thì thăm như vỗ về tình nhân. Đột nhiên, nhận nhịp những bước chân người nện trên sàn gỗ, qua lại, hối hả, tấp nập lên xuống cầu thang, rồi đập cửa phòng tôi thành thành vang dội. Tôi bật dậy... Nhưng hành lang không có ai, phòng kế bên vẫn khoá cửa im im và trong nhà, tuyệt nhiên vắng lặng. Chỉ có tiếng quả lắc đồng hồ đưa một mình với bóng đêm vì Già Rossy đã tắt đèn yên giấc. Trăng đã lên cao. Đồng hồ tay chỉ ba giờ rưỡi.

Những hôm sau, tôi vẫn nghe nhiều tiếng động lạ vang vang trong giấc nửa khuya và bóng dáng Anna chập chờn ẩn hiện. Không biết tỉnh hay mơ?... Tôi thấy một buổi chiều lang thang xuống phố, bắt gặp mùi hương lơ lửng ngang đầu, rồi dẫn đường tôi đến một tiệm ăn nổi trôi trên mặt biển, lênh đênh như bèo dạt giữa đại dương. Tiệm lại trang hoàng theo lối cổ kính, sang trọng, đông khách, nhưng khi tôi bước vào mọi người đều đứng dậy bỏ đi. Còn lại một thiếu nữ tóc nâu cắt ngắn ngồi xoay ra ánh mặt trời, lưng trần vai thon, để lộ một nốt ruồi son với nước da trắng sữa. Tôi biết chắc chắn là Anna, vì từ thân thể nàng ngào ngạt toả ra thứ hương thơm kỳ diệu. Chỉ ba bước nữa thì chạm được vai nàng mà chân tôi không nhắc nổi, toàn thân như bị đóng đinh dính chặt xuống đất. Nhưng bỗng chốc, nàng chạy ra cửa ôm chầm lấy một chàng trai, hôn môi đắm đuối, và bóng đổ dài rơi vãi phía sau, băng khuâng ngỗ ngang. Tôi còn gặp Anna thêm nhiều lần khác. Nàng ngồi trên ghế của Già nhìn mây bay vùn vụt qua cửa sổ, những tảng mây đen cuộn cuộn đầy ắp không gian. Không bắt được dung nhan

của nàng, nhưng tôi vẫn cảm được nỗi mong chờ u uẩn trong lòng người thiếu nữ. Nàng nói với tôi là nàng lạnh lắm. Và mới đêm qua, thấp thoáng bóng nàng đứng trên bao lon ngắm xuống biển, hình như có lúc, nàng đến ngồi bên đầu giường nhìn tôi ngủ như mơ...

Tôi kể cho Già Rossy nghe những giấc mơ kỳ lạ và cố tình quên những đoạn vô cùng ướt át, say sưa với nàng. Già rót cà phê mời tôi buổi sáng sớm và bảo dạo này Già hay lục đục, đang dọn căn phòng hai vợ chồng thuở trước cho Anna. Để khỏi phiền tôi. Già nhìn tôi đăm đăm qua làn khói thuốc, vẫn bằng đôi mắt ướt buồn bất tận.

- Ông yêu nàng hương rồi!

- Anna là ai? - Nàng đang ở đâu? - Già làm ơn cho tôi gặp mặt!

- Vâng... ông yên tâm... để tôi báo Anna. Tuần sau trở lại ông sẽ gặp...

Lần cuối tôi trở về căn nhà có phòng sau nhìn xuống biển, Già Rossy không ra đón, cũng không thấy Già ngồi nhìn ra đường như thường lệ, và phòng khách âm u không ánh đèn. Cảnh nhà yên bình, mát lạnh, hoang vắng. Tiếng quả lắc vẫn tích tắc đều đặn như những dấu hỏi đong đưa nghìn trùng. Bình thường Già báo trước những khi có việc phải xuống phố, nhưng đã lâu rồi Già có đi đâu? Linh tính báo điều không hay, tôi đảo một vòng rồi lên lầu. Trời tối đen, tiếng sóng biển ủa vào từ cửa bao lon mở rộng, trên bàn, tôi thấy ống vớ của Già chặn lên một mảnh giấy trắng. Vết nhăn nhúm trên nệm giường chứng tỏ có người vừa ngồi ở đây, và nét chữ Già nắn nót viết cho tôi mấy dòng.

Anna là vợ yêu quý nhất đời tôi.

Chiếc chìa khoá này sẽ cho ông biết sự thật.

Lão thần chết đang cỡi sóng vẫy gọi ngoài kia.

Tôi đã quyết về với biển.

Tôi bước ra bao lon nhìn xuống vực sâu thăm thẳm một màu, tay cầm chìa khoá phòng vợ chồng Già Rossy hồi còn trẻ. Trong phòng, một bộ xương người nằm thẳng trên mặt nệm vàng úa, và chung quanh rải đầy hoa, tràn ngập những hoa, hoa khắp nơi, hoa trên giường, hoa dưới đất, hoa leo lên tường, hoa bám lấy trần nhà, hoa khô, hoa héo, hoa tươi. Nhiều vô kể. Già đã ướp xác Anna bằng trăm nghìn loài hoa đủ màu đủ sắc và hương thơm lừng. Tôi đứng lặng người, nước mắt chảy vào trong...

Tôi vẫn chưa được biết dung nhan của nàng, và mãi mãi không bao giờ biết. Tôi xuống nhà theo mùi hương bay, đến ngồi vào chiếc ghế bành ngay cửa sổ phòng khách, vén màn nhìn ra dốc đường bộ vắng tanh và... thấy Già. Già Rossy.

Phan Nguyên
Paris tháng 6 - 2000

Ngấn Đêm

Phan Nguyên

♥K. đến lúc nào hắn không biết, lúc nửa đêm hay gần sáng?

Nhưng chẳng hề gì!

Chỉ biết K đến không phải với vẻ đẹp sắc sảo của loài người mà ngài mắt phượng mà của loài cây cỏ muông thú mắt đen nhung. đã gần như thói quen, K có mặt khi hắn làm việc vào những đêm mất ngủ bên gian nhà gỗ và ngồi cách xa trên mảnh chiếu lá, chân co chân duỗi, ngực để trần, căng tròn một màu da nâu sữa, bất động...

K không nói thứ tiếng của giống người văn minh nhưng bằng cặp mắt đen nhưng óng ánh sao trời, K nhìn thấu được tham vọng của hắn như tai họa hiển nhiên cho thân phận trước lũ lụt giông bão...

K đến vào lúc hắn đang tạt một mảng sơn đỏ tươi cùng mồ hôi trong vắt xuống mặt vải, thẳng tay vung những nhát cọ như những nhát chém, thân xác chẻ đôi, đóng đưa như vượn, vùng vẫy trên khung vải vuông trải ngay giữa nền nhà bóng lạnh...

K không ngạc nhiên trước bút pháp cật lực bất bình thường kia và lạ thay, những nhát cọ sắc gọn vẫn không bật ra âm vang nào, tuyệt nhiên không một tiếng động, chỉ nghe nhịp tim dồn dập gấp rút đuổi thời gian còn tất cả vẫn trượt đi trong khoảng không im lìm, hệt hắng...

Hắn thấy chập chùng lặp lại những động tác tưởng là tuyệt chiêu nhưng vô hình vô ảnh, tắt ngấm, lạnh tanh từ bao giờ. Chất dầu hăng mùi nhựa thông lẫn sinh lực hắn vãi trên mặt đất lan thành một vùng khổ hạnh triền miên không dứt.

Và từ xa...

K lặng lẽ mỉm cười dõi nhìn những ý tưởng trên tay hắn tuột ra như cuộn chỉ lỏng lẻo rơi xuống một vũng đen vô vọng rồi mất hút.

Không thể nào! Không thể nào!...

Toàn thân hắn sôi sục, tròng mắt bóng rât, mạch thái dương hắn nổi lên căng thẳng, không thể chấp nhận được! Hắn hét to và không tự chủ được nữa, bất thần

trở cán cộ nhọn hoắt như dao phập một nhát vào cái vũng đen ấy, rồi cứ thế, liên tiếp đến hụt hơi, mệt nhoài...

Hắn bật người đứng dậy, thở dốc, cảm nhận rất rõ chất lỏng dính trên tay đang từ từ đặc quánh rồi ngả sang màu đỏ bầm.

Màu đỏ của máu...

Nhưng giờ thì K nằm trên mảnh chiếu lá, cặp mắt đen nhưng không còn mở nữa và môi vẫn mím cười... Trời vừa hừng sáng nhưng vũng đen không khép lại mà cứ loang loang ra mãi như một niềm đau xót khôn nguôi.

.....

Những năm sống ở thị thành tôi vẫn mơ có được căn nhà thoáng mát như thế, chẳng nguy nga gì nhưng rộng rãi đủ để chứa hàng trăm tác phẩm tôi quý hơn con đẻ từ bấy lâu...

Về đây sương sương nhất vẫn là đồi núi bạt ngàn vây quanh, dân cư lại hiền lành như mây trắng, mọi điều gian ác ti tiện ở đời tưởng chừng cứ theo gió mùa mà tan thành sương khói quanh năm...

Tôi chiếm căn nhà bỏ hoang nửa gạch nửa gỗ ở lưng chừng đồi kia đã được hai mùa nắng, dân địa phương còn gọi là đồi voi phục vì từ dưới lên phải men theo mấy hàng đá tảng màu đồng đen bóng nhẵn, nhìn từ xa có dáng một đàn voi khổng lồ tiến rờn bay về trời một thuở hồng hoang lạnh giá.

Trẻ con còn cho là đá đẻ và đồn rằng cứ mười năm lại thấy xuất hiện thêm vài tảng quanh đây, dọc bờ suối lượn sau chân đồi và xa hơn nữa rải rác về phía rừng Bằng Lăng tím tắp.

Không biết lời con trẻ có xác thực hay không nhưng những tảng đá nghìn cân vẫn còn trơ ra sương gió, cam phận hình hài nặng kiếp với thời gian.

.....

Nhưng thời gian chỉ là canh bạc mà hắn đánh cuộc trên thân xác ngà ngọc và tâm hồn trong trắng của K. Hắn biết, trong cuộc nhân sinh này, hắn không thể tồn tại mãi mãi, chỉ bằng say đắm cuồng nhiệt một lần rồi có ra tro bụi, cũng đành. Lần đầu gặp K bên triền đồi, nơi dòng suối xanh róc rách xuyên qua rừng, hắn đã ngây người sững sốt và manh nha ý đồ chiếm đoạt một vật báu.

Với vẻ đẹp sơ khai vừa độ xuân thì kia, hắn có thể tạo nên một tuyệt tác để đời và tất nhiên ngay bây giờ làm của riêng cho hắn. Hôm ấy trời nhiều mây, K nhẹ gót trên thảm cỏ lá, tóc chảy trên vai để thấp thoáng hai đầu vú nhỏ hồng. Vóc dáng tiên hạc đang dạo chơi trong rừng chiều và không biết có kẻ lạ đang ngấm nhìn mình từ xa. Thỉnh thoảng, K cúi nhặt vài cành hoa khô dại rồi khoan thai bước về nơi dốc suối. Khi gần chạm mặt, bất giác K ngược lên nhìn hắn, ngạc

nhiên với đôi mắt rất đen, mi đậm ướt, đủ để hấn lạng hồn rồi nhẹ nhàng lách sau những tảng đá... biến mất...

Hấn cố chờ để làm quen nhưng bốn bề đều lặng im,.. chỉ nghe một luồng gió mát thốc lên từ phía suối và tiếng chim đập cánh bay xa...

Hấn xanh xao tư lự từ dạo ấy, bỏ ăn bỏ ngủ, lòng mơ tưởng gặp lại đôi mắt sau này hấn gọi là mắt đen nhưng, dẫu chỉ một lần, một lần thôi cũng thoả. Hấn lặn lội dò hỏi, nhưng chẳng ai biết tung tích hay từng gặp một thiếu nữ lạ lùng như thế. Ngày ngày rờn rã, không chiều nào hấn không trở lại dốc suối, khắc khoải mong chờ một làn tóc mây trôi. Mọi người bảo nhau là hấn cuồng si mê dại, và với khối tình cháy bỏng đó gỗ đá cũng phải mềm lòng thương cảm.

.....

đêm nay là đêm thứ chín.

Chín đêm dài bằng chín thế kỷ trần gian mà sao cứ như chớp mắt.

K lắc đầu thầm bảo tôi đừng đếm nữa, thôi đừng vạch ngón thời gian lên vách gỗ căn buồng thoáng thoảng mùi hoa ngâu, mùi của da thịt nàng.

K trườn người hôn lên trán tôi, lên mắt, lên má, lên môi để an ủi vỗ về mỗi khi tôi sợ trời lại sáng...

đêm nay hơi lạnh, ngọn lửa trên bếp nhấp nhóm toả hơi ấm và rọi sáng những tấm lưng trần đang hối hả yêu nhau, tôi vuốt ve làn da óng mát mịn màng như tơ lụa phủ lên khắp người và ghì lấy từng hơi thở ngọt ngào trên môi...

K choàng cánh tay ôm lấy cổ tôi lật nửa vòng, rướn cong người với đôi mi khép rồi nấc lên đón lấy thứ hạnh phúc thuỷ tinh đang trào dâng... dâng mãi... dâng đây..

Tôi vui đầu vào ngực K như con trẻ, áp má lên hai bầu vú êm ái thiếp đi, trong lúc ngoài hiên hình như gió vẫn rì rào thổi, cơn mưa đầu thu vẫn xối xả lên mái ngói từng hồi...

Trong giấc ngủ chập chờn tôi bỗng thấy mình bay bổng lên cao như chắp cánh, gió vù vù bên tai, ánh lửa bếp dưới kia đang từ từ nhỏ lại và xa dần...

K nắm tay tôi bay cao mãi về phía chân trời có màu tím bạc và rõ ràng đôi cánh chim đại bàng đang phần phật trong gió, xoải thân đưa tôi qua những khu rừng menh mông, menh mông, ngút ngàn...

Choàng tỉnh giấc khi trời sáng.

K đã ra đi từ lúc nào như mọi lần để trở về với hình hài cổ xưa, xa xa có tiếng chim kêu vắng vắng nào nề và mùi hoa ngâu vương vất đâu đây.

Qua khung cửa sổ, rừng mù mờ sương, mưa đêm ướt đẫm cả thung lũng khiến tôi một mình ngậm ngùi nhớ nước mắt K đã giàn giữa suốt đêm qua...

Khi biết tôi đang hoá bức chân dung cho nàng lần thứ nhất...

.....

Trọn một đời bôn ba, gọi là tài hoa đa cảm, nhưng chưa bao giờ hấn hao mòn thể xác, tiêu tụy tinh thần, bại nhược niềm tin vì tình yêu đến thế! Ngay buổi đầu chạm ánh mắt đen nhánh của K, lòng hấn đã chơi voi trống rỗng và mơ hồ cảm thấy danh vọng là gió thoảng mây bay, bao nhiêu năm tháng tiêu hao để ngây ngô trau chuốt loại bóng không hình và đường như, cả sự nghiệp sáng tác hơn mấy mươi năm tâm lực của hấn cũng chỉ là ảo ảnh không tên giữa sa mạc trắng xoá. Qua cặp mắt ngây thơ vô tội của thiếu nữ, hấn tiếc thời gian đã vội vàng cướp đi tuổi trẻ tinh khôi và xót xa nhận ra rằng, đã chưa một lần thực sự yêu ai...

K trở lại dốc tuổi thân quen một hôm hấn chỉ còn da bọc xương, ngồi gục đầu lên một phiến đá mê man quên cả đường về, trông rất thảm thương. K dìu hấn lên nhà đôi ân cần chăm sóc, lo lắng thuốc thang, mài thân làm bột hoà với nước sôi cho uống. Khoảng vài ngày sau hấn đã hồi tỉnh, da dẻ hồng hào và sức khoẻ gần như bình phục. Hấn vui sướng ôm K vào lòng, cảm động khi biết K chính là chủ nhân của căn nhà nửa gạch nửa gỗ bỏ hoang, hằng đêm, vẫn âm thầm ngồi bên cạnh hấn, tỏ tường mọi nỗi buồn đau như mảnh tâm linh trong suốt từ ngàn năm hiện về...

Rồi hấn yêu K như chưa bao giờ được yêu, làm tình với K như chưa bao giờ được làm tình, quên cả ngày đêm, nồng nàn, ngây ngất, vô tận. Hấn chiều chuộng từng tấc da tấc thịt, nâng niu từ gót chân đến ngọn tóc và mê mẩn nhất, ba ngón tròn màu son như đeo vòng ở cổ chân, khác người. Có lần hấn gắng hỏi nhưng K cũng chỉ cười.

Trên cõi đời này chắc chắn chẳng còn ai, chỉ còn K và hấn với mùa thu đang đến.

.....

Chỉ còn tôi với nàng và mùa thu rực lửa trên từng ngọn lá.

Thu đến đột ngột lạ kỳ.

Mới hôm qua đôi núi còn xanh rì mà nay đã lung linh vàng đỏ, ửng cả khung trời.

Tôi ngỡ không gian đang thay màu đổi sắc để vui mừng cho một cuộc tình dài mãi trăm năm, cho dòng suối xanh chảy xiết trong tâm hồn và cho những giọt rượu nồng đang ngấm ngấm say trong từng huyết quản.

Tôi yêu K tha thiết, nhưng K lại chan hoà nước mắt khi tôi nhất định giữ lại nét dung nhan của nàng, để cho đời sau, bằng đầu ngọn bút.

K khóc nhiều cả đêm đến sáng, nhưng rồi cũng nguôi, về độ lượng, cảm thông,

cam chịu...

.....

Bây giờ thì hẳn hiểu, K là hiện thân của chuỗi thời gian đã mất, là tiếng kêu thương của rừng thiêng nguyên thủy vọng về, là vẻ đẹp hồn nhiên thơ đại hiện hiện trong mộng tưởng, từng đêm, hẳn khát khao vươn tới nét chân thật, nét tuyệt mỹ của con người.

K là tất cả.

Và hẳn không thể giữ được dung nhan những cội hồn trong sáng cô đơn nơi mảnh đất hoang vu này. Khi cặp mắt đen nhưng đã khép với đôi môi vẫn mỉm cười, hẳn chợt hiểu là K đã ra đi vĩnh viễn.

Hắn vừa giết đi trong đêm đen điên cuồng một kiếp hồn thạch đá hiền linh.

Hắn đau đớn, khóc than, thương tiếc rồi nhất quyết nổi lửa đốt căn nhà bỏ hoang cùng toàn bộ tác phẩm mấy mươi năm hết lòng gìn giữ.

Hôm ấy, đất trời phủ trùm một màu tro u ám rồi cơn mưa bất thường đổ xuống ào ạt như thác lũ.

Hắn cố xác K lao thẳng xuống đời, mất dạng, biệt tăm vào rừng sâu thăm thẳm.

.....

Trên đồng tro tàn bên sườn đồi voi phục ngày nay sừng sững một tảng đá nghìn cân màu đồng đen bóng nhẵn, ba ngón tròn đỏ son chạy vòng quanh như ba vòng kim cô siết chặt lấy đời người.

Phan Nguyên

Paris tháng 11-1999

Mùa Hoa Loa Kèn

Nguyễn Hoàng Huy

Tháng tư, tháng tôi sinh, mùa hoa loa kèn nở. Loài hoa khi nở cánh có màu trắng trong thật lạ, nhưng lúc chúng còn đương nụ, những nụ hoa phớt xanh nằm trong đám lá bông bênh như những cái đầu của một đàn khủng long thời tiền sử đang bơi lội. Nhìn gần hơn, những nụ hoa loa kèn nhón nhọn trông

rất giống trái đạn B.41 thu nhỏ, có màu xanh phớt, lúc nở hoa lại giống một quả chuông, chúng cứ nhằm thẳng vào, xoáy vào, để làm rung lên trái tim đa cảm của anh.

Một ngày tháng tư, cha tôi đi phố về, nói với mẹ tôi "Anh Liên mất rồi đấy !". Tôi đi dự đám tang nhìn thấy xung quanh linh cữu người quá cố xếp kín những vòng hoa kết toàn bằng hoa loa kèn trắng, chắc là hoa theo mùa, bởi vào tháng tư hoa loa kèn chỉ rộ khoảng hai, ba tuần lễ rồi thôi.

Bác Liên là người bạn thân suốt đời của cha tôi dù bác hơn cha tôi vài ba tuổi. Tôi nhớ dáng vẻ ngoài của bác : tầm vóc nhỏ nhắn, tóc chải mượt, lúc nào cũng ăn vận quần áo chỉnh tề. Giọng nói bác trong, giống như giọng thầy giảng lễ trong các nhà thờ Thiên chúa giáo. Hơn ba mươi năm trước, còn

là một cậu bé, tôi được thấy bác lần đầu. Hôm đó sau nhiều năm xa cách cha tôi ngẫu nhiên gặp bác ở ngoài phố, vồn vã mời về nhà. Tôi đứng dậy cúi chào khách, trong lòng thoáng một chút ngạc nhiên : thời bấy giờ ra ngoài đường ít người mặc quần áo tây cả bộ, đi giày da, lại thắt cravat gọn ghẽ bên trong chiếc cổ áo sơ mi hồ cứng, nhất là người đó lại là cán bộ ở vùng kháng chiến mới trở về. Tôi ngồi học bài bên cửa sổ, quay lưng lại bộ sa lông. Câu chuyện của cha tôi với người khách cứ câu được câu chăng lọt vào tai để đến bây giờ những câu nói đó thức dậy trong trí nhớ tôi :

... Tiếng khách hỏi thăm cha tôi :

- Cậu vẫn làm ở tòa án đấy chứ ?

Cha tôi đáp :

- Vâng, thăm phán lưu dụng anh ạ. Còn anh, tôi nghe nói anh đi kháng chiến,

vào bộ đội đóng đến thiếu tá rồi phải không ?

- Quân đội bây giờ chưa phong hàm, chưa có lon. Tôi chuyển sang bộ đội với hàm thiếu tá để vào phái đoàn đi họp liên hiệp với tụi nhà binh Pháp trước Genève. Giờ tôi chuyển "về vườn" rồi cậu ạ ! Tôi ốm yếu quá.

Từ buổi ấy thỉnh thoảng bác Liên lại tới nhà tôi chơi.

Có một lần mẹ tôi bảo cha tôi : "Anh Liên thật gàn bát sách, đến bây giờ vẫn chưa chịu lấy vợ. Cô Lê Lý đã lên chức "bà" rồi còn đợi chờ gì nữa ! Đi bộ đội đóng chức to như thế đến lúc về lại không đòi hỏi lấy một xu hưu trí hỏi anh ấy sống thế nào ?".

Qua câu chuyện của song thân tôi được biết bác Liên là con nhà giàu sang, trước cách mạng bác học trường "lít xê" rồi trường luật, nổi tiếng ăn chơi công tử : một ngày thay ba bộ áo sơ mi, giày có vài chục đôi, khăn mùi xoa dùng xong là bỏ. Lúc bác Liên xin nghỉ, Nhà nước chưa ra chế độ hưu trí,

sau này có chính sách bác cũng không đòi hỏi. Bác Liên có một người chị gái cũng không chồng con gì. Hai bác sống ở hai buồng trên gác trong một căn nhà hương hỏa gần phố nhà tôi. Tầng dưới có một hộ dân thuê. Khoản thu nhập chính thức của bác Liên và người chị gái là cuốn sổ trích lợi tức tiền nhà

cho thuê được trả mười lăm đồng một tháng.

- Vậy thì anh ấy ăn bằng gì ?

Mẹ tôi nhắc lại.

- Anh ấy gần như ăn chay : rau với muối vừng - cha tôi đáp. Hai chị em anh ấy có quyền sở gao hai suất mười ba cân rưỡi. Bà chị bán bột tem gao đi đủ tiền mua gạo, mua rau ăn. Với số tiền nhà mười lăm đồng kia ông ấy vẫn sống phong lưu lắm : vẫn hút thuốc lá cuốn Lạng sơn, uống chè Hồng Đào ướp hoa sen, vẫn đọc sách. Vẫn đi chơi... thú lắm.

Trong nhà tôi con cái không được phép góp chuyện cùng bậc cha mẹ. Khi ấy tôi cũng hơi lớn, bắt đầu có cảm nhận riêng. Thực ra tôi không thích bác Liên lắm nhưng không dám nói ra : người gì cứ hay đến chơi ngồi nói chuyện rì rầm hàng buổi. Xung quanh hàng xóm tai vách mạch rừng người ta không

biết cho là tụ tập bất mãn thì ảnh hưởng lắm.

Tôi để ý nghe chuyện, hóa ra các cụ toàn nói chuyện tào lao, xen cả tiếng Pháp, tiếng Tàu, cả Phật, cả thiền, Lão, Trang, Khổng Tử rồi cả mác xít nữa. Có một việc cho đến bây giờ tôi vẫn ân hận : tối hôm ấy gần bảy giờ bác Liên và cha tôi còn ngồi đàm đạo. Mẹ tôi ngồi may, thỉnh thoảng lại ngược nhìn đồng hồ. Tôi thổi cơm, sửa soạn mâm bát xong xuôi đã lâu, sốt ruột muốn ăn cơm nhanh để đi chơi. Nhà tôi có cái bàn ăn dài kê cạnh bộ sa lông tiếp khách. Nghĩ ra một cách, không

hỏi ý kiến ai tôi chủ động bê mâm bát, nôi niêu ra dọn loảng xoảng trên bàn ăn. Đang trò chuyện, bác Liên ngược nhìn mâm cơm tôi dọn, sức nhớ giờ đã muộn. Cha tôi lúng túng nói mấy câu mời cơm bác nhưng bác xin phép ra về. Khi khách về rồi cha tôi gọi tôi lại, không nói không rằng giáng cho tôi một cái tát. Từ khi học lên cấp ba tôi không hay bị đòn nữa. Lần ấy là lần cuối cùng cha tôi đánh tôi, nhưng cái đau lần ấy còn mãi trong đời tôi.

Có một khoảng thời gian dài để đến hơn mười năm tôi không gặp bác Liên. Tôi lớn đi làm xa nhà, rồi lấy vợ, có con bạn bịu muôn chuyện đời thường. Mãi đến khi cạy cục xin chuyển được về Hà Nội thì lại bập vào thời kỳ kinh tế thị trường, lao vào cuộc mưu sinh tất bật.

Tôi không ngờ khi nghe cha tôi báo tin bác Liên đi tu. Mẹ tôi bảo "thì anh ấy sống cũng gần như đi tu còn gì : ăn chay, không vợ, chỉ chưa xuống tóc, niệm Phật mà thôi".

Thực ra bác Liên nghiên cứu Phật pháp đã lâu. Bác đi tu chỉ là tu tại gia, có lập bàn thờ Phật, đọc kinh, đọc sách và thỉnh thoảng ăn chay. Như hồi còn nhỏ, tôi lại được hóng nghe câu chuyện đạo lý giữa bác và cha tôi trong lúc tôi lúi húi vẽ vôi mạch điện hay chữa cái quạt được bác Liên mời một liều thuốc lá cuốn Lạng sơn với câu khen "anh này được" và nếu thích thì tôi ngồi ghé một bên ghế nghe chuyện. Câu chuyện thường xoay quanh nỗi thống khổ của nhân gian. Có lần cha tôi hỏi :

- Đức Phật có từ hai ngàn năm trăm năm nay, hỏi ngài đã cứu được ai ra khỏi cảnh khổ chưa ?

Bác Liên có giọng nói trong, nhẹ, hơi du dương nhưng vì là con nhà luật nên bác cũng khá hùng biện. Bác đáp ngay :

- Người ta có nhiều hạng, cảnh khổ có nhiều mức. Thuở xưa Đức Phật thương từ con giun bị cắt đứt dưới lưỡi cày, con chim bị mèo ăn, con nai bị hổ vồ. Tôi với cậu đều học khoa học : tôi có "phi lô" cậu có "mát" (1) ta hiểu loài vật phải đau, phải chết để cân bằng sinh thái. Còn loài người, cái loài duy nhất có tinh thần ấy, để cân bằng xã hội người ta rất khổ. Có nhiều loại khổ. Phật giác ngộ được chúng sinh ra khỏi cảnh khổ vì Phật nhìn thấy cái sức mạnh tâm thức tiềm ẩn ở loài người...

Cứ sau ngày rằm, mừng một, bác Liên lại mang đến nhà tôi cho khi thì quả dưa, khi thì cái oản xôi đóng lầy, gọi là lộc Phật. Bàn thờ nhà bác : hoa hái ở trong các chậu bác trồng trên mảnh sân thượng, quả mua ngoài chợ. Sau này đồ lễ có rôm rả hơn bởi mấy bà cụ trong phố thấy bàn thờ nhà bác thanh

tĩnh hay đến lễ cho gần. Đặc biệt có một bà sang trọng lắm, đi xe con, mỗi năm

cứ vào tháng tư dương lịch lại đến cùng đưa cháu nội đưa lễ một bó hoa loa kèn to.

Có đôi lần tôi được gặp bà. Phải công nhận bà đẹp dù đã ở tuổi ngoài năm mươi. Trông bà không có dáng của một tín đồ đạo Phật chút nào, mỗi lần đến nhà bác Liên, bà dắt đưa cháu đi nhanh qua cửa như không muốn để ai chú ý. Thông thường hai bà cháu chỉ lưu lại nghe kinh khoảng ba mươi phút rồi về.

Sâm uất được vài năm, các phật tử cúng lễ ở bàn thờ nhà bác Liên rút lui dần. Thì ra có một biến chuyển quan trọng trong "đạo" của bác. Bác Liên kể lại với cha tôi rằng trong giấc ngủ bác mơ thấy Đức Phật. Không phải Đức Thích Ca Mâu Ni, cũng không phải Phật Bà Quan Âm hay Di Lặc, Kim Cương gì. Hình dáng Đức Phật trong giấc mơ giống hệt một hình người sắp xếp ngẫu nhiên trên bức tường loang lổ vôi vữa rêu phong ở góc sân thượng nơi bác hay ngồi đọc sách và suy ngẫm. Sẵn khả năng hội họa, bác chụp ảnh bức tường rồi vẽ lại, rồi lấy một hòn đá đục đục đẽo đẽo lấy thành pho tượng Phật. Pho tượng này bác thay vào ngôi tam thế trên bàn thờ. Xung quanh tường bác treo khung kính tranh các Đức Phật riêng của bác. Tôi cũng đã được nhìn thấy pho tượng ấy. Thú thực cũng khá đẹp mặc dù không ra hình thù gì. Bác Liên nói rằng "Phật ở trong tâm mình, hình hài chỉ là cái vỏ để làm đối tượng cho tín ngưỡng". Cha tôi lại hỏi :

-Như vậy anh đã từ bỏ đạo của Đức Thích Ca Mâu Ni. Tại sao anh còn tụng kinh Phật ?

Một nét sáng tươi ngời trên gương mặt bác :

- Tôi tụng kinh cho toàn thể nhân dân. Hàng ngày tôi còn cầu nguyện riêng cho cậu nữa. Chúng sinh ai cũng có thể thành Phật, đấy là ý niệm của Thích Ca. Trong cõi thế, mỗi người đều có thể tìm thấy hình ảnh Đức Phật riêng của mình để hướng tới. Đối với tôi, từng chữ Phạn trong kinh sách không có

ý nghĩa nhưng lúc ngồi tụng kinh, chúng giống như những cọc tiêu hướng dẫn trên con đường thiên lý, tôi cứ nương vào đó để chuyển động tinh thần tôi. Bây giờ, tôi có Đức Phật riêng của tôi rồi, tôi ngồi thiền định nhìn sự vật đã thấy trong ra, trong suốt từ ngoài vũ trụ đến cõi lòng tôi, cậu ạ.

Mấy năm cuối đời bác Liên yếu hơn, cha tôi phải đến thăm bác. Rằm, mừng một nhà tôi vẫn có lộc oản do cha tôi mang về, nhưng lại oản com bác đóng lấy bằng com tẻ thối nát. Hồi đầu năm người chị gái bác qua đời. "Tín đồ" chỉ còn một bà cụ ở thuê tầng dưới kiêm việc mua hộ gạo, dầu cho bác. Còn bà sang trọng phải đến tháng tư mới tới.

Một lần, khi đặt cái oản com của bác Liên lên bàn thờ ở nhà mình, mẹ tôi chợt nghĩ ra :

- Ông Liên tiêu bằng gì ? Bây giờ không còn sô gạo, bìa, tem phiếu, lấy gì mà bán ? Tiền lợi tức nhà cho thuê mười lăm đồng một tháng nhân lên được nghìn rưởi, chưa đủ mua bát phở - Bà nói với cha tôi - ông xem có cách nào khéo khéo giúp anh Liên khéo anh ấy không có gì ăn ?

Cha tôi ngẫm nghĩ một lát :

- Để rồi tôi liệu xem. Tính anh ấy khải lắm, không muốn phiền ai bao giờ.

Cha tôi dần thêm dần chứng. Bác Liên có người cháu họ xuất dương vẫn gửi thư về yêu cầu được giúp bác, nhưng chỉ có một lần bác bảo gửi cho bác ba cuốn sách khảo cứu Phật giáo in ở Mỹ, giá bìa mỗi cuốn ba trăm đô la. Trong nhà bác Liên có nhiều đồ quý : sập gụ, sa lông tàu, lọ cổ, bát gang tây...

đặc biệt bác có một bức tranh Phật Bà Quan Âm bằng ngọc từ đời Thanh. Từ khi thay tranh Phật, bác hạ bức Phật Bà Quan Âm xuống, dân đồ cổ Hà Nội xô đến hỏi mua nhưng bác không bán thứ nào.

Trước tết âm lịch mấy ngày, cha tôi đèo đến cho bác Liên một yến gạo nếp ngon. Khi về ông kể "Anh ấy gầy lắm, nhưng vẫn nhanh nhẹn, phần lớn thời gian là ngồi thiền. Hôm nay tôi ngồi với anh ấy rất lâu tự dưng anh ấy bảo :

- Tôi tu đã thành chính quả rồi. Tôi đi lúc nào thì đi không báo trước được đâu. Chỉ với riêng cậu tôi báo tin. Sang năm, Đức Phật Di Lạc về. Thế giới bước vào thời kỳ thịnh vượng, an lạc, nhân gian thấy đều sung sướng.

Quý một gần hết, tháng tư sắp sang. Tôi đang cố gắng nhặt nhanh tiền nong hoàn thiện một cái "toalet" tạm gọi là đời mới cho cha mẹ tôi dùng. Nhà tôi ở trung tâm Hà Nội nhưng tiện nghi cổ lỗ. Trời lạnh, các cụ già ra sân dễ bị cảm đột ngột lắm. Gạch men Trung Quốc đang rẻ. Chậu sứ Trung Quốc vừa

túi tiền. Tôi thú vị nhất cái máy đun nước tắm bằng điện của Liên Xô có hai vòi nước nóng lạnh thật tiện lợi. Từ nay không phải một tay xách ấm một tay xách phích quây cái ni lông ra máy nước để tắm nữa. Tôi đang hào hứng đấu điện cho buồng tắm mới thì cha tôi bước vào nói "Bác Liên mất rồi. Đi với

bố đến xem thế nào".

Nhà bác Liên ở không xa nhà tôi, khi cha con tôi đến sáu bảy người bạn cũ đã đến rồi. Chính quyền phường đang làm thủ tục kiểm kê và niêm phong tài sản của bác theo đúng luật để chuyển giao cho người thừa kế hợp pháp. Tang lễ bác được địa phương đứng ra lo theo tiêu chuẩn dành cho người cô đơn không nơi nương tựa. Việc khâm liệm bác được gia đình hộ ở tầng dưới lo chu tất. Tôi lặng nhìn : một cụ già nhỏ thó, da trắng, mỏng như giấy nằm tĩnh lặng trong bộ comlê (đoóc mơi) màu ghi sáng. Mái tóc bạc thưa lộ ra phía trên tấm vải điều phủ mặt.

Tất cả những người dự viếng ngồi im lặng xung quanh một cái bàn mộc, vừa

uống nước vừa bàn công việc tang lễ ngày mai. Bà cụ ở hộ thuê tầng dưới không khóc nhưng mắt đỏ hoe. Bà cụ kể :

- Các ông các bà đừng tưởng là cụ bị đói, bữa nào tôi cũng thổi cơm bung lên nhà cho cụ. Gạo của cụ còn đây hai nồi kia : gạo ngon cụ đóng oản thờ, gạo hẩm cụ xoi. Nhưng mấy hôm nay cụ không ăn, cụ mang cơm lên sân thượng cho đàn chim sẻ. Mấy lần tôi để ý, rón rén trèo lên sân thượng xem. Lạ

giời, lạ Phật các ông các bà ạ, giờ rét thế mà chim sẻ, chim gù ở đâu nó cứ bay về ràn rạt mỗi con ngậm một hột cơm nơi tay cụ rồi lại bay đi. Tôi cứ cầu được đứng nhìn cụ mãi vì nom cụ đẹp như ông bụt ấy. Sau thấy cụ chỉ phong phanh manh áo lụa, sợ cụ bị cảm lạnh tôi phải thỉnh cụ xuống nhà.

Sáng hôm nay trời gió, cụ bảo tôi xách cho cụ một xô nước lên sân thượng, tôi không biết cụ định làm gì nên vẫn xách lên. Hóa ra cụ tắm. Lúc tôi nghe tiếng ngã chạy lên, cụ đã hóa rồi. Cụ nằm trên sân ấy, thân hình nguyên vẹn như lúc cha mẹ mới sinh. Không cầm được lòng, tôi chạy xuống nhà

mở rương lấy xấp vải trắng tôi vẫn dành dụm cho tôi để quần quanh hình hài cụ rồi tôi mới đi báo phường.

Nghe chuyện của bà cụ xong mọi người chia tay nhau ai về nhà nấy. Trên đường về đi giữa phố phường nhộn nhịp còi xe, tâm trí tôi cứ bị xúc động mãi về cái chết của bác Liên qua câu chuyện vừa nghe. Như thế, giữa Hà Nội đông đúc ồn ào này có một ngôi nhà, có một góc sân thượng thật thanh khiết. Trong ngôi nhà ấy có một cụ già suốt cả đời sống hiền lương. Trên mảnh sân thượng ấy hàng ngày cụ đứng, ngồi, đọc sách, suy ngẫm, vui vầy với đám chim bé nhỏ và mây trời, cây lá. Không biết có lúc nào bác Liên nhìn xuyên qua thành phố để đến bên cạnh, thật gần với những kiếp người cơ khổ không ? Không biết có lúc nào bác Liên nhìn xuyên qua được khoảng không đầy mây vẩn vũ kia để đến được tầng trời vô sắc giới, nơi chói lòa ánh sáng vĩnh hằng không ?

Về đến nhà tôi giục cha tôi đi tắm ngay với ý muốn ông là người "cắt băng khánh thành" cho cái công trình "toilet" hiện đại của tôi. Tắm tấp xong tôi thấy cha tôi khóc. Mắt người đỏ hoe, ông bảo :

- Tắm nước nóng ở cái Sốtphobanh của mày thú thật. Còn bác Liên thì chết rét sáng hôm nay.

*

Tôi ngậm ngùi không biết nói sao.

Đêm ấy, gia đình tôi thức khuya, tôi, lúc này là một người đàn ông có tuổi, còn cha tôi đã làm ông nội từ lâu. Tôi nói :

- Con muốn viết ít dòng về bác Liên. Mọi chuyện về bác mấy chục năm qua con

đã biết kỹ, riêng còn một khoảng trống : cuộc sống tình cảm, tình ái của bác ở thời tráng niên. Vì sao một người đàn ông, một người thanh niên ăn chơi nhất hạng Hà thành như bác lại không có bóng dáng một người phụ nữ nào trong cuộc đời ?

Đột nhiên cha tôi nổi câu lên :

- Tao không nói bác ấy là người ăn chơi nhất hạng mà là ăn diện nhất hạng. Mà cứ liệu hồn với những từ ngữ nói ầu với bố như thế.

Tôi biết lỗi, nín lặng. Mẹ tôi thấy thế thương hại kể :

- Thời trước cách mạng, có cô Lê Lý học trước mẹ mấy năm ở trường Đồng Khánh nổi tiếng đẹp và ngỗ ngáo. Trong khi các cô khác đi học còn phải có anh xe nhà đưa đi, đón về thì cô Lê Lý dám mặc quần soóc, đi xe đạp đến trường. Bác Liên mê cô này lắm. Bác Liên là con giai cả ông Tuần phủ, khi

ấy đã đỗ cử nhân luật rồi nhưng bác khinh nghề quan lại, không thêm đi thi tri huyện. Còn cô Lê Lý là con ông Hàn ở gần nhà bà ngoại mình ấy. Nhà ông Hàn có mở xe đò đám ma. Gia đình ông Tuần có ý chê nhà ông Hàn hạ lưu, giàu sổi, không môn đăng hộ đối. Thế rồi bà Tuần bị bệnh chết đột ngột, câu chuyện đành gác lại ở đấy. Ngày ấy sắp sửa cách mạng, Hà Nội cứ ầm ầm cả lên, rồi cách mạng thành công, rồi kháng chiến, rồi tản cư mỗi người mỗi ngả không biết sau này ra sao ?

Lúc này cha tôi bốt nóng, ông hứa sẽ hỏi thêm mấy người bạn của bác Liên cùng đi tham gia kháng chiến rồi sẽ kể cho tôi.

Nhờ cha tôi giới thiệu, tôi chịu khó đi hỏi han nhiều người chấp lại, được câu chuyện này. Vì câu chuyện kéo dài suốt cả một đời người nên tôi dùng đại từ "ông" và "bà" để chỉ bác Liên và cô Lê Lý. Như cha mẹ tôi đã kể thoáng qua. Dự định của ông muốn hỏi bà bị gia đình cụ Tuần ngăn trở. Ngày

ấy làm gì có tự do hôn nhân mặc dù anh là người văn minh âu học đến đâu chẳng nữa. Ông và bà chỉ biết đưa mắt nhìn nhau mỗi buổi tan học, khi ông đứng đợi bà ở xa xa cổng trường. Suy đi tính lại, cuối cùng ông nhờ một bà bác họ xa ở tận Thành Nam có quen biết cả hai nhà lên Hà Nội đưa ông đến ra

mắt nhà gái. Bữa ấy thật rộn ràng. Nhà cụ Hàn đèn nến sáng choang như ngày tết, kẻ ăn người làm đi lại nhộn nhịp. Khi ông đến, nơi này chào, nơi kia chào "Lạy quan cử ạ ! Lạy quan cử ạ !" Tiếng các cụ tấm tắc "Cậu cử con cụ lớn Tuần nom tuần tú quá !" Chuyện văn một tuần trà, cụ Hàn nổi cơn thèm "ù

chi chi, bát sách" lên, vẫy tay gọi ông :

- Này cậu cử. Mời cậu vào một chân.

Ông đứng dậy, lễ phép :

- Bẩm các cụ, xin mời các cụ, con không biết chơi xin kiếu ạ !

Cụ Hàn cười khà khà.

- Cậu cử há lại chẳng biết câu này sao :

"Làm trai biết đánh tổ tôm

Uống chè mạn bảo, xem nôm Thúy Kiều..."

Cũng may vừa lúc đó cô Lệ Lý bung khay nước tha thướt đi lên. Cụ Hàn bảo :

- Này cô, cậu cử không thích đánh tổ tôm, cô mời cậu cử vào phòng trong uống nước.

Bữa ấy tháng tư, trong phòng của bà có một bình hoa loa kèn đang nở. Lần đầu tiên ông được ngồi gần bà đến thế.

Mùi vị và hương sắc thấm đẫm trái tim lãng tử của ông. Ông ví bà với cô gái trong họa phẩm "Thiếu nữ bên hoa huệ" của Tô Ngọc Vân. Ông nhấn mạnh hoa ấy không phải hoa huệ mà là một loài hoa gốc châu Âu tên là lis tiếng ta gọi là hoa loa kèn hay hoa huệ Tây. Hoa ấy là hoa biểu trưng của đoàn hướng đạo sinh thể hiện tính ngay thẳng và lòng trong trắng. Bà ngồi yên nghe, e lệ chứ không dạn dĩ như ông tưởng.

Vài tháng sau ông còn được đứng gần bà thêm một lần nữa khi bà cùng đoàn nữ sinh áo dài trắng trường Đồng Khánh lên sân khấu Nhà hát lớn thành phố hát ra mắt ca khúc "Đàn chim Việt" của Văn Cao : "Về đây khi gió mùa thơm ngát oi cánh chim giang hồ..."

Lần này ông mạnh dạn mời bà đến thăm nhà ông, như bạn bè. Bà ngược mắt lên rồi nhìn xuống :

- Thôi, anh ! Quan Tuân nghiêm lắm. Em sợ.

Việc bà cụ Tuần mất đột ngột làm ông khuyu xuống. Nỗi buồn riêng cộng với nỗi đau tang chế khiến ông nặng nề đòi về quê ở để trông nom phần mộ mặc dầu cụ Tuần năn nỉ ông ra ứng thi tri huyện kỳ này : "Anh ra làm quan cho tôi lấy một ngày cũng được". Ông sống hơn một năm ở quê nhà. Đến lúc khởi nghĩa tháng Tám bùng nổ, ông tham gia cách mạng ở làng rồi làm công tác xã hội cho đến ngày Toàn quốc kháng chiến ông không có dịp gặp lại bà nữa. Tây đánh lên, ông đi thẳng vào cuộc trường kỳ kháng chiến với tấm lòng của một người thanh niên trí thức hào hoa, hồn nhiên và ngay thẳng. Ông làm việc kháng chiến nhưng ông vẫn ăn diện, vẫn có người bố già đi theo hầu như thuở nào. Ông được cử làm thanh tra tuyên truyền một tỉnh miền trung du. - đấy, ông được biết tin bà đi tản cư và đã lấy chồng. Chồng bà là một chỉ huy quân sự xuất sắc vùng chiến khu với dáng vẻ ngang tàng trợn mạc : bộ quần áo kaki Mỹ, khẩu súng lục trễ bên hông, vị chỉ huy bộ đội đã nhanh chóng chiếm được cảm tình của cô nữ sinh đẹp lầy lừng Hà Nội. Làm quen nhanh rồi đám cưới cũng nhanh vì cuộc chiến không trùng

trình đợi ai. Sau khi lấy chồng bà thoát ly làm cán bộ phụ vận.

Kháng chiến khỏi lửa ngút trời nhưng những dịp tình cò vẫn có. Đoàn công tác phụ nữ của bà đi sang tỉnh ông. Hai người gặp nhau bên một hẻm đồi khi ông đi một mình về cơ quan, vừa đi vừa ngêu ngao:

"Những chàng trai chưa trắng rợ anh hùng
Hồn mười phương phát phơ cò đỏ thắm..."

Chuyện trò, khai hội suốt cả buổi chiều, họ gặp nhau vào buổi tối. Đêm ấy có trăng, không khí thoáng đãng của vùng tự do xóa tan lễ giáo nghìn xưa. Hai người ngồi bên cạnh nhau dưới một gốc cây cọ, những tán cọ xòe to che chở họ. Bà ghen ngào vì đau khổ : một bên là ông hào hoa phong nhã, người

bà từng ước mơ ngày xưa, một bên là người chồng anh hùng đang xả thân nơi chiến địa. Ngồi nói chuyện, hai người cứ xích lại gần nhau rồi bà nằm trong tay ông lúc nào không biết. Đến khi hai vạt áo của bà rơi ra, người ông run bắn lên. Ông cảm thấy thân thể bà cũng đang run trong tay ông. Một thoáng qua, ông rung mình hiểu tất cả. Cặp mắt bà kinh hoàng hệt như cặp mắt của một con nai sắp bị đem đi giết thịt. - đấy có hai giọt lệ rơi ra trong tiếng nức : "Không, không được đâu anh ơi !" Thêm một phút nặng nề nữa, ông và bà cùng đứng dậy, nhọc nhằn. Xa xa, trên những con đường nhỏ ngoằn ngoèo ven đồi thấp thoáng ánh đuốc của những người đi học bình dân học vụ trở về.

*

Sau ngày kháng chiến thắng lợi, cùng trở về thủ đô bà vẫn biết tin tức ông nhưng bà cố gắng không tìm gặp ông. Chuyện chưa có gì cả, vả lại bụi thời gian đã phủ mờ. Những năm hòa bình mới lập lại có nhiều vấn đề phức tạp lắm. Hơn thế, chồng bà đã được phong tướng bà còn bận bịu với biết bao công việc.

Đến khi nghe một bà bạn nói chuyện ông tu hành theo Phật, bà sùng sốt, thoát đầu không tin : "Ai đấy chứ, người ấy thì có bao giờ..." Bà suy tính rồi quyết định đến thăm ông. Tình cò, hôm ấy cũng là một ngày tháng tư. Bà cho cậu lái đồ xe xa xa phố nhà ông ở. Bà dắt theo đứa cháu nội, tha thân vào chợ tìm mua một bó hoa loa kèn thật đẹp, bọc cẩn thận bằng lá rồi mới lên nhà ông "Hai mươi chín năm trời..." bà lẩm bẩm. Khi bước lên cầu thang bà bỗng thấy bối rối như bà không phải là bà bây giờ mà vẫn là cô nữ sinh Lê Lý ngày nào. Xưa kia bà đã không dám tới nhà ông dù bà rất muốn, nếu bà

lên nhà ông hôm ấy, cuộc đời ông chắc khác... chẳng đến nỗi như bây giờ.

- Quý bà vào lễ Phật.

Tiếng nói của ông có già đi nhưng vẫn trong trẻo nhẹ nhàng. Bàn thờ Phật ông

bày gọn, không u tịch mà vẫn nghiêm trang. Thoáng chút rung mình trong khói hương, bà thốt lên lời đáp "Mô Phật" ông vừa châm xong cây đèn ở phía cuối bàn thờ khoan thai bước ra. Ông không mặc áo tu hành, không đeo tràng hạt, không gọt tóc. Ông mặc áo sơ mi vải phin xanh da trời, quần âu kaki Nam Định, đều là thẳng nếp, có đủ măng sét gài ở cổ tay áo. Tóc ông thưa, hói đến nửa đầu, ngả bạc gần hết. Ông đã nhận ra bà, bước chân ông chỉ hơi chững lại một phút rồi ông khoan thai đi tiếp đến bên bàn nước, nhắc chiếc

ghế mây :

- Mời bà ngồi xơi nước.

Ông chậm rãi súc ấm, chén pha trà. Bà ngồi lặng đi, cầm chặt tay đưa cháu nội, nhìn ông, nhìn xung quanh nhà ông :

- Ông Liên... anh Liên, anh sống thế này ư ?

Ông đưa chén nước cho bà bằng hai tay. Cái chén sứ rất mỏng, đặt trên cái đĩa chén cũng rất mỏng, nắng quái từ cửa sổ chiếu vào in rõ ngấn nước chè vàng đậm trong lòng chén. Mùi hương trà ướp hoa sen thoang thoang theo làn hơi trắng cứ vẫn vơ mãi trên cái màu óng ả của nước trà loại một. Ông chậm rãi :

- Từ năm một nghìn chín trăm năm mươi bảy, tôi thấy yếu sức, tôi xin nghỉ. Bây giờ thì... ông đưa mắt nhìn xung quanh gian phòng mình : bàn thờ, giá sách, lọ hoa, ngọn đèn... bà thấy đấy, tôi đọc sách, chăm cây cảnh và đi thăm thú bạn bè.

Ông không hỏi thăm gì về đời riêng của bà. Bà cũng biết những nét chính về cuộc sống của ông qua lời bà bạn kể lại. Thời giờ ít, bà muốn đi ngay vào việc cụ thể. Bà hỏi :

- Anh Liên, anh ăn chay có thấy người mệt lắm không ?

- Tôi không ăn chay - Ông đáp ngay - tôi thích những thức ăn thực vật : lạc, vừng, rau tươi, hoa quả, chúng hợp với tạng tôi.

Bà không chịu :

- Em hiểu. Phiếu thực phẩm của anh là phiếu nhân dân loại N, thịt ướp đá, bạc nhạc, nước mắm loại ba. Em sẽ lấy được cho anh sổ hưu trí. Với mức lương của anh, anh sẽ có phiếu cán bộ bìa C. Anh xứng đáng được hưởng như thế.

Ông khoát tay :

- Đừng !

Bà im bật. Lời đáp của ông nhẹ nhàng nhưng đánh làm tan biến bao dự định bà toan tính làm cho ông mà chắc chắn bà làm được. Ngồi một lát, bà cố vót vát lần cuối cùng.

- Dù sao anh cũng phải ăn đủ chất để giữ sức khỏe. Em không dám đến thăm anh luôn, sợ phiền anh. Em sẽ cho chú lái xe hàng tháng mang những thực phẩm

tốt lại cho anh dùng. Em có sổ cung cấp riêng, anh Liên ạ !

Đôi mắt ông ánh lên một tia giễu cợt :

- Nuôi tăng tức là kính Phật, xin bà cứ tùy tâm. Tôi nguyện hàng ngày cầu Đức Phật phù hộ cho bà.

Bà không giận ông vì câu nói ấy. Bà giữ đúng lời hứa. Ngay tháng sau bà cho người đến biểu ông hai bộ quần áo may bằng lụa Ấn Độ, hàng tháng bà gửi thực phẩm đến cho ông đều đặn còn ông dùng hay cho đi, bà không biết. Phần bà, mỗi năm cứ vào khoảng tháng tư dương lịch bà lại dắt theo đứa cháu nội đến thăm ông. Lúc đến, bà cho xe đỗ ở xa xa nhà ông, bà dắt đứa cháu vào chợ mua một bó hoa loa kèn to mang lên cắm đầy các bình hoa trên bàn thờ Phật. Những năm về sau ông thường ngồi thiền định lâu hơn, hầu như có lúc ông không để ý đến khách vào. Dù ông có tiếp hay không tiếp, lần nào bà cũng ngồi lại nhìn ông khoảng ba mươi phút rồi mới về. Lúc lên xe, lòng bà nặng trĩu...

*

Sáng hôm sau tôi đến đám tang thật sớm vì cha tôi dặn đến sớm xem có việc gì thì giúp. Thật ra tôi không phải làm gì. Hội thọ đứng ra làm thủ tục còn hội Phật giành quyền tổ chức nghi lễ. Đám tang của bác Liên đông lắm, đông nhất là Phật tử, các bà, các cụ thường ngày mỗi người một việc, có bà buôn bán ngoài chợ, làm chủ cửa hiệu, có bà là cán bộ về hưu, có bà làm mướn, làm công... đủ cả. Nhưng hôm nay trông bà nào cũng như nhau : áo dài nâu sòng màu đất, chuỗi tràng hạt đen huyền và gương mặt sùng kính. Tôi biết rằng một chữ Phạn in trong cuốn kinh cầm trên tay kia các bà cũng không biết. Tôi biết rằng một bụng chữ của các kho tàng Phật pháp mà bác Liên đã mang theo kia, các bà không hiểu rõ lấy một phần. Tôi còn biết rằng nhiều năm nay các bà không tới lễ ở bàn thờ nhà bác Liên nữa vì bác đã thay ngôi tam thế bằng pho tượng Đức Phật riêng của bác. Vậy mà những tà áo dài nâu vẫn lặng lẽ trôi đi bên xe tang, trôi đi rất lâu. Tiếng tụng kinh vẫn lan đều từ những bàn tay lần tràng hạt. Cờ phướn bay trên khuôn mặt đoàn người.

Phía dưới cùng đám tang là các cụ cựu sinh viên trường luật : bạn học của bác Liên và của cha tôi. Các bác đều đã trên bảy mươi cả, có bác bảy ba, có bác bảy tám, một thời chưa xa, các bác còn là đàn chiến mã tung hoành trên những lĩnh vực cao, xa nhất của đất nước : ngoại giao, thương mại, pháp

luật, giáo dục... Nay, các bác đã về hưu cả. Có bác trông hồng hào nhưng mang bệnh huyết áp, có bác răn rỏi nhưng bị khối u trong dạ dày, có bác đeo máy điếc. Tôi cũng có hân hạnh được biết gần hết các bác trong một số buổi họp lớp thường được tổ chức luân phiên ở nhà nhau, có mấy lần ở nhà tôi, thú thực, tôi

rất mê phong cách tư duy của các bác : mỗi vấn đề, dù nghiêm chỉnh đến đâu đều được các bác nhìn nhận dưới góc độ hài hước và nhân bản. Trong những buổi liên hoan ngọt đơn sơ đó, nghe tiếng cười của các cụ già trí thức thật sáng khoái, vô tư lự, khác hẳn tiếng cười hô hố của bọn phàm

phu mà đôi ba lần, do công việc làm ăn, tôi được dự tiếp ở các nhà hàng sang trọng. Giờ đây, các cụ đi bên nhau bình thản để tiễn đưa một người bạn "về" trước. bác Tuấn, bảy mươi sáu tuổi, nhà nghiên cứu Hán Nôm có tiếng, cất giọng buồn ngủi.

- Năm một chín bốn mươi, đồ tú tài toàn phần trường Bưởi được hai mươi anh, cả nhóm kéo nhau đi chùa Trầm chơi hôm ấy Liên hát bài "Biệt ly" của Đoàn Mẫn nghe cảm lắm.

Bác Ngũ, tiến sĩ luật, bảy mươi năm tuổi, đi lui lại nói nhỏ với cha tôi :

- "Me sù" Liên thành Phật thật chứ không phải bõn. Chúng ta không thể so với "lúy" được, "lúy" trong sáng quá. Khi xưa, biết "toa" bị nạn "moa" không dám đến thăm vì sợ liên lụy. Lúc bấy giờ ai cũng sợ. Cánh ta chỉ là lũ chúng sinh muôn đời lẩn quẩn trong kiếp luân hồi, không bao giờ lên được cõi Niết bàn là phải.

Cha tôi chưa kịp trả lời thì bác Cơ đã kéo lại rú bàn về cuộc họp lớp sắp tới.

Cuộc đi đưa tiễn người quá cố đã dài, đoàn người và xe tang dừng lại. Bà cụ ở tầng dưới nhà bác Liên đi mời trà cau cho khách đàn bà và mời thuốc lá cho đàn ông. Hôm nay trông bà cụ khác hẳn : đôi môi cụ quét râu đỏ tươi, tà áo dài nâu vải mới sột soạt, chuỗi tràng hạt lủng lẳng nơi bụng. Gặp

khách hỏi thăm nói phải tiếng "chết" bao giờ cụ cũng nhắc nhở :

- Ấy bác đừng nói thế, phải tội, cụ hóa đấy. Các bác đừng tưởng tôi để cụ đói nhé. Hàng ngày tôi thôi hai bữa cơm dâng lên, cụ truyền mang lên sân thượng cho đàn chim sẻ. Cụ muốn thanh tịnh. Hôm qua trời trở gió, cụ bảo tôi mang nước lên sân thượng cho cụ tắm. Lúc cụ hóa tôi nghe thấy có tiếng đàn, tiếng sáo trên trời...

Bà cụ ngược lên trời. Tôi cũng ngẩng đầu nhìn theo tay bà cụ chỉ, đầu đây như nghe tiếng vỗ cánh của hàng vạn, hàng vạn đàn chim sẻ. Tôi không biết tôi đã đủ đức tin chưa nhưng tôi thấy lúc này lòng tôi trong trẻo lạ, cái thiện tràn ngập tâm hồn tôi. Còn gì nữa... Những toan tính đời thường hôm qua đối với tôi là vô cùng quan trọng thì hôm nay trở nên nhỏ bé và chìm đi đâu hết cả. Còn gì nữa...? Bất giác, như bị ám thị tôi nhìn về phía sau : một chiếc xe Nhật đời mới màu ghi, kính chắn đi từ từ và dừng lại ở phía cuối đoàn người đi bộ đưa tang. Cửa xe mở, một bà cụ trông hồng hào phúc hậu nặng nhọc bước ra. Chính là bà, bà sang trọng, thánhtư, hoa loa kèn, bà Lệ Lý. "Sao đến bây giờ bà mới tới ?"

Tôi muốn kêu to lên nhưng cổ nghẹn cứng không thốt nên lời.

Bà cụ nặng nhọc bước ra, phải vịn vào vai một cậu trai chừng mười chín tuổi, chậm chạp từng bước tới gần xe chuyển cữu. Một tay đỡ bà, một tay chàng trai xách cái làn to, bên trong làn đầy những hoa loa kèn còn ương nụ, những nụ hoa nhòn nhọn, màu phớt xanh...

Nguyễn Hoàng Huy (Hà Nội)

(1) Bachelier Philosophie, Mathématique : bằng tú tài triết học, toán học

Hồn Bướm Mơ Duyên

Mùi Quý Bồng

Frank Carter, người New York, xuống New Orleans theo học ngành Ký Sinh Học tại Đại Học Tulane dưới sự hướng dẫn của Giáo Sư Malik, một vị giáo sư gốc Ai Cập, nổi tiếng thế giới với những công trình khảo cứu về những loại ốc gây và truyền bệnh nhiệt đới. Frank tính tình điềm đạm, ít nói, thích suy tư và thường tiêu khiển bằng thú nghe nhạc cổ điển. Như một số sinh viên khác, sau khi hoàn tất các "cours" đòi hỏi cho chương trình Tiến Sĩ, Frank xuống thành phố Cali, thủ đô Departamento del Valle, Colombia, Nam Mỹ, nơi Đại Học Tulane có một Trung Tâm Nghiên Cứu Y Khoa Quốc Tế để làm luận án.

Sau một tháng thu xếp, Frank được Giáo Sư D'Alessandro, người điều hành Trung Tâm, cử Mauricio, một sinh viên người Colombia trong chương trình Y Khoa Nhiệt Đới của Universidad del Valle đến làm phụ tá. Mauricio tính tình trái ngược với Frank, liến thoắng, hay đùa giỡn, mà lại đùa dai. Mauricio có tài đánh guitar và thường đem đàn đến phòng thí nghiệm, hứng lên là khuấy, bất kể giờ giấc, khiến Frank lăm lăm hết sức bực mình, nhất là Mauricio toàn chơi các điệu nhạc nóng bỏng của Nam Mỹ như Salsa, Cumbia, Merengue... mà Frank vẫn ghét cay, ghét đắng. Mauricio biết Frank không ưa mình nhưng vì tính đùa dai và bất cần, hấn càn cố tình chọc ghẹo Frank bằng cách cứ khi nào Frank đang tập trung tư tưởng, trầm ngâm suy nghĩ là hấn lại ôm đàn dạo mấy khúc trên người.

Mauricio có một người chị tên Amparo, hơn hấn hai tuổi, đẹp sắc xảo, làm phụ tá phòng thí nghiệm. Amparo cũng liến thoắng không kém cậu em, nhưng đứng đắn hơn, không đùa phá như hấn. Amparo gần gũi Frank lâu ngày đâm ra cảm anh chàng, thường tỏ tình bằng những cử chỉ săn sóc dịu dàng và những tia nhìn quyến luyến. Frank biết thế, nhưng lúc nào cũng giữ một thái độ nghiêm chỉnh, hoàn toàn không để lộ một dấu hiệu nào khuyến khích Amparo tiến xa hơn. Cho là Frank giận cá chém thớt, vì bực cậu em mà ghét luôn mình, Amparo thường la mắng Mauricio mỗi khi vắng mặt Frank. Nhưng Mauricio vẫn chứng nào tật nấy, không những đã không bót phá phách Frank mà ngày càng chọc quấy chàng hơn,

đến độ Frank làm việc với Mauricio hằng ngày mà có khi không nói với hấn nửa câu, chỉ làm hiệu hay viết giấy dặn hấn làm cái này, cái kia.

Cuộc sống cứ thế tiếp diễn. Frank đã đến Cali được hơn tám tháng. Mỗi bất hòa giữa chàng và Mauricio vẫn không thay đổi. Nhưng riết rồi cũng quen đi. Frank không đến nổi bức dọc như trong thời gian đầu, nhưng chàng vẫn không thể thân thiện với Mauricio. Amparo thì càng ngày càng say mê Frank, bất chấp thái độ lạnh lùng của chàng.

Công tác khảo cứu tiến hành tốt đẹp. Frank đã quen với cuộc sống mới nơi miền đất lạ. Chàng bắt đầu cởi mở hơn, và thỉnh thoảng đã cùng Jon và Nguyên, hai người bạn đồng học, đi dạo phố, ăn uống sau giờ làm việc. Chàng cũng tháp tùng các giáo sư và bạn mình đi du khảo ở những vùng xa xôi, hẻo lánh mỗi khi có dịp, một phần vì chàng thích thế, phần khác để tránh phải chịu đựng sự chọc phá của Mauricio.

Một buổi sáng mùa xuân năm đó, Giáo Sư Miller, vị giáo sư Côn Trùng Học của Frank, Nguyên và Jon rủ cả bọn đi theo ông về Sylvia, một làng nhỏ không xa Cali bao nhiêu để săn côn trùng. Frank nhận lời ngay vì lúc đó chàng đang rảnh rỗi không có gì làm thêm với công tác khảo cứu của mình, và cũng muốn nhân cơ hội này thu thập một ít mẫu ốc.

Ba hôm sau đến ngày khởi hành, Frank chưng hửng, vì trong số những người du khảo hôm đó có cả Amparo và Mauricio với cây đàn guitar của hấn. Frank qua ngồi xe với Giáo Sư Miller và Nguyên, để Jon ngồi với Amparo và Mauricio. Hai anh tài xế, Jaime và Jairo, cứ nhìn nhau cười vì ai cũng rõ chuyện bộ ba cộc kạch này.

Đến Sylvia trời đã về chiều. Thuê phòng trong một quán trọ giữa làng xong, mọi người tụ họp ăn tối. Sau phần tráng miệng, Mauricio ôm đàn ra gảy. Frank đứng dậy, bỏ ra sân sau. Amparo bước theo. Trời hôm ấy thật đẹp, không khí trong lành, êm ả. Tiếng côn trùng rả rích như một khúc nhạc du dương làm dịu lòng người. Amparo bước gần lại, đi bên cạnh Frank. Chàng lặng thinh, không nói một câu. Đột nhiên nàng lão đảo muốn ngã, hai tay ôm vội cánh tay Frank, người nghiêng hấn vào mình chàng. Frank hoảng hốt vòng tay đỡ lưng Amparo vừa lúc nàng ngẩng đầu lên. Môi nàng tìm môi Frank, quẩn quýt. Tiếng nàng nhẹ như gió thoảng:

- Frank, em yêu anh, em yêu anh!

Frank kinh hãi, đẩy nàng ra, quay phắt lại, bỏ về phòng mình. Amparo tủi thân, ngồi xuống bậc xi măng, gục đầu, thút thít khóc. Mauricio bước ra, thấy chị mình sầu thảm, biết ngay là tại Frank, lòng rất căm phẫn, mà cũng giận chị mình u mê.

Hắn đỡ Amparo trở vào quán trọ, tự hứa trong tương lai sẽ phá Frank nhiều hơn nữa cho bồ ghét.

Sáng hôm sau, cả đoàn dậy sớm bắt đầu cuộc du khảo. Trời mờ sương, không khí dịu mát, tiếng chim chóc hót ríu rít, thật khác hẳn không khí thị thành. Mauricio ôm cây đàn guitar, cứ mỗi khi xe hắn đến gần xe Frank là hắn lại gảy lên phùng phùng và gân cổ hát, cố tình cho lạc giọng. Frank chỉ ngoảnh mặt làm ngơ.

Đoàn du khảo ngừng xe ở chân một ngọn núi nhỏ, nơi có một thác nước chảy xuống một dòng suối uốn éo, hai bên bờ cây cỏ xanh tươi với những khóm hoa đại đủ màu rực rỡ. Mọi người tụ tập bên một gốc cây, sắp đặt đồ nghề và cắt Jairo ở lại canh giữ xe và những vật dụng nặng. Bốn đứa bé thổ dân đang lui hui nghịch nước bên bờ suối, thấy người lạ, chạy túa lên, tò mò đứng nhìn. Nguyên vẫy bọn nhỏ lại, cho mỗi đứa một gói bánh kẹo, hỏi đường vào núi.

- Các ông vào đó làm gì? - Đứa lớn nhất, độ chừng 12 tuổi, hỏi.

- Chúng tôi đi bắt bướm và tìm các loại côn trùng - Nguyên đáp, và chỉ Giáo Sư Miller - Ông này là giáo sư dạy về côn trùng. Còn ông này - chỉ Frank - thì đi bắt ốc.

Lũ nhỏ nghe Nguyên nói, nhìn nhau cười khúc khích và tình nguyện chỉ đường. Để Jairo trông xe, đoàn du khảo theo chân bốn đứa nhỏ vào núi.

Đi được chừng 15 phút, đến một hồ nước trong vắt, mặt lặn tẩn gọn sóng, bên bờ hai hàng cây uốn mình soi bóng thật nên thơ, lũ nhỏ từ giã ra về. Mauricio lại ôm đàn ra gảy. Frank đứng lên, xách vợt và thùng chai lọ để đựng mẫu côn trùng và ốc, rào bước về phía trước thật mau, cố tránh đụng chạm. Giáo Sư Miller đến bên Mauricio vỗ vai hắn, yêu cầu ngưng đàn để mọi người bắt tay vào việc. Lúc đó Mauricio mới cất đàn vào bao, đeo lên lưng và cùng mọi người tản mát ra chung quanh, khởi sự công việc. Nguyên cùng Giáo Sư Miller đi về hướng Frank vừa khuất bóng sau hàng cây trước mặt. Chàng say sưa vừa đi vừa ngắm cảnh đẹp, lòng băng khuâng nhớ đến thành phố Đà Lạt thơ mộng của những ngày trăng mật xa xưa khi vợ chồng chàng vừa kết hôn sau khi chàng tốt nghiệp Y Khoa. Bây giờ thì hai vợ chồng đã ngăn cách hơn 4 năm từ sau ngày miền Nam Việt Nam thất thủ. Nguyên đã làm giấy tờ xin cho vợ con chàng sang đoàn tụ ở Colombia và Ngọc Uyên vừa mới tin cho chàng hay ước mộng sum họp chắc cũng sắp thành. Đang mê man trong khung cảnh êm đềm của dĩ vãng, Nguyên bỗng giật mình khi Giáo Sư

Miller vỗ nhẹ lên vai chàng khẽ nói:

- Nguyên, trông kìa.

Nguyên nhìn theo tay Giáo Sư Miller chỉ. Trước mặt hai người, bên một khóm

hoa dại, hai cánh bướm đang chập chờn bay lượn. Nguyên đã đọc nhiều sách về bướm trong tủ sách của Giáo Sư Miller mà chưa hề thấy một loài bướm nào đẹp như cặp bướm trước mặt chàng. Cánh bướm lớn có một màu xanh dương lóng lánh kim loại chói lọi với những đốm đỏ, vàng, cam rực rỡ hai bên rìa. Cánh bướm nhỏ hơn, màu xanh lục ở phần trên, màu tím hồng ở phần dưới, giữa đuôi cánh có hai vòng tròn màu vàng tươi viền đen. Nguyên quay sang Giáo Sư Miller. Ông mê mẩn như người mất hồn, mắt nhìn đôi bướm đăm đăm, không chớp. Nguyên cầm vợt, thận trọng tiến đến gần khóm hoa. Đôi bướm vẫn nhón nhơ như không biết nguy hiểm đang cận kề. Nhưng khi Nguyên vừa nhẹ dơ cây vợt lên thì chúng đã vỗ cánh vọt bay đi mất. Nguyên rượt theo một quãng thì mất dấu. Chàng tần ngần tiếc rẻ, lang thang đi sâu thêm vào con đường mòn. Hàng chục, hàng trăm cánh bướm bắt gặp dọc đường không gọi cho chàng một chút hứng khởi nào nữa. Tâm trí chàng chỉ nghĩ đến đôi bướm kỳ lạ vừa qua. Gần 15 phút đã qua mà Nguyên vẫn không thấy tăm hơi chúng đâu cả. Đang chán nản đến cực độ, bỗng nhiên mặt Nguyên tươi hẳn lên. Chàng vừa thấy dáng Frank ngồi bên một tảng đá, trong tay cầm hai cánh bướm Nguyên đang săn đuổi. Mừng rỡ, Nguyên chạy vội về phía Frank. Nhưng mới được vài bước chàng đã sửng sốt thấy Frank vung tay thả cặp bướm bay mất. Nguyên ngẩn ngơ nhìn theo hai bóng xanh khuất dần sau vùng cây lá.

- Sao mày lại thả chúng đi vậy Frank? Tao theo chúng đã gần nửa giờ rồi đó. Uổng quá! Chưa bao giờ thấy giống bướm nào đẹp như vậy. Giáo Sư Miller biết chắc ông sẽ rầu lắm đấy.

- Tao không nỡ để chúng bị chết. Tao thấy chúng đậu ở khóm hoa đằng kia. Săn vợt, tao chớp được ngay cả đôi. Nhưng khi tao gỡ chúng ra khỏi vợt thì dường như có một mãnh lực gì thúc đẩy khiến tao không thể rời mắt khỏi chúng. Tao cứ ngẩn ngía chúng một lúc như vậy thì tự nhiên như trong đôi mắt chúng như có vẻ van lơn, và bên tai tao như có lời năn nỉ tha mạng. Thế là tao thả chúng thì vừa lúc mày tới. Mày đừng nói gì với Giáo Sư Miller kéo ông ấy phiền giận tao.

Nguyên nhìn Frank, cảm động. Chàng không ngờ Frank đa cảm đến như vậy. Hai người quay ngược trở về, được vài phút thì gặp Giáo Sư Miller vừa tới. Nguyên nói dối ông là đã mất dấu cặp bướm. Ông tiếc hùi hụi.

Buổi tối hôm đó, sau bữa cơm chiều, Frank mang chiếc máy minicassette của chàng với ống nghe ra sân sau quán trọ đọc sách và nghe nhạc. Đêm dần về khuya, sương mù buông xuống tạo nên một khung cảnh huyền hoặc. Khoác chiếc áo lạnh lên người, Frank gấp sách, gỡ ống nghe, đứng dậy toan trở về phòng thì bỗng nhiên chàng nghe như mơ hồ có

ai gọi tên mình. Frank đảo mắt nhìn quanh. Từ trong vùng tranh tối, tranh sáng sau khóm chuối bên bờ rào quán trọ, dáng một nàng thiếu nữ chừng hai mươi một, hai mươi hai tuổi và một cậu trai độ mười chín, hai mươi dần dần hiện rõ. Frank giật mình kinh hãi nhưng chưa kịp mở miệng thì thiếu nữ đã lướt tới trước mặt chàng, thỏ thẻ:

- Ông Frank Carter, xin ông đừng sợ. Em là Alma Rodriguez và đây là Raul, em trai em. Chúng em đến tạ ơn ông đã tha mạng.

Frank sửng sốt:

- Tôi tha mạng cô, cậu đây bao giờ? Mà cô, cậu ở đâu xuất hiện giữa đêm hôm khuya khoắt như thế này?

Alma mỉm cười:

- Thú thật với ông, em và Raul chính là hai cánh bướm sáng nay ông tha chết. Nếu ông không mở lòng nhân thì giờ này chúng em đã thành mị cả rồi. Ma chết thì thành mị, ông có biết như vậy không?

Thấy Frank vẫn còn kinh hãi, Alma dịu dàng kéo tay Frank mời ngồi xuống ghế, thông thả kể cho chàng nghe đầu đuôi ngọn ngành.

Alma và Raul là hai chị em, con một gia đình giàu có ở Cali đang theo học tại Universidad del Valle. Alma chọn khoa Xã Hội Học và Raul theo Hoá Học. Hai năm trước hai chị em theo một đoàn sinh viên xuống Sylvia chơi, chẳng may bị tử nạn xe hơi tại một khúc quẹo ngoặt ở đầu làng. Từ đó oan hồn vương vất, hai chị em khi thì hoá thân làm chim, lúc làm bướm, và một đôi khi làm người, rong chơi trong vùng núi non hoa cỏ này. Dân chúng quanh vùng thỉnh thoảng thấy dáng hai chị em tha thướt ở bờ rừng nhưng tuyệt nhiên không bao giờ hai người xuất hiện trong thôn xóm. Sáng nay hai chị em cao hứng hoá bướm bay lượn vui đùa, không ngờ bị Frank bắt được. May được chàng thương tình tha chết. Hai chị em đang chờ đầu thai, chỉ còn ba tháng nữa sẽ được trở lại dương thế. Nếu chẳng may chết đi sẽ hoá thành mị, không bao giờ còn được làm người.

Trong lúc Alma kể chuyện, Frank lặng lẽ ngắm hai chị em. Alma có một vẻ đẹp mong manh, éo lả. Nước da nàng trắng nuột. Cánh mũi dọc dừa giữa đôi mắt tròn, to, đen lánh dẫn xuống hai làn môi thanh tú và một cái cằm thon nhỏ, chẻ giữa. Mái tóc nâu, dày, êm mượt vừa chấm bờ vai, ôm khuôn mặt trái soan của nàng, tạo cho nàng một vẻ thơ ngây mà tinh quái. Thân hình nàng lả lướt trong chiếc dạ phục màu xanh dương. Raul dáng hiên lành, có vẻ nghệ sĩ, mái tóc để dài quá gáy, gọn sóng bông bênh. Từ lúc mới đến cậu vẫn lặng yên không nói, chỉ nhẹ gật đầu chào Frank khi chị mình giới thiệu.

Frank đã hết kinh hãi, vui vẻ trò chuyện cùng hai chị em. Raul vẫn ít nói, chỉ trả

lời ngắn gọn nhưng lễ phép những câu hỏi của Frank. Alma trái lại, càng lúc càng tươi tắn. Mãi vui câu chuyện, thoáng chốc đã có tiếng gà gáy sau quán, và ánh dương cũng lờ mờ ló dạng. Alma đột nhiên nắm lấy tay Frank:

- Trời đã sáng, chúng em phải từ giã anh bây giờ. Tối nay nếu anh bằng lòng, chúng em sẽ đến đón anh lại nhà cho mẹ nuôi em được đích thân tạ ơn anh.

Frank chưa kịp trả lời, Alma đã ngả mình vào người chàng, ôm vai, đặt một nụ hôn trên má. Raul cũng vội vã đưa tay bắt tay Frank. Rồi hai chị em từ từ tan biến trong màn sương đêm còn phủ mờ cảnh vật. Frank tần ngần nhìn theo, lòng ngập tràn cảm xúc. Chàng đê mê như trong một giấc mộng. Nụ hôn của Alma lúc đầu lạnh như băng mà bây giờ, bên má chàng, chỗ hai làn môi vừa chạm vào bỗng ấm áp lạ thường. Đột nhiên Frank choáng váng, chàng thấy mắt mình hoa lên, cảnh vật chung quanh như quay cuồng, và chàng gục xuống mặt bàn đá, thiếp đi.

Sáng sớm hôm sau, khi Nguyên ra sân tập thể dục theo thói quen hàng ngày, chàng giật mình thấy Frank nằm gục trên bàn, bên cạnh có hai xác bướm màu xanh dương và xanh lục, đúng là hai cánh bướm hôm trước Frank đã thả đi sau khi bắt được. Nguyên vội vã đến lay Frank dậy. Tỉnh giấc rồi Frank vẫn ngo ngác như mê ngủ. Khi thấy hai cánh bướm nằm trên bàn chàng mới định thần và thông thả kể cho Nguyên nghe cuộc hạnh ngộ đêm qua. Nguyên sững sốt, nhưng nhìn về mặt Frank và thấy hai xác bướm, chàng biết Frank không bịa chuyện. Frank rủ Nguyên đêm đó cùng đợi Alma đến đón. Vốn ham phiêu lưu và thích chuyện lạ, Nguyên nhận lời.

Sau bữa cơm tối, Frank và Nguyên chờ mọi người đi ngủ hết mới ra sân sau quán trọ ngồi chờ. Quả nhiên, vào khoảng nửa đêm, Alma và Raul xuất hiện. Thấy Nguyên, hai người có vẻ ngại ngùng, nhưng khi Frank cho biết Nguyên là bạn thân của mình, Alma vui vẻ mời Nguyên cùng đi ngay. Nàng bảo Frank và Nguyên:

- Hai anh nhắm mắt lại cho đến khi em gọi tên hãy mở mắt ra.

Frank và Nguyên làm theo lời nàng. Alma và Raul ra sau lưng hai chàng, dùng tay đẩy nhẹ một cái. Hai chàng bỗng thấy thân hình mình nhẹ hẫng, bên tai nghe tiếng gió thổi vù vù và có cái cảm giác đang bay bổng trên không. Được một thoáng thì nghe Alma gọi tên mình. Nguyên mở bừng mắt. Chàng bỗng choáng váng trước cảnh vật chung quanh. Chàng và Frank đang đứng trong một tòa đại sảnh lộng lẫy như cung điện vua chúa ngày xưa. Những cột trụ thiếp vàng chống đỡ một vòm bán nguyệt vẽ cảnh trăng sao lấp lánh trên một bầu trời xanh thẳm, không khác gì cảnh thật. Khắp các bức tường chung quanh là những bức tranh hoa và bướm đủ màu, đủ loại, bố cục thật đẹp mắt. Những cánh bướm chốc chốc

lại đôi chỗ và những bông hoa luân phiên thay màu. Sàn sảnh đường lát cẩm thạch bóng loáng và trải thảm êm như nhung. Dưới vòm bán nguyệt là một chiếc ngai vàng, trên đó một thiếu phụ tuổi chừng trên bốn mươi, uy nghi mà hiền hậu, ăn vận như

một nữ hoàng, đang mỉm cười nhìn hai chàng. Hai bên bà có bốn cô gái xinh đẹp đứng hầu. Giữa đại sảnh, một chiếc bàn đã xếp sẵn năm chỗ với các bộ đĩa vàng, chén ngọc cực kỳ sang trọng. Một ban nhạc thính phòng với bốn nhạc sĩ đang dạo những bản nhạc cổ điển thanh thoát, tuyệt vời. Alma và Raul dẫn Frank và Nguyên đến chào thiếu phụ:

- Thưa Mẹ, đây là anh Frank Carter, người đã tha mạng các con, và đây là anh Hoàng Nguyên, bạn học thân thiết của anh Frank.

Thiếu phụ đứng dậy đưa tay cho Frank và Nguyên hôn, ngỏ lời cảm ơn Frank và mời hai chàng ngồi vào bàn hai bên bà. Alma ngồi cạnh Frank và Raul ngồi cạnh Nguyên. Năm gia nhân mặc "tuxedo" đứng chung quanh hầu tiệc. Các món sơn hào, hải vị, rượu ngon, bánh ngọt, cây trái thơm lành lần lượt được đem ra đãi khách. Thiếu phụ cũng như Raul, ít nói, nhưng trong giọng nói và cung cách vẫn có một vẻ nồng ấm, chân thành.

Trong bữa tiệc, Frank và Nguyên được biết sau khi tử nạn, Alma và Raul đang lúc oan hồn vật vờ, vất vưởng thì may mắn gặp thiếu phụ, vốn là nữ vương loài bướm, du hành qua đúng lúc, thương tình nhận làm con nuôi, nhờ đó có nơi nương tựa.

Ăn uống vừa xong, Raul đứng dậy xin đánh một khúc guitar cổ điển tặng Frank và Nguyên. Những ngón tay lướt trên giây đàn tạo ra những âm thanh thanh thoát, khi dồn dập, lúc băng khuâng, khi cuồng nhiệt làm Frank và Nguyên cùng sững sờ, mê mẩn. Nhìn sang bên kia bàn, Nguyên thấy Alma đang ngả đầu trên vai Frank, và bàn tay hai người đã nắm lấy nhau từ hồi nào. Khi tiếng đàn vừa dứt, mọi người như vừa đắm trong một cơn mê, quên cả vỗ tay tán thưởng. Mãi đến lúc Raul trao đàn lại cho người nhạc công và cúi đầu chào, tiếng pháo tay mới nổ vang. Frank đứng dậy bắt tay Raul nồng nhiệt.

Cuộc vui đang kéo dài tưởng như bất tận, chợt thiếu phụ quay sang Frank, đặt tay lên vai chàng:

- Đa tạ anh đã có lòng thương xót hai cháu. Thịnh thoảng mời hai anh đến chơi. Bây giờ trời đã sắp sáng, chúng ta phải tạm biệt. Chúc hai anh một ngày thật vui. Alma và Raul sẽ đưa hai anh về.

Bà nói xong liền đứng dậy quay đi, chỉ một thoáng đã biến mất cùng bốn nàng cung nữ.

Frank và Nguyên quay sang cảm ơn năm gia nhân hầu bàn và ngỏ lời khen ngợi bốn nhạc công, bắt tay từng người. Rồi Alma bảo Frank và Nguyên nhắm mắt. Hai chàng lại nghe gió thổi vù vù bên tai một hồi thì về đến quán trọ. Mở mắt ra, trời vẫn còn xẩm tối. Alma cầm tay Frank, đôi mắt long lanh, đắm đuối. Frank kéo nàng sát vào người mình, nâng cằm, đặt một nụ hôn nồng nàn trên môi. Người Alma mềm nhũn như muốn tan vào thân thể Frank. Một lúc sau hai người mới quyến luyến giã từ. Frank đứng ngẩn ngơ nhìn theo dáng Alma và Raul nhạt nhòa vào màn đêm vừa chớm sáng.

Sau bữa ăn sáng, đoàn du khảo trở về Cali. Amparo từ đó buồn rầu, biếng nói, thường lảng tránh Frank. Mauricio vẫn không bỏ qua một cơ hội nào để quấy phá và chọc giận Frank, liên tiếp dùng cây đàn guitar, cố tình làm Frank bực bội. Nhưng Frank hoàn toàn không để tâm, chàng như ngơ, như điếc. Mãi rồi Mauricio cũng chán, để Frank yên thân.

Trong những ngày kế tiếp, Frank và Alma vẫn gặp gỡ thường xuyên, khi thì Alma đến phòng Frank, khi thì nàng đón chàng về vương phủ. Cuộc tình giữa người và ma này không ai hay biết trừ Nguyên. Hai xác bướm chị em Alma để lại đêm gặp gỡ, Frank đem tặng Giáo Sư Miller. Ông mừng lắm và cho lộng kính ngay, treo trước bàn học, coi như báu vật.

Được hơn hai tháng thì một đêm kia Alma đến gặp Frank với một bộ mặt rầu rĩ và một dáng điệu cực kỳ thiếu ngủ. Frank hết sức lo lắng, ôm nàng vào lòng, âu yếm hỏi:

- Có chuyện gì mà trông em buồn quá vậy?

Alma òa lên khóc:

- Anh có nhớ em đã nói với anh khi trước là em và Raul đang chờ đi đầu thai không? Thời hạn ấy sắp đến rồi đó thưa anh. Mẹ nuôi em nói là chỉ còn chừng nửa tháng nữa là hai đứa em sẽ tái sinh vào hai gia đình khác nhau, một ở Medellín và một ở Cartagena. Như vậy là em sắp mất anh và cũng sắp phải xa Raul, anh ạ!

Frank lặng người. Chàng như nghe tim mình rạn vỡ.. Không biết nói gì hơn, chàng chỉ ôm Alma mà thở dài não nuột. Ai có ngờ đâu sự tái sinh của một người đáng lẽ là một niềm vui lớn lao lại hoá ra một nỗi sầu thảm tột cùng cho hai tâm hồn đang chìm đắm trong bể yêu đương như vậy.

Sáng sớm hôm đó, sau khi Alma hôn chàng từ biệt, Frank gọi điện thoại cho Nguyên, thở than cùng bạn. Nguyên bùi ngùi thương cảm nhưng cũng chẳng biết làm gì hơn.

Một tuần trôi qua Frank tiều tụy trông thấy. Chàng như người mất hồn, không

còn thiết tha gì đến công cuộc khảo cứu của mình, bỏ cả ăn uống. Nguyên cố tìm cách an ủi bạn, nhưng vô ích. Frank hầu như mất hết sinh khí. Mọi người ở Trung Tâm Nghiên Cứu đều kinh hãi và quan tâm trước tình trạng sức khỏe của Frank. Giáo Sư D'Alessandro bắt Frank phải đến gặp Giáo Sư Serra là vị Trưởng Khoa Nội Thương ở Đại Học Y Khoa del Valle khám bệnh, nhưng tất cả những thử nghiệm cũng như chẩn đoán lâm sàng đều không cho một kết quả nào khác hơn là bệnh ưu sần, phiền muộn. Không ai hiểu lý do tại sao và Frank thì nhất định không hé môi một tiếng về cuộc tình của chàng và Alma.

Một buổi sáng Nguyên đang cắm cúi làm việc trong phòng thí nghiệm thì có tiếng gõ cửa. Rồi Gabriel, ông lão da đen phụ trách dọn dẹp hàng ngày ngập ngừng bước vào:

- Bác Sĩ Nguyên, tôi có chuyện muốn nói với ông.

Nguyên ra dấu cho Gabriel ngồi, hỏi ông muốn nói chuyện gì. Gabriel cho biết ông là người gốc Haiti, rất rành pháp thuật Voodoo, nhưng đã lâu không sử dụng, vì một lần làm phép, vô tình để lụy cho một người bạn gái mà ông vô cùng yêu dấu, đến nỗi bà này bị liệt nửa người dưới nhưng ông không làm sao cứu được. Bà ấy oán hận ông, thề không bao giờ nhìn lại mặt. Ông rất đau khổ, bỏ xứ ra đi tìm quên lãng, rồi lưu lạc đến Colombia. Hối hận vì việc mình làm, ông tự hứa sẽ không sử dụng pháp thuật của mình nữa. Nhưng gần đây, nhìn thấy tình cảnh của Frank, ông biết chàng có liên hệ đến ma quỷ, và nếu cứ tiếp tục cái đà này, chàng sẽ không còn sống bao lâu nữa. Không nỡ nhẫn tâm nhìn Frank từ từ đi vào chỗ tự hủy diệt, ông muốn dùng tài phép phù thủy của mình giúp chàng như một cách chuộc lại lỗi lầm ngày xưa, nhưng Frank đã không chịu nói chuyện với ai ngoài Nguyên. Ông tìm đến Nguyên, hy vọng chàng sẽ thuyết phục Frank cho ông được gặp.

Nguyên bán tín, bán nghi, nhưng với tình thế cấp bách, chàng không cần suy nghĩ thêm, lấy xe đưa Gabriel đến Frank ngay lập tức. Frank đã vắng mặt ở Trung Tâm hai ngày, đóng cửa nằm nhà với nỗi đau khổ của mình. Khi biết có Nguyên đến, Frank gắng gượng đứng lên mở cửa. Người chàng đã xộc hằn đi, mặt mày tái mét, đứng không muốn vững. Nguyên thương cảm, đỡ bạn lại giường nằm, cho Frank hay mục đích của Gabriel. Lúc đó Frank mới nhìn Gabriel, yếu ớt gật đầu chào, trong đôi mắt thoáng loé lên một tia hy vọng. Gabriel ngồi xuống cạnh giường, hỏi đầu đuôi câu chuyện. Nguyên thay Frank kể hết nguồn cơn. Gabriel móc túi lấy ra một bộ bài có những hình vẽ kỳ dị, cầm tay Frank úp lên trên, khấn khứa một tràng bằng một thứ tiếng quái lạ, nghe ầm ì như núi lửa đang phun. Xong ông bày bộ bài lên sàn nhà, ngồi xếp bằng tròn, hai tay ôm trán, nghiền

ngắm không chớp mắt, chốc chốc lại đổi vị thế các con bài. Như vậy hơn một tiếng đồng hồ, trên đầu Gabriel như có một làn khói lò mờ bốc lên. Toàn thân ông bỗng nhiên cứng đờ, hai mắt trợn trừng. Đột nhiên những con bài đảo lộn, bay lơ lửng trên không một hồi rồi rớt xuống sàn, xếp lại theo một thứ tự mới. Lúc ấy Gabriel chợt thở hắt ra, thân hình ông chao qua, chao lại, rồi ông ngã vật xuống. Nguyên hốt hoảng chạy đến bên, toan đỡ ông dậy thì Gabriel đã mở bừng mắt, nở một nụ cười méo mó trên môi:

- Được rồi, được rồi, Bác Sĩ ơi!

Và ông ngồi dậy đến bên giường Frank, hai ngón tay cái bấm vào hai bên thái dương chàng, hét lớn:

- Dậy mau!

Frank bỗng đứng bật lên, vẻ tiều tụy đã biến mất. Tuy trông chàng vẫn còn yếu ớt, nhưng sắc diện đã hồng hào hơn. Gabriel ra hiệu cho Frank ngồi xuống, rồi chậm rãi nói:

- Tôi sẽ giúp ông nhưng cơ trời không thể tiết lộ. Ông cứ nghe tôi, bảo trọng sức khỏe, sinh hoạt bình thường trở lại. Bất cứ chuyện gì xảy ra ông cũng đừng để tâm, nhất định giữ cho lòng mình thật thanh thản. Ba ngày nữa tôi sẽ cho ông biết phải làm gì.

Nói xong ông cúi chào Frank và Nguyên, xua tay trước lời cảm ơn của Frank, rồi mở cửa đi thẳng, không đợi Nguyên đưa về. Nguyên chạy theo, nhưng ra đến cửa thì ông lão đã mất hút, không còn thấy bóng dáng đâu nữa.

Ngày hôm sau Frank trở lại làm việc như thường, nhưng Gabriel thì vắng mặt. Cô thư ký Trung Tâm nói ông kêu điện thoại vào, cáo ốm. Nguyên lo lắng, hỏi địa chỉ, đến tận nhà kiếm ông, thì cửa đóng, then cài, hàng xóm nói ông đã xách vali đi đâu từ lúc giữa trưa. Chán nản, Nguyên trở về, lòng nôn nao vô hạn. Chàng lo Frank sẽ trở lại tình trạng như trước nếu biết Gabriel đã biệt tích, nhưng Frank dường như không mấy quan tâm. Chàng tiếp tục làm việc như lúc còn khỏe mạnh, trên gương mặt nét sầu thảm đã biến mất.

Hai ngày sau khi Nguyên ở Trung Tâm về nhà thì đã thấy Gabriel ngồi trong phòng khách chờ sẵn. Ông xin lỗi đã dùng pháp thuật vào nhà Nguyên trong lúc chàng chưa về, và cho biết ông đã lo liệu xong mọi việc và dặn Nguyên phải rủ Frank cùng đi trong chuyến du khảo Sytlvia sắp tới. Nguyên chợt nhớ Giáo Sư Miller định trở lại Sylvia trong ba ngày nữa để thu thập thêm mẫu côn trùng. Nguyên đã định không đi để ở nhà lo sức khỏe cho Frank. Chàng toan hỏi thêm vài điều thì Gabriel đã xua tay đứng dậy ra về.

Nguyên đến Frank rủ bạn cùng đi, nói không khí đồng quê sẽ giúp Frank hồi

phục mau hơn. Frank bằng lòng. Nguyên báo cho Giáo Sư Miller biết quyết định mới của mình và Frank. Giáo Sư Miller hết sức vui mừng thấy Frank đã khả quan trở lại.

Đoàn du khảo gồm đủ thành phần như chuyến trước trừ Jon vừa về New Orleans phúc trình với vị giáo sư đồ đầu luận án của chàng. Hai chiếc xe hơi vẫn do Jaime và Jairo lái, rồi Cali trở lại Sylvia lúc sáu giờ sáng. Giáo Sư Miller, Frank và Nguyên ngồi một xe do Jaime lái. Amparo và Mauricio đi cùng với Jairo trên chiếc xe thứ hai. Suốt một tuần trước trời thật trong xanh mà sáng ấy tự nhiên sương mù dày đặc. Ánh dương le lói đường như không đủ sức soi sáng cảnh vật chung quanh. Hai chiếc xe di chuyển thật khó khăn, chậm chạp. Jaime và Jairo cứ phải nhướng mắt nhìn đường. Mauricio lần này không mang cây đàn guitar và cũng không chọc phá Frank như trước. Từ ngày Frank bị đau, hắn đã lễ độ với chàng hơn và nhiều lúc còn tỏ vẻ quan tâm, lo lắng cho sức khỏe của chàng. Amparo thì lặng lẽ ôm cái cặp đựng sổ sách, giấy tờ của Giáo Sư Miller, nét mặt đầy vẻ buồn thảm, chịu đựng. Trong những ngày Frank nằm bệnh, nàng lo lắng trông thấy, nhưng nàng cũng chỉ biết ôm mỗi ưu tư một mình, tự tử cho cuộc tình vô vọng.

Đến đầu làng Sylvia, trời bắt đầu quang đãng dần. Jaime, anh tài xế chiếc xe đi đầu chở Giáo Sư Miller, Frank và Nguyên mừng rỡ, nhấn ga cho xe vọt nhanh hầu lấy lại khoảng thời gian chậm trễ vừa qua. Đằng sau Jairo cũng phóng xe theo. Nhưng mới được một quãng, xe đang bon bon chạy, trời lại đột nhiên tối xầm. Jaime vừa kịp thấy một chỗ quẹo gắt vội vàng bẻ tay lái lách qua trái. Mọi người chưa kịp hoàn hồn thì đã thấy đầu chiếc xe thứ hai nảy tung lên, rồi cả thân xe lộn hai, ba vòng xuống một vũng sâu bên vệ đường. Jaime vội vàng tấp xe vào lề. Frank và Nguyên nhảy ngay xuống, chạy lại chiếc xe lâm nạn. Vừa đến nơi thì thấy Jairo lồm cồm chui ra khỏi cửa xe, chỉ bị xây sát trán và cánh tay trái. Còn Amparo và Mauricio vẫn nằm bất động bên trong chiếc xe lật nghiêng. Vừa lúc Jaime chạy đến, bốn người cố sức đẩy chiếc xe ngay ngắn lại rồi mở cửa kéo Amparo và Mauricio ra để nằm trên thảm cỏ. Thân hình hai chị em vẫn nguyên vẹn, chỉ bị bầm tím chân tay. Nhưng khi Nguyên lấy mạch và nghe tim thì mạch đã mất và tim đã ngừng đập. Hơi thở cũng không còn. Frank đã từng học một lớp cấp cứu nên chàng cùng Nguyên làm hô hấp nhân tạo cho Amparo và Mauricio. Nhưng mọi cố gắng đều vô ích. Hai chị em vẫn nằm bất động, vô hồn. Cuối cùng Frank và Nguyên đành bỏ cuộc. Cả đoàn ảo não vô hạn, kẻ đứng, người ngồi la liệt trên cỏ, mệt mỏi, đau đớn và chán chường cực độ. Nguyên lấy một tấm bạt lớn phủ lên xác hai chị em rồi bảo Jaime và Jairo đưa Giáo Sư Miller vào làng báo

chính quyền địa phương. Frank thì đỡ đỡ ngồi bên xác Amparo, ôm bàn tay nàng trong hai bàn tay mình, thoa bóp nhẹ nhẹ như muốn truyền sức sống của mình cho nàng. Nét mặt chàng lộ vẻ đau đớn, dường như hối hận vì thái độ hắt hủi của mình với nàng lúc trước.

Nửa giờ đã trôi qua, Giáo Sư Miller và hai anh tài xế vẫn chưa trở lại. Không khí thật buồn thảm mặc dù sương mù đã tan và ánh dương đã bắt đầu tỏa chiếu khắp nơi. Bãi cỏ non xanh rợn với những hạt sương đêm còn đọng lại lóng lánh thật đẹp càng làm tăng thêm vẻ đau thương của cảnh huống. Frank vẫn gục đầu lặng lẽ thoa nắn bàn tay Amparo.

Nguyên nóng ruột đi qua, đi lại. Con đường làng buổi sáng vắng tanh.

Đột nhiên Frank ngồi bật dậy. Chàng vừa nghe ai gọi tên mình. Tiếng gọi thật yếu đuối, mơ hồ. Chàng đưa mắt nhìn quanh không thấy ai ngoài Nguyên. Frank một tay dụi mắt, tay kia vẫn nắm bàn tay Amparo. Tiếng gọi lại vọng lên, lần này lớn hơn làm Nguyên cũng nghe thấy, sững sốt dừng lại. Đó là tiếng một thiếu nữ, giọng run như mất hơi. Frank chợt la lớn:

- Alma, em đó ư?

Tiếng nói bây giờ rõ và mạnh hơn, đúng là tiếng Alma:

- Frank, em đây, Alma của anh đây!

Rồi một giọng đàn ông cũng vang lên:

- Anh Frank, em là Raul nè!

Trong tay Frank, bàn tay Amparo bỗng nhiên động dậy. Tấm bạt đắp lên xác hai chị em chợt rung động, rồi một bàn tay thò ra ngoài lật phần phủ mặt lên. Nguyên kinh hãi nhìn hai chị em Amparo và Mauricio đang mở to mắt hướng về phía Frank. Frank cũng kinh hãi không kém. Nhưng Amparo đã ngồi dậy, vòng tay ôm lấy chàng, xiết chặt:

- Frank, em đây! Alma của anh đây! Từ nay em sẽ được sống bên anh thật sự và mãi mãi.

Cùng lúc đó, Mauricio đứng dậy, tiến đến phía Nguyên, đưa tay bắt tay chàng:

- Anh Nguyên, em, Raul đây! Em đã sống lại!

Nguyên chợt nhớ đến Gabriel và hiểu rằng đây là chuyện ông đã dày công thu xếp trong những ngày vừa qua. Giây phút kinh hoàng qua đi, Amparo và Mauricio (hay đúng hơn Alma và Raul) mới kể cho Frank và Nguyên hay là nhờ có Gabriel vận động, hai chị em không phải đi đầu thai như đã định. Gabriel biết Amparo và Mauricio sắp tới số, sẽ bị tai nạn qua đời vào ngày giờ hôm nay. Ông nhân đó sắp xếp cho hồn Alma và Raul chờ sẵn để nhập vào xác Amparo và Mauricio khi tai nạn xảy ra. Hồn Amparo và Mauricio thì được thay thế hồn Alma và Raul đi đầu

thai như đã định, khỏi phải làm kiếp ma lâu.

Frank mừng rỡ vô tả. Chàng cứ ôm chặt người yêu trong lòng như sợ nàng sẽ lại tan biến đi mất và những gì vừa xảy ra chỉ là một giấc mộng. Alma/Amparo cũng hân hoan không kém. Đôi tình nhân cứ quấn quýt lấy nhau quên cả không gian và thời gian.

Khi Giáo Sư Miller trở về với Jaime, Jairo và bốn viên cảnh sát, ai ấy đều sững sốt. Nguyên giải thích sơ qua là hai chị em chỉ bị ngất đi, và nay đã tỉnh lại. Vì không có ai bị thương tích nặng nên mấy người cảnh sát chỉ ghi chép qua loa rồi trở về làng sau khi khuyến cáo mọi người cẩn thận hơn. Giáo Sư Miller thì ngạc nhiên cùng cực nhưng ông cũng không hỏi gì thêm. Jaime và Jairo có vẻ thắc mắc về sự thân mật giữa Frank và Amparo hơn là việc hai chị em nàng sống lại. Vừa lo sửa chữa chiếc xe bị lật, họ vừa liếc nhìn đôi tình nhân mới với cặp mắt dò xét, tò mò.

Một giờ sau thì xe sửa xong. Cả đoàn quyết định hủy bỏ cuộc du khảo, trở lại Cali vì một số lớn đồ nghề, trang bị đã bị hư hại. Trên đường về, Frank qua ngôi xe với Alma/Amparo và Raul/Mauricio. Giáo Sư Miller lúc đó mới gạn hỏi Nguyên về diễn biến vừa qua. Nguyên thuật lại cho ông đầu đuôi cặn kẽ nhưng dấu vai trò của Gabriel. Giáo Sư Miller rất lấy làm lạ và mừng cho Frank.

Toàn thể Trung Tâm Nghiên Cứu đều ngạc nhiên nhưng hết sức hân hoan thấy Frank, Amparo và Mauricio sau tai nạn đã trở nên thân thiết. Đặc biệt là Mauricio không còn đánh guitar theo những tiết điệu nóng bỏng nữa mà chỉ chơi nhạc cổ điển. Ngón đàn của cậu cũng điêu luyện gấp bội khi trước. Họ cũng nhận thấy giọng nói và nhân cách hai chị em thay đổi hoàn toàn nhưng cho đó là do chấn động thần kinh theo lời giải thích của Nguyên, và cũng không thắc mắc gì hơn. Gabriel thì vẫn cặm cụi làm việc như không có gì khác lạ. Duy chỉ có Frank, Nguyên, Alma/Amparo và Raul/Mauricio là nhìn ông với vẻ kính trọng và gần gũi ông hơn. Khi mọi người về đến Cali, ông đã gặp riêng Frank, Nguyên, Alma/Amparo và Raul/Mauricio xin bốn người đừng tiết lộ gì về chuyện ông vốn là phù thủy Voodoo vì ông hoàn toàn muốn quên cái quá khứ ấy. Cứu được Frank, đem lại cuộc sống cho Alma và Raul là ông đã mãn nguyện và tự thấy đã đền bù được phần nào cái lỗi lầm với người yêu mình khi xưa, ông tự hứa sẽ tiếp tục sống cuộc đời một nhân công nghèo hèn cho đến mãn kiếp để tự trừng phạt mình.

Hai tháng sau, Frank và Amparo/Alma chính thức kết hôn. Ngày cưới, khi xe hoa vừa chuyển bánh từ nhà cô dâu, tự nhiên trên không bỗng xuất hiện một đàn bướm hàng mấy trăm con dẫn đầu bởi một cánh bướm bà lộng lẫy bay lượn theo

đoàn xe đến tận nhà thờ, và còn đảo thêm năm sáu vòng trước khi biến mất.

Đêm hợp cần. Frank ôm vợ trong vòng tay hơi nhỏ:

- Anh vẫn có một thắc mắc chưa có cơ hội hỏi em. Tại sao em đã là ma, có tài biến hoá, mà lần đầu tiên gặp anh dưới dạng bướm bướm, em và Raul lại để anh bắt được dễ dàng như vậy?

Alma rúc đầu vào ngực chồng, thở thê:

- Chúng em cố tình đẩy thôi. Bởi vì mới nhìn thấy anh, em đã mê mệt ngay, nên mới nói khó với Raul để anh bắt, cho em có cơ hội làm quen. Em biết thế nào anh cũng sẽ thả chúng em, mà thật ra nếu anh không thả, chúng em cũng thoát được dễ dàng. Anh không thấy đêm mình gặp nhau, chúng em để lại hai xác bướm tặng anh đó sao?

Frank cảm động, nâng cầm vợ, đặt một nụ hôn đắm đuối trên đôi môi mọng đỏ của nàng, nghe trong lòng mình trào dâng một niềm hạnh phúc bao la, vô bờ bến.

Sau khi hoàn tất phần khảo cứu cho luận án của mình, Nguyên cùng vợ con (khi ấy đã từ Việt Nam qua sum họp với chàng được một tháng rưỡi) rời Cali về lại New Orleans. Frank còn ở lại thêm một năm rồi mới trở qua Đại Học Tulane vài tháng để hoàn tất bản luận án của chàng. Sau khi trình xong luận án. Frank cùng Alma trở về New York. Bẵng đi bấy năm, sau khi Nguyên đã trở lại hành nghề Y Khoa, một buổi sáng khi Nguyên đang khám bệnh trong phòng mạch thì cô thư ký báo có bạn học cũ đến thăm. Nguyên mời vào văn phòng. Thì ra là Frank, Alma và một cô bé gái 6 tuổi, vô cùng xinh xắn. Điều làm Nguyên vô cùng ngạc nhiên là Alma bây giờ không còn khuôn mặt và dáng người của Amparo mà đã hoàn toàn hóa thân thành chính mình. Hỏi thì Frank nói sau khi sinh cháu gái, mỗi tháng cơ thể Amparo biến đổi một chút và bốn năm sau nàng hoàn toàn lột xác thành Alma. Nhân tiện, Nguyên hỏi thăm Raul thì Alma cho hay Raul vẫn là Mauricio, cậu ta quyết định không đổi tên, không hoá thân và tiếp tục sống với gia đình cha mẹ người đã cho mình mượn xác như một hình thức đền ơn.

Nguyên bế cháu bé đặt ngồi trên bàn giấy. Khuôn mặt xinh đẹp của cháu phảng phất vẻ sắc xảo của Amparo. Chàng cầm tay cháu dịu dàng hỏi tên. Cô bé nheo mắt, nhỏ nhẹ đáp: "Amparo".

Mùi Quý Bồng

Hợp Âm Trong Vùng Sân Khuất

Mai Ninh

Nắng chỉ nghiêng xuống khoảng sân hai giờ một ngày là nhiều nhất. Từ nơi tôi đứng, nếu nhìn chéo về bên trái sẽ bắt gặp những con chim phượng thù ren trên mấy tấm màn cửa sổ được kéo ra mỗi ngày trong cùng khoảng thời gian ấy, để đón nắng cho óng ả chậu cây xanh của người đàn ông màu tóc đã bạc phơ. Còn trước mặt, tầm nhìn bị chặn ngang bởi bức tường bọc quanh khu vườn toà lâu đài cũ xưa. Bao nhiêu cành phong bám sâu trên đá tổ ong lồi lõm, điểm những cụm hoa dại nở tùy mùa. Nhưng ngoảnh sang tay phải, tôi sẽ lọt hẫng vào hai khung kính to, trong vắt, treo lơ lửng trên vòm cổng dẫn vào mảnh sân chung lát những hòn đá xám, kẻ vuông vức bằng nhiều lần cỏ xanh chẳng bao giờ được cắt xén. Thỉnh thoảng người bạn ghé qua, đứng gần bàn viết cạnh cửa sổ, thốt một câu đã hỏi nhiều lần. Thế nào được, với bức tường lưng lửng ngang đầu và các hình chữ nhật lẫn ô vuông đóng khung bên trái, bên phải, dưới chân. Tôi cười lãng đãng, hiểu làm sao thế giới ấy, những con người loanh quanh trong vùng sân khuất lấp.

Ngay dưới tầng lầu tôi ở, người đàn ông cỡ tuổi bốn mươi chạy ra chạy vào với thằng bé phụ bếp. Cả hai đến từ miền Nam nước Ý, mang theo màu da nâu ngăm, giọng nói đục, và cái cười không dè sẻn. Quen thuộc nhất là những buổi chiều khi nắng ngả, tôi nghe vọng lên tiếng huýt sáo mấy âm điệu " Torna a Surriento " lẫn với mùi sốt cà chua và các loại lá thơm. Tất cả như bốc thành hơi len lỏi trong vườn chanh xanh um lá, ứng quả vàng cạnh bờ biển mà anh ta một năm đóng cửa hiệu ăn hai tuần để trở về thăm viếng. Mỗi lần, anh đem thằng nhỏ đang phụ bếp trả lại, rồi dẫn sang đứa khác. _ Signora à, tuổi này lơ mơ là lêu lổng làm bậy ngay. Tôi cười. _ Chẳng biết có phải hửn là thằng nhỏ đã xì lốp xe tôi trước tiệm cà-phê làng Sorrento thơ mộng của anh không ? Anh ta cãi. _ Đâu có chuyện đó ở quê tôi, chỉ xảy ra ở Naples thôi, chính mấy đứa này tôi đem từ đó tới. Nói rồi, miệng búng thẳng cái hột ô-liu bay vọt. Giá những khe cỏ có nhiều đất hơn, với bao nhiêu hột anh ta đã nhổ, hửn một ngày sẽ có cây ô-liu mọc lên

trong mảnh sân này. Anh đưa tay vò vò mái tóc dày đen của thằng bé vừa lọt tuổi trưởng thành, đang cán những sợi mì trên chiếc bàn gỗ kê gần cửa ra sân. Nó lắc đầu tránh né làu nhàu bằng tiếng mà nhờ nghe quen tôi đoán ra ý nghĩa. Mỗi thằng nhỏ khi nói được ít câu tiếng xứ này, để bắt chuyện với tôi và người đàn ông già có chậu cây xanh, thì lại lên đường về quê. Đôi lần tôi hỏi anh chủ, sao chẳng để chúng học nghề lâu hơn, anh ta khua tay cười cười, cặp lông mày rậm nhướn lên chùng xuống. _ Còn nhiều chuyện để làm, còn lắm thứ để làm... Signora.

Tiếng hát " Come back to Sorrento " ấy là của buổi chiều. Đến chín giờ tối tới phiên những nốt dương cầm trong bản concerto thứ 26 của Mozart tuôn xuống từ khung cửa có màn chim phượng. Âm thanh từng chuỗi reo trong rồi bùng lên cùng với dàn nhạc mạnh mẽ đăng quang. Người đàn ông tóc trắng nghe nhiều nhạc cổ điển, nhưng cứ ở khoảng đêm tối đó ông ta để đĩa nhạc này. Ông sống một mình, ít người lui tới, thường đi ra ngoài rồi trở về lúc gần trưa, khi anh phát thư dặt chiếc xe đạp vào qua vòm cổng. Hai người hay trao đổi vài câu trước thùng thư của tôi. Thỉnh thoảng tôi về ngang lúc ấy, ông già nghiêng đầu chào và anh phát thư vội vàng rút lại xấp thư đã bỏ vào thùng, đưa cả cho tôi. _ Nhiều thư và sách báo quá, làm sao đọc hết. Ông già tự nhiên nhún vai đáp hộ. _ Cũng phải hết. Một lần, ông ta đề nghị mang giùm tôi lên lầu. Căn gác tôi ở chỉ có mỗi khung cửa sổ nhìn xuống vùng sân ấy, không đủ ánh sáng nên tôi để nó trần trụi, không màn, không cây cảnh. Ông già có vẻ ngạc nhiên trước không gian nhỏ hẹp, đọc cái giường đầy gối chiếm hết góc phòng và một bàn viết với ba cái ghế. Những thứ ấy nằm gọn giữa những bức tường che kín bằng kệ sách. Tôi quay vào bếp cầm máy cà-phê, ông ta đến gần bàn để chồng thư từ lên đó. Vừa mở tủ lấy hộp đường tôi vừa nhìn ra, cái túi ni-lông đặt trên sàn gỗ lòi thanh bánh mì dài và cộng tôi tây. Ông ấy đang đứng trông ra mấy cây bạch dương mọc cao trên vùng đất phía bên vườn lâu đài, mái tóc sáng rung rung như lá bạc, bỗng nói thản nhiên. _ Cô chong đèn khuya lắm. Tôi đáp với ra. _ Tùy khi tôi hứng. _ Thế à, ngày xưa... tôi có làm thơ, nhưng thích đọc hơn. Tôi bung khay cà-phê đến gần. _ Bây giờ thì không ? Người đàn ông quay lại, tôi ngỡ ngàng bắt gặp, trên khuôn mặt đậm dấu thời gian, một ánh mắt xanh bàng bạc. _ Hồi xưa, mở tờ báo ra là thấy thơ, bây giờ, muốn đọc thơ phải tới nhà sách, phải đi tìm mua mới có, phải bó lục trong cả rừng tạp chí và sách báo. Ngay cả, cô không thấy sao, tiểu thuyết truyện dài, tự truyện đầy ối, nhưng truyện ngắn khó tìm.

Khi ông ta cầm túi ni-lông đi xuống cầu thang, tôi nghe tiếng bước chân chậm chạp, khác hẳn những câu nói mau mắn, rõ ràng vừa qua. Từ trên cửa sổ tôi nhìn

theo dáng ông hơi gù lưng thường đi về nhà mình, dừng lại trước hộp thư, mở ra, trống lốc, rồi từ từ đóng lại. Lúc ấy tôi chỉ mong đến chín giờ đêm, để âm thanh lồng lộng rộn ràng của bản concerto đè lấp giùm tôi cảm giác bùi ngùi. Tôi trở lại bàn viết, những con rối của tôi đang múa may trên nhiều trang giấy dở dang với những nếp đồi bừa bộn quá. Con này mang bộ mặt thảm đạm đến quái đản, luôn luôn chực chờ rập rình, tưởng mình sắp cho ra đời thứ triết lý hiện thực nhất để chứng minh sự tận diệt của con người. Con kia tung bừa buông thả tâm hồn lẫn thân xác trong bất cứ giờ phút sống nào, nhưng chỉ cần trong một giây nhìn lại quanh mình, bắt gặp cái "không thời gian, không không gian, không một ai", là đủ để rít lên tiếng kêu oằn oại của loài chim trúng tên, sa từ đỉnh núi.

Có nhiều giống chim lạ vỗ cánh về trên những cành cây bên kia khu vườn rộng. Có con chim xanh lông rất mượt với mỏ vàng hay xà xuống tìm sâu trên viền cỏ ô vuông, rồi bay vút lên đậu ở đòn gỗ chìa ra nương những mảnh ngói. Dưới đó là hai khung kính treo trong vát thường thấp thoáng bóng người đàn ông cuối cùng của thế giới tôi. Gã thanh niên độ chừng hai mươi ba tuổi, ít nói nhất trong bốn người chính thức ngụ trong khoảnh sân này. Không biết chàng ta sống bằng gì, nghe đâu học Beaux Arts (*), người dong dỏng, ra dáng lắm với tấm cạc-tông kèn càng dựng tranh cặp dưới nách. Tóc óng ả, mắt trong như người Bắc Âu, nhưng anh chàng thường thích vào tiệm Sorrento ngồi trước miếng lasagne vàng màu, thơm nhiều lớp. Tôi khuya hiệu ăn đóng cửa, chủ và khách còn tiến nhau với ly rượu trong tay dưới cửa phòng tôi, cười đùa dạy nhau những câu nói lóng và tục. Như ngầm thoả ước, thời gian của âm thanh nơi đây chia đều cho từng người. Chen giữa đầu buổi chiều dành cho anh người Ý trút nỗi sầu xứ trong mấy đoạn O sole mio... và chín giờ đêm của bản concerto vừa thánh thót vừa lừng lững là khoảnh khắc lúc ngày tàn, môn trón dập dềnh điệu jazz của gã thanh niên. Còn tôi, có quyền đánh thức những người đàn ông này vào buổi sáng. Tùy theo hứng thú vui buồn, thời tiết tốt xấu, mưa gió hay nắng đẹp, tôi tha hồ tung ra từ Barbara, Brel, Beatles tới Collins... có khi rất ngược đời bằng giọng Joan Baez xót xa một thứ Farewell Angelina đã cũ. Không biết tự bao giờ đã như vậy, không ai phản đối ai. Mỗi người sung sướng hân hoan với giờ phát thanh của mình và tôn trọng vùng âm thanh trong người khác.

Cũng nhiều lần gã thanh niên về với một tên bạn, chọt những tiếng cười vang lên cùng điệu rock hay disco sầm sầm sau đó. Anh tiệm ăn liền chạy ra sân, tay tung hứng cục bột mì đang nhào nặn, người lắc lư uốn éo theo. Thằng nhỏ phụ bếp chừng như bưng ngủ, quay tròn bàn tay múa máy với những sợi mì vàng đượm, dù trước đấy nó đã trở mắt trên từng bước đi đom dáng của tên bạn B.A.

(*). Còn người đàn ông già dường như ngấm thích thú với sự khuấy động bất chợt trẻ trung. Thỉnh thoảng ông vắng mặt đôi ngày, trước khi đi bê chậu cây để một góc sân nếu trời chưa trở lạnh. Khi trở về xăm xăm mở hộp thư, dù vẫn trống, trừ vài ngày mỗi tháng có phong bì nhà băng và vài hoá đơn điện nước. Những lần như thế, đèn nhà ông tắt sớm, tiếng dương cầm chưa thả hết một mouvement đã ngưng bật, ông ta có vẻ mỏi mệt. Chẳng hiểu ông đi đâu và có xa không. Hình như dáng ông càng ngày càng còm, mái tóc bạc chùng dài hơn vào lúc đông về, tiếp trùng với màu sân đầy tuyết phủ. Vào những ngày không gian mịt mù trắng xóa này, anh chàng thờ dài, những món ăn nức thơm gia vị miền nam như đông đặc, lạc lỏng. Sáng chiều anh quần tạp-dề, chùm mũ len, cầm xẻng hốt những đồng tuyết trước cửa ra vào cho mỗi nhà chúng tôi, miệng lầm nhảm than tiếc cái nắng vàng tươi trên màu biển xanh ngắt. Có cả những câu lầm bầm tự trách, Sao đã về rồi lại đi. Ông già nằm im trong căn gác. Chỉ có tôi và gã thanh niên vẫn lục xục vào ra vùng sân khuất, cùng nhịp độ.

Đã một dạo, vắng mái tóc vàng đầy của chàng Beaux Arts sau hai ô cửa kính bao giờ cũng được anh ta chùi sạch bóng, càng trong suốt hơn trên bờ tường rêu đã bám xanh. Thời gian ấy, khi vệt sáng cuối ngày thu gọn lại chỉ còn đốm nhỏ thoáng trên ngọn bạch dương, ông già đã bắt đầu mở nhạc, như thể ông không chịu được khoảng trống âm thanh của người thanh niên để lại. Nhưng ít lâu sau chàng ta lại về, trời bắt đầu mùa xuân, khoảnh sân sáng lên với nắng ngập ngừng. Tên bạn trai gần nhất của B.A. từng đến và ở lại hai ba hôm bây giờ ghé vội rồi đi, cuối cùng vắng biệt. Không hiểu sao anh ta tự nhiên đổi lấy khúc blues chờn vờn mòn mỏi. Từ cửa sổ nhìn xuống, tôi thấy anh chàng bước nhẹ tênh qua vòm cổng buổi chiều, dáng trở nên phật phờ, xiêu ngã. Chẳng còn gọn ghẽ trong chiếc blouson, tấm áo mưa rộng chùm người, dù trời nắng tạnh cổ áo vẫn kéo cao. Một hôm giữa trưa tôi về, ông già còn đứng trong sân, húng hắng ho. _ Dạo này tắt đèn sớm, cô không khoẻ. Tôi loay hoay tìm chìa khoá, lắc đầu. _ Tôi lười. Hết hứng sao ? Tự nhiên tôi ngược về căn phòng người thanh niên, ông già cũng ngừng theo. Hai ô kính vốn trong veo bây giờ loăn ngoăn những vệt mưa khô, hiện rõ dưới ánh mặt trời. Rồi chúng tôi quay lại nhìn nhau. Tôi chán, những nhân vật của tôi, chúng không cho tôi nói hết lời, chúng chẳng chịu nhìn ra điều tôi thấy. Ông già lại ho vài tiếng, đưa tay đỡ hộ tôi mấy cuốn báo vừa rút từ thùng thư, rồi đứng sau lưng chờ tôi mở cửa. Đột nhiên ông nói, như một mình. " Ta thấy, ta thấy. Người thấy gì ? Ta chẳng thấy. Có màu gì ? Ta không thấy. Vấn đề không phải điều gì nhìn thấy được, mà là tự nhìn ra. Cái không màu... Sự trong suốt ". Tôi ngẩn ngơ, chiếc chìa dừng trong ổ khoá. Anh chàng Sorrento bỗng từ

trong nhà chạy tuôn ra sân cỏ, ngồi bẹp trên mảng gạch, gục mặt giữa hai đầu gối, nấc lên. Ô, Mamma.

Trưa ấy anh ta khóc, thì đến đêm trời đổ cơn mưa. Nước xối xả trên mái ngói, chảy như sông, cơ hồ làm lún sâu mảnh sân hơn nữa. Hiệu ăn Sorrento đóng cửa, người chủ đang sửa soạn lên đường. Tôi nhìn qua hai bên hàng xóm, những ánh đèn từ đó hắt ra, nhoè nhoè sau màn mưa dày đặc. Ông già không vặn nhạc đêm nay. Tôi nằm cong người giữa đống gối, nhắm tính quãng đường dài từ đây đến ngôi làng ven bờ Tyrrhénienne bên Ý. Không biết anh ta có về kịp đám tang. Vẫn chập chờn trước mắt tấm ảnh người đàn bà mập mạp, quần khăn quàng rực rỡ. Chỉ thoáng qua, tôi đã thấy cặp mắt sâu nhìn thẳng như muốn nói biết bao điều. Chiều ấy tôi mới được biết, chính người đàn bà này đã bắt con trai út của mình cưu mang những đứa trẻ học nghề. Thằng anh của anh chàng Sorrento đã chết trong một cuộc đụng độ băng đảng ở Naples khi vừa hai mươi tuổi. Sáng sớm hôm sau, tôi ngõ ngàng nhìn bao nhiêu cành lá và những nụ hoa vừa chớm nở từ bên kia khu vườn đã toi tả bay rụng trên vùng sân sũng nước. Ông già dậy sớm đang lục đục quét gom trước cửa nhà. Người đàn ông trung niên mạnh mẽ, rộng lòng để giúp chúng tôi những lúc ngốn ngàng đã đi rồi, trong đêm. Trước đây mỗi lần có biến cố, tên B.A. cũng xuống đảm đương công việc một phần, bây giờ im ỉm. Tôi xắn quần, xách chậu và chổi bì bõm, lòng nao nao khó tả.

Mấy hôm sau đó mây nặng nề trên sân gạch xám. Tôi không làm được gì hơn, đi về tự nhiên hụt hẫng. Thiếu giọng ồ ồ của Sorrento đã đành, gã thanh niên ít xuống lầu, nhạc anh ta có bật lên cũng chập chờn, đứt quãng. Còn ông già như sợ tiếng động làm phiền chàng hàng xóm đối diện. Tối tối vẫn cùng bản hoà âm nhưng tiếng phát ra nho nhỏ, tưởng chừng hoà tan, lẫn quẩn với lá đêm. Tất cả như thoi thóp trong không gian bất ngờ hẹp hẫng lại. Có ông y tá ngày hai lần leo lên căn gác chàng thanh niên, nhưng đi qua sân cỏ quá vội vàng. Tôi và ông già cùng nhau lên thăm B.A., vẫn thấy nụ cười có nét gì dịu như con gái, nhưng má trũng sâu và làn da bệch hẫng đi vì thiếu nắng. Lúc trở xuống, dưới chân cầu thang nhà anh ta, ông già cúi nhặt một hạt ô-liu đen khô quắt, để trong lòng bàn tay rồi nắm lại thật chặt. Ngoài công việc ra, lúc ở nhà, tôi hay đứng gần cửa sổ hơn, nhưng để nhìn mà không thấy như ông già đã lầm nhầm lời J. A. Valente, văn hào Tây Ban Nha, hôm nào. Cho đến một hôm tôi đang bực bội gạch bỏ bôi xóa trên những trang giấy, chợt nghe tiếng chân nhẹ nhưng khác thường và ngập ngừng bước trong sân. Vội đứng dậy ngó xuống, ông già bên trái cũng đang vén bức màn chim phượng. Một cô gái mặc áo mưa xám, đeo cặp sách đỏ đang ngược nhìn những khung cửa bờ tường bao quanh, cô cầm một tờ giấy nhỏ. Mái tóc đen

tròn quay vòng một lượt rồi dừng lại trên hộp thư của B.A.. Nắng ngày vẫn còn đủ để tôi nhận ra đôi mắt to và hai gò má thật hồng trên làn da mặt mỏng. Cô gái lên căn gác đó một chốc rồi xuống cùng ông y tá lầm lì. Hai người trao đổi với nhau vài câu trước khi ra khỏi vòm cổng.

Bầu trời thật im lặng, màu ẩm ướt đọng trên mái ngói và ngấm sâu vào những viên gạch trên mảnh tường ngăn chia không gian còn sống bên này và thế giới cổ độ bên kia. Tôi cảm thấy ngạt thở từ mấy hôm nên mở tung cửa sổ, các con chim chẳng biết đã đi đâu bỏ những lùm cây lá bạc đứng yên trong bầu không khí chùng hẫ xuống. Ông già trượt chân trên sân gạch trơn ướt tối hôm qua. Tôi đã bước sang nhà ông sáng nay, cái chân bằng bột duỗi ngang trên nệm ghế. Mới thoáng đó thôi mà bất chợt tôi thấy ông cỗi xua như sắp đi hết năm tháng của đời người. Lần đầu tiên, ông đưa bàn tay có những ngón dài khô nắm nhẹ tay tôi lắc lắc. Trên chiếc bàn con cạnh chậu cây xanh, một trang thư bỏ dở, nét chữ khá to, mới ghi được mấy dòng ngày tháng. Tôi không thể giấu vẻ ngạc nhiên khi thấy một xấp phong bì và giấy viết thư nằm ngay ngắn. Ông già kéo cao tấm chăn đắp lại nửa người, chậm rãi. Tôi có thằng con trai cỡ B.A. đi Martinique không về, tôi vẫn viết thư dù nó ít trả lời. Rồi chắc miệng tiếp. Kệ, như vậy tôi đã giữ lời hứa với mẹ nó khi bà ấy qua đời. Ông lại tìm tay tôi, vỗ vỗ. Người ta thường nói, nếu những cử hành năm nay mọc nhiều lớp thì mùa đông tới này lạnh lắm, cẩn thận. Tôi rời ông, bước lại khung cửa, tốc những con chim phượng sang hai bên, nhìn thẳng trước mặt. Hai vũng tối âm u hút mắt giữa ban ngày làm tôi choáng người, đưa tay ôm lấy bờ vai. Mãi sau tôi lại có cảm tưởng trước hai ô cửa đối diện ấy có những bóng lá lung linh, và bên kia chúng là dáng dấp gầy thanh của chàng B.A. thấp thoáng. Rồi mắt chợt thấy ánh nắng mong manh nghiêng trên mảnh sân, đang sáng lên màu áo mưa bạc thủy ngân của cô sinh viên y khoa đã đến chăm sóc B.A. vào những tuần lễ sau này. Ba tối mỗi tuần, cô gái nhỏ đạp xe thẳng vào sân ngay lúc bản concerto vĩ bờ như sóng lũ, tựa hồ nâng đỡ người đàn ông già ngày càng chìm xuống trong cuộc sống đi về đơn độc. Cô dựa chiếc xe đạp vào bờ tường, dưới hộp thư B.A., rồi ngược đầu lên về phía phát ra âm thanh đang rộn ràng lay động những con chim phượng dưới ánh đèn. Tôi có cảm giác cô gái ưỡn vai, hít thở, mở toang buồng ngực để lắng nghe một chốc rồi mới mở cửa bước lên cầu thang. Thỉnh thoảng tôi thấy cô đứng sau khung kính không còn trong vắt nữa, như thể muốn thu giữ nốt những hợp âm tròn đầy trước khi hạ đèn. Từ đó, còn mỗi bóng đèn chong thấp nhỏ cho đến sớm hôm sau, khi cô ra về nhường chỗ cho người y tá. Nhưng trong đêm, vắng tiếng chàng thanh niên la hét, tôi nhóm dậy chạy ra cửa sổ. Đèn bên ấy bùng sáng lên, bóng cô gái di động, một lát sau tắt

cả mới trở về với thình lạng của đêm. Và lá trong gió lại tiếp tục rì rào. Tôi trở vào ngồi trước bàn viết, những trang bản thảo đầy chữ mà trống rỗng. Quanh quần trong không gian hạn hẹp chỉ có tôi cùng ba người đàn ông ấy, nhưng mỗi cá nhân rã rời như những nốt nhạc riêng lẻ lệch lạc, chẳng kết nối thành một hợp âm nào. Những cảnh sống đơn điệu âm thầm trượt qua nhau. Phải đợi đến những đêm khuya xao động như thế này cùng sự xuất hiện của cô sinh viên trẻ trung đó, với tấm áo sáng bạc và cặp sách đỏ thắm, mới có được vết màu tươi trên bức tranh đời xám ngắt. Nhiều buổi sớm ông già nhẹ nhàng giữ cô gái lại, hất cái nhìn về căn gác B.A., gương mặt hao đi sau một đêm thiếu ngủ của cô tỏ nét ái ngại. Nhưng cuối cùng, bao giờ cô cũng mở nụ cười còn đầy chất hồn nhiên để chào ông và vội vã đến trường.

Khoác chiếc áo mưa vào người, tôi xuống cầu thang. Những bậc gỗ cựa mình đáp trả từng bước một, chậm, lẻ. Dừng lại ở ngưỡng cửa, trên bệ đá gần đấy còn rõ vỏ chanh của anh Sorrento. Những miếng vỏ đã gọt vàng thom để đậm hương vị cho nồi thịt bê osso-bucco, bây giờ quần queo lên màu ẩm mốc. Mấy viên gạch nung anh ta vẫn dùng lót lò nướng pizza ngổn ngang dưới chân tường bên cạnh một hai cái nồi lật úp. Tật bày bữa ra sân của anh Sorrento thường làm ông già cầu nhàu, nhưng sau nụ cười đồng lõa với cặp mắt và cái gật đầu lia lịa hứa hẹn, Si, si, sẽ đâu vào đó, đâu sẽ vào đó, Signor... thì tất cả vẫn nằm nguyên chỗ cũ. Cũng may không có thức ăn gì bày hớ hênh để quyến rũ bọn mèo đêm từ vườn trên đồ xuống. Qua khung kính đục mờ của nhà bếp, ẩn hiện hình thù các vật dụng nấu ăn và chập chờn ánh kim khí sắc lạnh của muôi dao muỗng nĩa chung quanh cái lò nướng mở toang đen mò, rỗng toác. Tôi rùng mình, kéo sát hai vạt áo. Liệu anh ta có về đốt nóng không khí ẩm ướt này. Biết đâu người đàn ông ấy sẽ ở lại với những màu tường vách đá vàng cam rực ối trong con nắng miền nam hào phóng. Chẳng hiểu căn nhà bà mẹ anh ta nằm lẫn khuất giữa vùng đất trồng chanh xanh ngắt, tiếp giáp với bãi cát thênh thang nhoài vào biển. Hay nó là một trong những ô nhà ngang hẹp cao lênh khênh lưng chừng trên vách núi. Có bao cành bông giấy đỏ thắm lượn leo từ chân lên đến đỉnh, níu vào những thành vịn cầu thang vòng vèo bao nhiêu khúc, đưa xuống tận chân sóng đập rì rào. Tôi đã từng qua đó, một khách du lịch vô tư nhìn ngắm cảnh lạ, không nghe ra tiếng cười lẫn nhìn thấy vết nám trong tâm hồn người bản xứ tựa anh ta.

Người phát thư vừa dặt xe vào giữa khuôn sân trống, tay khua khua tấm bưu ảnh đến từ Sorrento, vui mừng ra mặt. Anh hiệu ản nắn nót viết tên ba người theo thứ tự, ông già, tôi, rồi chàng B.A.. Mấy hàng chung bảo sẽ về, và một dòng ản cần nhấn riêng B.A. hãy đợi. Cuối chiều, tôi bước lên đưa cho B.A. tấm thiệp, ở

đầu cầu thang chột đứng ông y tá lồm lổ tuôn từ trên xuống, suýt đâm sầm vào nhau. Ông ta chạy vội ra cổng rồi lại chạy vào cùng với tiếng còi xe cứu thương rú lên như bay qua mái nhà rồi từ trên không chụt xuống. Tôi nép vào bờ tường, tất cả quay mòng trước mắt. Chẳng bao lâu lại thêm vòng xe đạp lăn tròn của cô gái lợt qua vòm cổng. Cô chột khựng lại, vội vàng nhảy xuống, ngơ ngác trước cảnh tượng đang náo động trên sân cỏ này, buông ngang chiếc xe đạp đổ nhào xuống đất. Chưa ai kịp phản ứng, cô bé đã chạy bổ tới cạnh chiếc băng-ca, hai người đàn ông mặc áo blouse trắng vội vàng thu vén nốt những dụng cụ cứu cấp rồi khiêng đi. Ông già cố bước nhanh choàng ôm cô bé lại. Tôi lúp húp chạy theo ra tới ngoài, đèn xe đèn đường phố phờng phoè sáng. Rồi tiếng xe cứu thương bất ngờ xé rách không gian. Bước quay vào, trong góc sân gần nhập nhoà bóng tối, cô gái gục trên vai người đàn ông tóc trắng. Có tia sáng yếu ớt từ ngọn đèn treo đầu bờ tường đá ong đang rọi xuống, rung rung trên màu cặp sách đỏ nằm giữa vuông gạch xám, kẻ viền bởi cỏ xanh.

Mai Ninh

mùa thu 99

Ngôi Mãi Bóng Đêm

Mai Ninh

*"Tự giữ cho mình nguyên vẹn
giữa biết bao đổ vỡ
là điều quá khó khăn..."*

Phạm Việt Cường

Giữa khuya, tôi choàng tỉnh, hắt tung tấm mền, lưng đầm ướt mồ hôi. Chân thốc mạnh vào thành chiếc giường sắt, bật tiếng chửi thề. Chợt nhớ tới thằng bạn cùng phòng. Mà không, hẳn đã đi phép sáng hôm nay. Khung cửa sổ khá cao, sáng như có đèn chiếu. Xoay người nằm lại ngay ngắn, tôi mở mắt nhìn con trăng trong veo, sắc lạnh. Đã mười tháng, mười tháng của một năm ruối phải qua đi. Mười tháng ! Sao chưa quen được với cái giường sắt, với tấm nệm cỏ và bộ đồ lính dầy cộm. Tự dưng tôi đưa tay vuốt tóc, chạm phải làn da đầu gần như trần trụi, ươn ướt. Không biết bao giờ mới bỏ được cái tật đưa tay sờ tóc. Cái thằng luôn luôn đứng xếp hàng cạnh tôi để chào cò, vào căng tin, để tập bắn, hít đất và đôi khi tắm rửa tập thể...vẫn nhăn mặt, bĩu môi khi tôi trực giờ bàn tay lên. Một lần, hình như trái mắt quá, nó mắng thằng : - Thằng chó, ở cái chỗ mày đang đứng, không được quyền có thói quen !

Tiếng mấy con bęc-giê sửa từ xa , quen thuộc, rợn người. Tên T. sắp đi tuần ngang đây. Cái thằng chửi tôi kia đã có lần lầm bầm :

- Ở cái trại lính quân dịch thời bình, việc đếch gì phải đi tuần với chó ! Một thứ gì đây ứ từ dạ dày cuộn cuộn trào lên. Chết buồn nôn đã tới tận cổ, cơ thể sao trĩu nặng vô cùng. Tôi muốn ngồi dậy, nhưng cả người hồ như bị dán dính vào tấm nệm. Mớ nhón nhọn ấy không tuôn ra được, nên lại ngoan ngoãn quay ngược trở vào. Trăng chiếu từng vệt qua các chấn song, ngả trên bàn gỗ, lướt ngang khung ảnh An và những tờ giấy viết thư còn trắng bóc. Tiếng chó lại gầm gừ rất rõ trong đêm. Dường như chúng gấu ó với những lần roi và tiếng chửi thề từng chập của tên T. Giá tôi có thể ngồi dậy, tung cửa, chạy thoát ra biển. Chỉ có năm trăm thước. Biển chỉ cách chỗ tôi nằm năm trăm thước, sao tôi không thể nào chạy tìm đến biển. Ý nghĩ bất lực càng đóng đinh tôi vào với chiếc giường.

Thằng bạn đã đi phép. Khi nhét nốt cuốn sách và bộ quần áo lót vào túi đeo vai, nó ngừng nhìn tôi đang đứng ở thềm cửa theo dõi từng cử động. Cặp môi đầy nhếch nhẹ một bên, nó định nói điều gì, lại thôi. Nó chẳng cần nói ra, tôi đã hiểu. Thường ngày, hai tròng mắt nó vừa bốc cháy căm phẫn vừa lặng chìm đau đớn, nhẫn nhục. Nhưng sáng nay, trước khi bước ra khỏi cửa, tuy miệng cười khẩy, những tia mắt nó đảo qua tôi đầy thương hại. Tôi trở vào, gio tay vuốt tóc, ngồi phịch xuống thành giường. Tôi thừa biết điều cuối cùng nó muốn nói : - Tới phiên mày đó, để rồi coi.

Mấy con chó đã ngừng sủa, nhưng tiếng chân chúng và tên chủ rõ mồn một trên con đường dẫn đến khu nhà trệt này. Từ một tháng nay, thứ lính quân dịch có học thức được tuyển chọn làm việc văn phòng như chúng tôi dọn ra ở riêng, cách biệt hẳn khu trại đông đúc bên kia. Bọn cấp trên bảo đó là đặc ân. Hai đứa vào một phòng, trong căn nhà bê tông dài hơn hai chục thước, gần biển nhất. Nhưng tổng cộng chỉ có bốn thằng lính sinh viên được cắt cử lo việc văn phòng và điện toán cho cả trại. Hai đứa một phòng, vị chi hai phòng cả thảy. Một ở đầu hồi, một ở cuối. Có la hét kêu gào, phòng đầu kia cũng không hề nghe thấy. Họa may nếu có cơn gió thổi ngược từ đất liền ra biển, hai tên cuối khu nhà mới nghe được tôi chẳng. Tôi cố nhóm người, liếc nhìn chốt khóa và cái ghế tôi đã cẩn thận chặn ngang cửa phòng trước khi vào giường. Một việc làm thừa hiệu vô ích, vẫn làm.

Vàng trắng khuyết, lạnh như kim khí vẫn treo cao. Dưới khung cửa sổ là cái giường thằng bạn. Chăn gối xếp gấp cẩn thận, trong một thứ trật tự nhà binh. Hình như nó chưa đi phép, đang đứng đấy, ở cuối giường, đầu ló qua khung cửa một chút, tối đen vì ngược ánh trăng. Nhưng cái áo may-ô và chiếc quần đùi nó mặc trắng toát. Tôi vẫn nhìn ra hai cánh tay buông thõng, cả cơ thể nó đang run rẩy. Rung lên nỗi bất lực và sợ hãi. Chênh chếch trước nó, quay lưng về phía tôi là cái khối đồ sộ, đứng dạng chân, chắc nịch trên nền gạch. Bàn tay phải tên T. chòn vòn trên báng khẩu súng lệch ra khỏi cái thắt lưng đã mở tung. Bàn tay trái hấn loay hoay làm gì trước bụng, tôi không rõ. Con buồn nôn lại dồn lên, nghệt thờ. Tôi chồm đầu ra khỏi giường để cố oẹ. Không. Không có gì trào ra nổi. Quay nhìn cửa sổ, chỉ có chiếc giường trống. Tôi thở dốc, lồi vội tẩm chăn trùm kín đầu. Ở phải, tên T. còn trên con đường đi tuần, hẳn chưa tới đây. Biết đâu chừng hẳn sẽ đi thẳng đến căn phòng cuối dãy. Tôi có cường tráng gì cho cam. Bọn chúng thường gọi tôi là thằng nhỏ, như mẹ tôi năm xưa. Thằng anh và thằng em tôi bao giờ cũng lớn và đáng nể, trước mắt bà. Tên T. thềm gì thằng nhỏ. Nó chẳng ghé vào đây đâu. Tẩm chăn trắng phủ trùm như màn sương, mà mồ hôi là từng giọt sương đọng lại, rịn rịn khắp trên lưng. Bỗng dưng tôi lịm đi. Hình ảnh thằng bạn

co rúm trong hai cánh tay rắn chắc đầy lông vàng hoe của thằng T. biến mất. Và, tôi cũng chẳng còn nhìn thấy tấm ảnh An trên chiếc bàn gỗ nữa.

Tôi trở về thành phố giữa mùa hè. Con tàu điện rít hồi còi rồi trườn vào ga lúc đứng trưa. Người ta và hành lý đông nghẹt, chộn rộn trên sân ga. Mùa này thiên hạ di chuyển, dời chỗ. Mỗi người đều thấy cằn phải đi, phải đến một nơi nào khác hẳn ngôi nhà hằng ngày. Chỉ có tôi, tôi trở về nơi cư ngụ, một căn phòng trọ sinh viên. Tàu đã ngừng hẳn. Người tên toa lôi hành lý xuống, hồi hả chẳng kém gì người dưới đất chăm chăm khuôn xách chỉ vội leo lên. Tôi đứng dậy, từ từ kéo chiếc ba lô để ngăn trên đầu. Lại chạm vào ánh mắt gã đàn ông lông mày rậm đen ngời phía trong. Hắn ta bực bội thấy tôi cứ thản nhiên ngồi ì, không đứng lên cho hắn đi ra. Việc gì phải gấp gáp. Tôi muốn kéo dài, thâm nhận thật sâu cảm giác được trở về cõi bình yên.

Gã kia đi sau, thỉnh thoảng húc chiếc vali vào bắp vế tôi. Hề chi. Tôi vẫn chậm rãi giữa hai hàng ghế. Mãi tới cửa toa, tôi mới nhìn ra dáng An đang nép vào bờ tường gạch đỏ. Áo cánh trắng mong manh trên váy màu xám nhạt. Thấy tôi ngỡ ngàng, An cười. Nụ cười của An không bao giờ là nụ cười vui rạng rỡ, nhưng hồn nhiên và tự tin. Nàng không thích chen lấn, vẫn đứng yên chờ tôi rẽ đám đông đi đến. An thông thả choàng hai tay qua cổ tôi. Tóc nàng bốc thơm mùi nắng. Chắc hẳn An vừa nằm phơi nắng ở sân nhà trước khi đến đây. Tôi ôm lưng nàng bằng hai bàn tay tự nhiên lỏng thoáng, không dám xiết chặt. An ngừng lên, từ cầm nàng đến bờ môi dưới cong cong là đường rãnh mơ hồ đã từng ám ảnh tôi trong nhiều giấc mơ. Tôi có thể lướt môi mình trên đó, nuốt lấy vị ngọt và mùi hương An ngay bây giờ, rất thực. Nhưng hai bàn tay lại xoay nhẹ người nàng, đẩy về lối cửa ra.

Tôi quen An hai năm cuối trung học, trên chuyến xe buýt chật ních giò tan trường. Nàng và tôi cùng cố len vào góc xe cho dễ thở. Xe vừa chạy đi lại bất ngờ thắng gấp, An ngã chúi vào tôi. Khi tôi đỡ nàng đứng thẳng dậy, An ngượng nghịu vén mấy sợi tóc ra sau tai, hai vành đỏ hồng. Tôi tiếp tục rẽ lối cho An tới cuối xe. Chúng tôi tìm được chỗ đứng bình yên, nhìn ra ngoài cửa kính. Cận ngày lễ Giáng Sinh, đường phố giăng mắc đèn màu và tuyết đang rơi từng cụm nhỏ. An chụm môi thổi hơi ấm vào hai bàn tay lạnh cóng. Tôi tuột ngay đôi găng đưa cho nàng. An cười và nhận lấy tự nhiên. Không ngờ, tới mười sáu tuổi, thằng con trai mới làm quen với một cô gái lần đầu. Sự làm quen này sao tình cò và dễ dàng đến thế.

Từ hôm đó, mỗi chiều, không hẹn, nhưng chúng tôi cố tình đợi nhau ở trạm xe.

Thằng em kém tôi một tuổi thỉnh thoảng cũng về cùng chuyến. Những lần ấy, An và tôi lặng thinh như thể không quen. Hai anh em tôi giống nhau như sinh đôi. Chỉ trừ, nó tóc ngắn, còn tôi tóc dài. Ngày nào vết sẹo còn hằn bên tai, ngày ấy tóc tôi không thể cắt ngắn. Chỉ một vài lần thấy thằng anh cả rờ rờ mô tô cạnh xe buýt, títt títt bấm còi, rồi tên em vội vàng nhảy xuống, hai đứa phóng đi, không ai đã động đến tôi, thì chẳng cần thông minh như An cũng hiểu mối thân tình giữa tôi và anh em thật là giới hạn.

Suốt thời gian quen An, chẳng ai hoài tâm đến chuyện tôi có bạn gái. Anh em tôi nào dư thời giờ. Nếu không bận bịu lau chùi chiếc mô tô thật bóng nhoáng, thằng em loay hoay tổ chức những buổi hẹn hò cho ông anh. Thời gian còn lại dành cho những trận đá banh quanh vùng mà hai người họ là thành viên cổ vũ hung hãn nhất. Đôi khi, nổi hứng, trực nhớ tới sự hiện hữu của tôi, họ rủ tôi đi một vòng trên chiếc xe quý báu. Bà mẹ vội cản : - Ấy, để nó yên ! Từ bao nhiêu năm, cứ thấy đứa bé ẻo uột, khó nuôi ngày nào dần dần lớn lên, đêm ngủ không còn những cơn mơ la hét đánh thức cả nhà, là mẹ tôi hài lòng. Nó cứ bình lặng đến trường, rồi loanh quanh trong căn phòng riêng biệt của mình, không quấy rầy ai, là bà yên tâm.

Khi tôi đủ can đảm rủ An đi chơi xa, hai đứa thường đạp xe ra bờ sông. Một gói bắp rang để An thả cho mấy con thiên nga và đàn vịt, một phong kẹo cao su cho tôi, và một quả táo cho nàng. Thành phố tôi ở giữa đất liền, sông hồ không thiếu, và nhiều rừng cây giữ mưa mùa lũ. An thường bảo nàng không thích sông bằng biển. Dù sông có dài hay rộng bao nhiêu vẫn nhìn thấy bên kia bờ, vẫn có một giới hạn. Cho đến năm ấy, tôi chưa từng được đi xa, ngoài một lần để vào bệnh viện lãnh vết sẹo chân rết bên tai. Mẹ tôi viện lý do, tôi hay đau ốm ngay từ lúc mới sinh. Làm sao tôi nhìn thấy biển bao la và ngửi ra mùi của nó. Năm chúng tôi vào đại học, bố An giữ lời hứa với con gái, dời đi miền tây bắc, có biển cho nàng. Tôi không có cách gì hơn, vật vờ ở lại, xa An ba năm. Cuối cùng, một buổi sáng, tôi nhảy lên toa tàu xe lửa. Bỏ lại, sau những hàng cây phong đã đến mùa đỏ lá, cái trang trại to lớn của gia đình và những nhánh rẽ của dòng sông chảy về qua đó. Tôi biết, một đời tôi đi theo An, theo ánh mắt dịu dàng, yêu đời và tự tin. Theo chiếc váy ngắn trên đôi chân dài cùng cái mũ bê rê nghiêng nghiêng trên mái tóc nâu phơ phất. Tôi đã đi tìm tới biển, yêu An và tiếp tục học hành nơi đó cho tới ngày phải vào trại lính quân dịch, ở một vùng biển khác.

Lúc tôi quay ra với ly rượu rum nóng pha đường thật ngọt cho An, nàng đang đứng gần lò sưởi. Chiếc quần jean đen, đầm nước mưa nhiều khoảng, bó chặt từ

hông xuống cặp chân dài. An đã cởi chiếc áo len. Những đường hoa đăng ten khoanh tròn bộ ngực hiện rõ ràng dưới làn vải T-shirt ướt dính trên da. Mắt An nhìn tôi không chớp. Ánh mắt cuốn hút kiểu ấy luôn luôn là một dấu hiệu gọi báo. Hiển nhiên, tôi sẽ không cầm cự nổi, phải lao theo nó, cuộn vào con lốc cuồng mê. Tôi sẽ đến trước mặt nàng, kề ly rượu vào miệng An, đợi nàng nuốt xong một ngụm. Rồi cúi xuống, hút chất nồng đọng ở đôi môi mềm ẩm, cuốn lưỡi trên những chiếc răng trắng lạ lùng. Mấy nhánh củi tôi nhóm lên, khi hai đũa gặp mưa ướt loi ngoi từ biển về, đã đủ sức nóng. Những ánh lửa sáng làm hồng thêm hai bàn chân trần của An trên sàn gỗ. Nàng nghiêng người tì má vào cánh tay chống vào bệ đá lò sưởi, vẫn im lặng. Hôm nay nàng bỏ rơi chiếc váy ngắn rất thiếu nữ hồn nhiên thường lệ. Trong quần jean khít khao, vòng hông cong tròn như một thách thức, thu hút thật đàn bà. Ly rượu trong tay nóng bỏng hơn. Nôn nao trên bước chân, tôi đã đến thật gần nàng. Thốt nhiên, một vật gì lao tới tựa viên đá ném thẳng vào lồng ngực. Choáng váng, không tự chủ, tôi vội vàng đặt ly rượu trên lò sưởi, cạnh cánh tay nàng rồi quay ngang, đi lại góc phòng. Cây ghi-ta vẫn nằm ngửa trên giường từ sáng. Tôi ngồi xuống gượng gạo cầm đàn lên, không dám nhìn An, bối rối :

- Để anh hát một bài mừng sinh nhật em. Một giọng hát tro trên, lệch lạc bật lên. Không phải của tôi. Chẳng thể là tôi. Nhưng tôi vẫn hát.

Không biết từ lúc nào, An đến ngồi cạnh giường, dưới chân tôi. Nàng xòe nguyên bàn tay chặn đứng những sợi dây đàn. Ngón tay kia An hếch cầm tôi lên. Trái hẳn với cử chỉ khẳng định, gương mặt nàng vẫn dịu dàng với vài sợi tóc mai xòa trên trán. Nàng cất tiếng hỏi : - Hôm nay An mấy tuổi hỏ Kim ? Tôi hơi ngỡ ngàng : - Hai mươi bốn. An gật đầu, mắt không chớp : - Kim có biết rằng năm mẹ An hai mươi bốn tuổi đã sinh ra An rồi không ? Tôi chưa kịp nói gì, bờ ngực hồng dưới cổ áo rộng của nàng phập phồng. An đưa cả hai bàn tay giữ lấy khuôn mặt tôi, giọng nghèn nghẹn : - Từ ngày Kim miễn quân dịch về, mấy tháng rồi, tụi mình chưa yêu nhau...Tại sao ? Một lưỡi dao từ đâu xoáy vào bụng tôi. Câu nói này như chất xúc tác kinh khủng nhất, còn cào lên cơn buồn nôn nghiệp chướng, chất nhờn lợm lẩn thứ gì mặn như máu. Tôi vùng dậy, suýt xô An bật ngã, lao vào phòng tắm, xoay cái khóa cửa, gập người, nôn khan hào hển, rồi ngồi bệt xuống sàn. Hình như có tiếng An kêu gọi phía ngoài. Đối diện với tấm gương, mái tóc lỏm chỏm trên đầu chưa che nổi vết sẹo trước vành tai. Đấy, hấn vẫn đó, đã chồm hồm sau lưng. Hấn đưa ngón tay tròn to đầy tàn nhang như quả chuối châm hương, vuốt một vệt dài theo làn sẹo. Tôi chưa biết phải chạy hay la hét thì đã bị hấn đè lên, đẩy chồm về phía trước, nằm gục trên nền gạch.

Nhoài ra khỏi những bụi lau, tôi chỉ còn đủ sức buông người lặn long lóc qua suốt triền cát khô ráo, để đáp sấp sòng soài trên cái nền ẩm ướt. Cho đến lúc một vật gì sót qua, cào ngang mặt đánh thức tôi thảng thốt. Nhóm đầu, tôi chỉ kịp nhìn ra cánh chim trắng chập chòn bay ra biển. Cả thân thể trườn trượt lún dần, mặt phẳng dưới người đang chuyển động. Hóa ra biển đã dâng, nước ngập đầy vũng cạnh chỗ tôi nằm.

Không thể ngồi dậy, tôi đành thả đầu, áp tai vào cát. Sóng ngầm đang đập vỡ tàn phá dưới đó. Sâu hẳng bao nhiêu thước, nước đang sôi sùng sục. Nham thạch cùng kim khí bị lửa trái đất nung chảy, bung lên một nhiệt lượng khủng khiếp, xuyên thấu qua đất đá, qua chiều dày của biển, qua sỏi cát, đốt cháy da thịt, ngũ tạng tôi. Không, hình như cái nóng rực bỏng rát này chẳng phải từ lòng đất mà từ bụng dưới và đáy lưng thốc lên, rầm rập. Một hòn lửa chín đỏ đang lặn từ sâu giữa hai mông, bò lên lưng, rồi qua ngực. Đi tới đâu đốt đến đó. Ấy, nó đã chạy tới cổ họng, bỗng vọt ra, bay vút lên trời. Tôi lại thảng thốt ngừng nhìn theo. Hòn lửa phóng thật nhanh như lặn chớp, nhập vào mảng trắng đang ngất ngưỡng, chênh vênh. Trắng tóm lửa, sáng rực. Tôi chợt thấy một vết máu đỏ ối loang dần trên màu trắng lụa ngà trinh bạch. Bỗng nhiên, từ đó tuôn ra những làn nước xối xả, thẳng đứng, mạnh mẽ, giận dữ. Như trận mưa nào đã đổ xuống trên sa mạc đỏ, khi thảng bé tôi vừa tròn năm tuổi.

...Buổi sáng tinh mơ ấy, tôi theo mẹ lên chuyến xe lửa đầu tiên. Mùa đông năm đó thật dày, nặng trĩu. Mấy tiếng đồng hồ tàu chạy, tôi không thấy gì ngoài một bầu sương trắng. Thảng hoặc mới nhìn ra vài rặng bạch dương trần trụi, ngất ngheo bọc rìa những đồi thông cao vọi. Lần đầu được đi xa, nhưng tôi chẳng mấy chú ý đến cảnh vật. Chiếc vali nhỏ mẹ đặt trên băng ghế đối diện, trong đó mẹ xếp đặt nào quần áo, nào con thỏ bằng vải cùng đôi giày bông, đã làm tôi thắc mắc, bồn chồn lo lắng. Mẹ bảo dẫn tôi đi chữa cái mụn kèngh càngh bên tai. Theo bà, chính nó là thủ phạm những cơn khóc đêm, đái dầm, mê sảng. Nó làm tôi lười ăn, èo uột, không lớn được như những đứa trẻ bình thường, như anh và em tôi. Bà đỡ, đi một lúc rồi về. Làm sao tin được, một chốc rồi về mà phải linh kính bao nhiêu đồ đạc cho riêng tôi, trong cái vali ấy!

Khi tôi bừng tỉnh, một bên mặt xốn xang đau nhức. Tôi vùng đưa tay sờ đầu. Đầu tôi quấn một lớp băng dày cộm. Tôi nhắm mắt hét lên gọi mẹ. Có hai cánh tay vội ôm tôi, giọng đàn bà ôn tồn : - Không sao, đừng sợ, mẹ em sẽ tới bây giờ. Tôi mở mắt ra, cô y tá đón ở cửa nhà thương hôm qua đang ngồi cạnh. Hơi thở dồn dập, thái dương nhói buốt, nhưng tôi lẳng lặng nhìn cô, không nói gì. Điều

quan trọng, mẹ tôi không có đây. Bà đã bỏ đi. Đi đâu ? Suốt ngày tôi nằm vùi trong chăn, cắn răng chịu đau. Tôi không còn muốn khóc. Có lẽ mẹ đã bỏ đi vì chẳng thể nghe tôi quấy rầy hàng đêm nữa. Cũng từ hôm ấy, tôi không còn biết khóc.

Một đêm qua đi, sáng hôm sau, rồi trưa đó, cho đến buổi chiều... Buổi chiều, không gian xám ngắt. Lâu lâu mặt trời cố xuyên thủng màn sương, đẩy xuống vài tia nắng hiu hắt. Con chim se se lưng thững trên thành cửa sổ, gõ mỏ lóc chóc vào ô kính. Dáng chừng nó đói, đòi ăn. Tôi cố ngồi dậy, cầm mẫu bánh mì lần ra mở cửa. Cô y tá bước vào, níu tôi đẩy lại giường, rồi bật chiếc truyền hình nhỏ, tìm một đài đang chiếu phim hoạt họa, và dỗ : - Em xem đi, hay lắm, mẹ có việc phải về nhà, sắp vào đón đấy. Tôi lo là nhìn màn ảnh. Tim tôi nặng trĩu. Chiếc vali để trên bàn trong góc phòng không còn chứa đựng gì bí mật nữa ! Con chim se vẫn loay hoay một mình ngoài kia trời rét.

Bỗng nhiên màn ảnh sáng rực cát vàng. Một người Ả-Rập từ đâu xuất hiện, lom khom móc trong túi những nhánh xương rồng, rồi cắm cùi cắm vào cát. Nhưng cứ cắm tới đâu, gió tạt đến đó, bốc tung cành xương rồng cuốn bay đi. Nhạc nổi gió rít từng cơn. Ông ta vẫn lui hui, nặng nhọc lún sâu trong cát, dưới một mặt trời tròn to quá khổ, đang chuyển từ vàng cam sang màu máu. Tiếng nhạc chợt trở nên dồn dập, rầm rầm rơi xuống với những lần sét ngang trời. Bao nhiêu làn nước tuôn thẳng trên đầu người Ả-Rập. Ông ta ngừng mặt đón mưa, nhe hàm răng trắng và đôi mắt mở trừng già cỗi. Sa mạc hứng đầy nước, cát tan biến, hoá thành dòng sông đỏ thẫm. Tôi nhắm nghiền mắt lại, trôi theo.

Hơn hai mươi năm đã qua, bây giờ cát dưới thân tôi cũng đang dần dần cuốn ra biển cả. Sóng đang đập ồn ào dữ dội. Tôi co hai chân, chống tay, cố bò dậy. Đầu óc choáng váng, tôi dang hai tay giữ thẳng bằng để đứng được thẳng người. Ôi đêm. Chỉ mình tôi trước đại dương này. Biển không đen như tôi tưởng mà xanh đậm, ngoài xa hơn chuyển sang màu tím. Mấy con chim đêm về bới cá dưới ánh trăng, nhào xuống lượn lên trên những cuộn sóng trắng xóa, cánh vỗ từng nhịp như tay ai vẫy gọi. Tôi chạy theo, lao vào biển. Vừa buông người trong nước, nửa mặt mang vết sẹo và một bên đùi đau rát. Tôi chơi vơi đứng lên, bấy giờ nhìn xuống, mới thấy mình gần như trần truồng, chỉ có chiếc áo lót ướt dính trên người rách toang, lỏng lẻo. Hoảng hốt, ngần ngợ, chưa kịp hiểu tại sao. Một cuộn sóng cao vọt từ xa xâm xầm rập tới, tôi vội vã chạy vào bờ. Nhưng không kịp nữa rồi, nó chụp từ sau lưng, hất tung tôi về phía trước. Trong khoảnh khắc, tôi chợt hiểu cái đau cắt thịt từ đâu ra. Tên T. đang vỗ tới, cả thân người và cánh tay hằn dạn rộng, vũ bão như sóng.

Từ khi thằng bạn đi phép, đêm đầu tiên rồi đêm thứ nhì tôi thắp thóm đợi chờ thăm họa. Nhưng biến cố không xảy ra. Đến đêm thứ ba, trăng tròn và dịu dàng hơn, tôi tự nhủ : chắc nó chẳng thềm. Nhưng vẫn cẩn thận khóa chốt cửa và chặn cái ghế. Quá căng thẳng thần kinh trong hai đêm trước, tôi mê đi cho đến lúc, rầm rầm, cánh cửa và chiếc ghế bị hất tung. Tôi ngồi bật dậy. Tên T. đã đứng giữa phòng. Đèn treo ngoài mái hiên hắt vào, giao thoa với ánh trăng tràn trải thật dài. Tất cả sáng trưng trước mắt. Sáng hãi hùng. Ba con bẹc-giê thè lưỡi đỏ, dàn trận thẳng hàng trước tên chủ. Mấy cặp tai vểnh lên, dựng đứng, sáu hòn bi xanh quắc chiếu trùng trùng vào tôi. Không hiểu do sức lực nào, tôi đứng dậy được, lùi vào cuối phòng, gần cái giường của thằng bạn. Gã T. vẫn đứng tại chỗ, thản nhiên chờ đợi. Thấy tôi nắm lấy cái ly thủy tinh cao để trên bàn, bấy giờ hắn mở hàm răng rộng đến mang tai, khinh khỉnh bước tới. Lũ chó tiến theo, gầm gừ. Hắn đá phóc một cái, mấy con chó dừng ngay. Tôi đã tới sát thành giường. Đằng sau là bức tường kiên cố và khung cửa sổ cao. Đường cùng. Cách tôi một sải tay, tên T. đứng lại. Tay phải hắn vẫn cầm cái roi quất chó, tay trái hắn chậm rãi mở cái thắt lưng, mắt chòn vờn tôi như ngắm nghía con mồi. Từ bấy lâu nay, tôi chỉ nhìn hắn từ sau lưng đã thấy to lớn đe dọa. Bây giờ, ở vị trí của thằng bạn, đối diện với tên T., tôi nhận ra mình chỉ là cành lau bên thân sồi đồ sộ. Cái quần đã mở tung, trĩu xuống quá mông, hắn khệnh khạng, khiêu khích bước thêm. Không nghĩ gì hơn, tôi đập mạnh cái ly vào song sắt. Một nửa rơi toang xuống đất, mảnh còn lại trong tay tôi chĩa nhọn. Tên T. càng hứng chí cười hênh hếch, giơ tay chụp lấy tôi. Chẳng đợi, tôi lao vào hắn với cái ly vỡ. Nào ngờ, hắn ta như đợi có thế, vung roi, quất một đường vào má tôi ngang lẫn sẹo, một roi thứ nhì ngay đùi. Tôi ngã nhào xuống sàn, mảnh thủy tinh đâm ngược vào lòng tay. Tôi chẳng kịp nhận ra sự đau đớn, một tảng đá đã đổ ập xuống trên thân. Tôi bị đè đang tay như thập tự, nhận khổ hình. Không biết tôi tỉnh hay mê, chỉ nhớ rằng tôi còn nhìn ra dòng máu đỏ ứa từ bàn tay trắng bệch. Nhưng có lẽ tôi tỉnh. Vì sau đó, tôi đã lê người, chạy thoát ra khỏi căn phòng có ánh trăng đuổi theo, lết bết trên những bãi cát, qua mấy đồi lau, tìm đến biển.

Trời đất tối mù hung hãn khi cơn mưa đá đổ rào rào. Từ trên hai tầng lầu, sau lớp kính dày kiên cố nhòa nước đá tan, tôi cúi nhìn lo lắng. Dưới kia, người đàn bà dáng dấp mong manh ấy làm sao đứng vững trong cơn gió ngông cuồng và những viên nước đá to bằng đầu ngón tay không nương nể. Đáng lẽ tôi nên giữ cô lại. Hai tay ghì chặt mép áo khoác dày, cô xiêu ngã tìm tới chiếc xe đậu trong góc parking dưới hàng dương uốn cong nghiêng ngửa. Tôi muốn xuống thang

lầu, chạy ôm người đàn bà xanh xao đó trong cánh tay. Cô vừa qua cơn bệnh tử sinh đã vội đến thăm tôi ở tận nơi này.

Khi có tiếng gõ cửa, tôi đang nằm gác chân ngó trần nhà. Cũng may căn phòng không sơn trắng. Tường và cửa sổ, màn che cùng màu xanh dịu dịu. Tôi lặng thinh không trả lời. Mụ y tá với vầng trán và đuôi mắt đầy nếp nhăn chắc chắn sẽ ló vào, ném một câu thăm dò : - Cậu cần gì không, vừa ý chứ ? Tôi cần chi, và muốn được mãn nguyện điều gì ? Tất cả đã vỡ tan như những mảnh thủy tinh trong bàn tay tôi ứa máu. Tất cả đặc cứng lại rồi như chất nhầy đã đóng thành xi măng trong dạ dày, không còn có thể trào lên tọt xuống. Lại tiếng gõ cửa, tôi bực mình buông thông : - Vào đi. Ai ngờ là cô. Tôi vùng dậy, ngỗ ngang nhìn cô ngập ngừng ở ngưỡng cửa, trong chiếc áo khoác đen và mái tóc còn lóng lánh những hạt mưa. Chắc cô ngạc nhiên thấy tôi nằm trên giường mà y phục lẫn giày vó chỉnh tề. Tôi đã nghĩ, phải ra khỏi căn phòng này, nhưng đi đâu ?

Tôi mời cô đến ngồi ở chiếc bàn con cạnh những ô kính lớn trong phòng tiếp tân. Không xa, dưới chân nhà thương là con đường vòng đai thành phố. Mới bốn giờ chiều, những dòng xe đã chớp lóa ánh đèn đỏ vàng lên xuống. Mưa hình như đã từ lâu lắm. Tôi rót một tách nước trà, cô giữ nó trong hai bàn tay, xoay xoay sưởi ấm. Tôi nhớ đến đôi găng ngày nào đã đưa cho An. Không gặp nhau chỉ hơn hai tuần, cô đã sứt hẳn đi, làn da trắng xanh, càng nổi bật cặp mắt đen và mấy đường gân hai bên thái dương. Bỗng dưng tôi thấy cô nhỏ bé vô cùng. Hơn cả những lần đứng cạnh cô bên các máy móc trong phòng thí nghiệm. Cô để tách trà xuống bàn, tay gõ vài lọn tóc chưa khô và nói : - Định ghé mua chocolat có bạc hà mà Kim thích, nhưng mưa quá ! Tôi khoát tay : - Cô đến đây là đủ.

Giờ thăm bệnh nhân đã bắt đầu. - mỗi bàn, thân nhân ngồi quanh con bệnh lúng xúng trong bộ quần áo xanh của nhà thương. Mỗi người một vẻ, mỗi người một kiểu. Cạnh đây, bà cụ tóc rụng gần hết, miệng cứ mếu máo kêu mẹ ơi, trong khi cô gái trẻ ngồi bên cầm tay bà dỗ dành. Bên kia, gã đàn ông ngờ nghệch nhìn mấy tấm ảnh trên tay người vợ đang vừa chỉ vừa giảng giải liên hồi, nhưng anh ta vẫn lắc đầu quầy quậy. Tôi ái ngại quay nhìn, cô đã phác cử chỉ tỏ dấu hãy yên tâm rồi cúi xuống uống một ngụm trà, nhẹ nhàng nói : - Mọi điều đều có nguyên do, nhưng làm sao để nói ra và tìm được người biết nghe nó, phải không Kim ?

Dường như cô còn nói thêm ít nhiều câu gì nữa, tuy chẳng hề động tới thương tích tôi. Những hòn mưa đá vẫn ồn ào theo gió đập vào các khung kính, trong khi hồn tôi tự nhiên bình lặng. Bao nhiêu rối loạn hay lênh bênh lắng xuống khi tôi nhìn vào khuôn mặt, nhất là đôi mắt cô. Đó là sự dịu dàng cảm thông và nét trầm lặng của một người đã nếm trải cuộc đời, đã kinh qua những nỗi đau. Nó không

giống gì với ánh mắt, nụ cười thơ ngây của An. Ôi An ! Đã hơn mười ngày, tôi không nhìn thấy nàng kể từ buổi chiều hôm ấy. Tôi hiểu mình không thể ắp lấy đôi bàn tay lạnh của An, để cùng nàng chụm môi thổi phà hơi ấm nữa. Cũng như tôi biết, nếu muốn kể ra điều gì, tôi chỉ có thể nói với một người duy nhất. Đó là người đàn bà xanh mượt mang gương mặt điệu vọi đang ngồi ở đây thôi. Ngoài cô ra, không còn ai khác, ngay cả người bác sĩ tâm thần cứ lăm le rút tia từ tôi câu trả lời cho trăm chữ tại sao ? Càng không thể là An tươi thắm yêu đời. An ơi, tôi đã yêu em hồn nhiên từ ngón chân lên tới sợi tóc trên đầu. Dễ dàng bao nhiêu. Nhưng từ đây, làm sao tôi còn có thể ?

Người đàn bà xanh xao quay trở lại khu bệnh viện đúng hôm bố mẹ Kim đưa con về chôn cất ở vùng đất nhiều sông hồ và rừng cây. Mấy ngày sau, một người bạn Kim tìm đưa cho nàng một hộp giấy gói kín, của Kim đã nhờ chuyển trước ngày tự vẫn. Trong hộp nhiều thứ lẫn lộn, vài tài liệu việc làm của Kim với nàng, cây bút máy, thẻ thư viện, chùm chìa khóa văn phòng, và một phong thư dài nhiều trang giấy.

Nàng ngồi đọc những dòng chữ Kim từ khi nắng chiều còn vương hui hắt trên những cành cây vàng lá mùa thu, cho đến lúc mọi vật sẫm tối một màu. Cảm giác bàng hoàng phần nộ, đau xót cùng dần vạt ẩn sâu nàng trong lòng ghế. Phong thư bày ra mọi khuôn mặt đã dự phần trong cuộc đời ngắn ngủi của Kim, nó chứa đựng tất cả câu trả lời cho hai cuộc gyven sinh. Từ sau đêm biến thảm, Kim đã chiến đấu ra sao để thoát khỏi nhục hình đọa xuống bởi tên T. và sự im lặng toa rập của bọn cấp trên, phải thỏa hiệp những gì để được rời trại quân dịch sớm hơn ngày hạn định. Sau lần tự tử hụt thứ nhất bị vào viện tâm thần, Kim đã suy đi luận lại thế nào để quyết định, thêm một lần thứ hai, từ bỏ cuộc đời này.

Nàng tưởng tượng ngôi mộ Kim chìm trong lòng đất, một tấm bia ghi khoảng cách ngày sinh ngày mất ngắn hạn. Không thể chỉ xem bức thư Kim là tiếng kêu, là giải bày của một thực thể mong manh, một hiện hữu khép kín hay bất lực, là biện bạch cho một chọn lựa chối bỏ, ra đi. Đó còn là chứng từ rõ rệt, là cáo trạng gắt gao về những sự thật bằng hoại mà con người không được phép che đậy, không thể để đào thoát. Nhưng, khi lan man mường tượng tới chiếc mũ bê-rê nghiêng nghiêng trên gương mặt trong sáng của cô gái tên An, thì nàng lại nghĩ, hay thôi, hãy để phong thư kia là một lời tâm sự với hư vô. Và phải chăng, sẽ không bao giờ bà mẹ Kim nên biết rằng, đã có một sa mạc đỏ biến thành dòng sông trong buổi chiều có con se se một mình.

Nhiều hình ảnh chợt hiện ra, chợt biến đi trong vũng tối không gian. Người

đàn bà ngồi mãi với bóng đêm, bắn khoản ray rút, và nhỏ lệ.

Mai Ninh

(tháng giêng 99)

Chuyện Cọp Bầu Lòng, Võ Tòng Tân Khánh

Lưu Linh Tử

Bầu Lòng là một làng nhỏ ở về hướng Bắc Sài Gòn lối 80 cây số, trước kia thuộc Tỉnh THỦ DẦU MỘT (Bình Dương), rồi thuộc Tỉnh Bình Long.(nay Sông Bé. S.N.)

Từ Sài Gòn lên Bầu Lòng phải theo Quốc lộ 13, qua Lái Thiêu, Bình Dương, Bến Cát, Lai Khê, Bến Đồng Sổ, Bầu Bàng rồi Bầu Lòng đến Chơn Thành, Hớn Quản v.v...

Bắt đầu từ Bến Cát trở lên ta thấy rất nhiều cao su mà trước kia người Pháp mộ dân phá rừng để trồng, lấy gốc cao su thay cây rừng thì chúng ta cũng tưởng tượng rừng Bầu Lòng ngày xưa trông lớn bậc nào ?

Từ năm 1898 người Pháp bắt đầu áp đặt chế độ cai trị đến miền rừng thiêng nước độc này và cũng găm ghé phá rừng.

Thuở ấy dân cư còn thưa thớt, mỗi làng không nhiều hơn 30 nóc gia nhưng họ cũng thành lập Ban Hội Tề như những làng khác.

Việc phá rừng lập nghiệp của người dân quê thật là thiên nan vạn nan. Họ rủ nhau đi khẩn hoang, họ đem cả gia đình tài sản đến một vùng nào đó. Khởi sự họ đốn cây cất nhà gần nhau rồi phá rừng, đốt rẫy và khởi sự tía lúa trồng khoai. Sau vài mùa, coi bộ yên nơi yên chỗ, họ mới công cử vài người lớn tuổi có uy tín về Tỉnh xin lập làng, lập ấp và họ được thỏa mãn ngay.

Những gia đình khẩn hoang này phần đông đều giống nhau. Họ có ít lắm cũng một đôi Trâu hay Bò, một cái xe BO và một vài gia súc khác để nuôi gầy giống. Người gia trưởng đen đúa, nhưng bặm trợn, sức vóc mạnh mẽ, một bà vợ mộc mạc quê mùa nhưng chí thú làm ăn, vài đứa con ngây ngô ốm đói...

Họ sống đơn giản, tận lực khai phá, để sống ấm no, bất chấp cả rừng thiêng nước độc.

Sau vài ba mùa, đời sống của họ tạm đủ với gạo đỏ, củ khoai, ngoài việc sự lập làng lập ấp, họ cũng không quên tín ngưỡng riêng, lập một ngôi đình và một cảnh chùa như bao nhiêu làng khác. Lần lần xuất đình trong làng tăng thêm, đôi khi

những người xứ khác đến xin với Ban Hội Tề để nhập dịch. Ngoài việc đồng áng, thú vui của người dân là rủ nhau đi săn chồn đuôi thỏ với bầy chó cỏ, con nào con ấy chỉ bằng bắp chơn, nhưng đánh hơi rất tài, chạy theo con thỏ rất bền và dai như đĩa đỏi. Trẻ nhỏ thì cùng nhau rập rào đánh lưới thỏ hay gài bẫy bắt chim, đuôi cú. Những đêm trăng họ tề tựu lại sân đình, nhà việc hay nhà Ông Hương Cả, Hương Chủ để bày với nhau những trò giải trí lành mạnh, không kém phần hào hứng.

Người lớn thì đẩy cây, kéo tay, bẻ chơn, giã gạo thi hay thực tế hơn là học võ để giữ mình. Trẻ nhỏ thì chơi những trò nhộn hơn như : U-U bắt Mọi, Nhảy Chan-Chán-Chậu, tập Chuồng-Chuồng hay Bịt mù khâu lon, những trò giải trí mà người lớn trẻ con đều ưa thích.

Ngày Kỳ Yên, Kỳ Bông hay những rằm lớn còn vui hơn nữa, người người đều nô nức dự lễ với niềm tin tưởng nhiệt thành.

Làng Bầu-Lòng với tương lai đầy hứa hẹn...

Ngày mai sung mãn phì nhiêu.

Cọp về làng

Suốt một tháng qua, dân làng Bầu Lòng bị một cơn đe dọa trầm trọng. Nguyên do là có cọp về làng quấy nhiễu.

Không phải là cọp mới về làng lần này là lần đầu tiên đâu, nhưng mấy lần trước, cọp về bắt chó, bò, heo rồi đi mất, hoặc bị dân làng xua đuổi bằng tên tầm thuốc, chó săn, mõ tre, thùng thiếc, khiến cho mấy Ông BA-MUỐI nhận thấy dân làng tiếp rước không được thân mật, hoặc hoảng sợ mà bỏ đi.

Lần này, cọp về làng phá nhiễu hơn trước. Mỗi đêm mỗi bắt bò, chó, heo hoặc trâu nghé mang đi, mặc cho mõ tre thùng thiếc khuua chát óc, cọp cũng không bỏ mồi.

Mấy ông thợ săn rình rập suốt đêm này qua đêm khác, để rồi khi gặp không dám bắn mũi tên nào vì Ông BA MUỐI to sầm sầm vừa thấy là kinh khủng rồi. Còn mấy chú chó săn tối đến là chui xuống gầm giường không sửa được một tiếng cho ra hồn, có chăng thì chỉ rên ư ử...

Lần lần cọp khủng bố dân làng cả ban ngày chó không chơ đến ban đêm nữa. Muốn ra đồng làm lụng, họ chờ mặt trời lên cao hơn một sào rồi hú nhau ra hiệu để gom lại mà đi chung, mỗi người ngoài dụng cụ của mình cũng không quên đem theo khí giới hộ thân như lao, mác thông, lưới đồng hay roi trường, còn đàn bà thì cả mõ tre, thùng thiếc.

Lần nọ, cọp toan bắt trâu ở Gò Đậu cách làng không xa quá 200 thước nhưng nhờ con trâu phát cổ của ông Hương Sư chống cự kịch liệt thêm mấy con trâu cái

có con đến vây chém tiếp làm cho Chúa Sơn Lâm rống lên vài tiếng thật to rồi chạy dài không dám bắt trâu nữa.

Từ đó người ta xem con trâu Pháo của ông Hương Sư như con vật quý, bao nhiêu trâu bò gom lại một nơi để cho con trâu Pháo cầm bầy.

Khổ nhất là toán người đi kéo củi thì không làm ăn gì được. Bò mà nghe hơi cộp thì mang xe chạy trốn chết, bất kể hầm hố chông gai, xe gãy tan tành, bò chạy mất, còn chủ thì không bưư đâu sút trán cũng gãy tay.

Suốt tháng trường không biết làm cách nào tránh nạn cộp hoành hành mấy ông Hương chức mới bàn nhau xuống Ông Cai Tổng xin lãnh súng về bắn cộp.

Ý kiến của Ông Hương Quản vừa đưa ra được mọi người tán thành ngay và sáng hôm sau Hương Cả và Hương Quản cùng về Tổng, xin thầy Cai cấp súng. Đường về Tổng cũng toàn là rừng rú không chắc là đi yên lành. Họ bèn dùng phương pháp đâm tòi thoa mũi bò, đồng thời mượn con trâu Pháo của Ông Hương Sư đem theo phòng khi gặp cộp cho nó nghênh chiến và trên xe còn có ba bốn anh lực điền gan dạ cùng mình đem theo khí giới. Ban ngày, họ ra đồng làm ruộng, tối đến đóng kín cửa nẻo, nằm yên, nhưng cộp chỉ ngưng hoạt động độ chừng mười ngày rồi bắt đầu làm dữ trở lại.

Dường như có linh tính, hễ Ông Hương Quản xách súng đi đầu làng thì cộp xuất hiện ở cuối làng để bắt heo, bắt chó. Ban đêm, khi Ông Hương Quản đi rông (ronde) về, treo súng lên vách thì tiếng cộp " Cà-um " rền trời. Có một đêm, cộp lại về nhà Ông Hương Quản bắt một con heo, Ông Hương Quản xách súng lên cò, bước ra sân nhìn thấy Ông "Ba Mươi " thì hốt hoảng, thối lui, không dám bắn một tiếng lấy oai, dù là bắn chỉ thiên? đành để cho cộp bắt heo đi mất. Sáng hôm sau, ông tìm Hương Cả, mà báo cáo miệng :

- Bẩm Cả, đêm rồi cộp về bắt heo tại... nhà tui.
- Sao ? Thằng Hương mày có bắn nó phát nào không ? Tao không nghe súng nổ.
- Dạ... Dạ...
- Không có bắn sao ? Bậy quá, sao không bắn nó ?
- Dạ, nó lớn quá trời quá đất. Tui sợ bắn nó không trúng, nó không chết thì... tui cũng chết.

Sau một hồi thảo luận, cả hai đồng ý, cho đánh mõ mời toàn ban hội tề nhóm lại, rồi sau đó Hương chức đồng ý về tỉnh xin Lính Tập về giết cộp. Hôm sau, họ cộ bị lên đường, cũng đâm tòi thoa mũi bò, cũng trâu Pháo, cũng mác thông và súng... để xin binh tiếp viện.

Lần này Ông Cai Tổng không còn sốt sắng trong công việc xin lính tập nữa. Sau

khi nghe hết những lời thỉnh cầu, ông chỉ cười rồi bảo :

- Ôi, chuyện dễ ợt hè mà Cả lo quá ! Cả và Hương Quán nên về rước thầy nghề võ đánh cho một lần thì cạp tồn tới già chớ có gì đâu mà phải xin lính tập cho rộn chuyện. Làm vậy không sợ Tây nó chê dân mình bất tài sao ?

Biết không thể lay chuyển ông Cai Tổng được vì ông là người ăn một đọi nói một lời, hai ông Hương chức Bầu Lòng đành trở về và suy gẫm lời ông Cai Tổng bèn rước thầy nghề võ về đánh cạp ; vậy là hữu lý.

Ông thầy Gia Bẹ

Sau khi dò hỏi mấy ngày Ông Hương Cả cho người đem lễ vật qua Gia Bẹ (thuộc tỉnh Gia Định) rước thầy nghề võ về Bầu Lòng trừ cạp.

Thật vậy, làng Gia Bẹ có ông thầy nghề võ tục gọi Ông Tám rất có tên tuổi.

Thưở thiếu thời, ông từng đụng độ với nhiều tay danh sư và luôn luôn ông thủ thắng. Cạp beo ông cũng từng chiến đấu, phần nhiều chúng chịu được vài chục roi là cúp đuôi chạy mất hoặc trúng nhảm chỗ nhược, chết tại chiến trường.

Quanh vùng Ông Tám ở, luôn cả làng Gia Bẹ, trộm cướp đều kiêng oai, không hề dám về phá quấy.

Mặc dầu tuổi đã ngũ tuần, nhưng ông còn tráng kiện, tay chân gân guốc, đi đứng gọn gàng, sức ăn còn bằng một thanh niên trai tráng. Mỗi ngày ông đều tập dượt và học trò của ông học võ, dù dạy lén, cũng đến mười người.

Khi đoàn sứ giả Bầu Lòng qua tới, Ông Tám tiếp đón rất nồng hậu và không đọi phải " Tam Cố Thảo Lư " như Lưu Bị cầu Gia Cát, ông Tám lật đặt cặp roi trường đi liền.

Hai ngày sau, dân làng Bầu Lòng lại sống trong rạo rực và tin tưởng ở ông thầy Gia Bẹ. Ông Cả lãnh phần tiếp khách quý. Mọi người đều đến nhìn ngắm ông thầy võ với cặp mắt tò mò và thán phục.

Ông Hương Cả và Ban Hội Tề thay nhau chuyện trò với Ông Thầy thật là thân mật. Ông Cả sai con lo cơm nước, bắt gà làm gỏi, mua rượu ngon.

Buổi cơm chiều hôm ấy ăn sớm hơn thường lệ và hầu hết Hương chức đều có mặt tại nhà Ông Cả để dự bữa cơm chiều giống như bữa đám giỗ nho nhỏ. Mọi người vui vẻ chuyện trò, nhưng cơm rượu vừa được nửa bữa thì có tiếng la thất thanh đâu đấy. Mọi người buông đũa, nhìn ra sân vừa đúng lúc cạp nhảy vào sân, nhìn vào nhà, mặt to chần vằn, vóc cao như con ngựa, thật là khủng khiếp !

Mọi người dường như nín thở, im lặng hoàn toàn, tiếng một con ruồi bay qua nghe cũng rõ. Cạp cũng im lặng đứng nhìn hồi lâu rồi ngồi xuống chống tó, quất đuôi, nhìn vào nhà như khiêu khích, như đọi chờ...

Và lúc ấy người ta yên lặng và cũng đọi chờ. Họ chờ gì... ?

Họ chờ đợi việc mới lạ mà họ vừa quên đi trong chốc lát. Đó là chờ ông thầy Gia Bẹ trở tài. Nhưng chờ mãi hồi lâu không thấy gì lạ, họ nhìn lại thì thấy ông thầy Gia Bẹ ngồi chết trân, mặt xanh như tàu lá, cổ không còn hột máu... trán rịn mồ hôi.

Họ hiểu ra và biết rằng ông thầy đã ... sợ cộp rồi. Vậy không lẽ để yên chờ cho cộp chụp, nên họ tự động cùng nhau la hét, đánh thùng thiếc mõ tre, những phương tiện tự vệ tiêu cực mà lúc nào cũng có sẵn để đuổi cộp như bao lần khác.

Cộp biết mình bị xua đuổi, uể oải đứng lên, vươn vai, rồi chậm chậm bước khoan thai, từng bước từng bước một, còn cả um mấy tiếng như dọa nạt rồi biến vào rừng.

Bây giờ mọi người mới hoàn hồn, kể cả ông thầy. Ông thú thiệt :

- Trời đất quỷ thần ơi ! Cộp này lớn quá trời quá đất...Tôi mới thấy lần thứ nhất.

Vừa nói, ông vừa lắc đầu coi bộ buồn xo làm cho mọi người cũng buồn lây. Càng lo sợ, họ càng thương ông thầy võ hơn.

Hôm sau, người ta thấy ông Hương Cả cho người đâm tời thoa mũi bò, ông Hương Quán vai đeo súng đứng chờ lịnh.

- Hương Quán mày đưa ông thầy về, rồi sẵn trón mày xuống luôn dưới thú, bám lại với ông Cai Tổng coi ống tính làm sao chó cứ như vậy hoài... đây rồi dân làng bỏ hết công ăn chuyện mần thì có phương chết đói cả lũ.

Ông Hương Quán chán nản, cúi đầu vâng lịnh ra đi.

Ông Ất, Ông Giá

Sau khi đưa Ông Thầy về Gia Bẹ, Hương Quán bèn đánh xe bò về Tỉnh rồi thẳng đường về luôn miệt Tân Long Tân Khánh để gặp mặt ông Thầy Cai. Gặp lúc ông Thầy Cai đang nói chuyện với hương chức Hội Tề tại nhà việc Tân Khánh. Ông Hương Quán Bầu Lòng mang súng bước vào lột khăn cúi đầu chào.

Ông Thầy Cai bèn hỏi :

- Sao ? Vụ Cộp Hùm trên đó ra sao em Hương ?

Hương Quán lật đật kể lại tự sự cho Thầy Cai và Ban Hội Tề Tân Khánh nghe. Nghe xong ông Thầy Cai phì cười mà rằng :

- Thầy bà gì mà nhát như thỏ đế vậy a... Hương Quán ?

- Dạ ! Bẩm Thầy, Ông cộp lớn quá chừng, ai mà không sợ...

- Lớn thì lớn chó. Bộ làm thầy nghề võ hể gặp cộp nhỏ thì đánh còn cộp lớn thì chừa hay sao ?

Đoạn ông kêu thường xuyên lại bảo :

- Mày chạy đi kêu ông Ất ông Giá lại tao mượn chút coi.

Người chức việc chạy đi ngay, ông Thầy Cai (Cai Tổng) bảo với Hương Quán

Bầu Lòng :

- Thằng Hương mày ở chơi chờ một chút, ông Ất ông Giá lại đây, qua mượn lên Bầu Lòng đánh cọp giùm cho.

Ông Hương Quán vâng lời, đến bộ ván bên hông nhà việc mà ngồi chờ nhưng trong lòng không tin tưởng chi cho lắm.

Một giờ sau, ông Ất ông Giá đến chào ông Cai Tổng và Hương chúc rồi đứng chờ lệnh.

- À, hai đứa bây đến đó hả ? Sao tụi bây ? Có rảnh không ? Có rảnh thì làm ơn giùm tao lên trên Bầu Lòng với Hương Quán đây, coi con cọp nào đó về làng phá dữ quá, họ sợ làm ăn gì cũng không được.

- Dạ bẩm Thầy tôi rảnh chớ không có việc gì.

- Dạ thưa tui cũng rảnh.

- Ủa, rảnh thì đi giùm. Nghe nói mấy bữa rày có rước ông thầy nào đó mới thấy cọp thì thiếu điều muốn té...đái mà đánh đập nổi gì.

- Dạ. Bẩm Thầy để tôi về lấy roi và dạn bầy trẻ cái đã...

- Dạ. Bẩm Thầy cho tui về thay đồ rồi đi luôn thể.

- Ủa, lẹ lẹ đi hai em. Nhớ ở lại trên đó giúp giùm cho xong việc rồi về, chớ bỏ nửa chừng đa. Có đánh thì đánh cho nó tòn tời già, còn có đánh chết được thì chớ về đây qua thưởng cho.

Nửa giờ sau, ông Ất và ông Giá theo Hương Quán về Bầu Lòng. Riêng Hương Quán thì rất ngao ngán và nực cười thầm cho ông Thầy Cai Tổng, chưa chi mà mong chờ xác cọp về...

Viết đến đây tường cũng nên phác họa vài nét đơn sơ về ông Ất ông Giá.

Ông Ất tuổi độ trên ba mươi, người cao lớn, nước da bánh ếch, cổ tay no tròn như ống tre. Người ta đồn rằng bắp tay ông chỉ có một cái xương mà thôi, nhưng chỉ là giả thuyết chớ chưa ai dám quả quyết. Lòng tay và lòng chơn của ông xòm xàm đen trùi. Ông chuyên sử dụng roi trường bằng cây Mật Cật to bằng cái chén đen mun.

Ông Giá thì trái lại, trắng trẻo, mảnh khảnh hơn ông Ất độ một bảy một mười. Tay chơn ông cũng liên lạc, nhăm lẹ, cũng chuyên sử dụng roi trường. Tài ông Ất ông Giá thì hầu hết mọi người biết võ đều kiêng nể. Tuy không phải anh em ruột nhưng thương nhau còn hơn ruột thịt và đi đâu cũng có nhau.

Chiến đấu

Xe bò đi suốt ngày đêm mới về tới Bầu Lòng.

Ông Hương Cả lo tiếp đãi như lần trước. Ông sai người lo com rượu nhưng cả hai đều từ chối bảo có gì ăn nấy, không uống rượu để tỉnh táo mà đánh cọp vì cọp

xuất hiện bất ngờ.

Tuy vui vẻ tiếp đãi, nhưng trong thâm tâm ông Hương Cả và toàn ban hương chức Hội Tề cũng đồng tâm sự với Hương Quân trên suốt con đường rừng dài thăm thẳm?

Bữa cơm trưa vừa xong, ông Ất bảo ông Giá :

- Cọp đâu không thấy ; hễ đánh thì đánh phứt đi cho rồi chó nếu ở đây hoài bỏ hết công chuyện nhà chịu gì nổi...

Ông Ất vừa dứt lời thì nghe một tiếng " hự " thật to ở ngoài sân, tiếp theo những tiếng la thất thanh của lũ trẻ và tiếng chó ăng ăng.

Dường như có linh tánh, nên cọp khi biết có thầy nghề võ đến là về làng thủ sức ngay. Mọi người còn đang khiếp sợ tìm chỗ núp rình xem ông cọp khổng lồ thì ông Giá nhanh nhẹn cắp roi trường, nhảy ra sân thủ thế, còn ông Ất tay chống roi đứng cạnh cửa mạch, tay kia còn cầm tấm xà răng như người vô sự đứng coi...

Ở ngoài sân, cọp thấy có người nhảy ra thủ thế, bèn mọp xuống, rồi bất kể lợi hại nhảy đến chụp đầu. Ông Giá nhẹ nhàng nhảy qua một bên tránh khỏi, rồi thuận tay ông chia một ngọn roi đâm trúng hông cọp khá mạnh. Cọp rống lên một tiếng như tức giận lắm, nhảy trở lại chụp liền.

Ông Giá loang roi vun vút, lúc đập lúc quơ, cọp nhảy tới nhảy lui miệng luôn gầm thét...

Bụi bay mù mịt, ở ngoài người ta coi mê mết, hết sợ phần nào, họ lần ra khỏi chỗ núp rồi lần ra sân, xem mê mẩn thích thú. Lúc ấy ông Ất cũng đứng tại cửa mạch mà coi như mọi người, không thềm tiếp tay với ông Giá.

Độ hút tàn điếu thuốc, cọp hộc lên một tiếng, nhảy ra ngoài vòng chiến đấu, nằm ngửa thủ thế đưa bốn chân lên trời.

Theo mấy thầy nghề võ nói lại thì đó là miếng " trâu vàng " miếng tổ của cọp. Ai sơ xuất nhảy vào thì chết. Roi đánh vào thì bị cọp bắt roi, tiện dịp cho cọp đoạt roi, móc họng địch thủ.

Ông Giá thấy cọp thủ thế trâu vàng. Ông cũng không thềm đánh nữa, đứng chống roi nghỉ cho khỏe.

Một hồi lâu, cọp không thấy ông Giá phá miếng nghề của mình và cọp cũng nghỉ mệt xong, hộc lên một tiếng rồi nhảy trở vô vòng chiến đấu. Ông Giá vung roi đánh tiếp.

Một lần nữa, dân Bầu Lòng được dịp xem say sưa, xem mê man, cát bụi tung mù mịt không còn phân biệt được người và thú. Lúc sau, cọp lại mệt bèn dùng miếng cũ, nằm ngửa thủ thế trâu vàng. Ông Giá chống roi đứng chờ tái chiến.

Theo lời người xưa kể lại, cọp rất giỏi võ. Mỗi lần giao đấu với ai, người hoặc

thú khác, cộc ta đều chú ý học hỏi những miếng hay, vì thế, nghe có thầy nghề võ ở đâu là tìm đến đấy để thử sức. Càng thử sức nhiều thì cộc chiến đấu càng giỏi, biết nhiều miếng võ bí hiểm và lẩn tránh các đòn rất tài tình.

Hễ hơn thì hạ địch thủ, liệu thua thì bỏ xứ đi mất, nhưng cũng nhớ rất dai mỗi thù thất bại chua cay, có dịp là tái đấu đặng rửa hờn.

Lần này, chờ cũng không thấy ông Giá phá miếng trâu vàng, cộc lại trở mình phóng vào vòng chiến đấu.

Phen này ông Giá đánh rất kịch liệt, roi loang nghe vo vo, lúc đánh trật, roi lún xuống đất, bụi cát tung bay, và không bao lâu người ta nghe tiếng cộc rống thật to và vọt một cái ra ngoài vòng chiến toan chạy về rừng. Nhưng, người ta nghe cộc rống thêm một tiếng nữa to hơn và dài hơn, nhìn lại thấy ông Ất đang đứng bên xác cộc, còn cộc thì vằn mình sắp chết.

Tất cả mọi người đều không thấy ông Ất đánh cộc. Nhưng ông Ất đã độ được đường rút lui của cộc, nên lúc cộc phóng vào rừng, hướng ông Ất đang đứng, ông bèn chống roi phóng mình ra chặn đầu đánh một roi là cộc hết đường tránh né và chịu chết dưới ngọn roi ngàn cân của ông.

Chờ cộc chết hẳn, người ta mới dám mon men lại coi. Ông Ất lấy cỏ tranh thui ngay bộ râu mép cộc rồi mượn người khiêng chất lên xe bò. Ông Giá vẫn một điều thuốc hút say sưa... rồi ra giếng xách nước tắm cho sạch bụi chiến trường. Riêng ông Hương Quán hớn hờ ra mặt, lấy thước đo ngang đo dọc coi con cộc được bao lớn đặt làm " phúc bầm " (làm tờ báo cáo lên cấp trên. S.N.).

Ông Ất toan xin tởi đặt thoa mũi bò thì ông Hương Cả cản lại mà rằng :

- Đâu được em... Mấy em phải ở lại dùng với qua một chén rượu lạt mới phải chớ ...

Ông Ất còn đang lưỡng lự thì ông Giá bước vào, nghe thế bèn bảo :

- Ở phải đa, tụi mình ở lại ăn ba hột com rồi về. Tôi đói quá đi không nổi đâu.

Cả ba người cùng cười xòa đồng thời toàn thể dân chúng vui mừng hoan hô reo hò ầm ĩ. "

Lưu Linh Tử

Trăng Lu

Lê Vĩnh Hòa

Nội xóm, từ quán chú Xôi tới nhà bác năm Cà-Cuống, coi kỹ không có chỗ nào làm rạp hát điệu cho bằng cái sân đình này.

Nè, " hậu trường " là ruột của bàn thờ ông Thần Nông bằng xi-măng, rộng rãi. Đào kép chun vô đó bơi lợ nghe, thoa bao nhang ấm cúng thấu trời. Còn hể chun ra là đứng ngay cái nền gạch cao : sân khấu đó. Phía trước là sân đất rộng mênh mông, chứa năm trăm khán giả còn không chật. Muốn ngồi thượng hạng thì cứ leo tuốt lên cây gừa ngồi, chớ có ai cản đâu (trừ ông từ ư ra nạt bất tử).

Bởi vậy cho nên, tối tối - những tối có trăng - tiếng trống ếch tung tung của thằng Hai Méo vang lên, xen lẫn với tiếng thùng thiếc bẽ xềng xềng của thằng Cảo con chú Xôi làm nôn nao ruột gan lũ trẻ trong xóm. Tụi nó hồi hả lửa cơm, cột trâu, tắm?...cái gì nhằm lúc đó cũng phải làm gấp để kịp tụ hội tại rạp hát đúng giờ trước khi trăng tỏ.

Đào kép tiếng tăm ở ấp Trà-Lọt không sót một mặt nào. Về đào, phải kể trước hết là con Nga, tay chơn dịu nhũ, chuyên đóng vai bi ai ; con Ái giọng eo éo, ưa giành làm cô Lan trong Hoa Rơi Cửa Phật ; con Nhân tướng tá phục phịch thích làm tướng, con Nghĩa hò "số dách", thường đóng vai thôn nữ trong Tình Yêu Thôn Dã ; con Mai xuất sắc trong lớp Nguyệt-Thu-Nga.

Nói qua kép thì có thằng Út Trà-Lọt với sáu câu vọng cổ mùi rệu thấu xương. Trà-Lọt là tên anh em trong gánh đặt cho nó đó. Út Trà-Lọt mà gặp Sáu Nhỏ đòn ghi-ta thì phải biết ! Nó lim dim hai con mắt, rướn gân cổ nói lối, qua nhịp song lan, bỏ xuống chữ hò, người mộ điệu nghe qua thiếu điều muốn rụng rún. Ngoài ra còn phải kể thằng Trương ti hí mắt lươn, cái mặt xỏ lá, đóng vai nịnh không chê. Rồi tới Tám Rõ, cái thằng mặt xấu xí vậy đa chớ nó có giọng cười be he không dễ gì kiếm, nên chuyên môn thủ vai công tử bột. Thằng Sáu Địa mập ù mập ú không biết ca, biết hát, đánh gươm đánh kiếm gì ráo, chỉ có môn làm vua đập bàn la ải ải và vân vân?

Trăng sáng hực hỡ ngoài trời. Trăng sáng tràn lan nơi sân khấu. Đào kép bấy

nhiều mà khán giả cũng chỉ bấy nhiêu. Vài mươi đứa chộn rộn ồn ào lằng xằng chờ đợi.

Cộp ! Cộp ! Cộp !

Hai cái chần tằm dơ hầy " trịnh trọng " vệt qua hai phía. Rồi thì một thằng cha Kinh-Kha từ dưới bàn thờ Thần Nông lót tót chun ra, mình bận áo sơ-mi măng-sét đen, quần vải hột đèn cột túm ống. Nó đi tới đi lui, nói nghinh ngang phách lối một hồi cho đã, rồi hờ ơ thằng cha Tần-Thị-Hoàng mắc lo vuốt râu cười ha hả, liền nhảy a lại, rút con dao cây bôi lọ nghe ra ẹt cổ bạo chúa ! Nhưng rủi thay, con dao trượt ra ngoài, tráng sĩ chơi với, liền bị một tên quân hầu cận bên quần xà lỏn đứng kề bên vót cho một đao ngang cuống họng.

Út Trà-Lọt - tức Kinh-Kha đó đã - té quỵ xuống rồi chồm vờn đứng dậy, con mắt chớp lạch, hai tay uỳnh uỳnh tới trước, rướn cổ lên quất tron sáu câu ngon lành, xong xuôi mới yên bụng, từ từ ngã xuống gạch, chết giả.

Khán giả vỗ tay rộp rộp, la lên : " Cụp đã ! Cụp đã Trà-Lọt ! ".

Đêm đó trăng gần xế, tường mới văng. Đào kép trở hết tài, mồ hôi ra ướt áo. Vậy mà vừa hạ màn là tụi nó chạy ủa lại chỗ cây gừa, bu quanh anh Hai Hảo hỏi tíu tít :

Anh Hai coi được không anh Hai ?

Mùi hông ?

Ờ ! Mà tại con Mai nó chết bộ quá, chó không thì còn ác nữa đã anh.

Đổ thừa hoài. Bộ người ta vậy mà chết nỗi gì ?

Hổng chết hả ? Mày phải biết khi người ta đóng tường này hể khi hát tới khúc " Anh ôi !? " thì phải rề lại gần thằng tướng Nhựt-Thanh-Thiên nắm tay nó. Cái này mày đứng chết trân như trời trồng mà còn cãi nữa !

Đừng làm tàn. Giỏi sao hồi nãy hổng lên đóng đi. Ai mà làm kỳ như vậy cho được ?

Thôi thôi ! Giữ trật tự đi.

Tụi nó đương tức nhưng cũng ráng bấm bụng nín thinh, nghe lời anh Hai Hảo.

Từ ngày mở gánh tới giờ, đây là lần thứ nhứt mà " bốn ban " tụi nó hân hạnh được một quý khách là người lớn tới dự cho nên tụi nó vồn vã cũng phải. Chớ mọi lần người lớn có ai thềm léo tới coi tụi nó làm cái thứ gì. Nghe đánh trống điếc tai có khi họ còn lại nạt um sùm, báo hại cuốn màn chạy không kịp.

Anh Hai Hảo là anh ruột con Nga, tuổi nhỏ mà đi đây đi đó nhiều, tánh tình lại hiền lành, anh ở đời điệu như vậy hèn chi trong xóm ai nấy cũng đều thương hết cũng phải.

Chờ cho tụi nó dứt ồn ào, anh Hảo mới ngồi xuống đất, bảo tụi nó ngồi vòng

quanh. Anh bắt đầu nói. Tụi nó im khe.

- Mấy em đóng tuồng khá lắm. Giọng ca trong trẻo, đóng có thần, điệu bộ tự nhiên, dạn dĩ. Nhỏ mà như vậy, lớn có tương lai lắm. Nhưng chỉ tiếc có một điều là các em không biết chọn lọc tuồng. Hát nhảm nhí có hại lắm. Tích xưa, tuồng hát máy cũng có cái dở, cái hay. Mình còn nhỏ mặc dầu chó cũng biết cái phải cái quấy, ghét chuyện đôi rách giặc giã, thích chuyện no ấm thái bình, biết thương bà con làng xóm, thương nước, thương người trung. Bày đặt hát làm chi cái chuyện giành vợ giựt chồng đánh chém đồ máu đồ mủ, có ai mà khen đâu. Vậy mà còn ôm bụng than van " Em ơi ! Cái quả tim anh ngày nay nó đã nát ngườu như một hũ tương ho?ho?ho?tàu! ". Rệu quá.

Tụi nó cười ha hả. Coi bộ thăm ý. Anh Hai Hảo tiếp :

- Hồi nãy có em nào nói em Mai đóng chết bộ đó. Nói vậy cũng trúng mà cũng trật. Vậy chó sống làm sao được. Còn con nít mà biểu nắm tay kêu anh ơi anh hồi thì sống làm sao cho nổi mà sống nè ! Trong đồng bãi thiếu gì chuyện hay. Cô bác mình còn biết thiếu gì tuồng tích có ý nghĩa. Trong làng xóm còn biết bao điệu hò, điệu múa theo kiểu chèo ghe, đập lúa cắt cỏ cho trâu ăn. Mình vừa làm vừa tập, tối đem ra hát múa lại, có phải vui không ? Anh nói vậy mà mấy em nghĩ coi có phải không ?

Phải ! Mà anh Hai tiếp dẫn tụi tui với đi.

Ừ ! Anh tiếp.

Tụi nó hoan nghinh một cái rần.

Nắng chiều thoi thóp trên cánh đồng chỉ còn tro gốc rạ xác xơ. Vài con cò uể oải bay xập xệ bên kia rặng trâm bầu. Đều hiu quá !

Sau một lúc lâu im lặng, con Nghĩa vuốt tóc con Nga, nói như khóc :

- Mây đi, tụi tao buồn quá. Mất đào chánh chắc rã gánh rồi.

Con Nga khẽ lắc đầu. Oanh đứng bên, thơ ngây hỏi :

- Ở Sài-gòn chắc vui l Hôm cúng kỳ yên, ông từ kêu chúng nó lại diễn tuồng " Bạch-Phù-Dung loạn trào " cho mấy ông già coi chơi. Vậy mà có thiếu gì người rơi nước mắt, móc tiền ra cho Bạch-Phù-Dung, lấy không muốn kịp. Tiền đó tính để mua màn.

Vậy mà mùa nay?Nó thờ dài. Bỗng có tiếng đưa nào đó ngập ngừng nói lên :

- Đêm nay có trăng, tụi mình hát một đêm cuối đưa chị Nga lên đường. Đồng ý không anh em ?

- Đồng ý ! ? Chị Nga cũng hát nữa nghe. Hát một đêm với tụi tui đi.

Buồn quá làm sao mà hát cho nổi. Nga im lặng giây lâu. Nhưng không biết nghĩ sao lại khe khẽ gật đầu.

Đêm nay trăng lên quá ngọn tre. Sân đình im tiếng trống. Đàn trẻ ngồi khít bên nhau trên nền gạch trống trải bơ vơ, lặng lẽ.

Mới đêm hôm qua, con Nga còn ca múa trên sân gạch này. Giờ thì còn đâu nữa. Vì hồi sớm mai, sau đêm hát cuối cùng, Nga đã lên xe theo bà chủ đi Sài-gòn rồi. Hồi sớm mai, đưa bạn lên xe, tụi nó thấy con Mai bỗng cháu bà chủ ngồi sát phía trong, day mặt dòm chỗ khác. Khi xe chạy, nó úp tay vô mặt, không dám dòm lên; hai vai nó run run. Bộ nó sợ dòm lên thấy bạn bè rồi tủi thân. Xe chạy mất rồi ! Chắc con Nga khóc nhiều. Tội nghiệp nó biết chừng nào.

Thằng Tương ngồi ngó trân trân lên sân vắng. Nó nhớ quá ! Nó còn như thấy hình ảnh đêm qua : Đêm qua con Nga thủ vai Đào-Tam-Xuân tuyệt diệu.

Gọn gàng trong cái áo hồng thắt lưng xanh, đầu bịt miếng vải đen, con Nga rút gươm truyền lạnh lạnh :

- Tam quân ! Đã đến tận kinh thành Tống thất. Lệnh truyền chúng tướng đình binh. Cả tiếng kêu bớ Triệu-Hoàng huynh ? Khá thượng thành đối nại với Đào-Tam-Xuân cho mau bớ Triệu-Hoàng huynh ! (1).

Giữa tiếng kèn lá cây áo não, giọng của Đào-Tam-Xuân run lên, đầy uất hận :

- Hay cho Hoàng huynh ! Giỏi cho Hoàng huynh ! Tôi hỏi chớ Nhữ-Nam-Vương hà tội ? Mà Hoàng huynh nhân sát chi. Chồng tôi có tội tình gì ? Sao vô cớ võ tràng hạ sát là hạ sát làm sao chớ ??

Chồng tôi có tội tình gì mà giết ? Có phải là tội hết lòng thờ nước, tội hết sức cứu dân, tội liều mình dẹp giặc Khế-Đon, tội vì nước trừ quân gian nịnh, tội làm tôi trung tín, tội làm đứng công thần, tội muốn nhứt thống giang san, tội khôn phò xã tắc. Hay tội gì ? Xin Hoàng huynh hãy nói đi, bằng không tôi sẽ đập thành như bình địa?

Thấy vẻ mặt căm hờn đau khổ của con Nga, nhớ tới anh Hai Hảo ngày nay không còn nữa?thằng Tương bỗng sợ quá. Nó đương đóng vai Triệu-Khuôn-Dẫn, nhưng nó tưởng chừng như chính nó thiệt tình đã làm cho gia đình con Nga khổ. Nó run rẩy, bệu bạo :

- Tội nghiệp cho Trầm lăm, Vương phi ôi ! Xin Vương phi chớ dùng nhiều lời gắt gao mà tội nghiệp cho Trầm lăm Vương phi à !

Bỗng con Nga bật khóc. Khóc thiệt tình. Nó nước nỏ nghẹn ngào nói qua dòng nước mắt :

- Bây giờ Hoàng huynh mới biết tội nghiệp ! Hoàng huynh ơi ! Sao Hoàng huynh chẳng nhớ thuở bên cầu hộ giá ? Chẳng nhớ hồi cứu chúa xả thân, chẳng nhớ khi lưu lạc phong trần, chẳng nhớ lúc giang hồ lao碌. Nhờ ai ??

Nước mắt lăn từng giọt, từng giọt, từng giọt trên má, xuống môi, xuống cằm và

nhỏ trên áo hồng của Đào-Tam-Xuân. Có những tiếng khóc thút thít ở phía dưới sân khấu. Bao nhiêu người đã chia sẻ nỗi đau khổ của nó, bác Năm lấy vạt áo chầm nước mắt, nói :

- Tội nghiệp con nhỏ quá !

.....

Lũ trẻ quay nhìn nhau. Trăng xế ngang đầu. Sương đêm bay trắng đất trôi một màu tang tóc. Đêm nay, đêm mai, cho mãi tới đêm nào, hình ảnh Đào-Tam-Xuân đã không còn nữa trên sân khấu quen thuộc thân yêu này.

Đêm nay, trăng lu.

Hàng dương cao rên rỉ thì thầm.

Có đàn trẻ lặng nhìn nhau, thần thờ, rướm lệ.

Lê Vĩnh Hòa

XII, 56

Những câu hát trích trong bài này rút trong tuồng Trăm Trĩ-Ân vì không rõ tên soạn giả nên không ghi ra đây. Xin cáo lỗi.